ĐA HIỆU

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM



109

TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN

MỪNG XUÂN



KÍNH CHÚC

Các Niên Trưởng, các anh chị thuộc đại gia đình CSVSQ, các anh chị Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, các Độc Giả, Thân Hữu, các Mạnh Thường Quân

Một Năm Mới
Vạn Sự Như Ý.

QUAN NIỆM VÀ QUY ĐỊNH CỦA ĐA HIỆU

* * *

A. **QUAN NIỆM**:

Đa Hiệu là cơ quan ngôn luận của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan TVBQGVN, là gạch nối giữa các cựu SVSQ, giữa các Hội Võ Bị địa phương, giữa thế hệ đi trước cha anh và những thế hệ kế thừa, đại diện là các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, trên toàn thế giới, Đa Hiệu cũng là nơi để mọi người cùng chiến tuyến chia sẻ quan điểm, lập trường chống cộng đến các chiến hữu, thân hữu, các độc giả cùng chung lý tưởng.

B. **QUY ĐỊNH**:

Để thực hiện được mục tiêu kể trên, chúng tôi mong mỏi sẽ nhận được bài vở theo nhiều thể loại, như các bút ký, chiến trường xưa, nhất là liên quan đến Võ Bị. Khi chọn đăng, chúng tôi sẽ theo một số quy định cụ thể, như sau:

1. Không nhận những bài viết có nội dung tuyên truyền, cổ vũ cho chế độ và chủ thuyết cộng sản, đặc biệt là cộng sản VN

2. Không nhận các bài viết có nội dung đả kích hay bôi nhọ cá nhân trong hay ngoài tập thể Võ Bị, trừ lý do rất đặc biệt. Những bài này cần chính xác và có tài liệu dẫn chứng.

3. Xin ghi rõ bút hiệu, tên thật, địa chỉ email, số phone,… để toà soạn khi cần có thể liên lạc.

4. Khi gửi các sáng tác cho toà soạn, có thể đính kèm qua email, qua bưu điện, hoặc qua CD. Có thể dùng các nhu liệu tiếng Việt như: VNI, VPS, hay các nhu liệu dùng Unicode. Có thể đánh máy không dấu, hoặc viết tay.

5. Ban Biên Tập xin được phép cắt bỏ hay sửa chữa các bài viết, miễn không làm thay đổi nội dung.

6. Ban Biên Tập sẽ quyết định chọn đăng hay không những bài đã đăng ở báo khác, hay trên trang web.

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN TVBQGVN
ĐA HIỆU
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TỔNG HỘI CSVSQ TVBQGVN

TỔNG HỘI TRƯỞNG, KIÊM CHỦ NHIỆM:
CSVSQ TSU A CẦU, K29
Email: jamesctsu@gmail.com

* * *

CHỦ BÚT:
CSVSQ ĐỖ MẠNH TRƯỜNG, K23

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ, KIÊM THỦ QUỸ:
CSVSQ TRẦN TRÍ QUỐC, K27
tran27147@yahoo.com

* * *

PHÁT HÀNH:
Hội CSVSQ TVBQGVN Nam California, Hoa Kỳ.
Hội Trưởng: CSVSQ NGUYỄN PHƯỚC ÁI ĐỈNH, K26

* * *

ĐỊA CHỈ TOÀ SOẠN:
DA HIEU MAGAZINE
P.O. Box 8628
Fountain Valley, CA 92728
E-mail Tòa Soạn Đa Hiệu: dahieu2016@gmail.com

* * *

WEBSITE CỦA TỔNG HỘI CSVSQ TVBQGVN
http://tvbqgvn.org

Group của Võ Bị Việt Nam:
vobivietnam@yahoogroups.com



Chú thích: Câu châm ngôn mà tất cả các SVSQ đều phải thuộc lòng và cố gắng áp dụng.

Mục Lục

STT	Đề Tựa	Tác Giả	Trang
1	Phần Đầu		1
2	Ban Chấp Hành Tổng Hội, 2016-2018		9
3	Ban Chấp Hành TTNĐH, 2016-2018		10
4	Văn Thư của Liên Hội VB Châu Âu		11
5	Vài Nét Về Đa Hiệu	Võ Công Tiên	14
6	Tình Anh Em	Đặng Đình Liêu	20
7	Thơ Trong Bóng Chiều Rơi	Lê Anh	26
8	Thơ Xuân Đã Về	Sao Linh	27
9	Như Vầng Trăng Khuya	Vi Vân	28
10	Những Cấp Chỉ Huy…	Trần Tuấn Ngọc	46
11	Thơ Tay Súng tay Đàn	Phạm Kim Khôi	57
12	Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù	Tố Quyên	58
13	Nhớ Về Lâm Viên	Trần Kim Bảng	89
14	Thơ Anh Sẽ Trở Về	Cao Kim	98
15	Muốn Đeo Alpha SVSQ	Trần Cẩm Tường	99
16	Anh Vẫn Còn Sống	Nguyễn Em	104
17	Thơ Chuyện Tình Buồn	Lê Kim Nga	112
18	Đoàn Kết Gây Sức Mạnh	Nguyễn Quốc Đống	114
19	Một Chuyến Bay	Christina Cao	126
20	Nhớ Tết Mậu Thân	Đặng Kim Thu	128
21	Thơ Công Chúa An Tư	Nguyễn Minh Thanh	140
22	Hành Trang và Lý Tưởng	Teresa Trần K Ngọc	145
23	Lực Lượng Xung Kích	Nguyễn Văn Nam	156
24	Đường Lên Phố Núi	Lê Văn Điền	172
25	Thơ Mai Về Đà Lạt	Nguyễn Đông Giang	182

26	Phải Chăng Là Định Mệnh	Tường Thúy	183
27	Thơ Khúc Thăng Trầm	Nguyễn Cư	203
28	Khói Lửa Đầu Đời	Đỗ Trọng Đạt	205
29	Thơ Soi Bóng Thời Gian	Song Ba	213
30	Cuối Năm Nói Chuyện…	Song Vũ	215
31	Phục Vụ tại Không Quân	Hồ Tấn Đạt	227
32	Thơ Mậu Thân 1968…	Tina Hong	240
33	Đak-Tô và Em	Vương Mộng Long	243
34	Đóa Hồng Tặng Mẹ	Cao X Thanh Ngọc	281
35	Tôi Viết Tên Anh	Tô Văn Cấp	288
36	Thơ Tôi Là Ai?	Tuyết Hồng	300
37	Khúc Bi Ai Trên Sông	Ngọc Ánh	302
38	Đọc "Chặng Đường…	Như Hoa-Ấu Tím	307
39	Tàn Cơn Binh Lửa	Bắc Đẩu Võ Ý	316
40	Báo Cáo Tài Chánh	Trần Trí Quốc	322
41	Trả Lời Thư Tín	Đỗ Mạnh Trường	331
42	Phân Ưu		337

ĐA HIỆU SỐ 109

Phát Hành Cuối Tháng 1 - 2017

HÌNH BIÀ

TOÁN QUÂN QUỐC KỲ CỦA ĐẠI HỘI VÕ BỊ XX

Tại Toà Thị Chính Thành Phố Westminster,

Nam California, Hoa Kỳ, Ngày 25 - 6 - 2016

Đa Hiệu phát hành định kỳ, mỗi năm 3 số, vào cuối các tháng 1, 5, 9. Đa Hiệu Số 110 sẽ phát hành vào cuối tháng 5, 2017. Rất mong quý cộng tác viên đóng góp bài vở cho số 110 trước ngày 15 tháng 4 năm 2017.



THƯ TỔNG HỘI

Huntington Beach, ngày 1 tháng 1 năm 2017

- Thưa quý NT, quý phu nhân, cùng toàn thể CSVSQ/ TVBQGVN,
- Các anh chị thuộc Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu,
- Thưa quý vị độc giả và thân hữu,

Tháng 6 năm 2016, Đại Hội Võ Bị Toàn Cầu kỳ thứ XX đã được tổ chức tại Orange County, California, Hoa Kỳ, trong 3 ngày. Với hơn 700 quan khách từ khắp nơi trên thế giới về tham dự, đại hội lần này đã quy tụ được đông đủ đại diện các khoá và các hội VB đia phương. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng của ban tổ chức, Đại Hội XX đã là một trong những lần tổ chức đại hội thành công nhất từ trước đến nay.

Trước khi chấm dứt phần thảo luận kéo dài 2 ngày, Đại Hội Đồng đã bầu Tổng Hội Trưởng Tổng Hội cho nhiệm kỳ mới, vì nhiệm kỳ cũ đã chấm dứt. Sau khi bỏ phiếu, tôi đã được tập thể tín nhiệm chọn làm THT nhiệm kỳ 2016-2018. Tôi thật vinh dự được phục vụ cho Tập thể mà quy mô của nó đã nói lên tầm mức quan trọng. TH CSVSQ TVBQGVN bao gồm nhiều thế hệ. Dù có những khác nhau từ các NT các khoá lớn nhất, như những bậc thày, với nhiều kinh nghiệm trải qua trong suốt cuộc đời, cũng như những thành tích đóng góp cho đất nước VN không thể tranh cãi, cho tới khoá trẻ nhất đầy nhiệt huyết, chúng ta vẫn có một điểm chung là lòng hy sinh tận tuỵ của các CSVSQ đối với đất nước VN, từ trước 1975 cho tới nay. Với sự đa dạng của tập thể nhưng đồng nhất như vậy, điều hành công việc của tập thể CSVSQ trên toàn thế giới đòi hỏi nhiều nhiệt tâm. Được sự uỷ thác của các NT và quý vị, tôi và Ban Chấp Hành Tổng Hội quyết tâm chu toàn nhiệm

vụ được giao

Một nhiệm vụ khác của Tổng Hội không kém quan trọng là điều hành Đa Hiệu, cơ quan ngôn luận của TH CSVSQ/ TVBQGVN. Từ trước đến nay Đa Hiệu là sợi dây liên lạc giữa các CSVSQ chúng ta đang sinh sống trên toàn thể giới với nhau, là phương tiện truyền thông giới thiệu chúng ta với thế giới bên ngoài, trong đó có các quân binh chủng VNCH bạn, những người cùng chung lý tưởng chống cộng, tự do, và dân chủ cho VN. Tôi và Ban Biên Tập Nhiệm Kỳ 2016-2018 sẽ cố gắng hoàn thành nhiệm vụ này. Với sự đóng góp nhiệt tình về bài vở và tài chánh, Đa Hiệu sẽ luôn là một trong các tờ báo quân đội được mọi người yêu thích và tin cậy.

Năn nay, Tết Nguyên Đán sẽ đến vào cuối tháng Giêng 2017. Một lần nữa, Xuân Đinh Dậu lại đến với mọi nhà. Ban Chấp Hành Tổng Hội chúc mừng quý vị NT, các anh chị, và các độc giả một năm mới an vui và nhiều sức khoẻ. Chúc mọi người vững tin vào tiền đồ dân tộc. Trong năm mới, chúng ta tiếp tục tranh đấu cho một VN phú cường, không công sản, trong đó người dân được sống bình đẳng trong tự do và dân chủ.

Chúc mừng năm mới!

TM. Ban Chấp Hành Tổng Hội,
Tổng Hội Trưởng kiêm Chủ Nhiệm Đa Hiệu



Cựu SVSQ Tsu A Cầu K29

Ban Chấp Hành Tổng Hội
Nhiệm Kỳ 2016 - 2018

Gồm các Cựu Sinh Viên Sĩ Quan:

Tổng Hội Trưởng, kiêm Chủ Nhiệm Đa Hiệu:
Tsu A Cầu, K29

Tổng Hội Phó Nội Vụ: **Nguyễn Văn Ức, K16**

Tổng Hội Phó Ngoại Vụ: **Phòng Tít Chắng, K29**

Tổng Hội Đặc Trách Phó Truyền Thông:
Trần Thanh Quang, K20

Tổng Hội Phó Đặc Trách TTNĐH:
Đỗ Trọng Đạt K29

Thủ Quỹ: **Phan Văn Lộc, K30**

Tổng Thư Ký: **Diệp Quốc Vinh, K27**

Uỷ Viên Xã Hội: **Hoàng Như Cầu, K28 (Hoa Kỳ)**
Trần Văn Hiền, K29 (Úc Châu)
Hồ Đễ, K29 (Âu Châu)

Ủy Viên Điều Hợp Diễn Đàn:
Trần Thanh Quang, K20

Chủ Bút Đa Hiệu:
Đỗ Mạnh Trường, K23

Ủy Viên Trị Sự Đa Hiệu:
Trần Trí Quốc, K27

Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát
Nhiệm Kỳ 2016 - 2018

Chủ Tịch Hội Đồng Tư Vấn và Giám Sát:
CSVSQ Nguyễn Hồng Miên, K19

Phó Chủ Tịch kiêm Tổng Thư Ký:
CSVSQ Võ Công Tiên, K26.

Và Đại Diện Các Khoá.

Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu
Nhiệm Kỳ 2016 - 2018

Tổng Đoàn Trưởng
Huỳnh Ngọc Thủy Tammy K.19/2

Tổng Đoàn Phó Ngoại Vụ
Cao Xuân Thanh Ngọc Christina K.14/2

Tổng Đoàn Phó Nội Vụ
Đỗ Nguyễn Nhật Khai K.20/2
Tổng Thư Ký
Nguyễn Hồ Diễm Anh K.17/2

Trưởng Ban Truyền Thông
Nguyễn Đăng Khoa K.26/2

Trưởng Ban Văn Nghệ
Nguyễn Hoàng Dũng K.21/2

Thủ Quỹ
Nguyễn Trương Kim Huyền K.10/2

Cố Vấn
Đoàn Ngọc Liêm K.4/2

Cố Vấn
Nguyễn Huy Long K.24/2

TỔNG HỘI CỰU SINH VIÊN SĨ QUAN
TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM
LIÊN HỘI ÂU CHÂU
BAN CHẤP HÀNH

7 rue Louis François le More – 77600 Chanteloup en Brie – France
Phone: 00 33-6-44 26 75 18 - Email: hq501kt@yahoo.fr

VĂN THƯ

Số 006-2/LHVBAC 15-17

Trích yếu: Thông báo thành lập Ban Tổ Chức Đại Hội Võ Bị Âu Châu năm 2017

Kính gởi:
- CSVSQ Tsu A Cầu K29, THT TH/ CSVSQ/ TVBQGVN
- CSVSQ Nguyễn Hồng Miên K19, CT/ HĐTV & GS
- Cô Tammy Thủy Huỳnh K19/2, TĐT/ TĐ/ TTNĐH

Đồng kính gởi: (Yêu cầu được phổ biến)
- Quý BCH Liên Hội Úc Châu, Gia Nã Đại
- Quý BCH Hội và Quý BĐD Khóa
- Quý Đoàn Phụ nữ Lâm Viên
- Chủ Bút Tập San Đa Hiệu

Liên Hội Cựu SVSQ/TVBQGVN/AC
xin trân trọng thông báo:

1- Để đáp ứng nhu cầu Tổ chức Đại Hội/VBAC kỳ thứ 13 từ: 27/07/2017 đến 30/07/2017, tại:
JH Bad Homburg (Cách Frankfurt khoảng 20 Km về hướng Bắc) Mühlweg 17, 61348 Bad Homburg vor der Höhe, Germany

Một Ban Tổ Chức được thành lập như sau:

Trưởng Ban Tổ Chức: CSVSQ Hoàng Tôn Long K31
Phụ tá Trưởng BTC: TTNĐH Hoàng Tuấn Hữu K31/2
Trưởng ban nghi lễ: CSVSQ Nguyễn Văn Nam K20
Ban tiếp tân: Chị Hồ T. Hoa K29/1, chị Nguyễn T. Thu Cúc K31/1, cùng các chị Phụ nữ Lâm Viên và TTNĐH

Ban Trang trí: CSVSQ Nguyễn Văn Trung K31 và các CSVSQ tham dự

Thủ quỹ Đại hội: TTNĐH Nguyễn Ngọc Bích K10/3, Ngọc Tú K10/3

Ban văn nghệ: TTNĐH Mai Ngọc Sương K10/2

Các trưởng ban khác sẽ được bổ túc sau.

Thơ mời tham dự sẽ được gởi đến quý NT và các bạn sau.

Một chương trình chi tiết của Đại Hội sẽ được Trưởng Ban Tổ Chức thông báo sau.

Chi phí riêng cho Đại Hội:

Ăn uống và ngủ tại địa điểm mỗi người là 150 €. Xin ghi danh trước ngày 15.04.2017.

Phòng ăn rộng rãi chứa trên 200 người. Phòng ngũ 4 người với phòng tắm và WC.

2- Một chương trình du lịch Hậu Đại Hội: (Biệt lập, không nằm trong khuôn khổ chương trình Đại Hội) Thăm viếng 4 thủ đô của 4 quốc gia Đông Âu: Berlin, Allemagne (2 đêm), Prague, Rép. Tchèque (2 đêm), Budapest, Hongrie (2 đêm), Vienne, Autriche (2 đêm) và các thắng cảnh quan trọng ở những vùng phụ cận. (Tổng cộng 9 ngày 8 đêm.)

Chương trình chi tiết sẽ được thông báo trong vài ngày sắp tới sau khi thương lượng giá cả, hiện tại ước lượng khoảng 650 € (tương đương 650 US $ theo thời giá hiện tại) tiền xe và khách sạn, ăn trưa và tối tự túc.

Địa chỉ liên lạc:

- Đặng văn Khanh K25 hq501kt@yahoo.fr
cell: +33 6 44 26 75 18
- Nguyễn vĩnh Giám K19, nguyenvinhgiam@yahoo.fr
- Hoàng tôn Long K31, hoanglongd31@gmx.de

Chuyển ngân cho chi phí tham dự Đại Hội và Du lịch được ấn định như sau:

1– Chỉ tham dự 3 ngày Đại Hội VBAC 2017, chi phí: 150 Euros gởi về CSVSQ Hoàng Tôn Long K31:

IBAN: DE 68 5005 0201 0381 0369 36 (International Bank Account Number)

BIC: HELADEF 1822 (Bank Identifier Code)

Bank: Frankfurtersparkasse.

2 – Tiền yểm trợ, giúp đỡ việc Tổ Chức Đại Hội xin gởi về anh Hoàng Tôn Long theo IBAN và BIC trên đây.

3 – Chi phí vừa tham dự 3 ngày Đại Hội VBAC 2017 vừa Du lịch Đông Âu 9 ngày 8 đêm:

Ước lượng khoảng 800 € gởi về CSVSQ Đặng văn Khanh

IBAN: FR26 1027 8064 4000 0275 1074 113 (International Bank Account Number)

BIC: CMCIFR2A (Bank Identifier Code)

Bank: Crédit Mutuel

Để tránh tiền huê hồng nhà băng xin đừng gởi bằng chèque.

BCH/LHVBAC rất mong Văn Thư này sẽ được phổ biến rộng rãi đến tất cả các thành viên của Quý Liên Hội, Quý Hội, Quý Đoàn và được sự ủng hộ, tham dự của thật nhiều Cựu SVSQ và gia đình, để kết chặt tình Võ Bị và chuẩn bị chuyển sang cho Thế Hệ nối tiếp.

Liên Hội cũng rất mong được sự yểm trợ về tài chánh của Quý NT, Quý Chị, các Bạn, và các Hội Địa phương, và các Khóa. Sự yểm trợ này rất cần thiết cho việc Tổ chức và sự thành công của ĐHVBAC 2017.

Paris, ngày 07/12/2016

LHT/LHVBAC



Cựu SVSQ Đặng Văn Khanh, K25

Vài Nét Về Tập San Đa Hiệu

Võ Công Tiên, K26

Sinh hoạt của anh em Võ Bị Đà Lạt trong suốt 41 năm tại hải ngoại được nhận thấy từ một điểm rõ nét nhất là Tập San Đa Hiệu (TSĐH). Nó tiếp nối việc truyền bá các ý tưởng, tâm tình, đồng thời là sợi dây liên kết những người từng phục vụ hoặc thụ huấn tại một đơn vị mang tên Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (TVBQGVN). Khởi đi từ việc quy tụ các cựu sinh viên sĩ quan (CSVSQ) thành các nhóm, hội, tờ báo đã được tái bản tại San Jose, miền Bắc California, Hoa Kỳ vào năm 1983. Đến cuối năm 2016 đã hoàn tất 108 số, hiện tại với chừng 348 trang khổ 5 1/4 X 8 1/4 in, gửi đến 2700 độc giả.

Thành phố Đà Lạt với nhiều đồi thông, cỏ hoa rực rỡ, không khí mát lạnh, là nơi thích hợp cho việc huấn luyện của các quân trường, trong đó có Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt (TVBLQĐL). Cuối năm 1959, khi TVBLQĐL cải danh thành Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, thường gọi tắt là Trường Võ Bị (TVB) thì về sau tờ Nội San Đà Lạt Tiến cũng được đổi tên thành **Tập San Đa Hiệu**. Song song với chương trình phát thanh hằng tuần, TSĐH là tiếng nói chung của TVB về mặt truyền thông, diễn đạt qua nhiều bài viết của toàn thể cán bộ, huấn luyện viên, giáo sư, SVSQ và thân hữu.

Từ thập niên 60, Trung Tá Trần Ngọc Huyến, Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN đã quyết định cải tiến tờ Đa Hệu với thành phần chính là các SVSQ, như: Chủ Nhiệm Bùi Quyền

K16, Tổng Thư Ký Nguyễn Duy Sự K16 (Sương Mặc Lam), cùng với sự cộng tác của Võ Tình K17, Võ Ý K17, Vũ Xuân Thông K17, Phan Nhật Nam K18, Nguyễn Ngọc Khoan, K18 (Từ Thế Mộng). Tờ báo thể hiện một khiá cạnh chính của chương trình đào tạo những cán bộ đa năng, đa hiệu mà TVB nhắm tới, trong đó yếu tố văn hoá, nghệ thuật và ý thức trách nhiệm, cung cách phục vụ quần chúng được đề cao.

Theo đà lớn mạnh của QLVNCH, đáp ứng sự đòi hỏi của cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc và mức leo thang nóng bỏng của thực tế chiến trường, Tập San Đa Hiệu được giao cho Phòng Chính Huấn, trực thuộc Khối Chiến Tranh Chính Trị TVBQGVN, đảm trách. Phạm vi quảng bá của tờ báo cũng đã vượt khuôn khổ đồi 1515. Bài vở từ đó cũng đăng tải các vấn đề chiến lược quốc tế, chính trị, xã hội, và các kế hoạch dự liệu cho thời bình của đất nước. Đại Úy Võ Văn Sung, K17 là vị chủ bút đảm nhiệm liên tục nhiều năm, cho tới 1975.

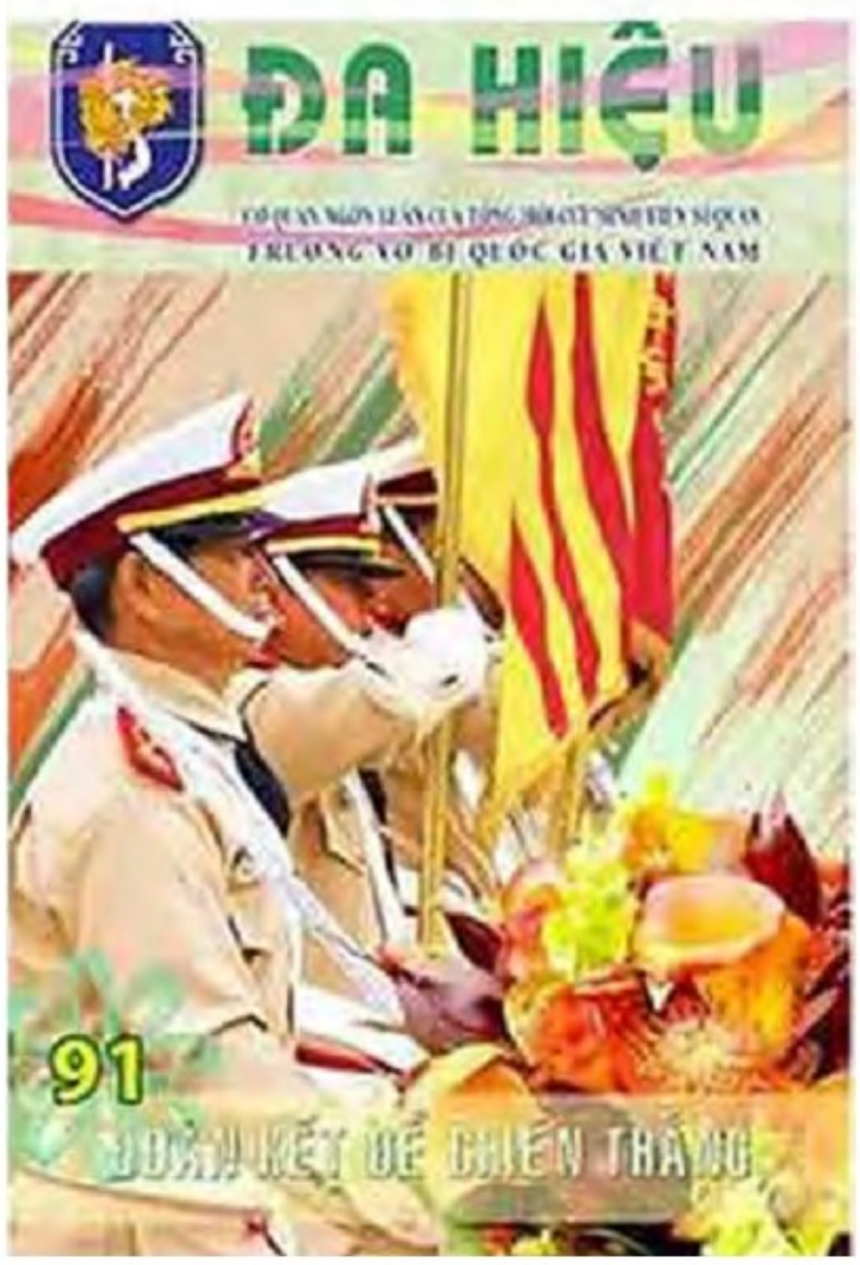
Trước 1975, TSĐH đã ấn hành gần 80 số (gồm 2 bộ), khổ cỡ như các số Đa Hiệu hôm nay nhưng nội dung có phần sống động và nặng về nghiên cứu, sưu tầm hơn là sáng tác. Đa Hiệu lúc xưa xem ra trang nhã, tầm nhìn chẳng kém tập san quân sự Tiền Phong. Có thể nói Đa Hiệu hôm nay na ná tờ Wilson Quarterly tại Hoa Kỳ, tuy rằng nó chỉ là một sản phẩm văn nghệ tài tử, với phương tiện eo hẹp đóng góp từ một tập thể sống tản mác khắp năm châu.

Nếu nghe một cô nào đó nói, "Mấy anh sĩ quan Đà Lạt", "Mấy ông Võ Bị", "Mấy chàng Alpha Đỏ" thì không khó nhận ra lai lịch và mức độ quen biết của các cô ấy đến các người trai trẻ bên bờ Hồ Than Thở ra sao. Tương tự, thời nay, chuyện đọc báo Đa Hiệu nó khác với đọc Đa Hiệu. Một từ ngữ trở nên quen thuộc là "gói báo", hiểu ngầm là gói báo Đa Hiệu. Ngày gói báo thực ra là chỉ làm các việc đơn giản như cho vào phong bì, dán địa chỉ người nhận, nhưng chính yếu là sự gặp gỡ, trò chuyện của quý vị niên trưởng và anh em các khóa cùng các phu nhân và con cháu gần xa. Có thể tính tới 240 giờ

công cho một kỳ phát hành, khoảng $4K thiện nguyện. Đó là không kể đến công sức, trí lực của ban biên tập, trị sự, và bạn đọc cùng chung sức đóng góp ý kiến cũng như tiền bạc. Một phần ba thế kỷ với khoảng 30 ngàn trang giấy, tốn hết $1.2 triệu đô-la.

Em phải biết một đời trai du tử
Có khi nao chôn kiếm ngủ bên trời

Qua hai câu thơ nêu trên được đăng trong một số Đa Hiệu trước 1975, hào khí của một tác giả viết từ thuở mang Alpha Đỏ được nhắc lại. Rồi sự bày tỏ của cây bút Trần Cẩm Tường, K19 với thái độ dứt khoát chuyện "lọt chọt trong hàng", hoặc đôi dòng tâm tư ngọt ngào trong tuỳ bút của Chị Lãm Thúy, đến những nốt nhạc do CSVSQ Nguyễn Tiến Việt, K23 viết cho Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu cất bước khởi hành, tất cả đã được phơi bày. Sắc nhọn như các dấu tích chiến trường của Vương Mộng Long, K20 hay đâu đó là những ánh lửa bừng sáng, cánh hoa tươi tắn của con cháu Trưng Triệu cỡ Điệp Mỹ Linh, Tường Thúy, Vi Vân, Tealan, Như Hoa.



Đa Hiệu thời trước đã chứng tỏ tính cởi mở trong văn nghệ, báo chí. Thí dụ qua hai bài viết thẳng thắn, một của SVSQ Võ Thiện Trung K24, bài kia do vài vị Giáo Sư Văn Hóa Vụ thuộc khoa Khoa Học Xã Hội. Hai lập luận đối chọi nhau về sự cần thiết của chương trình văn hóa mà TVBQGVN trang bị cho những người sĩ quan trong thời chiến. Và cuộc sống bươn chải giữa môi trường mới lạ đến với mọi gia đình CVSSQ từ Úc qua Âu sang Bắc Mỹ ảnh hưởng đến tâm tư những trái tim chưa nguội lạnh. Khói lửa chiến tranh, đêm đen tù ngục, bao

dằn vặt lo toan cho tình người, vận nước bên này hay bên kia đại dương. Thế còn thời đại của internet, information, tin tức hình ảnh tràn lan, nhanh như chớp thì Đa Hiệu thời nay sẽ chuyển đạt ra sao?

Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam ghi nhận thiện chí, công lao của quý vị niên trưởng, anh em Võ Bị cùng gia đình, giáo sư, thân hữu, anh chị em và các cháu Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu, đã đóng góp vào việc điều hành TSĐH trong suốt hơn ba thập niên. Không kể các vị phu nhân âm thầm giúp chồng vẽ bìa, sửa câu, gõ chữ. Chưa nói hết những chuyến đưa báo từ New York qua Boston với bão tuyết, đường trơn trước thời gian có chương trình định cư H.O., thiếu cả cell phone. Ở đây chỉ nêu tượng trưng những vị góp công sức thường xuyên, tiêu biểu qua các công tác biên soạn, cổ động và phát hành tờ báo, lược kê các thời kỳ theo nơi gói báo, chủ nhiệm, các chủ bút, ban trị sự:

Đa Hiệu số 1 -7, Bắc California, Lâm Quang Thi K3, Đỗ Kiến Nhiễu K4, Nguyễn Thiện Nghị K4, Nguyễn Trùng Khánh K25, Trần Sỹ Thiện K25.

Đa Hiệu số 8 -19, Bắc California, Bùi Đình Đạm K1, Đỗ Văn Chấn K21, Hà Tấn Diên K26, Nguyễn Thành Đức K20.

Đa Hiệu số 20 -35, Bắc California, Lê Minh Ngọc K16, Phạm Đình Thừa K19, Nguyễn Thành Đức K20, Lê Thi K29, Đoàn Phương Hải K19.

Đa Hiệu số 36 -52, Washington DC, Trần Khắc Thuyên K16, Trần Văn Thế K19, Trần Ngọc Toàn K16, Trần Văn Cẩn K18, Võ Nhẫn K20, Nguyễn Như Lâm K22.

Đa Hiệu số 53 -65, Nam California, Trần Văn Thư K13, Nguyễn Phán K24, Nguyễn Xuân Quý K31, Lê Đình Dư K13, Phạm Bá Cát K13, Trần Trí Quốc K27, Nguyễn Văn Triệu K19, Tsu A Cầu K29.

Đa Hiệu số 66 -72, Bắc California, Nguyễn Nho K19, Đoàn Phương Hải K19, Nguyễn Xuân Thắng K25, Nguyễn Thanh

Sang K28, Hoàng Trọng Đức K27.

Đa Hiệu số 73 -78, Nam California, Nguyễn Nho K19, Nguyễn Hồng Miên K19, Dương Đức Sơ K17, Trần Trí Quốc K27.

Đa Hiệu số 79 -85, Houston, Đinh Văn Nguyên K20, Võ Văn Đức K22, Đinh Tiến Đạo K24, Nguyễn Xuân Thắng K25.

Đa Hiệu số 86 -90, Bắc California, Nguyên Hàm K25, Lê Đình Trí K29, Trương Thành Minh K28, Trần Trung Tín K31.

Đa Hiệu số 91 -96, Bắc California, Nguyễn Văn Chấn K9, Lê Đình Trí K29, Lê Tấn Tài K20, Trương Thành Minh K28.

Đa Hiệu số 97 -102, Nam California, Võ Nhẫn K20, Tsu A Cầu K29, Nguyễn Duy Niên K27, Phòng Tít Chắng K29, Nguyễn Quốc Đống K13, Nguyễn Hồng Miên K19, Tô Văn Cấp K19, Hoàng Xuân Đạm K20, Đồng Duy Hùng K21, Nguyễn Ngọc San K24, Lê Khắc Phước K25, Nguyễn Hàm K25, Nguyễn Phước Ái Đỉnh K26, Nguyễn Xuân Quý K31.

Đa Hiệu số 103 -108, Nam California, Trần Vệ K19, Nguyễn Phán K24, Nguyễn Trung Việt K21, Nguyễn Duy Niên K27, Diệp Quốc Vinh K27, Phan Văn Lộc K30, Đào Quý Hùng K26, Huỳnh Tiến K28, Nguyễn Xuân Quý K31, Nguyễn Phước Ái Đỉnh K26.

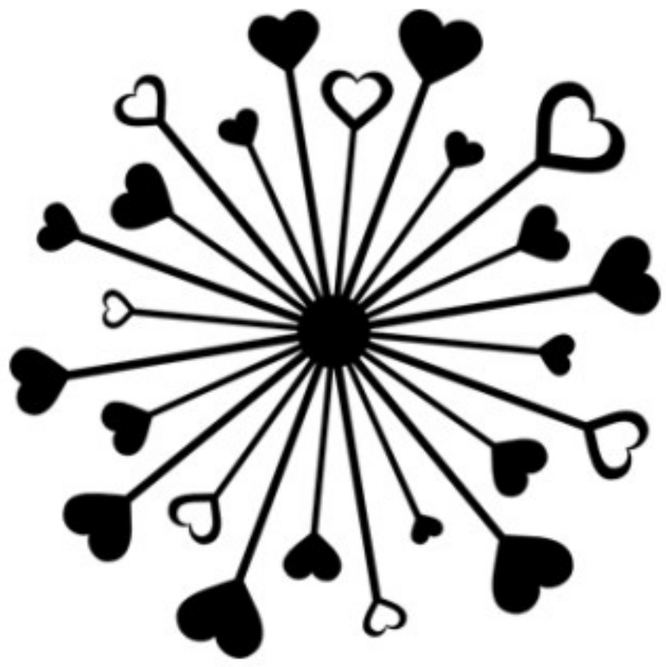
Đối với những ai từng đi qua các trại tỵ nạn cộng sản ở Malaysia, Indonesia, Philippines thì tờ Đa Hiệu đúng là tia sáng nồng thắm trong lòng những thuyền nhân vừa thoát chết hoặc đã trải qua những kinh hoàng trên biển.

Nhớ khoảng cuối năm 1983, tại Bataan, có 6 anh em VB tạm cư trong trại Philippine Refugee Processing Center gồm các Khóa 16, 24, 25, 26, 29, 31. Họ nhận được 2 tờ Đa Hiệu số 2 (Tháng 6, 7, 8 năm 1983), một tờ thì chị Hoàng Xuân Mai, K25 lưu giữ tại quán cafe của anh chị nhằm khoe với mọi người, còn một tờ kia chuyền nhau đọc, đi bộ cách nhau vài cây số. Hạn mượn chỉ một ngày, ưu tiên cho anh em cựu

quân nhân. Còn các văn phòng từng vùng, phòng đọc sách nếu mượn thì cũng được vài hôm, và giao nhận đàng hoàng.

Đa Hiệu chuẩn bị bước sang số 109, với ban biên tập mới thuộc nhiệm kỳ 2016-2018. Tờ báo không là sở hữu của riêng ai, một hội hoặc khóa nào. Từ ngữ Đa Hiệu đã trở nên quen thuộc như Lâm Viên, Tự Thắng, Đà Lạt, và là các dấu hiệu nhận biết hơn là những danh từ hoặc tĩnh từ nguyên thủy.

Bỏ qua cái thời với máy đánh chữ (memory) chỉ đủ dành cho vài trang (resume) xin việc, Tổng Hội CSVSQ/TVBQGVN hy vọng Đa Hiệu còn tiếp tục phát hành và sống mãi. Viết hay, vẽ đẹp không phải là điều gì khó khăn ghê gớm lắm, mà vẻ đẹp trong sự hay viết chẳng qua là tình ý được diễn tả sao cho chững chạc, hài hòa, và có chút giá trị nào đó phải chăng. Tập San Đa Hiệu hẳn nhiên sẵn sàng đón nhận tất cả những bài vở, mọi thiện chí đó đây.



TÌNH ANH EM TRONG VÕ BỊ

Đặng Đình Liêu, K19

Từ ngày thành lập cho đến ngày bị bức tử vào ngày 30 tháng 04 năm 1975, TVBQG/VN đã cung cấp nhân lực nòng cốt cho QLVNCH trong các Quân chủng cũng như Binh chủng. Trong các sĩ quan ra trường, có người đã trở thành tướng lãnh cao cấp, hoặc sĩ quan cấp tá nắm giữ các vị trí then chốt trong QLVNCH. Nếu chỉ tính từ năm 1954 đến 1975, trong suốt 20 năm chiến đấu bảo vệ miền Nam VN, hàng năm TVBQG/VN đã đào tạo từ 100 đến 400 SVSQ và khi tốt nghiệp các CSVSQ đã được thuyên chuyển đến các quân binh chủng, đa số là đơn vị tác chiến. Do xuất thân cùng một trường mẹ nên các

CSVSQ phục vụ cùng một đơn vị dễ được các SQ khoá đàn anh giúp đỡ. Sống chết bên nhau qua những hành quân gian khổ, khốc liệt, các CSVSQ càng thân thiết nhau hơn như có một tình anh em trong Võ Bị.

Xin kể lại những kỷ niệm đây tình anh em của tôi cùng 1 số CSVSQ khóa 20.

Năm 1963, tôi là SVSQ Cán Bộ Đại Đội Trưởng ĐĐ C thuộc Liên Đoàn SVSQ. ĐĐC có khoảng gần 100 SVSQ K19 và K20. Nhưng khi Thiếu Tướng Trần Tử Oai làm CHT, ông đã tách riêng K20 ra. Do đó, tôi được chỉ định làm SVSQ cán bộ ĐĐT/ ĐĐ A gồm các SVSQ K20 thuộc ĐĐ A và ĐĐ C

nhập lại. Trong thời gian ngắn ngủi này tôi đã hiểu biết tính nết cuả các SVSQ trong Đại Đội. Sau một thời gian ngắn, khoảng mấy tháng sau, Thiếu Tướng Trần Tử Oai rời khỏi trường đi nhận nhiệm vụ khác. Đại Tá Trần Văn Trung (sau này là Trung tướng) về nhậm chức CHT.

Đại Tá Trần Văn Trung đã ngay lập tức cho tổ chức lại Liên Đoàn SVSQ như cũ, giống như thời Đại Tá Trần Ngọc Huyến làm CHT. Tôi lại được chỉ định làm SVSQ cán bộ ĐĐT/ ĐĐC...



Một hình ảnh của Tân Khoá Sinh.

Năm 1964, gần 400 CSVSQ/K19 tốt nghiệp đã được thuyên chuyển đến ND, TQLC, BĐQ, và các sư đoàn bộ binh SĐBB trên 4 vùng chiến thuật. Tại đây chúng tôi gặp các CSSQ Khoá 16, 17, 18 và được các CSVSQ khóa đàn anh thông cảm cùng săn sóc.

Cuối năm 1968 tôi theo học khóa "Tác Chiến Trong Rừng" tại Johore Bahru Malaysia. Trong số khóa sinh cùng khoá học có Võ Văn Huệ ĐĐ A, khóa 20 và Trương Văn Hòa, khoá, 21 thuộc binh chủng BĐQ. Trong bài thực tập băng qua 15km rừng già Mã Lai, đa số các sĩ quan Nhảy Dù, hoặc Võ Bị đều được chỉ định làm trưởng toán. Mỗi toán có binh sĩ người

Gourkha đeo máy truyền tin đi theo để báo cáo tình hình.

Khi có lệnh xuất phát, tôi và Hoà, đang làm trưởng toán của hai toán cách nhau 2 km. Niên trưởng Tạ Trần Quân, sĩ quan liên lạc, K17 đã nhờ tôi thông dịch lệnh hành quân cho một số toán nên tôi mới biết toán của Hòa ở bên trái toán của tôi. Sau khi vượt tuyến xuất phát chừng 2 giờ, tôi thấy bên trái có người nhấp nhô. Nhìn kỹ tôi nhận ra Hòa, nên tôi lên tiếng gọi Hòa đi sang nhập cùng toán của tôi. Cũng may chúng tôi sắp tới rừng dương sỉ, cây mọc ngang đầu người nếu dùng dao đi rừng chặt thì rất lâu, chỉ có cách lấy súng đè lên cây và người nằm lên đó luôn để mở lối đi. Nhân lực hai toán cộng lại giúp chúng tôi băng rừng nhanh hơn và người lính gourkha đi theo cũng hiểu là vô tình 2 toán gặp nhau.

Sau 1975 và sau 10 năm đi tù, tôi được tha ra khỏi trại Z30 D. Trong số những người ra khỏi trại có nhiều VB. Trên đường ra đón xe đò về nhà, Trịnh Trân, K20 (CSVSQ/ ĐĐC) chạy theo tôi nói cho anh ta về nhà của tôi để ở tạm chờ đợi liên lạc với gia đình. Trước hoàn cảnh khó khăn của Trân, cũng như đã có thời gian ở chung ĐĐ C, tôi đã nhận lời mặc dầu biết rằng sẽ gặp khó khăn với công an khu vực và phường. Về tới nhà, Trịnh Trân mượn điện thoại nhà tôi liên lạc với gia đình. Hên cho Trân, chừng nửa giờ sau có người đến đón. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm vì không còn sợ công an làm khó dễ.

Khoảng 1 tháng sau ngày ra khỏi trại tù, một hôm trên đường về nhà tôi gặp Trương văn Hòa, K21, người cùng theo học với tôi ở Mã Lai. Anh đang bầy bán sách dành cho thiếu niên ngay đầu ngõ nhà tôi. Mừng rỡ gặp nhau, tôi mời Hòa về nhà tôi ăn cơm trưa. Từ đó, anh thỉnh thoảng ghé thăm tôi khi tới ngày bán sách ở khu vực tôi ở. Hiện nay Hòa đang sống tại San Jose và anh em chúng tôi thường xuyên liên lạc qua điện thoại.

Quay lại thời gian ở tù. Năm 1976 tôi bị đầy ra miền Bắc VN với nhiều quân nhân khác trong đó có các CSVSQ/

TVBQGVN. Từ Yên Bái một số được đưa đi Lào Kay, một số đi về hồ Thác Bà, trong đó có tôi. Chúng tôi đươc đưa về T4/ Hoàng Liên Sơn, trong đội tôi có Phạm Gia Quang, K20 (ĐĐ A) và Nguyễn văn Nam, K20 (ĐĐ B). Ngày đầu tiên xuất trại đi chặt cột nhà làm trại để "nhốt mình", Nam, Quang, và tôi được phân công chặt mỗi người một cột quân dài 4m có đường kính từ 20 cm trở lên. Thấy Quang có vẻ hơi chậm, khì tìm thấy 1 cây khá thẳng gần chân núi, tôi và Nam nhường cho Quang và tiếp tục leo lên cao. Sau khi chặt xong, chúng tôi kéo cây xuống chỗ Quang. Chúng tôi không thấy Quang chặt cây cột mà chúng tôi nhường cho anh vì Quang tìm được một cây thẳng hơn. Vì sắp tới giờ về trại nên tôi và Nam cùng nhau chặt cây đã dành cho Quang trước đó. Hai tháng sau cả Quang, Nam, và tôi đều bị chuyển đi Trại 9 gần hồ Thác Bà nơi có đập thủy điện. Vì công việc lấy cây trên rừng quá nặng nề nên chúng tôi thường phải du di để giúp đỡ nhau.

Vào khoảng tháng 11/1976, Quang bị bệnh kiết lỵ. Mỗi ngày đi tới 40 lần, Quang đuôi sức và tôi đã giúp giặt quân cho Quang. Tìn trong số thuốc tây Quang đã mang theo khi đi tù, tôi đã tìm thấy thuốc trị kiết lỵ và Quang đã khỏi bệnh. Từ đó Quang tỏ ra mến tôi. Sau khi ra tù, trên đường từ nhà Quang ở Bình Dương xuống Sàigòn học châm cứu, Quang luôn ghé thăm tôi và tôi cũng đáp trả đạp xe lên Bình Dương thăm bạn. Thật đáng tiếc Quang đã mất vì bị nhồi máu cơ tim sau đó ít lâu.Tôi không nhớ rõ thời gian khi bà xã của Quang báo tin. Tôi chỉ nhớ lòng bồi hồi vì Quang là con người ngay thẳng và thánh thiện.

Sau khi Quang khỏi bệnh thì tới phiên tôi bị sốt rét. Tôi có mang theo Fansidar trị bệnh rất tốt nhưng vì không ăn uống được nên gầy tọp đi. Cùng trong đội của tôi có anh Nguyễn văn Mùi, K22. V ì quen với sông nước nên anh Mùi phụ trách việc đánh cá ở hồ Thác Bà. Một tối khi tôi đang ngủ trong mùng thì có người lay chân. Nhìn xuống thì thấy một chén cá kho muối ở dưới chân. Anh Mùi đã dấu và đã kín đáo cho tôi

một chén nhỏ. Sức khoẻ của tôi bình phục rất chậm. Một hôm tôi thấy Mùi khai bệnh ở nhà và leo lên khu để tư trang của tù như tìm kiếm cái gì. Đến tối, Mùi lại lay chân của tôi và để lại một lon thịt gà. Bây giờ tôi mới hiểu Mùi nghỉ ở nhà để lén lút giúp đỡ tôi. Tôi vô cùng cảm đông nói Mùi đừng làm như vậy nữa vì quá mạo hiểm.

Từ năm 1990 đến 1995 tôi gặp Mùi ở đường Bolsa gần tiệm bánh cuốn Hồng Mai. Hiện nay tôi được biết anh đã dọn sang miền Đông. Tôi xin mượn bài viết này gửi đến Mùi lời tri ân sâu xa đã giúp tôi trong lúc rất khó khăn. Việc giúp đỡ của anh là một nghiã cửa vô cùng quý báu và thật quan trọng giúp tôi vượt qua những khó khăn tột cùng trong thời gian lưu đày. Mùi là người giúp tôi tìm ra một tình anh em thắm thiết trong hàng ngũ CSVSQ/ TVBQGVN.

Khi qua Mỹ định cư, tôi xin được vào làm cho công ty Hoà Lan có chi nhánh ở Mỹ. Công ty này chuyên làm các phần bên trong máy bay như: rack để túi sách, bathroom, galley để tiếp viên chuẩn bị thức ăn cho hành khách v..v.. Lúc mới vào làm được 2 ngày, một người làm việc bên cạnh tôi đã hỏi sơ về thân thế tôi. Khi biết tôi tốt nghiệp từ Trường VBQGVN, anh hỏi tôi về tin tức anh Trương Thuận Hiếu, K16 đang làm lead cho một line. Tôi đã trả lời là tôi nói không biết anh này.

Sau giờ ăn trưa, anh Hiếu dẫn supervisor người Mễ xuống chổ của tôi để xin rút tôi về line của anh. Mặc dầu vậy anh vẫn chưa tin tôi là dân VB. Một hôm anh nhắn tôi tới nhà anh Long, K16, vì tôi đã quen biết anh Long từ trước. Khi tới nơi, tôi thấy anh đã có mặt ở đó.

Hồi tưởng lại thời gian hơn 10 năm làm việc ở hãng này tôi rất mang ơn anh Hiếu đã hướng dẫn tôi thăng tiến trong nghề nghiệp. Mặc dù tôi chưa biết đọc bản vẽ, cũng như chưa rành xử dụng máy cưa, máy tiện, nhưng anh vẫn giao cho tôi làm các cửa trên galley. Anh luôn nhắc nhở tôi nếu không nhận, anh sẽ trao cho người khác. Đây là việc làm rất dễ đối với anh,

nhưng vì tình anh em anh đã giúp tôi làm công việc này. Trả lại nhã ý của anh, tôi đã gồng mình nhận bằng cách tự học hỏi cũng như quan sát để nâng cao tay nghề .

Trở lại chuyện trong tù. Khi hiểu rõ đời sống trong ngục tù CS, thì mới biết mạng sống con người chỉ được coi là những con số. Chỉ có hiểu rõ điều kiện sống thực trong "những trại cải tạo" thì mới hiểu rõ những khắc nghiệt vô song mà người tù đã trải qua. Trong nỗi khó khăn, thiếu thốn tột cùng thì những sự giúp đỡ nhỏ nhặt kể trên là vô cùng quý báu, là những sự khích lệ vô bờ khiến người tù có thể chống chọi với thần chết, để vượt qua. Ý tôi muốn nhấn mạnh là cả vật chất và tinh thần.

Những chuyện trên là những chuyện vụn vặt trong đời mà tôi đã trải qua. Nhưng nó đã chứng minh cho tôi thấy quả thật có tình anh em sâu đậm giữa các CSVSQ cùng tốt nghiệp từ TVBQGVN.



Các tân thiếu úy hướng dẫn gia đình thăm doanh trại SVSQ, sau buổi lễ tốt nghiệp.

Trong Bóng Chiều Rơi.

Lê Anh, K 27

Cuối năm muộn những tàng nắng ấm
Tôi về nghe héo một thiên đường
Thời gian không đợi người tri kỷ
Tôi biết lòng mang theo vết thương

Cuối năm, ngày tháng chào tạm biệt
Còn đây nỗi nhớ ở nơi người
Bóng xiêu che nẻo tình khánh kiệt
Màu bạc xám cùng với tường vôi

Tôi về từ góc đời tù ngục
Thân thích bây giờ có mấy ai?
Ngẩn ngơ nghe khác từng khu phố
Mộng ủ hồn hoang giữa lạc loài

Tôi về từ lúc chiều bóng xế
Cây mận trước nhà nay lạ tôi
Tìm em mãi nhớ gì ai biết?
Tìm nhau đôi mắt tự xa xôi



Nhà em ghé lại còn chi nữa
Muộn màng thăm hỏi chuyện đầy vơi
Vận nước xô người đi muôn ngã
Một ngã đời ai cũng thiếu đôi

Tôi về chiều xuống xuân như đã
Cuối năm trời đất dẫu chuyển dời
Lòng tôi chưa tắt hương ngày tháng
mà đã gầy thêm những lẻ loi

Xuân đến còn chăng một chút lời

Ân tình nào đã sầu ra khơi
Cỏ cây tan tác chờ mưa nắng
Tôi đã về trong bóng chiều rơi...



Xuân Đã Về.

Sao Linh 30/1

Xuân đã về trên khắp cỏ cây
Gió reo vui hạt nắng vương đầy
Người dập dìu muôn hoa khoe sắc
Tiếng cười vang rộn rã đó đây

Xuân đã về muôn cánh hoa tươi
Khắp nơi nơi nghe tiếng vui cười
Kìa bầu trời thênh thang ngời sáng
Chim trên cành ríu rít hót vang

Xuân đã về cánh bướm lả lơi
Cánh hoa mai vàng rực bầu trời
Hãy vui lên đê lòng phơi phới
Xuân đã về đẹp lắm xuân ơi!

Xuân đã về gợi lòng ta nhớ
Kiếp tha hương luôn vẫn mong chờ
Một ngày nào trọn câu hẹn ước
Ngày tương phùng dệt lại vần thơ



NHƯ VẦNG TRĂNG KHUYA

Vi Vân, K20/1.

Buổi chiều cuối năm tôi đang loay hoay quét dọn lá chết, cây khô ở vườn sau thì tai tôi bỗng nghe tiếng nhạc vang lên đâu đó.Tôi bước đến gần bờ rào và lắng nghe, thì ra tiếng nhạc xuất phát từ nhà Victor anh bạn láng giềng người Mỹ gốc Ý Đại Lợi của tôi. Tôi nhận ra đó là bài "Come Back To Sorrento", một bản nhạc xưa tha thiết truyền cảm khi trầm, khi bổng, nghẹn ngào, mênh mang xa vắng, gợi nhớ gợi thương… khiến người nghe liên tưởng đến thành phố Sorrento nằm bên bờ biển miền Nam nước Ý với những thắng cảnh tuyệt vời, với những dãy nhà tầng tầng lớp lớp có lối kiến trúc đặc biệt mang sắc thái của Italian. Tôi biết mỗi lần Victor nghe "Italian songs" là anh ta đang nhớ nhà.

Bỗng dưng tôi chợt thấy nhớ quê hương mình da diết. Quê tôi cũng ở miền Nam của một quốc gia cách đây nửa vòng trái đất, bên kia bờ Thái Bình Dương xa thẳm. Đó là một thành phố thơ mộng, hiền hòa nằm bên bờ Hậu Giang dạt dào sóng vỗ: thành phố Cần Thơ hay Tây Đô. Nơi đó tôi đã lớn lên với nhiều kỷ niệm êm ái ngọt ngào xen lẫn đắng cay đau khổ, nhất

là kỷ niệm về anh. Những gì đã xảy ra ngày ấy không phải lỗi tại anh, cũng không phải tại tôi mà chỉ tại định mệnh trớ trêu nghiệt ngã. Làm sao tôi quên được, nhất là những đêm ngồi bên song cửa nhìn vầng trăng khuya treo giữa đỉnh trời, hồi ức về anh càng hiện lên rõ rệt…

Ngày hôm đó sau khi thi xong Tú Tài 1, được rãnh rỗi tôi sang nhà cô bạn Đan Thanh định rủ cô đi bát phố. Tôi bấm chuông, người ra mở cửa không phải Thanh mà là anh Tính, anh của Thanh đang về phép. Phía sau anh là một thanh niên khác đang đứng. Thấy tôi anh Tính tươi cười:

- A, Quỳnh Chi! Em trông lớn quá, khác xưa nhiều. Vào nhà đi em, Thanh đang phụ mẹ làm cơm.

Tôi cúi đầu chào hai anh. Anh Tính giới thiệu:

- Đây là Quỳnh Chi, bạn thân của Thanh. Còn đây là anh Huấn, bạn anh. Ảnh khác đơn vị nhưng gặp nhau ở SàiGòn cũng đi phép nên anh mời ảnh về quê mình chơi cho biết miền Tây.

Tôi nhìn anh Huấn, một thanh niên có vóc dáng cao gầy, mái tóc hớt ngắn, da ngâm đen vì sương gió, đôi mắt gợn chút u buồn, trán rộng, mũi thẳng, cả người anh toát ra vẻ nghiêm chỉnh, đứng đắn, phong độ. Tôi nghĩ mình như em gái hai anh nên dạn dĩ hỏi:

- Anh Huấn thấy quê tụi em thế nào? Ở đây cao lương mỹ vị thì không dám hứa nhưng cơm gạo, cá tôm, rau quả thì bảo đảm anh tha hồ hưởng thụ.

Huân cười rất tự nhiên:

- Cô vui tính quá. Đúng vậy đó cô, mới ở đây có ba ngày mà tôi đã thấy mê rồi. Tôi thích tất cả từ phong cảnh, thức ăn, đời sống mộc mạc và sự chân thật, nhiệt tình của người. Ước gì tôi được trở thành dân Cần Thơ nhỉ?

Anh Tính chen vào:

- Chuyện đó dễ thôi. Mầy cưới một cô ở đây là trở thành

dân địa phương ngay.

Huấn lắc đầu:

- Không dễ đâu. Lính tráng tụi mình lấy gì bảo đảm tương lai cho các cô? Các nàng chỉ muốn bác sĩ, kỹ sư thôi, vừa có tiền vừa khỏi lo có một ngày sẽ thành quả phụ.

Tôi tỏ vẻ bất mãn:

- Mấy anh xem thường con gái tụi em quá!

Đan Thanh từ nhà sau chạy ra:

- Ủa Quỳnh Chi, mầy đến hồi nào? Thôi sẵn đây ở lại ăn cơm với gia đình tao đi.

- Thôi nhà mầy có khách, để tao về.

Thanh phân trần:

- Khách nầy cũng như người nhà mà, đừng ngại. Anh Huấn sẽ còn ở lại chơi cho đến hết phép. Mầy quảng cáo cho ảnh biết về Tây Đô của mình đi.

- Mầy ác thiệt, tao là đứa dốt biết nói gì, quảng cáo cái gì đây?

- Mầy muốn nói gì cũng được mà, ví dụ như:

"Tây Đô có bến Ninh Kiều.
Có chàng ngư phủ chiều chiều thả câu…"

Cả nhà cười vang vì câu thơ tếu của Đan Thanh. Bữa cơm gia đình do mẹ Thanh nấu thật tuyệt, đầy đủ hương vị với cá tôm, rau củ của miền Tây. Tôi thấy anh Huấn ăn nhiều và rất tự nhiên khiến bác gái vui lắm. Anh nói:

- Bác ơi, bữa cơm hôm nay làm con cảm động quá. Con mồ côi cha mẹ sớm, nhờ bạn của mẹ con nuôi dưỡng lớn khôn và cho học hành nhưng con chỉ học đến hết Trung Học thì tình nguyện vào trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Mấy năm nay ở ngoài đơn vị con ăn cơm lính, ngủ bờ nằm bụi phong trần quen rồi nên chưa được hưởng không khí gia đình ấm cúng như thế

nầy. Cám ơn bác nhiều lắm.

Mọi người tỏ vẻ ái ngại, thương cảm khi nghe anh nói, nhất là bác gái. Bác nhìn Huấn dịu dàng:

- Ồ, bác đâu biết cuộc đời con như vậy, bác không nghe thằng Tính nói gì cả.

Anh Tính vội bào chữa:

- Con cũng không biết đâu. Ua còn ba mẹ mây ở SàiGòn là sao hả Huấn?

- Như tao đã nói rồi, đó là ba mẹ nuôi thôi.

Bác gái thở dài:

- Thì ra là vậy, nhưng dù gì thì cháu cũng vẫn còn có người quan tâm nuôi nấng cháu, tuy không phải máu mủ tình thâm nhưng cũng là cha mẹ. Từ nay cháu cứ về đây nếu có dịp. Bác luôn mở rộng cửa để đón cháu, gia đình bác sẽ xem cháu là người nhà, cháu đừng ngại.

- Cám ơn bác. Huấn có vẻ xúc động.

Tôi ngồi lặng yên theo dõi câu chuyện của Huấn, tôi thấy ngậm ngùi và thông cảm cho hoàn cảnh cô đơn tội nghiệp của anh.

Sau bữa cơm ba mẹ Thanh vào phòng nghỉ ngơi chỉ còn bốn người trẻ chúng tôi ngồi trò chuyện cùng nhau. Anh Huấn có khiếu về ăn nói nên câu chuyện của anh dễ lôi cuốn người nghe. Anh kể về những người bạn đã ngã gục ngoài chiến trường, những trận đánh ác liệt đầy dũng cảm và kiêu hãnh, những người bạn được đặt cách lên lon ngoài mặt trận, những chuyện xảy ra trong đơn vị anh.

Có một câu chuyện khá đặc biệt làm tôi và Thanh nhìn nhau mỉm cười tâm đắc. Đó là chuyện của anh trung sĩ tên Lễ cùng đơn vị với Huấn: anh Lễ để ý thương thầm một cô thợ may nơi anh đóng quân. Cô gái nầy rất đẹp nhưng hơi kiêu kỳ, từng tuyên bố chỉ lấy sĩ quan chớ "cánh gà" thì cô không bao

giờ để mắt đến. Không biết vì quá si mê cô hay muốn chọc ghẹo cô mà anh Lễ đã lén mượn cặp lon trung úy của Huấn mang vào mỗi khi đi qua, lại nhà cô. Lễ đẹp trai, lịch thiệp, dễ mến nên cô gái kia cũng xiêu lòng và kết quả thì họ yêu nhau rồi lấy nhau dù sau nầy cô biết được sự thật. Huấn đã chiếm được cảm tình của tôi và Thanh qua từng câu chuyện vui, buồn hay dí dỏm. Tôi thấy mình có nhiều thiện cảm hơn với người con trai mới lần đầu quen biết nầy.

Lần thứ nhì tôi gặp lại anh là lúc bộ ba Tính, Huấn, và Đan Thanh đi ngoài phố. Anh Tính mời tôi nhập bọn và cùng vào một quán cà phê ca nhạc trên đường Nguyễn Thái Học. Vào thời kỳ chiến tranh đang lên cao, khắp nơi trong thành phố tràn ngập những màu áo lính của các binh chủng. Những người lính xa nhà thường tìm khuây khỏa nỗi ưu tư, khắc khoải bằng tiếng nhạc lời ca, bằng chai bia đắng, hay ly cà phê thơm ngát nồng nàn. Những bài tình ca chinh chiến sao buồn lê thê, ray rứt. Tôi cảm thấy thương và mến phục những người trai của thê hệ hôm nay đã lăn mình vào cuộc chiên vì lý tưởng tự do dân tộc. Họ bỏ lại sau lưng tất cả: người quen, người yêu, và những kỷ niệm thân ái ngọt ngào. Đôi mắt Huấn trông thật buồn, anh như chìm đắm, như thả hồn theo từng lời hát của người ca sĩ:

"...Qua ngày đó tôi nghe người nói anh lên đường xa thật rồi. Tôi buồn nhớ tim đau rạn vỡ ôi thương anh thương nhất đời...

Từ ngày xa nhau chinh chiến đưa anh đi về đâu? Vai súng từng đêm nắng mưa Khe Sanh rừng sâu. Người thân ai cũng nhắc tên anh trong thương yêu, biết giờ anh chốn nao?" **

Tôi kéo Huấn về thực tại:

- Anh Huấn thích nghe nhạc lính lắm sao?

- Phải, vì hầu hết những bản nhạc đó nói lên tâm trạng của tụi tôi.

Tôi nói bâng quơ như chỉ để chính mình nghe:

- Chúng ta là những người bất hạnh đã lớn lên trong hoàn cảnh đất nước như thế nầy.

Anh Tính chợt nhìn ra ngoài và nói:

- Tụi mình ngồi đây đã lâu rồi, đã đến lúc phải về thôi.

Tôi chia tay với các anh, Huấn nhìn tôi thân thiết:

- Hy vọng còn gặp lại Quỳnh Chi.



Tôi chỉ cười chào anh rồi quay gót. Trên trời cao những đám mây trắng vẫn bồng bềnh trôi đi, trôi mãi… cũng như gót chân phiêu lãng của anh sẽ đi qua khắp vùng đất nước quê hương, sẽ chiến đấu sống còn với kẻ thù trên bốn vùng chiến thuật, không biết bao giờ mới được dừng lại? Một ngày man mác buồn, nhiều bâng khuâng, nhiều lưu luyến!

Những ngày đi phép của lính qua thật mau.

Các anh sắp sửa trở về đơn vị, tiếp nối cuộc sống với máu lửa sa trường, với hiểm nguy rình rập, với gió núi với mưa rừng. Anh Tính đề nghị bốn người chúng tôi đi chơi chung với nhau một lần nữa trước khi hai anh giã biệt. Anh Tính dặn Thanh và tôi ăn mặc tươm tất, đẹp đẽ một chút và anh làm ra vẻ bí mật không cho biết sẽ đưa chúng tôi đi đâu.

Chúng tôi đến một ngôi nhà rộng rãi ở vùng cầu Tham Tướng, tôi thấy có nhiều người lô nhô trong nhà như đang có tiệc tùng gì đó. Thì ra đây là buổi lễ đính hôn và cũng là tiệc mừng lên lon đại úy của một chàng hải quân bạn anh Tính. Khách khứa quá đông mà họ đều xa lạ, hơn nữa không khí ồn ào không thích hợp với tôi. Đan Thanh gặp được một người quen cứ tíu tít nói cười mãi, còn tôi lấy một ly nước rồi lẫn tránh ra vườn sau cho yên tĩnh. Cuối vườn có một băng ghế

gỗ nằm lặng lẽ dưới gốc cây bưởi trái sai oằn, tôi vội vàng đến ngồi xuống đó vì đã tìm được nơi thích hợp cho mình.

Tôi cảm thấy khoan khoái nhẹ nhàng, không khí mát mẽ trong lành, mùi hoa bưởi ngạt ngào theo gió. Bên cạnh vườn là con sông nhỏ yên tĩnh phẳng lặng, chiếc cầu ngắn xinh xắn bắc ngang sông nầy gọi là cầu Tham Tướng. Tôi có cảm giác như anh linh của người võ tướng còn phảng phất trên từng hàng cây, bụi cỏ nơi đây, như có tiếng chiêng trống, quân reo trong gió…

(*Ngày xưa con ông Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Sanh được chúa Nguyễn Ánh phong chức Tham Tướng trấn thủ vùng Trà Ôn, Cần Thơ. Vào năm 1784 đại quân Tây Sơn do Long Nhượng Tướng Quân Nguyễn Huệ tiến đánh vào Nam, ông Mạc Tử Sanh chống trả và tử trận tại đây nên cầu được mang tên là cầu Tham Tướng.**)

Đang miên man suy nghĩ bỗng có tiếng bước chân tới gần, tôi nhìn lên thì ra là anh Huấn. Anh nhìn tôi mỉm cười:

- Anh biết em ra đây. Không khí đó không thích hợp với em phải không? Anh cũng vậy, là lính trận anh quen nhìn đồng đội gian khổ, hiểm nguy hằng ngày, giờ thấy cảnh nhảy nhót ăn chơi, rượu chè như vậy anh không hứng thú. Anh ngồi đây nói chuyện với em rồi chờ hai anh em thằng Tính về chung.

- Dạ cũng được, nhưng nói chuyện gì hả anh?

- Em không có chuyện gì để nói cho anh nghe sao?

Tôi nghĩ thầm, "ông nầy lạ chưa, mới quen anh mấy ngày tại sao phải nói cho anh nghe chuyện của tôi chứ!"

Thấy tôi im lặng Huấn gợi chuyện:

- Em sắp sửa lên Đệ Nhất rồi, cố gắng để vào Đại học nhé! Anh là trai thời loạn nên không học hành đến nơi đến chốn, vả lại hoàn cảnh anh cũng không thể học cao hơn nữa. Anh không biết nguồn gốc, tổ tiên mình là ai, ở đâu?

Tôi ngạc nhiên nhìn anh:

- Sao lạ vậy anh? Ba mẹ nuôi anh không cho anh biết gì hết sao?

Huấn lắc đầu:

- Không, hình như ông bà muốn giấu anh điều gì đó. Ba anh mất khi anh mới bốn tuổi trong một tai nạn giao thong. Mẹ anh vì đau buồn và quá cực khổ nên bệnh nặng mà qua đời khi anh tám tuổi. Ba mẹ nuôi mang anh từ Nha Trang về SàiGòn nuôi nấng theo lời trăn trối của mẹ anh nhưng không cho anh biết thêm điều gì cả. Tuy ông bà đã nuôi anh và cho anh học hành nhưng ông bà còn có một đứa con ruột.

Anh không được sự chăm sóc trìu mến của người mẹ đúng nghĩa, không được sự lo lắng, dạy dỗ, khuyên răn của người cha nên anh rất tủi thân. Sau khi xong Tú Tài phần 2 anh tình nguyện vào trường Võ Bị Đà Lạt. Ở đó anh có những người bạn chân thành, biết quý mến thương yêu nhau, có sự dạy dỗ, chăm sóc tận tình của các bậc thầy và các huấn luyện viên, chỗ đó mới thật là mái gia đình của anh. Rồi khi anh ra đơn vị thì đồng đội là những người thân của anh nên anh mến thương họ lắm.

Tôi thấy bâng khuâng thương cảm khi nghe tâm sự của anh, một người con trai mồ côi, bất hạnh nhưng đã biết chọn cuộc sống hào hùng, bất khuất. Tôi an ủi anh:

- Không sao đâu anh, em nghĩ có lẽ ba mẹ nuôi anh có điều khó nói, sợ anh buồn khi biết sự thật. Một ngày nào đó ông bà sẽ không giữ bí mật nữa đâu.

Huấn xua tay:

- Thôi bỏ qua chuyện của anh đi. Còn em, anh hỏi điều nầy nếu không thích nghe thì em đừng giận anh nhé!

- Điều gì mà anh làm ra vẻ quan trọng vậy?

- Em đã có… bạn trai chưa?

- Bạn trai à? Em có nhiều bạn trai học chung với em lắm. Có khi cả đám tụi em đi ăn uống chung với nhau, làm bài

chung, sinh hoạt văn nghệ chung…

Huấn cười lớn:

- Cái cô bé nầy, không hiểu hay giả bộ ngây thơ vậy, cô Tú? Anh nói bạn trai tức là người yêu đó, bạn học thì nói làm gì.

Tôi nhìn anh gật gù:

- À! Em hiểu rồi, xin thưa anh, em… chưa có ạ!

Huấn cười phì:

- Cô bé nầy cũng tếu lắm đó.

- Em thấy anh không vui nên chọc cho anh cười vậy thôi. Đừng suy nghĩ nhiều anh ạ! Mọi chuyện cứ xuôi theo tự nhiên, phó mặc cho định mệnh an bài đi.

- Cám ơn em. Những lời của em đã an ủi anh rất nhiều.

Sau đó cả hai chúng tôi cùng im lặng và nhìn về phía dòng sông. Buổi chiều thủy triều dâng cao gần ngập bờ, những cụm lục bình trôi bồng bềnh với nhiều hoa tím man mác buồn, nắng vàng xuyên qua tàng cây kẻ lá rơi rớt xuống mặt sông xanh tạo nên một bức tranh đầy màu sắc tương phản tuyệt vời .Tôi nghe rõ tiếng "tít tít" của những con "tôm tích" đang rời hang ra ngoài rong chơi tìm mồi, vài chú cá lóc con, cá rô hoa vàng đang trôi lờ đờ dưới mặt nước. Không gian êm ả trầm lặng, một cơn gió nhè nhẹ lướt qua dư âm còn vương lại như tiếng thì thầm của lá, của hoa và của trái tim ai đang thở dài mong đợi.

Huấn nhìn tôi giây lát rồi đột ngột hỏi:

- Em có thể làm bạn gái của anh không? Ngày mai anh đi rồi không biết bao giờ gặp lại. Nếu em đồng ý thì mình sẽ liên lạc với nhau qua thư từ.

Tôi giật mình nhìn anh và thầm nghĩ, "Ý anh là gì chứ? Là muốn tỏ tình với tôi hay chỉ là bạn đơn thuần? Tại sao phải nói ra như thế?"

Tôi hỏi anh:

- Anh nói thế là sao, em không hiểu?

- Nghĩa là anh thích em, anh muốn em làm bạn gái của anh, có được không? Và nếu em chấp thuận thì em không được thích chàng nào nữa hết.

- Em không hứa với anh đâu, nhưng anh cứ viết thư cho em nếu có thì giờ. Còn chuyện tình cảm thì cứ để tự nhiên đi anh. Nếu có duyên phận với nhau thì chắc sẽ được, nếu không thì mình cũng là anh em, anh bằng lòng chứ?

- Dĩ nhiên là anh phải bằng lòng chiều theo ý của em thôi.

Cả hai chúng tôi cùng cảm thấy nhẹ nhàng, cởi mở. Tính và Thanh cũng vừa ra đến và bốn người chúng tôi cùng nhau quay về nhà. Buổi chiều chầm chậm xuống, một buổi chiều thật đẹp, thật đáng ghi nhớ với tôi. Có lẽ vì sự hiện diện của anh đó, Huấn ơi!

Đêm ấy tôi cứ thao thức mãi, tôi bước đến bên song cửa nhìn ra. Ngoài kia vầng trăng khuya nằm bơ vơ, cô độc cuối trời xa. Tôi nghĩ đến Huấn, anh cũng cô đơn, lẻ loi như vầng trăng khuya đó. Nhưng dù ánh trăng có yếu ớt, mờ nhạt cũng đủ soi đường đưa lối cho tôi tìm đến anh. Có lẽ tôi đã bị hoàn cảnh, tâm tình anh làm cảm động mất rồi, tôi thấy mình không thể để anh chìm đắm trong buồn tủi, phải giúp anh có niềm vui và hy vọng để vượt qua bao khó khăn trong cuộc sống.

Hôm sau Huấn lên đường trở về đơn vị, tôi tiễn anh ra tận bến bắc Cần Thơ. Anh đưa mắt nhìn sông Bassac rộng mênh mông bát ngát, sóng nhấp nhô từng đợt xô đuổi nhau, rồi cất giọng buồn buồn:

- Quê của em êm đềm, thơ mộng quá! Tiếc là anh không được ở lại lâu hơn, không biết đến bao giờ anh mới có được một mái gia đình êm ấm. À, em biết không đêm qua anh không ngủ được, nhìn vầng trăng khuya lẻ loi chợt thấy thương cho thân phận lạc loài của mình, anh thấy mình cũng cô đơn và tội nghiệp như vầng trăng đó. Anh có lãng mạn quá không em? Anh thật đáng buồn cười mà!

- Ồ, sao có sự trùng hợp kỳ diệu như vậy? Đêm qua em cũng nhìn trăng mà liên tưởng đến anh, nhưng anh sẽ không như vầng trăng lẻ loi đó vì anh còn người em gái như em. Em sẽ an ủi, chia sớt tâm sự cho anh không còn thấy cô đơn nữa. Anh phải mạnh mẽ, cứng rắn nhìn vào thực tại và hướng đến tương lai, là một sĩ quan của quân lực Việt Nam Cộng Hòa anh không thể yếu mềm, ủy mị như thế được. Em sẽ ở bên anh, sẵn sàng ủng hộ anh.

- Có thật không em?

- Anh không tin em sao?

Huấn gật đầu và nói nhanh:



- Anh tin chớ, anh rất tin tưởng ở em.

Chiếc phà sắp sửa rời bến, anh xách balô lên nắm tay tôi từ giã:

- Thôi anh đi đây. Anh sẽ viết thư cho em sớm, nhớ trả lời anh nghe cô bé.

- Dạ, anh đi bình yên.

Anh bước xuống phà và còn quay lại nhìn tôi lần cuối. Tôi đứng lặng nhìn theo cho đến khi chiếc phà trôi ra giữa dòng sông, xa dần, xa dần… Tôi lững thững ra về và chợt thấy tâm tư mình nghẹn ngào, xúc động.

Rồi những lá thư qua lại giữa Huấn và tôi đều đặn, tình cảm cũng nẩy nở theo thời gian. Từ lúc nào chúng tôi đã thành người yêu của nhau mất rồi, một tình yêu tinh khiết nhưng cũng đủ ngọt ngào, thắm thiết. Tôi biết Huấn thật sự vui vẻ, thật sự không còn mặc cảm lạc loài, cô đơn nữa khi có tôi trong tim. Gia đình tôi không hay biết gì về mối quan hệ tình cảm giữa tôi và Huấn. Hình như một nửa linh hồn tôi đã theo gót chân người ngoài xa xôi vạn dặm, tôi chỉ sống bằng niềm vui, nỗi buồn của anh qua những lá thư xanh.

Khoảng một năm sau, anh Phùng con bác Ba tôi dẫn về một

người anh họ của tôi đã thất lạc rất nhiều năm.Tôi có nghe ba tôi kể, ông Nội tôi có sáu người con trai, hai gái. Ba tôi thứ tám là con Út. Bác thứ năm của tôi ngày xưa yêu một cô gái người miền Trung vào Nam sống với bà con. Ông Nội tôi nhất quyết không cho hai người kết hôn dù cô gái ấy đã lỡ mang thai với bác Năm. Vì muốn bảo vệ người yêu và đứa con còn trong bụng mẹ, bác tôi phải bỏ nhà dắt người yêu đi thật xa để sống với nhau. Bác có để lại một lá thư xin lỗi ông Nội và chờ đến khi ông tha thứ sẽ mang vợ con về tạ tội. Nhưng ông Nội tôi giận lắm tuyên bố từ bỏ bác Năm. Các bác và ba tôi cố công tìm kiếm nhưng không ai biết hai bác đã đi đâu cả. Đến ngày ông Nội qua đời bác Năm cũng không về chịu tang cha mình. Thời gian trôi qua lâu lắm rồi, nay bỗng nhiên người con trai của bác Năm tìm về quê nội để nhận tổ quy tong. Cũng may bác Ba tôi còn ở đó giữ nhà Từ Đường nên anh ấy mới dễ dàng tìm kiếm. Anh Phùng dẫn người anh họ đó đến nhà tôi để cho anh biết gia đình chú Út (ba tôi).

Khi tôi đi học về đến nhà nghe kể chuyện đó, tôi thật vui mừng vì mình sẽ có thêm một người anh. Anh Hai tôi đã đưa anh ấy ra ngoài chơi, trong khi tôi đang hồi hợp chờ được gặp mặt anh họ thì các anh về. Các anh vừa bước vào nhà tôi mừng rỡ chạy ra chào, khi tôi ngước nhìn anh, tôi bỗng lảo đảo, tôi cảm thấy như bầu trời đang sụp xuống, đất bằng dậy sóng và trùng dương đang nổi trận cuồng phong vì người anh họ của tôi không phải ai xa lạ mà chính là… Huấn. Tôi vịn tay vào thành ghế để đừng bật té. Mặt Huấn cũng tái xanh, anh lắp bắp:

- Em là…

Anh Hai tôi nói:

- Nó là Quỳnh Chi, em gái của anh đó.

- Trời ơi! Thật trớ trêu. Huấn chỉ kêu lên có thế.

Tôi không nói được câu gì vội vàng chạy vào phòng lăn mình xuống giường khóc tức tưởi. Tôi ngỡ ngàng, tuyệt vọng,

đau đớn và xấu hổ vì đã yêu người anh họ của mình. Tôi không biết ngoài kia Huấn ra sao, chắc anh cũng có cảm giác giống như tôi. Tôi cứ nằm mãi trong phòng không bước ra, mẹ tôi vào bảo:

- Con làm sao vậy, Chi? Có anh tới chơi, nó thất lạc bao nhiêu năm rồi giờ mới tìm về gia đình sao con không ra mừng anh?

- Dạ, con hơi mệt, lát nữa con sẽ ra.

- Ừ, ra mau nghe con.

Trời ơi, ai hiểu được tôi lúc nầy trừ Huấn ra, có lẽ anh còn đau khổ hơn tôi. Định mệnh cay nghiệt, phủ phàng, tàn nhẫn quá với chúng tôi. Ngày anh tìm được cội nguồn, được nhận tổ quy tông cũng là ngày anh mất đi lẽ sống, mất niềm hy vọng, mất đi một mối tình đang nồng thắm, mối tình mà anh nâng niu trân quý nhất đời anh.

Những ngày Huấn ở lại nhà tôi được ba mẹ và anh em tôi tiếp đãi ân cần, niềm nở, chỉ có tôi cố tránh mặt Huấn. Có lẽ mọi người đã nhận ra điều đó nhưng không ai biết tại sao tôi lại làm thế. Một đêm kia không chịu đựng được nỗi đau khổ trong lòng tôi hẹn Huấn ra ngoài để nói chuyện. Tôi đưa anh đến một công viên vắng vẻ bên bờ sông để không ai nhìn thấy. Tôi đã khóc bên Huấn rất nhiều, anh cũng đau buồn không kém. Những ngày qua chúng tôi cố tránh mặt nhau vì trong lòng cả hai đều đớn đau, tan nát. Huấn lấy khăn lau nước mắt cho tôi và an ủi:

- Thôi em à, số phận đã an bài như vậy chúng ta phải đành chấp nhận. Lần đầu tiên anh tha thiết yêu một người con gái, anh đã nghĩ đến chuyện gầy dựng tương lai, anh xây đắp bao mộng đẹp. Anh đã tìm được niềm vui, tìm được ý sống, anh nghĩ mình sẽ được hạnh phúc nhưng trái ngang từ đâu chợt phủ xuống đầu hai đứa. Anh đau khổ vô cùng, oán trách trời cao quá bất công với anh, suốt đời anh gặp toàn đắng cay, bất hạnh. Anh biết em cũng không khác gì anh, nhưng anh không

biết dùng lời gì để an ủi em trong lúc nầy.

- Em đau đớn lắm anh biết không? Em không dám tin đó là sự thật. Làm sao em có thể chịu đựng được khi người mình thương yêu, kỳ vọng một ngày mai tươi đẹp nay bỗng nhiên trở thành anh họ của mình, cùng huyết thống với mình. Chúng ta đâu thể bỏ đi "luân thường đạo lý" phải không anh?

Huấn dỗ dành tôi thật nhiều nhưng lòng tôi vẫn nặng trĩu xót xa, cay đắng. Tôi nói với anh:

- Anh à, anh có thể hứa với em một việc không?

- Việc gì đó em?



- Anh hứa… đừng vội yêu hay cưới một cô gái khác, em không thể chịu đựng nỗi cảnh đó đâu. Hãy cho em một chút thời gian để điều chỉnh lại tình cảm của mình, cho em lấy lại sự bình thản của tâm hồn.

Huấn gật đầu:

- Dĩ nhiên là anh hứa với em rồi. Làm sao anh có thể yêu thương ai trong khi em đau khổ như vậy chứ! Em yên tâm, anh sẽ không cưới vợ trước khi em lấy chồng.

- Em sẽ không lấy chồng đâu.

Ánh mắt u buồn của Huấn nhìn ra ngoài kia, dòng sông dưới cầu Nhị Kiều âm thầm chảy trong bóng đêm xuôi về một nơi nào xa xăm lắm. Vài chiếc thuyền con trôi lững lờ theo con nước, mờ nhạt dưới bóng trăng khuya. Tiếng mái chèo chậm rãi khua nhẹ vào mặt nước tạo nên một thứ âm thanh huyền hoặc, liêu trai như tiếng những giọt nước mắt rơi trong đêm tiễn đưa buồn của nàng thục nữ. Giọng anh nhẹ như hơi thở:

- Rồi thời gian sẽ giúp em quên. Anh mong em sớm tìm được hạnh phúc.

- Chuyện đó có thể được sao anh? Giờ đây tim em còn rỉ máu, em chỉ muốn anh mãi thuộc về em dù với hình thức nào: người yêu hay anh họ.

Huấn đưa tay vỗ đầu tôi:

- Được rồi, ngoan đi cô bé. Anh sẽ mãi là anh của em.

Tôi thấy vơi được phần nào phiền muộn, tâm tư bớt đi một chút xót đau, ray rứt. Tôi ngước nhìn lên, vâng trăng khuya vẫn lẻ loi cô độc ở một góc trời. Đó là anh phải không Huấn? Anh mãi cô đơn thế sao? Tôi nói với Huấn:

- Anh biết không, em đã từng ví anh như vầng trăng khuya. Em tự hứa với lòng sẽ giúp anh không còn cô đơn, yếu ớt, nhạt mờ, nằm bơ vơ ở khoảng trời xa xa đó nữa. Nhưng bây giờ em đành bất lực rồi, anh vẫn như vầng trăng kia, không có gì thay đổi.

- Không đâu, anh đã thay đổi rồi, anh đã có được đại gia đình, anh đã có tổ tiên, có cội nguồn.

- Anh nói không sai, ít ra anh còn được niềm an ủi nho nhỏ đó. Nhưng có điều đáng buồn là… chúng ta sẽ mất nhau từ đây.

Huấn thở dài yên lặng thật lâu… rồi anh nắm tay tôi đứng lên, chầm chậm bước đi. Đêm buồn hoang vắng lê thê, đường về hun hút cô liêu, gió rì rào như nỉ non than khóc, như nuối tiếc cho một cuộc tình ngang trái, bẽ bàng. Trên cao vầng trăng khuya vẫn đồng hành, vẫn soi sáng, vẫn theo dõi chúng tôi qua từng bước chân rã rời, tuyệt vọng. Tôi mong đêm nay sẽ dài vô tận, mong trời đừng mau sáng để tôi còn được gần anh thêm chút nữa vì mai đây… Ôi! Ai biết được ngày mai!

Hôm sau khi tôi thức dậy thì Huấn đã đi rồi, đi không một lời từ giã. Tôi giận anh quá vô tâm, hờ hững, nhưng mẹ tôi bảo anh có để lại cho tôi mấy dòng chữ:

"Quỳnh Chi,

Tạm biệt em anh đi, đi khi trời chưa sáng tỏ, khi vầng trăng

khuya còn lơ lững giữa khung trời, vầng trăng kỷ niệm của anh em mình. Anh hy vọng nó sẽ theo dõi và soi sáng đường em đi cho tới khi nào em tìm thấy hạnh phúc thật sự. Ngày đó anh sẽ về để chúc mừng em…"

Tôi thẫn thờ buông rơi tờ giấy và lẩm bẩm:

- Không đâu, vầng trăng ấy đã đi rồi, đã mờ khuất cuối chân trời, không còn nữa. Vĩnh biệt anh, Huấn ơi!

Từ đó Huấn không có tin tức, thư từ gì cho tôi cả. Tôi có muốn kêu gào, than khóc cũng không ai quan tâm, không ai hiểu được niềm u ẩn trong tôi.

Hai năm trời tôi mang nỗi buồn thầm lặng. Bao nhiêu mùa trăng qua rồi mà người đi vẫn biền biệt ở phương nào. Tôi khắc khoải chờ mong, tôi ngóng tin mòn mỏi. Một ngày kia tôi được tin anh từ bác Ba, bác Ba đã nhận xác anh ở Bệnh Viện 3 Dã Chiến- Mỹ Tho. Anh bị thương nặng trong cuộc hành quân vào mật khu Việt Cộng ở Đồng Tháp Mười, được đưa về bịnh viện ở Mỹ Tho và trút hơi thở cuối cùng nơi đó. Thì ra anh đã để địa chỉ liên lạc với gia đình bác Ba, chứng tỏ anh muốn là người của gia tộc tôi, là anh của tôi. Bác Ba và ba tôi không an táng anh trên vùng đất quê nội mà lại đưa anh nằm trong Nghĩa Trang Quân Đội- Cần Thơ. Bác Ba cho là để anh nằm chung với anh em cùng chiến tuyến anh sẽ thấy ấm cúng hơn.

Một chiếc quan tài phủ lá Quốc kỳ với vòng hoa buồn lặng lẽ đưa anh đến tận ngút ngàn xa. Hai hàng lính âm thầm tiễn biệt đồng đội, những phát súng rền vang đưa người chiến sĩ anh hùng giã từ cuộc chiến lần cuối… Tôi không còn biết được cảm giác của mình ra sao lúc đó. Buồn bã kia nối tiếp đớn đau nầy làm tôi không còn nước mắt để khóc cho một cuộc chia ly vĩnh viễn. Tôi chỉ biết rằng tôi sẽ không còn ai để chờ, để đợi, để hy vọng một ngày ai kia trở lại. Như ý nguyện của anh, bác Ba đã đem linh vị anh đưa về nhà Từ Đường cùng thờ chung với tổ tiên.

Từ đó đời tôi khép kín như cổng chùa hoang. Tôi né tránh

bạn bè và những người quen biết. Tôi sống âm thầm buồn bã như chiếc bóng và quên mất tuổi đôi mươi hoa mộng của mình. Tôi không thể phân biệt được tình cảm của tôi đối với Huấn là tình yêu ngày nào còn đọng lại hay niềm thương mến, luyến lưu người anh cùng huyết thống. Tôi chỉ biết mất anh rồi tôi thấy đời mình rơi xuống vực sâu đen tối, tôi không còn sức lực để đứng lên. Ngoài thời gian sống với gia đình tôi chỉ biết đi chùa nghe kinh kệ để tìm sự bình an cho tâm hồn, để vơi đi niềm đau khổ và cuối tuần thì đến nghĩa trang thăm anh. Nhiều khi tôi ngồi rất lâu bên mộ anh than thở, thì thầm tâm sự, chia xẻ buồn vui cùng anh, qua màn hương khói nhạt mờ tôi thấy anh đang mỉm cười như vỗ về, như an ủi đứa em gái đáng thương, tội nghiệp.

Thời gian lặng lẽ đi qua, tôi như cánh bèo giữa dòng sông cứ trôi mãi, trôi qua bao nhiêu bến bờ vẫn không dừng lại một nơi nào. Rồi đến một ngày kia cuồng phong bão tố từ đâu ập đến làm cho quê hương non nước tôi tan tành sụp đổ, và tôi phải đành rời xa xứ sở, bỏ lại sau lưng tất cả…

*

* *

Bài hát từ nhà Victor vẫn còn vang vang bay sang, những lời khẩn khoản thiết tha, van xin người đừng bỏ đi, người hãy quay trở về vì sự ra đi nào cũng để lại luyến lưu, trống vắng, đớn đau cho cảnh cũ, người xưa…

"...Now I hear that you must leave me.
...Then say not good-bye
Come back again beloved.
Come back to Sorrento or I must die."

Lòng tôi chợt bùi ngùi xúc động và như có một động lực nào đang hối thúc, giục gĩa tôi hãy trở về cố hương. Mặc dù nơi ấy bây giờ đã đổi thay nhưng với tôi vẫn còn, tôi còn đó…

Quê hương ơi, tôi sẽ trở về, tôi phải trở về một lần để tìm lại vầng trăng khuya năm ấy, vầng trăng kỷ niệm của anh và

tôi. Vầng trăng mờ nhạt, mong manh, huyền bí từng soi đường dẫn lối cho những bước chân buồn rời rã của hai đứa lang thang suốt đêm dài đầy nước mắt.

Tôi sẽ trở về để thăm lại người anh thương mến đang yên giấc miên trường dưới vầng trăng khuya nơi quê cũ.

**Sau năm 1995, bọn cầm quyền cộng sản đã đập bỏ cầu Tham Tướng và lấp bằng khúc sông đó để xây cất, mở rộng thành phố. Một di tích lịch sử đã có trên 200 năm đã bị xóa mất vĩnh viễn.*

*** Giọt Buồn Không Tên – Anh Bằng.*





Những Cấp Chỉ huy Tuyệt Diệu

(I can't change the direction of the wind, but I can adjust my sails to always reach my destination. – JIMMY DEAN)

Bài viết của TrantuanngocK28

Việt Nam là một nước nhỏ và lịch sử của Việt Nam luôn luôn dính liền với chiến trận không nội chiến thì cũng ngoại chiến để chống trả lại ông láng giêng không lồ Đại Hán. Nay ông láng giêng với dân số trên 1 tỉ 300 triệu, đang thèm muốn nhổ luôn cái gai Việt Nam và gieo ảnh hưởng tới các nước láng giềng bên cạnh. Việt Nam với một dân số chưa đầy 100 triệu dân liệu có đủ sức giữ bờ cõi phen này?

Trong đợt đầu bài sưu khảo này, chúng ta sẽ tìm hiểu một số những cấp chỉ huy tuyệt diệu có tầm vóc quốc gia bắt đầu là ông hoàng của tình báo Do Thái Mossad: Yitzhak Hofi, tới Supeman của Mossad là Meir Dagan, và sau cùng là Con hổ của Malaya, Nhật Bản.

Yitzhak Hofi (1927-2014)

Ông Hoàng Của Tình Báo Do Thái Mossad

(Hệ quả của một quốc gia này ngày hôm nay là kết quả của tầm nhìn và quyết định của các nhà lãnh đạo của quốc gia đó trước cả vài thế hệ)

TrantuanngocK28

Israel soldier, head of Mossad
Sinh tại: Tel Aviv, 1927
Mất tại: Ramat Gan, Israel, thọ 87 tuổi

Yitzhak Hofi sinh ra tại Tel Aviv. Ông gia nhập Haganah, (tiền thân của Quân Đội Do Thái) vào năm 1944 và đã chỉ huy một đơn vị trong trận đánh giữa Ả Rập và Do Thái vào năm 1948. Sau đó, ông tiếp tục phục vụ trong quân đội Do Thái với nhiều chức vụ khác nhau, từ nhiệm vụ điều hành quản trị đến huấn luyện tác chiến cho binh sĩ.

Vào năm 1973, ông chỉ là viên chỉ huy cao cấp của Quân Đội Do Thái (IDF), trong trận đánh nổi danh có tên là Yom Kippur War tại mặt trận phía Bắc Do Thái. Ngay sau đó, 1974, Yitzhak Hofi tạm thời được chỉ định để giữ chức Tổng Tham Mưu Trưởng Liên quân một thời gian ngắn trước khi chính thức trở thành ông Hoàng trong làng điệp báo Do Thái (Mossad).

Cuộc giải cứu ngoạn mục một chuyến bay hàng không Air France bị cướp vào tháng 7, 1976 tại phi trường Entebbe International Airport đã đưa ông nổi danh như cồn trong làng điệp báo với tài sử dụng mạng lưới tình báo: thu lượm, phối hợp tin tức về phi trường và lên kế hoạch chớp nhoáng với mạng tình báo của Do Thái tại Kenyan để bí mật đổ tiếp liệu cho toán phi tuần tại Nairobi, chở toán đặc nhiệm tiếp tục như bóng ma bay cấp tốc đến Uganda từ Do Thái.

Chính điệp vụ giải cứu này đã trở nên mối đau đớn triền miên không quên cho Thủ tướng Do Thái Netanyahu hiện thời. Người anh của ông tên Yonatan Netanyahu là người chỉ huy đặc nhiệm này đã hy sinh trong nhiệm vụ mà lẽ ra có thể tránh được vì những kẻ kiệt xuất của họ đặt quốc gia trên hết.

Cái hay của người giỏi cầm quân lại vừa giỏi ngoại giao là ngay sau đó, Yitzhak Hofi đã bước những tiến quan trọng để đưa đến bình thường hóa với khối Ả Rập, không còn chiến tranh lạnh trước khi dẫn đến hội nghị Trung Đông sống chung

hoà bình, hội nghị vào năm 1979 tại Camp David cũng làm ông nổi danh không kém cuộc giải cứu 1976.

Yitzhak Hofi mất vào ngày 15 tháng 9, 2014.

Thủ tướng Do Thái Menjamin Netanyahu ca ngợi Yitzhak Hofi không hết lời về cả cuộc đời dấn thân bảo vệ đất nước Do Thái của ông.

Lời ca ngợi này không có chút gì gọi là quá khen vượt quá tài của ông, vì ông vốn đã được nổi danh là một trong những người chỉ huy giỏi trong quân đội và kiệt xuất trong tài tổ chức để khối tình báo Do Thái. Mossad trở thành cơ sở điệp báo hiệu quả hàng đầu của thế giới suốt những năm 1974 tới 1982 và đang kéo dài đến tận những năm sau này.

Trong thời kỳ làm ông trùm điệp báo của Mossad, làng tình báo Do Thái đã bẻ gãy vô số những kế hoạch khủng bố của những chiến binh phe đối nghịch cuồng tín luôn tìm cách tiêu diệt Israel. Đồng thời, chính ông, Yitzhak Hofi đã lên kế hoạch không lô đê đưa dân Do Thái bị tản lạc cả 2.000 năm khắp nơi trên thế giới, giúp họ trở về miền đất hứa ngàn xưa. Bằng cách tra cứu tài liệu, những nhà lịch sử Do Thái, đã đi tìm những dòng dõi lưu lạc nhiều đời tại Phi Châu, cho đến dòng dõi ở trong tận nội địa Liên Xô. Ông thương thảo với lãnh tụ của các nước bằng mọi cách để giúp những người Do Thái tìm về lại đất nước tổ tiên từ ngàn xưa.

Yitzhak Hofi, xuất thân từ thế hệ lập quốc Do Thái vào năm 1948, phục vụ trong Palmach, một đạo quân sơ khai bao gồm cả đàn bà và thanh niên. Họ thoạt đầu được quân đội Anh Quốc bảo bọc và cung cấp vũ khí, vì cùng chung chiến đấu với Nazi, Đức Quốc Xã. Nhưng sau Đệ Nhị Thế Chiến, nước Anh quyết định không thể trợ cấp nữa. Trong sự sống còn, họ vẫn không đầu hàng, mỗi người đều nhận có trách nhiệm, thế rồi vươn lên từ trong sa mạc nóng cháy và hình thành quân đội cho chính họ.

Sức sống mãnh liệt của những con người quả cảm đầu tiên

này đã dẫn đến sự tồn tại của dân tộc Do Thái cho đến ngày hôm nay.

Vào năm 1948, khi Do Thái tuyên bố thành lập quốc gia, thì Yitzhak Hofi đã gia nhập ngay Palmach, tiền thân quân đội Do Thái này, để xây dựng từ đó một Quân Đội Do Thái (Israeli Defence Forces) hùng mạnh. IDF đã mau chóng đủ sức để bảo vệ cho chính quốc gia họ. Qua một phần tư thế kỷ, Yitzhak Hofi đã trải qua nhiều chức vụ khác nhau và leo dần lên đến một trong những người nòng cốt có trọng trách bảo vệ quốc gia Do Thái.

Nổi bật qua những trận đánh do ông chỉ huy tại mặt trận tiền phương phía Bắc, tại Syria, trong trận chiến được biết dưới tên là Yom Kippur, năm 1973 với khối Ả Rập. Yitzhak Hofi đã được Thủ tướng Do Thái bấy giờ là Yitzhak Rabin nhìn ra kẻ tài ba, và không ngần ngại đưa ông thành đầu não của điệp Báo Mossad ngay sau đó.



Yitzhak Hofi, 1972, hai năm trước khi trở thành Ông Hoàng Khối Tình báo Mossad.

Mặc dầu chưa có kinh nghiệm nhiều về ngành tình báo, nhưng không ai có thể phủ nhận được chính Yitzhak Hofi đã tổ chức lại mạng lưới và đưa Mossad nổi danh như cồn.

Dưới quyền chỉ huy của ông, hai việc tình báo Mossad đã hoàn tất:

Thứ nhất, truy lùng đến tận chân trời góc biển, những nhân viên Đức Quốc Xã, tàn sát dân Do Thái trong Đệ Nhị Thế Chiến. Những người này lẩn quất tản mạc khắp nơi trên thế giới. Hầu như là bí mật bắt cóc những tay này để mang về Do Thái, đưa ra toà án để truy lại tội ác của họ và đồng thời truy

tận diệt quân khủng bố không cho ngóc đầu được.

Thứ hai, vỗ về làm hoà với khối Ả Rập. Đây là một bước rất khôn ngoan để phát triển quốc gia bên cạnh khối Ả Rập khổng lồ, kẻ thù không đội trời chung từ ngàn xưa với dân Do Thái.

Sau đây là tóm lược của hai biến cố đáng cho chúng ra suy ngẫm. Đó cuộc đánh giải cứu chuyến bay Air France bị bắt cóc năm 1976 và trận đánh để đời Yom Kippur, 1973.

Chuyến Bay Air France, 1976: Vào ngày 27, June 1976, chuyến Air France mang 248 hành khách, bay từ Athens tới Paris đã bị những thành viên khối Tiền Phong Tự Do[1] cực đoan và Nhóm Đức Vùng Lên[2] của Palestine bắt cóc. Chuyến máy bay hạ cánh ở Entebbe, gần Kampala, thủ đô của Uganda.

Tại Uganda, chính phủ của Idi Amin dường như khoái chí cuộc bắt cóc này. Khối hành khách được nhanh chóng chia ra hai nhóm, riêng nhóm 106 người Do Thái thì bị bắt giữ cùng với viên phi công, còn tất cả những hành khách khác được thả ngay sau khi máy bay hạ cánh. Kế hoạch giải cứu được tình báo Mossad cấp tốc hoạch định ngay sau đó.

Theo một bài báo của Do Thái, thì Yitzhak Hofi đã nhanh chóng nhìn ra một kẻ hở của đối phương mà Do Thái có thể khai triển một cuộc giải cứu. Đó là phi trường Entebbe đòi hỏi các phi công phải bay quanh nhiều vòng trên không phận của phi trường và tuân theo một số đòi hỏi của đài kiểm soát không lưu trước khi được phép hạ cánh. Chính điều này đã giúp cho cơ quan tình báo của Do Thái chụp vô số những bức ảnh để lên kế hoạch giải cứu con tin. Cũng qua những chuyên bay vòng vòng trên bầu không lưu này, nhóm đặc nhiệm đã tiếp xúc với nhân viên tình báo tại Kenya để xác định chính xác từng địa điểm khi bay trở về phi trường Nairobi của Kenya để đổ nhiên liệu.

---

1 Popular Front for the Liberation of Palestine

2 German Revolution Cells

100 người biệt kích commandos bay trên 4.000 Km từ Do Thái tới Uganda để giải cứu con tin. Cuộc hành quân, trong vòng tuần lễ hoạch định, chỉ kéo dài 90 phút và 102 con tin được giải thoát. Kết quả 5 người commandos bị thương, người chỉ huy đơn vị đặc nhiệm Thiếu tá Yonatan Netanyahu bị tử thương. Tất cả những tên giết người của Palestine, 3 con tin, và 45 lính Uganda bị hạ sát. 30 MIG-17s và MIG-21s của Uganda bị phá huỷ.



Yom Kippur War, 1973

Cuộc giải cứu không tặc này ngoạn mục đến nỗi nó gợi hứng cho bao nhiêu những tác phẩm giả tưởng và những cuốn film ở Hollywood.

Để biết tài của Yitzhak Hofi sử dụng quân trong trận chiến chúng ta cũng nên biết qua trận chiến Yom Kippur War, 1973.

Cuộc chiến này còn có tên khác là Trận chiến Tháng 10, kéo dài từ ngày 6, tới ngày 25 tháng 10, 1973 thì kết thúc.

Yom Kippur là ngày lễ trọng đại của dân Do Thái trong năm, được gọi là ngày "Sabbath của Sabbaths" là ngày xoá tội trong năm. Theo phong tục của Do Thái, ai cũng nhịn ăn uống, ngưng mọi làm việc mà chỉ tập trung vào cầu nguyện.

Dựa vào ngày này, khối Ả Rập, chính yếu là Syria và Egypt đã tấn công Do Thái đồng lúc vào cả hai mặt. Mặt trận phía Bắc cao nguyên Golan Heights và kinh đào Suez.

Trong lúc đang giữ nhiệm vụ bảo vệ mạn Bắc Do Thái, thì

Yitzhak Hofi đã báo động trước khá lâu cho Moshe Dayans, bấy giờ là Tổng trưởng Quốc phòng. Yitzhak Hofi cho biết là quân Syrian đã tập trung 1.400 xe tăng ở ngay biên giới Golan Heights, trong khi đó số lượng tăng của Do Thái chưa đến 150.

Lực lượng hai bên

Lãnh đạo Do Thái bấy giờ là bà Golda Meir, một người đàn bà giữ chức vụ Thủ tướng, là người đầu tiên được mệnh danh là người đàn bà sắt đá (Iron Lady) trước cả Thatcher, Thủ tướng của Anh Quốc sau này. Bà đã đánh giá khả năng của Yitzhak Hofi hơn hẳn vị tướng nổi danh trong mọi trận chiến là tướng độc nhãn Moshe Dayans. Chính vì thế ngay sau trận chiến kết thúc toàn bộ cấp chỉ huy của Do Thái đã phải thay đổi và Tướng Moshe Dayans đã phải rời khỏi quân ngũ và trở về dân sự.

Còn phía bên khối Ả Rập, Tổng thống của Ai Cập là Anwar Sadat, xuất thân từ hàng tướng lãnh, vốn là người đã có nhiều kinh nghiệm chiến tranh với Do Thái, trong các trận đánh lớn trước kia.

Vào ngày thứ Bảy mùng 6 tháng 10, 1973 cả hai quân đội Ai Cập và Syria đồng tấn công vì biết hôm đó là ngày cực thánh của Do Thái. Nghĩ rằng Do Thái bận rộn với ngày lễ khiến việc phòng thủ bị suy yếu, hai nước này đã có quyết định như trên.

Số lượng quân của cả Ai Cập và Syria ngang với toàn thể lực lượng của khối NATO hiện diện tại Âu Châu bấy giờ. Số xe tăng thì như đã nói bên trên là 150 tăng của Do Thái chọi với 1.400 tăng của Syria.

Còn ở Kinh đào Suez thì tình hình còn tệ hơn, chỉ có 500 lính Do Thái chọi với 80.000 lính Ai Cập.

Khối Ả Rập yểm trợ Ai Cập:

- Iraq với 18.000 quân và đội máy bay chiến đấu MIG

fighters.

- Saudi Arabia và Kuwait trợ giúp chi phí chiến tranh.

- Saudi, cung cấp vào khoảng 3.000 quân tinh nhuệ.

- Libya cung cấp những chiến đấu cơ sản xuất từ Pháp: Mirage và trong những năm 1971-1973 đã chuyển ngân cho Ai Cập, để tối tân hoá quân đội với 1 tỉ Mỹ Kim để mua vũ khí từ Liên Xô.

- Các quốc gia nhỏ trong khối Ả Rập khác bao gồm: Tunisia, Sudan, và Morocco. Riêng Jordan đã gởi trực tiếp hai binh đoàn thiết kỵ và ba đội pháo binh để giúp cho Syria. Chưa kể một lòng nhiệt tình của Jordan sẵn lòng tử vì đạo, xin lao ra chiến trường đánh Do Thái. Nhưng việc này không được thực hhiện vì King Hussein của Jordan bị nghi ngờ thân Mỹ nên đã không được tham dự kế hoạch.

Đối đầu với một lực lượng quá hùng hậu như vậy, quân đội Do Thái thoạt tiên đã bị nhanh chóng đè bẹp một cách tàn nhẫn. Chỉ trong vòng hai ngày quân Ai Cập đã vượt qua kinh đào Suez và tiến xa cả 15 dặm vào thẳng bán đảo Sinai. Tương tự, quân đội Syrian đã tiến vào cao nguyên Golan Heights vào phía Bắc của Do Thái như chẻ tre.

Cho đến hết ngày 7 tháng 10, 1973. Quân Do Thái vẫn bị đè bẹp đến tận đất đen bởi hàng tấn đạn pháo kích. Khối Ả Rập khoái trá với thắng lợi dễ dàng. Nhưng vừa rạng ngày 8, tức hai ngày sau thì lực lượng tổng trừ bị của Do Thái bắt đầu đưa quân vào trận địa, tình hình đã đổi khác.

Tại cao nguyên Golan Heights, quân đội hùng hậu, bộ binh tùng thiết của Syria phải khựng hẳn lại khi lực lượng tổng trừ bị Do Thái tiến sát tới Damascus, thủ đô của Syria chỉ còn có 35 dặm bằng con đường chính từ Tiberias tới Damascus do chính chiến thuật chia cắt của Yitzhak Hofi vạch ra.

Dùng chiến thuật tương tự, lực lượng tổng trừ bị Do Thái tiến vào trục lộ nối liền kinh đào Suez với Ai Cập, đổ bộ đằng

sau lưng của đội quân hùng hậu đối phương, đánh thẳng vào thủ đô của Ai Cập là Cairo, nhanh đến nỗi chỉ còn cách 65 dặm là bước chân vào kinh đô ánh sáng đang rực rỡ, xe cộ đang chạy với chạy đèn đuốc sáng choang.

Đòn chiếu tướng vào thẳng hai thủ đô của cả hai nước đối phương quá hữu hiệu khiến cho khối Ả Rập phải điều đình ngưng bắn qua Liên Hiệp Quốc vào ngày 24 tháng 10, 1974.

Thế là Do Thái một lần nữa đã bẻ gãy tấn công của khối Ả Rập y hệt như trận chiến nổi tiếng 6 ngày trước kia.



Thủ tướng Golda Meir

Chiến thuật Yitzhak Hofi quá kiệt xuất trong lúc cấp thời, đường tơ kẻ tóc cứu dân tộc Do Thái thoát hiểm thêm một lần nữa. Yitzhak Hofi đã được Golda Meir, Thủ tướng Do Thái, đánh giá cao.

Tướng độc nhãn Moshe Dayan một đời trong chiến trận phải từ chức vì bị cho là thiếu tiên liệu và không chuẩn bị những tình thế có thể xảy ra. Ngay lập tức, tướng Yitzhak Hofi tạm thời được chỉ định giữ chức Tổng Tham Mưu Trưởng Quân đội, thay thế Tướng Dayan. Một thời gian ngắn sau thì ông thực sự điều hành toàn bộ cơ quan tình báo Mossad của Do Thái và nhanh chóng trở thành Ông Hoàng của làng điệp báo quốc tế.

Tháng 10, ngày 24 năm 1973, cả Ai Cập và Syria xin ngưng bắn. Hai bên lần nữa được điều đình qua Liên Hiệp Quốc mà khối Ai Cập đành phải cắn răng trèo trẹo để nhượng quyền kiểm soát sa mạc Sinai cho Do Thái để làm trái độn.

Cho tới tháng Giêng và tháng Hai, năm 1974. Hai bên Ai Cập và Do Thái lại nổ súng vào nhau, đồng lúc dọc theo kinh

đào Suez nhưng lần nữa vùng đất trái độn này đã cho phép Do Thái chận đứng trận đánh từ xa. Còn tại Golan Heights, đội quân Liên Hiệp Quốc lên tới 1.200 người được phái đến đây để giữ hoà bình từ tháng Năm, 1974.

Đến tháng 9-1975, Do Thái và Ai Cập đã ký thoả thuận đầu tiên làm nền tảng, và mãi đến 1977 mới tiến hành thoả ước đôi bên tại Camp David còn gọi là "Bước đầu Sadat".

Đối với những người Ả Rập cực đoan thì, Anwar Sadat, thủ lãnh của Ai Cập, là kẻ phản bội, vì thế ông đã bị ám sát bởi khối cực đoan vào năm 1981.

Yếu tố thành công của cuộc chiến tranh Yom Kippur này là:

1. Tinh thần binh sĩ rất cao, từ cấp chỉ huy đến binh sĩ đồng một lòng chiến đấu.

2. Hoa kỳ đã cung cấp tình báo chính xác cho ban tham mưu Do Thái. Máy bay tàng hình SR-71 Blackbird đã được đưa vào mặt trận bay trên vùng đang xảy ra chiến tranh, đã cho thấy từng vùng tập trung quân của khối Ả Rập từng giờ một. Từ đó ban tham mưu chiến tranh Do Thái đã tận dụng pháo binh, tấn công, cùng phối hợp quân để đánh vào những yếu điểm, làm gây thiệt hại trầm trọng cho đối phương.

3. Từ năm 1948, những đợt tấn công vào Do Thái đều do cả khối Ả Rập tấn công vì thế việc điều hành phối hợp giữa các tướng lãnh của các quốc gia gởi quân tới đã trở nên rối rắm và phức tạp. Nói đến đây chúng ta phải nhớ tới cuộc Đệ Nhị Thế Chiến, cuộc phối hợp theo phương pháp của Tướng Eishenhower đáng để chúng ta khâm phục và học hỏi. Một trong những môn học của thế kỷ này về điều hành là Project Management.

4. Không còn nghi ngờ gì về tình báo. Nó đã trở nên một vũ khí cực kỳ lợi hại. Nói đến đây chúng ta không khỏi chạnh lòng về đất nước mình. Người Việt chúng ta có thói quen ghét ai là ghét cả đường đi lối về, ghét đến nỗi không muốn biết,

không muốn tìm hiểu đối phương. Đây là một thói quen cần phải sửa đổi.

Thí dụ: Trong Võ Bị chúng ta có bao nhiêu người dùng được chữ Hoa? Đọc không được! Nghe không được! Không biết gì về địch thì 10 phần chưa đánh đã thấy một nửa thua. Còn người Hoa thì không bao giờ bỏ đi yếu tố trọng yếu này. Xưa kia nước ta chỉ có mỗi Mạc Đỉnh Chi khi vào triều đình Trung Hoa, đã biết từng người một trong triều đình họ, vì thế đã làm cho từ vua đến triều thần Trung Hoa bấy giờ phải khâm phục.

5. Hai điểm quan trọng của Do Thái thắng cuộc chiến tranh Yom Kippur 1973, một là tinh thần dân tộc Do Thái nằm trong huyết quản của từng người lính. Họ chỉ có một con đường là chiến thắng hay là quốc gia họ bị hủy diệt hoàn toàn. Điểm thứ hai là những người lính này đã có những người chỉ huy tuyệt diệu. Một trong những người kiệt xuất chính là Yitzhak Hofi.

References

1. http://en.wikipedia.org/wiki/Yitzhak_Hofi

2. The West Australian, Friday, October 17, 2014, Pg.98

3. http://www.historylearningsite.co.uk/yom_kippur_war_of_1973.htm

4. http://www.parkjets.com/sr-71-jt/

Tay Súng Tay Đàn

Thân Kính Tặng Các Anh Chiến Sĩ QLVNCH

Phạm Kim Khôi, K19

Nửa đêm chiến địa canh chừng giặc
Nghe tiếng mưa reo nhạc khúc trầm
Nghìn nốt sao trời rơi xuống thấp
Quanh vùng pháo địch cũng dần câm

Nắng sớm mai sương lấp lánh hồng
Mưa đêm cho mát núi đầy sông
Đường quê đất quyện chân giầy lính
Lính lại lên Đoài với xuống Đông



Khắp nẻo biên cương truy kích thù
Sông hồ có những lúc nên thơ
Vào đêm thanh vắng trăng bừng chiếu
Trái hoả châu vàng rực chiến khu

Thi vị pha vào lửa khói thiêu
Không quên quan sát phóng tầm theo
Đối phương phiá trước đang rình rập
Đầu súng bên mình trăng vẫn treo

Gian nan nhưng lính yêu đời lính
Tay sung tay đàn đi bón phương
Chiến sĩ Cộng Hoà luôn khác với
Những quân sinh Bắc tử Nam cuồng.

TIỂU ĐOÀN 5 NHẢY DÙ

TAI TRẬN TUYẾN ĐÈO M'DRAK (KHÁNH DƯƠNG)

■ *Tố Quyên, K16*

Phần 1

Chân thành cảm tạ:

- Giáo sư Jay Veith và Tiến sĩ Nguyễn Đức Phương đã cung cấp bản đồ khu vực M'Drack

- Các chiến hữu đã qua điện thoại hoặc điện thư tường thuật thêm nhiều chi tiết quý báu để tôi có thể kể lại diễn biến tại M'Drak những ngày cuối tháng 3/75:

- Ngô Văn Xuân, Trung Đoàn Trưởng/Tr.Đ 44/SĐ23
- Nguyễn Văn Giang, Giám Đốc Không Trợ QĐ II
- Trần Đăng Khôi, LĐT/LĐ3ND
- Nguyễn Hữu Thành, cựu TĐT/TĐ6ND
- Trần Công Hạnh, TĐT/TĐ2ND
- Trần Tấn Hòa, TĐT/TĐ 6ND
- Võ Trọng Em, TĐT/TĐ5ND

- Các SQ/TĐ5ND trong trận đánh tại đèo M'Drak: Trần Thanh Chương, Huỳnh Quang Chiêu, Huỳnh Hữu Sanh, Hoàng Bá Hương, Huỳnh Hiệp, Lê Hữu Dư, Tô Thành, Hoàng Đình Côi

Xin độc giả cùng tôi thắp một nén tâm hương tưởng niệm đến những anh em nhẩy dù và các quân binh chủng khác đã hy sinh xương máu cho chính nghĩa Quốc Gia tại đây.

Tố Quyên

TÌNH HÌNH CHIẾN SỰ TRƯỚC LÚC GIAO TRANH:

Tiểu Đoàn 5 Nhẩy Dù trấn đóng khu vực Bắc đèo Hải Vân được nửa tháng thì vào khoảng đầu tháng 1/1975, TĐ được lệnh vào tiếp nhận một khu vực hành quân của LĐ 3ND tại mặt trận Thượng Đức thuộc quận Đại Lộc tỉnh Quảng Nam.



Suốt thời gian hơn 2 tháng trấn giữ các cao điểm của dẫy núi Sơn Gà- Động Lâm, thuộc quận Đại Lộc tỉnh Quảng Nam,TĐ 5ND không có cuộc chạm địch nào đáng kể. Các cuộc tấn công thăm dò của địch vào các vị trí phòng thủ cấp trung đội của TĐ đều bị đẩy lui. Trong thời gian này, phần nhiều các trận đụng độ lớn đều xẩy ra ở dưới chân núi giữa địch với các TĐ 2, 6, 7 ND.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975 tin tức từ BCH/LĐ3ND cho biết VC bắt đầu tấn công thị xã Ban Mê Thuột (BMT) từ lúc 4 giờ sáng. BMT rơi vào tay địch khoảng 7 giờ tối cùng ngày.

Ngày hôm sau tin tức qua báo chí và các đài phát thanh Sài Gòn, BBC, VOA cho biết Mặt trận B 3 của tướng Hoàng Minh Thảo đã sử dụng 4 Sư đoàn bộ binh (F10, 320, 316, và 968), cùng 1 Trung đoàn chiến xa, 2 Trung đoàn Pháo và 1 Trung đoàn Đặc công để bất ngờ tấn công lực lượng trú phòng lúc đó chỉ gồm các quân nhân thuộc hậu cứ các đơn vị thuộc SĐ23 cùng các đơn vị Địa Phương Quân của BMT.

Thời gian này, Chuân Tướng Lê Trung Tường TL/ SĐ23 cùng BTL/ HQ đóng tại Hàm Rồng nằm dọc QL 14 ở phía Nam thị xã Pleiku khoảng 9km. Trung Đoàn 45 đang hành quân khu vực đèo Tử Sĩ nằm giữa Buôn Hô và Hàm Rồng. Đèo này nằm cách BMT khoảng hơn 40km. Trung Đoàn 44 đóng tại căn cứ 801 ở Tây Bắc Pleiku khoảng 20km. Trung đoàn 53 gồm 2 TĐ cơ hữu đóng tại phi trường Phụng Dực (phía Đông BMT khoảng 8km) bị VC tấn công từ lúc khởi đầu

để ngăn chặn trung đoàn này tiếp cứu BMT.

Mấy ngày sau đó tin tức chiến sự quanh việc tái chiếm BMT đều không rõ ràng. Ngoài SĐ23 ở BMT, để có đủ lực lượng, có lẽ Bộ TTM phải điều động thêm các đơn vị tổng trừ bị (Nhẩy Dù, hay Thủy Quân Lục Chiến) hiện đang hành quân tại khu vực Đà Nẵng và phía Bắc đèo Hải Vân hay các Liên Đoàn Biệt Động Quân của các quân khu khác.

Ngày 15/3/1975: TĐ nhận công điện của LĐ3ND trong đó cho biết TĐ 5ND sẽ được 1 TĐ/ TQLC trực thuộc LĐ 369 TQLC thay thế khu vực trách nhiệm. Toàn bộ LĐ 3ND và các TĐ 2, 5, và 6 ND trực thuộc hành quân sẽ được hải vận về Sài Gòn cùng TĐ 7 ND.

Ngày 16/3/1975: Việc thay quân bắt đầu từ khoảng 8 giờ sáng và hoàn tất lúc 5 giờ chiều. Khi xuống đến chân núi tôi thấy 2 người bạn cùng khóa VBĐL là Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc LĐT/ LĐ 369 TQLC và Trung Tá Đỗ Hữu Tùng LĐP đang đứng đợi. Thấy tôi, Phúc cười và nói:

- "Tụi nó đang đợi mày ở BMT đấy."

Tôi cho Phúc và Tùng biết đơn vị tôi được lệnh về Sài Gòn. Nghe nói thế Phúc cười và nói:

- "Sức voi mà về Sài Gòn giờ này. Thôi lên đó đi, tụi tao nghĩ có lẽ tương lai gần cũng về húc ở đó. Thôi chúc mày may mắn."

Từ biệt hai ông bạn vàng, tôi cho lệnh đơn vị lên xe, và TĐ 5ND được xa vận ra quân cảng Đà Nẵng. Tại đây Chuẩn Tướng Lê Quang Lưỡng TL/SĐND và Đại Tá Văn Bá Ninh TMT/SĐND ghé thăm TĐ. Tướng Lưỡng cho biết Bộ TTM lệnh cho SĐND lần lượt triệt thoái về Sài Gòn. Trong câu chuyện ông không đả động gì đến việc SĐND sẽ tham dự phản công tái chiếm BMT.

Khoảng nửa đêm thì 2 Dương vận hạm LST[1] 404 và 504

1 LST: Landing Ship Tank

chở toàn bộ LĐ 3ND/ HQ cùng TĐ 7ND rời quân cảng Đà Nẵng và trực chỉ Sài Gòn. LST 404 của Hải Quân Trung Tá Nguyễn Văn Lộc chở các TĐ 2, 5 và 6ND cùng ĐĐ 3 Trinh Sát. Chiếc LST 504 của Hải Quân Trung Tá Nguyễn Như Phú chở BCH/LĐ 3ND, các ĐĐ Công Vụ, Công Binh, Truyền Tin ND và TĐ 3/PBND.

Ngày 17/3/1975 & 18/3/1975: Toàn bộ LĐ 3ND/HQ hải hành từ quân cảng Đà Nẵng xuôi Nam trên 2 LST 404 và LST 504. Thành phần tiền trạm của các đơn vị sẽ do P4/ SĐND đảm trách phương tiện về Sài Gòn sau.

Ngày 19/3/1975: Khoảng 3 giờ sáng, Trung Tá Lộc Hạm Trưởng LST 404 cho xem 1 công điện của BTL/ HQ trong đó cho lệnh LST 404 đổ "hàng" xuống Nha Trang rồi quay trở lại Đà Nẵng. Vì tôi là SQND thâm niên nhất trên tầu nên sau khi đọc xong công điện tôi nói với Tr.T Lộc là ông cứ việc đổ "hàng" theo lệnh. Ông Lộc cười và nói,

- "Hàng là các đơn vị ND đấy".

Hơi bất ngờ tôi trả lời là sẽ liên lạc với Trung Tá LĐT/LĐ 3 Lê Văn Phát về việc này. Sau khi dùng ám danh đàm thoại qua hệ thống truyền tin trên DVH 404 nói chuyện với Tr.Tá Phát lúc đó đang lênh đênh trên chiếc LST 504, tôi được biết toàn bộ LĐ 3ND hành quân sẽ đổ quân lên Nha Trang và đặt thuộc quyền của QĐ II. Riêng TĐ 7ND tiếp tục được hải vận về Sài Gòn.

Khoảng 5 giờ sáng, LST 404 cập bến Cầu Đá Nha Trang, bãi biển lúc đó vắng tanh. Khi thấy lính ND tụ tập dài trên bãi biển, dân chúng Nha Trang bắt đầu kháo nhau và kéo đến đông nghịt. Khoảng 6 giờ, Đại Tá Lý Bá Phẩm, Tỉnh Trưởng Khánh Hòa, đi trên 1 chiếc xe jeep nệm trắng chạy tới. Tôi chào ông và nói chúng tôi còn chờ BCH/ LĐ.

Khoảng 7 giờ thì chiếc LST 504 tới. Trung Tá Phát cùng các TĐT/ ND lên xe trực chỉ BTL/ QĐ II lúc đó tạm trú tại

khách sạn Grand Hotel nằm trên đường Duy Tân nhìn thẳng ra bãi biển Nha Trang. Tại đây tôi gặp Trung Tá Không Quân Nguyễn Văn Giang, là Giám Đốc Không Trợ của QĐ II, một người bạn học CVA cũ. Anh Giang cho biết là QĐ đã được lệnh bỏ Pleiku và Kom Tum. Các đơn vị của QĐ II sẽ rút về đây và tái phối trí lại dọc theo các tỉnh miền duyên hải. Đang nói chuyện thì Thiếu Tướng Phạm Văn Phú TL/ QĐ II đến.

Vóc người dong dỏng với nét mặt thư sinh, người ĐĐT/ ĐĐ 54 của TĐ 5ND tại mặt trận Điện Biên Phủ ngày nào hôm nay có vẻ mệt mỏi và ưu tư. Sau khi nói chuyện với Trung Tá Phát ông quay sang các TĐT/ND và nói,

- "Các anh ráng chận chúng ở Khánh Dương cho tôi rồi mình sẽ tính sau."

Thấy huy hiệu TĐ 5ND trên vai áo tôi, ông vui vẻ bắt tay tôi và nói,

- "Có thằng TĐ 5ND ở đây là tôi phần nào yên tâm rồi."

Tôi chỉ cười và không trả lời vì biết rằng trong trận mạc muốn làm chủ được chiến trường, một đơn vị thiện chiến ngoài yếu tố tinh thần còn phải hội đủ được nhiều yếu tố chiến lược và chiến thuật khác.

Trước khi rời BTL/ QĐII/ HQ, tôi gặp riêng anh Nguyễn Văn Giang để tìm biết thêm về tình hình của QĐ. Khi tôi hỏi về tình hình các đơn vị của QĐ triệt thoái về đến đâu rồi thì Trung Tá Giang, nét mặt đanh lại trả lời,

- "Còn đang kẹt tại Phú Bổn. chưa biết về được nguyên vẹn không?"

Thấy thế tôi cũng không hỏi thêm. Khi tôi bắt tay anh để xuống thang lầu về họp với BCH/LĐ III, Giang siết tay tôi thật chặt và nói:

- "Cứ lên Khánh Dương đi. Tao còn ở đây thì sẽ dồn hết hỏa lực không trợ cho mày."

Rời BTL/QĐ II/ HQ trở về với đơn vị, Trung Tá Phát họp

các TĐT tại bãi biển để phổ biến kế hoạch di chuyển. Sau đó khoảng 10 giờ sáng toàn bộ LĐ 3ND trực chỉ Dục Mỹ trên đoàn quân xa khá dài. Đoàn xe theo yêu cầu của Tỉnh Trưởng Khánh Hòa đã chạy một vòng qua các phố chính của thành phố Nha Trang trước khi theo QL 1 để đi Ninh Hòa. Dân chúng hai bên đường vừa chỉ trỏ vừa vẫy tay khiến đa số anh em ND đều thấy ấm lòng qua sự tin tưởng của dân chúng. Từ Ninh Hòa, đoàn xe rẽ trái theo QL 21 để đi Dục Mỹ. Sinh hoạt của dân chúng ở đây có vẻ như chưa dao động sau tin BMT thất thủ.

LĐ 3ND tạm đóng quân tại phía Nam đèo Phượng Hoàng[2] lúc 3 giờ chiều.Trung Tá Phát sau đó họp các đơn vị trưởng và ban lệnh hành quân. Sau buổi họp, tôi lấy xe chạy vào TTHL/ BĐQ Dục Mỹ gặp Đại Tá Nguyễn Văn Đại CHT/ Trung Tâm và Trung Tá Nguyễn Thế Phồn, Trưởng Phòng 4, để xin thêm một số cấp số đạn dược.

TÓM LƯỢC LỆNH HÀNH QUÂN:

TÌNH HÌNH:

Địch: Lực lượng địch do Tướng Vũ Lăng chỉ huy gồm:

- SĐ/ F10: Tư lệnh là Thượng Tá Hồ Đệ. F10 gồm 3 trung đoàn: Tr. Đ 24 của Thiếu Tá Phùng Bá Thường

Tr.Đ 28 của Thiếu Tá Nguyễn Đức Cẩm

Tr.Đ 66 của ThiếuTá Nguyễn Đình Kiệp.

-Tr.Đ 25/ 320 của Thiếu Tá Lộ Khắc Tâm (SĐ 320 của Thượng Tá Nguyễn Kim Tuấn)

-Tr.Đ 273 chiến xa của Thiếu Tá Lê Mai Ngọ

-Tr.Đ 40 Pháo của Thiếu Tá Nguyên Hữu Vinh

-Tr.Đ 198 Đặc công của Thiếu Tá Trần Kình

Theo tin tức mới nhất của Phòng 2/ QĐ II thì sau khi chiếm được Ban Mê Thuột địch dự trù để SĐ 316 trấn giữ và tổ chức

2 Đèo Phượng Hoàng: đoạn QL 21dài khoảng 3km chạy giữa 2 dẫy núi Chư Giung và Chư Bli, nằm cách Dục Mỹ khoảng hơn 10km về hướng Tây – Tây Bắc.

củng cố phòng ngự BMT nhằm ngăn chặn các cuộc phản công của VNCH. Sau khi tái tổ chức chúng sẽ tiếp tục sử dụng SĐ/ F10 làm nỗ lực chính được tăng cường thêm Tr.Đ 25 của SĐ 320 để tiếp tục tiến chiếm Nha Trang. Cùng phối hợp tác chiến với F 10 là các đơn vị chiến xa, Đặc công và Pháo nói trên nhằm chọc thủng các tuyến ngăn chặn của các đơn vị VNCH trên trục tiến quân chính của chúng là QL 21.

Bạn:

1/ BTL/ SĐ 23/ HQ gồm TrĐ 44(-) của Trung Tá Ngô Văn Xuân và Tr.Đ 45 của Đại Tá Phùng Văn Quang, tại gần đồi Chư Cúc (226-167) thuộc quận Phước An. Chư Cúc ở khoảng 22km Đông Bắc BMT.

2/ Liên Đoàn 21 BĐQ, LĐT là Trung Tá Lê Quý Dậu, ở khu vực phía Đông thị xã BMT và phía Nam Buôn Hô.

3/ 1 TĐ của Tr.Đ 40/ SĐ 22 đóng tại Chư Cúc (phía Đông BMT khoảng 42km) cùng với 2 TĐ/ ĐPQ thiện chiến của thị xã Phan Rang, còn TrĐ 40 (-) do Trung Tá/ Tr.ĐT Nguyên Thành Danh trừ bị tại phía sau. [2TĐ/ ĐPQ Phan Rang trực thuộc BCH nhẹ của Trung Tá Nguyễn Công Ba, TKP Ninh Thuận gồm TĐ 250 Thần Ưng của Thiếu Tá Trần Văn Kia trấn giữ đồi 519 (ngay sát QL 21 và cách quận lỵ Khánh Dương18km), và TĐ 231 Thần Hổ của Thiếu Tá Nguyễn Duy Hoàng nằm giữa quận lỵ Khánh Dương và đồi 519.]

4/ 2 TĐ/ ĐPQ thuộc Liên Đoàn 922 ĐPQ thuộc Tiểu Khu Khánh Hòa đảm trách các cầu cống trên phần QL 21 thuộc TK/ Khánh Hòa.

5/ Tăng phái: Chi Đoàn 2/ Thiết Đoàn 19 của Đại Úy Nguyễn Xá gồm 22 chiếc M 113 được tăng phái cho LĐ 3ND.

6/ Không yểm: SĐ 6 Không Quân tại Phan Rang trực tiếp yểm trợ không hỏa lực cũng như tản thương.

KHU VỰC HÀNH QUÂN:

Đèo M'Drak là khúc đường trên Quốc Lộ 21 dài khoảng

28km, đầu đèo cách BMT 96km. Đoạn đường đầu đèo dài 4km này nằm giữa hai dẫy núi khá cao, vách núi dựng đứng. Phía Bắc con đường là các triền của chòm núi Chư Kroa với đỉnh cao 958m, phía Nam con đường là các triền của các núi nhỏ hơn mà đỉnh cao nhất là 609m.

Từ đỉnh đèo có thể quan sát thấy được sân bay nhỏ nằm ở phía Đông Nam quận Khánh Dương. Về phía Tây Bắc đỉnh đèo khoảng 2km là Tỉnh Lộ 98 đi qua nhiều buôn làng trước



Tiểu Đoàn 5 nhảy Dù tại Khánh Dương, 1975.

khi tới Củng Sơn, Tuy Hòa. Sau đoạn đầu đèo chạy theo hướng Đông Tây khoảng hơn 2km thì con đường rẽ quặt 90 độ về Nam rồi tiếp tục uốn lượn giữa những triền đồi cao nằm hai bên đường theo hướng Nam-Đông Nam cho tới chân đèo. Chân đèo hay đèo Phượng Hoàng nằm kẹp giữa các vách dựng đứng của dây Chư Giung (677m) năm phía Đông Băc và dây Chư Bli (993m) nằm ở phía Tây Nam. Chân đèo cũng là ranh giới trên QL 21 giữa quận Khánh Dương và quận Ninh Hòa.

Các triền đồi ở hai bên đường phần lớn là dựng đứng trên đó là những khu rừng nhiệt đới gồm các cây cao rậm rạp và những lùm bụi nhỏ xen lẫn cỏ tranh. Khoảng 10 cây cầu xi măng nằm trên các đoạn có các sông suối nhỏ chảy ngang qua

đường. Mặt đường trải đá và tráng nhựa và lưu thông được hai chiều tuy bề mặt đường hơi nhỏ. Cư dân trong khu vực này là người dân Ê Đê sống tập trung trong các buôn làng ở gần hai bên đường. Đông nhất là tại buôn Ea Thi có khoảng trên 500 người. Người dân ở đây hiền lành chất phác và sinh sống bằng nghề làm rẫy, săn thú và tiểu thủ công nghệ. Một số gia nhập Địa Phương Quân và Nghĩa Quân, đảm nhiệm canh giữ mấy cây câu trên đèo M'Drack.

NHIỆM VỤ

A/ Giai đoạn I: LĐ 3 ND chiếm giữ toàn bộ khu vực đèo M'Drak. Sử dụng lực lượng cơ hữu tổ chức 2 tuyến phòng ngự chính tại đỉnh đèo và khúc giữa đèo. Ngăn chận địch không cho qua các tuyến phòng ngự này.

B/ Giai đoạn II: Sẵn sàng hành quân cùng các đơn vị bạn phản công tái chiếm BMT khi có lệnh.

PHÂN CÔNG

1/ TĐ 5ND được tăng phái 1 chi đoàn TVX đảm nhiệm tổ chức tuyến phòng ngự I tại đỉnh đèo M'Drack (620-031). Đặt mìn chống chiến xa trước tuyến I đồng thời giật sập cây cầu xi măng tại (594-046) trên QL 21 khi có lệnh.

2/ TĐ 6ND tổ chức tuyến phòng ngự II tại khu vực giữa đèo M'Drak (663- 935). Chuẩn bị sẵn để có thể phá hủy mấy cây cầu xi măng phía trước tuyến II khi có lệnh

3/ TĐ 2 ND chiếm giữ khu vực cuối đèo (703 – 902) là lực lượng trừ bị của Lữ Đoàn. Tăng cường cho hai TĐ 5 & 6ND khi có lệnh

4/ TĐ 2/ PBND của Thiếu Tá Nguyễn Văn Triệu gồm 3 pháo đội, sử dụng mỗi pháo đội yểm trợ trực tiếp cho một TĐND. Chịu trách nhiệm phối hợp không pháo yểm theo lệnh của BCH/ LĐ 3ND.

5/ BCH/ LĐ 3ND/ HQ và Trung Tá LĐT Lê Văn Phát cùng BCH/ TĐ 2/ PBND của Thiếu Tá Nguyễn Văn Triệu đóng tại

khu vực gần Yếu Khu Dục Mỹ. BCH nhẹ do Trung Tá LĐP Trần Đăng Khôi đặt tại BCH/TĐ 2 ND

DIỄN TIẾN

Ngày 20/3/1975: Lúc 0800g, TĐ 5ND dùng xe di chuyển vào vị trí bố phòng tại tuyến I ở đầu đèo M'Drak. TĐ 5ND ổn định xong tại vị trí lúc 1500g.

TUYẾN I

Phối trí các ĐĐ/TĐ 5 ND như sau:

TĐ 5ND: Trung Tá TĐT Bùi Quyền cùng BCH đóng tại đỉnh đèo M'Drak ở cao điểm 609m (631-025). Các ĐĐ trấn giữ các cao điểm hai bên QL 21 gồm:

* ĐĐ 52 do Trung Úy Huỳnh Hiệp, là ĐĐT, đóng tại cao điểm 810m (617-045) chịu trách nhiệm từ tọa độ (617-045) tới tọa độ (620-047). Thiếu Tá Võ Trọng Em, TĐP và BCH nhẹ đặt tại đây cùng với hỏa tiễn T.O.W chống chiến xa.

* ĐĐ 53 do Trung Úy Hoàng Bá Hương, là ĐĐT, án ngữ khu vực bên trái QL 21, BCH/ ĐĐ đóng tại 610m (616-028) chịu trách nhiệm từ tọa độ (605-027) tới tọa độ (614-030).

* ĐĐ 54 do Trung Úy Lê Công Vũ, là ĐĐT, án ngữ khu vực cao độ bên phải QL21. BCH/ ĐĐ đóng tại cao điểm 610m (614- 039) chịu trách nhiệm từ tọa độ (615- 035) tới tọa độ (614- 046)

* ĐĐ 51 do Trung Úy Huỳnh Hữu Sanh là ĐĐT, trừ bị cho TĐ đóng tại cao điểm 572m (643-030). Chỉ huy đơn vị theo tùng thiết chi đoàn TVX/ M 113 tăng phái khi có lệnh.

* ĐĐ Đa Năng do Thiếu Úy Tô Thành chỉ huy trách nhiệm tuần tiễu dọc hai bên con suối Ea Krong Hin đồng thời sử dụng 1 trung đội cùng 2 chiếc M 113 và 1 xe jeep có gắn khẩu 106mm không giật làm tiền đồn và bố trí tại khu đồi nhỏ và rậm rạp (599-045) để *kiểm soát* cây cầu (594-046) trên QL 21 nằm giữa đèo M'Drak và sân bay Khánh Dương

* Chi đoàn 2/19 Thiết Kỵ của Đại Úy Nguyễn Xá tăng phái cho TĐ gồm 22 chiếc M 113, lợi dụng những khoảng lõm ẩn khuất giữa các vách núi hai bên QL 21 để giấu xe và là lực lượng trừ bị của TĐ. Chi đoàn biệt phái cho ĐĐ Đa Năng 2 M113

* Pháo Đội A2 của Trung Úy Lê Thái Chân bố trí tại một khoảng đất trống (635- 021) nằm dưới chân đồi 609m và ở phía Tây QL21, yểm trợ trực tiếp cho 3 ĐĐ ở tuyến đầu.

Qua liên lạc, TĐ 5ND được biết vị trí của 2 TĐ 6 & 2 ND như sau:

TUYẾN II

TĐ 6ND. Trung Tá Nguyễn Hữu Thành TĐT cùng BCH/ TĐ đóng trên một khu đồi gần Buôn Ea Thi (675-918). Hai ĐĐ của TĐ 6ND trấn giữ các cao điểm hai bên đường từ tọa độ (658-929) tới (665- 929) phía Nam QL21 và từ tọa độ (668- 930) tới (668- 935) phía Bắc QL21. Th. Tá Trần Tấn Hòa, TĐP năm với 1 ĐĐ tại tọa độ (677- 932)

TUYẾN III

BCH nhẹ /LĐ 3ND & TĐ 2ND:

Bộ chỉ huy nhẹ của LĐ3ND và BCH/ TĐ2ND của Thiếu Tá Trần Công Hạnh, TĐT/ TĐ2ND cùng đóng trên một ngọn đồi (709 - 898) nằm ở phía Đông QL21 và gần sát QL.

Các ĐĐ đóng tại các cao điểm hai bên QL 21 gần BCH/TĐ.

Khoảng 1600g, tôi dùng xe jeep chạy thẳng lên quận Khánh Dương. Trên sân bay Khánh Dương từng đợt trực thăng vẫn lên xuống đều đặn, mỗi đợt đổ từng nhóm binh sĩ cùng gia đình dân chúng kể cả các gia đình của đồng bào sắc tộc. Những nhóm người này bồng bế trẻ con theo QL 21 dắt díu nhau đi bộ vượt qua đèo để xuôi về phía Dục Mỹ. Tại quận lỵ quận Khánh Dương, tôi gặp Trung Tá Điêu Ngọc Chuy, SQ Trưởng Phòng 2/ SĐ/ 23BB đang ngồi trên một thùng gỗ đựng đạn PB. Nét mặt mệt mỏi, anh Chuy, người bạn cùng khóa, cho

biết gia đình anh còn kẹt tại BMT và BTL/ SĐ 23/ HQ cũng sắp rời từ Chư Cúc về đây.

Tôi hỏi Chuy rằng thế hiện giờ Chuẩn Tướng Lê Trung Tường TL/ SĐ 23 hiện ở đâu, thì anh Chuy cho biết Tướng Tướng bị thương do trực thăng của ông bị trúng đạn phòng không 12mm8 của VC ngay sáng ngày 14/3/1975 khi ông bay từ Khánh Dương lên Phước An. Hiện giờ ông Tường đương nằm tại BV Nha Trang. Đại Tá Lê Hữu Đức hiện giờ Xử lý TL/SĐ và BTL/ HQ đã rời về ở đồi Chư Cúc và chắc sáng mai sẽ rút về đây.

Từ phía khu vực này tiếng bom đạn vẫn vang vọng về cùng với những cụm khói đen của những đám cháy tại đó. Đêm về, tại vị trí đỉnh đèo những hỏa châu do máy bay thả vẫn thấy đung đưa trên bầu trời của phía Tây quận lỵ Khánh Dương. Tình hình khu vực trách nhiệm của TĐ 5ND trong đêm yên tĩnh.

Ngày 21/3/1975: Khoảng 0800g, Trung Úy Sanh ĐĐT/ ĐĐ 51 báo về BCH/TĐ là 2 khẩu 105mm từ quận Khánh Dương đã kéo về và đang tổ chức vị trí tại phía trước đỉnh đèo (609-034). Tôi lấy xe jeep chạy lên khu vực đỉnh đèo quan sát. Phía bên trái QL 21 khoảng 500m cách đầu đèo M'Drak, 2 khẩu 105mm của TĐ63/ PB đang chĩa nòng súng về phía Tây Bắc, các pháo thủ đang lo chuẩn bị vị trí để sẵn sàng tác xạ.

Khu vực sân bay Khánh Dương không có gì lạ. Riêng từ phía quận Khánh Dương vẫn từng đoàn người lũ lượt đi bộ lếch thếch kéo về phía đèo. Liên lạc qua máy truyền tin với BCH/ LĐ, tôi được Trung Tá Phát cho lệnh cứ để cho những người dân chạy giặc này đi qua vì tại khu vực yếu khu Dục Mỹ đã có những toán an ninh quân cảnh hỗn hợp thanh lọc họ để tránh VC trà trộn. Trung Tá Phát cũng cho biết theo lệnh của Tướng Phú, tất cả lực lượng bạn ở phía trước đèo M'Drak sẽ lần lượt triệt thoái về phía sau tuyến I.

Lực lượng tăng viện cho tuyến Khánh Dương của LĐ 3ND

sẽ do QĐ II điều động đến sau khi các đại đơn vị của QĐ II triệt thoái từ Pleiku và Kon Tum về tới Tuy Hòa và Nha Trang.

Khoảng 0900g, quận Khánh Dương bị vài trái hỏa tiễn 122mm của VC pháo rải rác bên ngoài hàng rào quận.

Khoảng 1200g, một số tiếng nổ vang dội tại khu vực gần sân bay cũng như từ phía quận Khánh Dương. Chắc là VC đang điều chỉnh pháo binh để chuẩn bị trận địa. Từng đoàn dân chúng vẫn lũ lượt từ phía Khánh Dương chạy về.

Khoảng 1300g, Chuẩn Tướng Lê Văn Thân, Phụ tá Quân Khu II đáp trực thăng xuống một bãi trống bên QL 21 ở phía trước tuyến I. Tôi lái jeep đến cạnh bãi đáp để chào ông và tìm hiểu thêm tin tức. Tướng Thân cho biết các đơn vị của QĐ II triệt thoái theo Tỉnh Lộ 7B về Tuy Hòa bị VC pháo kích và chận đánh nên thiệt hại rất nặng. Ông cũng cho biết Sài Gòn sẽ gửi những đơn vị khác ra tăng cường cho tuyến Khánh Dương song không biết vào lúc nào. Tướng Thân cho biết BTL/ SĐ 23 sẽ rút về lập thêm phòng tuyến ở đây. Trong lúc nói chuyện tôi thấy một số binh sĩ đang dựng các cột thu phát sóng 292[3] trên một khu đồi cao gần bên đường.

Thình lình một loạt đạn pháo của địch rơi và nổ tung bụi đất ở phía Bắc cách bãi đáp chừng 7, 8 trăm thước. Tướng Thân vội vã lên trực thăng và rời khu vực.

Một lúc sau không biết do lệnh từ đâu mà 2 khẩu pháo binh 105 cũng như nhóm binh sĩ đang chuẩn bị vị trí cho trạm truyền tin với cột antenna 292 rời bỏ vị trí và rút qua đèo để xuôi về Nha Trang. Từ lúc đó cho đến nửa đêm chỉ thấy các nhóm dân chúng lũ lượt kéo nhau qua đèo. Những chiếc phi cơ A 37 của KQ vẫn đảo lộn oanh tạc trên vùng trời phía Tây của Khánh Dương.

Ngày 22/3/1975: Từ 0800g, đã thấy A37 nhào lộn oanh tạc trên vòm trời phía Tây Khánh Dương. Khoảng 1000g, Trung

3 Antenna 292 sử dụng để liên lạc khoảng cách xa bằng máy truyền tin dùng siêu tần số

Tá Lê Quý Dậu dẫn LĐ 21 BĐQ rút về đèo M'Drak. Trung Tá Dậu cho tôi biết là đơn vị của ông sau những trận đụng độ với VC tại Buôn Hô bị tổn thất khá nặng và bây giờ được lệnh triệt thoái về Nha Trang để bổ sung quân số và chỉnh trang đơn vị. Anh Dậu nhờ tôi cho mượn một xe jeep để chạy về tiền trạm của anh ở Dục Mỹ. Anh cho biết hỏa lực của địch rất mạnh lại thêm T 54 trợ chiến song nhờ A 37 của KQ yểm trợ diệt chiến xa nên đơn vị anh mới đủ sức câm cự đến giờ.

Khoảng 1300g, Trung Tá Phạm Huấn, người phóng viên quân đội quen thuộc của các đơn vị quân đội đi jeep từ phía Dục Mỹ tới. Gặp tôi đang đứng quan sát ở đỉnh đèo M'Drak, anh Huấn xuống xe và tới bắt tay cùng hỏi thăm tin tức và tình hình chiến sự.

Đang nói chuyện với anh thì Trung Tá Ngô Văn Xuân, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 44, đang dẫn đơn vị anh rút qua đèo. Anh Xuân cho biết anh cùng ĐĐ 44 TS của Đại Úy Mạnh và TĐ 3/ 44 của Đại Úy Trần Hữu Lưu, sau mấy trận đụng độ với F10 cũng bị tổn thất kha khá và bây giờ được lệnh kéo về TTHL Lam Sơn để chỉnh trang và bổ sung đơn vị. Còn TĐ 1/ 44 của Thiếu Tá Nguyễn Xuân Hòe và TĐ2/ 44 của Đại Úy Nguyễn văn Pho cùng Trung Tá Tr.ĐP Vũ Mạnh Cường thì đi theo các đơn vị triệt thoái từ Pleiku và cho đến nay vẫn không có tin tức gì.

Hỏi anh về tình hình của Tr. Đoàn 45 của Đại Tá Phùng Văn Quang thì anh cho biết Trung Đoàn này khi được trực thăng vận xuống Phước An vào ngày 12/3/75 và tiến về BMT đã đụng độ nặng, bây giờ hết khả năng tham chiến. Riêng Tr Đoàn 53 của Trung Tá Võ Ân thì đã bị xóa sổ tại phi trường Phụng Dực. Anh cũng cho biết còn một số đơn vị của ĐPQ cũng như các nhóm nhỏ binh sĩ thất lạc đơn vị hiện vẫn còn loanh quanh tại khu vực quận Khánh Dương và đang tìm đường rút về đây.

Quay về BCH/TĐ tôi liên lạc với Trung Tá Phát để báo cáo

tình hình và xin lệnh. Trung Tá Phát cho lệnh củng cố vị trí và yểm trợ cho các đơn vị trước tuyến I rút về. Từ phía Khánh Dương vẫn từng nhóm binh sĩ lẻ tẻ rút về cho tới 12 giờ đêm. Tôi xin không quân thả hỏa châu soi sáng khu vực trước tuyến để giúp TĐ dễ quan sát khu vực và tránh ngộ nhận với các đơn vị bạn còn lại đang trên đường rút về đèo.

Ngày 23/3/1975: Khoảng 0200g, đơn vị chót rút qua đèo là 2 TĐ/ĐPQ của Tiểu Khu Phan Rang. Vị Đại Úy/ TĐT của tiểu đoàn đi sau cho Trung Úy Sanh, ĐĐT/ 51, biết là không còn đơn vị bạn nào ở phía sau đơn vị ông. Từ lúc đó cho đến sáng tôi được BCH/LĐ 3ND cho biết phía trước tuyến không còn đơn vị bạn nào. Các toán tiền đồn trước tuyến cho biết chưa phát giác được bất cứ dấu hiệu nào của địch.

* * *

Khoảng 1700g, trung đội nằm chung với 2 chiếc M 113 tại (599-045) báo về BCH/ TĐ là đã thấy VC xuất hiện tại khu vực quận Khánh Dương cũng như tại sân bay Khánh Dương (563-075).

Khoảng 2200g, VC gửi một đơn vị tiền thám tìm cách vượt qua cây cầu xi măng ở phía trước tuyến I. Trung đội tiền đồn cùng M 113 khai hỏa và địch rút chạy về phía quận Khánh Dương. Thiệt hại của địch không rõ. Trung đội tiền đồn này sau khi báo cáo về BCH/TĐ đã di chuyển sang một vị trí phụ khác ở phía Nam vị trí cũ. LĐ sau khi nhận báo cáo của TĐ 5ND đã cho lệnh phá cầu. Mìn chống chiến xa được ĐĐ/ 51ND bắt đầu rải đặt trước tuyến.

Khoảng 2300g, VC bắt đầu pháo vào khu vực tiền đồn cũng như trên các triền đồi trước tuyến. TĐ 5ND báo động toàn bộ. Thiếu Tá TĐP Võ Trọng Em tại vị trí của BCH/ ĐĐ 52 cho biết nhiều đoàn xe mở đèn chạy từ phía Tây Khánh Dương đang di chuyển về hướng sân bay. Ước lượng cũng trên 20 xe. Thiếu Tá Em cho biết có nghe cả tiếng chiến xa nữa. Tiền sát viên PB của ĐĐ 52 liên lạc xin hỏa tập PB trên khu vực

mục tiêu. TĐ xin KQ gửi mấy chiếc Hỏa Long C 119 lên song được biết những phi cơ này đang được sử dụng cho mặt trận tại vùng Phú Yên Tuy Hòa.

Ngày 24/3/1975: Khoảng 0130g VC pháo mạnh vào vị trí khu vực phía Đông Nam cây cầu xi măng ở (599-045) rồi sau đó các toán bộ binh bọc các triền đồi ở 2 bên cây cầu để tiến sang bên này cầu. Bên kia cầu bóng dáng của một chiếc T 54 xuất hiện và đang tìm lối vượt con suối cạn Ea Ngon. Khẩu 106mm đặt trên chiếc xe jeep nằm với trung đội tiền đồn chỉ cần một viên là khiến chiếc T 54 xoay ngang và sụm ngay tại chân cầu.

Trung đội tiền đồn và 2 chiếc M 113 trang bị đại liên 50 tiếp tục khai hỏa đồng thời gọi xin hỏa tập tiên liệu của Pháo Đội A2/ND ngay trên cây cầu đã bẻ gẫy đợt tiến quân này của VC. Kết quả địch lại rút về phía sân bay Khánh Dương.

Trung đội tiền đồn cho một tổ lên lục soát phía bên này cầu. Thiệt hại của địch ngoài chiếc T 54 bị hạ nằm tại chỗ còn một số vũ khí cá nhân và hơn 10 xác nằm rải rác bên này cây cầu. Ngoài ra còn bắt được một tù binh bị thương nặng. Ta có 3 binh sĩ bị thương nhẹ. Tôi cho lệnh trung đội tiền đồn gài thêm mìn tự động tại khu vực cũ rồi rút về đỉnh đèo mang theo người tù binh bị thương.

Sau khi được bác sĩ Nguyễn Thanh Liêm của TĐ khám và y tá của TĐ chăm sóc, người tù binh đã tỉnh táo nhiều. Qua khai thác tin tức sơ khởi, Thiếu Úy Nhữ Văn Liêu, ban 2 TĐ, cho tôi biết địch thuộc ĐĐ 5/ TĐ 8/ Tr.Đ 66/ F 10. Người tù binh cho biết "thủ trưởng" [4] của ĐĐ của hắn tên Trần Đới.

Liên lạc với Trung Tá Phát, LĐT, tôi thông báo những chi tiết trên và cho ông Phát biết TĐ đang trực diện với Tr.Đ 66 của F 10, một đơn vị khá nhiều kinh nghiệm chiến trường. Tôi khi còn là ĐĐT/ ĐĐ 83/ TĐ 8ND, khi ĐĐ được tăng phái cho TĐ 5ND của Thiếu Tá Hồ Trung Hậu, đã từng chạm với một

4 Thủ trưởng: từ ngữ chỉ cấp chỉ huy của VC.

đơn vị cấp TĐ (-) của Tr. Đ 66 tại chiến trường Ia Dran khoảng giữa tháng 11 năm 1965. Ông Phát sau khi nghe bèn hứa sẽ tăng cường tối đa không pháo yểm cho TĐ 5ND.

Khoảng 1100g, Thiếu Tá Em cho biết có khoảng 5 chiếc T 54 đang di chuyển từ phía sân bay Khánh Dương tiến về hướng đỉnh đèo. Hỏa tập ngăn chặn của Pháo Đội A2/ ND bắt đầu tác xạ. Những chiếc A 37 lên vùng và hạ thêm 3 T 54.



Phóng đồ mặt trận Khánh Dương, 1975

Bắt đầu thấy phòng không của địch bắn lên từ khu đồn điền Khánh Dương nằm khoảng 10km phía Bắc sân bay Khánh Dương. Một đợt A 37 nữa lên vùng và oanh tạc những vị trí súng phòng không ấy.

Qua tần số Không-Lục, tôi được biết ít nhất là 2 vị trí súng phòng không bị hủy diệt. Từ đó cho tới khuya tin tức chuyển quân của địch quan sát được từ KQ và từ các BCH các ĐĐ 52, 53 và 54 trên các cao điểm của tuyến I liên tục báo về. Trung Tá Phát nói với tôi ông không biết làm gì hơn là xin KQ oanh tạc vì các vị trí của địch nằm ngoài tầm của các pháo đội của TĐ 2/ PBND và KQ cũng quá bận rộn trong việc yểm trợ cho mặt trận Phú Yên. Tôi cho Trung Tá Phát biết theo tôi ước tính

thì chắc chắn là địch sẽ tấn công tuyến I trong đêm nay. Ông Phát chỉ nhỏ nhẹ nói,

- "Thôi thì ráng lên, Sài Gòn sẽ tăng viện thêm. Họ cũng đang điên đầu lên vì tin tức các nơi gửi về không sáng sủa gì!"

Ngày 25/3/1975: Khoảng 0430g địch pháo kích trước tuyến phòng thủ của ĐĐ 53. Trận pháo kích thăm dò này kéo dài khoảng 20 phút. Ta vô sự.

Khoảng 0500g, VC bắt đầu tấn công tuyến của ĐĐ 53. Hỏa tập phòng thủ trên tuyến của ĐĐ do Pháo Đội A2/ ND cung cấp hòa nhịp với 2 khẩu súng cối 81mm của TĐ đã ròn rã vang lên cùng với các loại hỏa lực cơ hữu của ĐĐ 53 trong hơn một giờ đồng hồ. Đến 0615g Trung Úy Hương ĐĐT/ 53 báo cáo địch đã rút lui. ĐĐ 53 bị 1 tử thương và 7 binh sĩ bị thương, đa số nhẹ. Thiệt hại địch không rõ vì tôi cho lệnh chờ đến tối hãy ra lục soát, còn bây giờ thì lo củng cố hầm hố phòng thủ và ráng đào thêm giao thông hào nối liền các tuyến phòng thủ còn đang đào dở dang.

Khoảng 0700g, tiếng súng lại vang dội trên tuyến của ĐĐ 53. Ngoài pháo binh các loại của địch còn thêm hỏa lực đại bác 100mm của T 54 trực xạ từ các khu vực rậm rạp khoảng 700m dưới chân đồi phía trước tuyến. Các hỏa tập yểm trợ lại tiếp tục vang rền.

Hỏa tiễn TOW của TĐ đặt tại vị trí (615-035) của ĐĐ 52 nhờ quang độ lúc đó khá tốt nên đã tác xạ và bắn cháy 2 chiếc T 54. Khẩu 106mm ở đỉnh đèo cũng hạ được một T 54.

Lúc 0800g, 2 chiếc A 37 xuất hiện bắt đầu oanh tạc các triền đồi phía trước tuyến của ĐĐ 53 và khu vực nghi ngờ chiến xa cũng như pháo binh địch ẩn nấp. Tiếng súng của địch êm dần và chấm dứt trước tuyến của ĐĐ 53 lúc 0830g. Trung Úy Hương báo cáo hơn 20 xác địch tại trước tuyến và gần 10 vũ khí cá nhân. Giấy tờ trên một tử thi cho biết thuộc Tr.đoàn 28 của F 10. Ta bị thêm 2 tử thương và 11 bị thương.

Khoảng 1000g, TĐ tản thương bằng xe về BCH/ LĐ3ND ở

Dục Mỹ. Trong ngày địch chỉ pháo kích trên tuyến.

Khoảng 2300g, địch bắt đầu pháo kích dữ đội tại khu vực giữa tuyến của 2 ĐĐ 52 & 54 sau đó bộ binh địch tấn công vào tuyến của ĐĐ 52 song bị đẩy lui. Ta vô sự, thiệt hại địch không rõ.

Ngày 26/3/1975: Khoảng 0200g, Trung Úy Vũ ĐĐT/ 54 báo cáo trung đội của anh tại cao điểm (626-047) quan sát thấy một đoàn công voa [5] xe khá dài khoảng gần trăm chiếc mở đèn chạy khơi khơi trên tỉnh lộ 98, đoạn đường nằm tại phía Đông Nam dẫy núi Chư Su, và tiến về phía Khánh Dương. Tin tức được chuyển về BCH/ LĐ và không có phản ứng!

Chẳng cần suy nghĩ nhiều tôi cũng biết QĐ II của Tướng Phú cũng đang kẹt cứng với mặt trận Phú Yên. Tôi thầm nghĩ chắc Tướng VC. Vũ Lăng điều động thêm 1 SĐ nào đó từ khu vực Phú Yên, Tuy Hòa về Khánh Dương để nhất định chọc thủng tuyến M'Drak rồi theo QL 21 tiến về chiếm Nha Trang và dù không đánh, các tỉnh duyên hải phía Bắc Nha Trang cũng phải di tản.

Suốt buổi sáng không có thêm một hoạt động nào của địch ở phía trước tuyến kể cả pháo kích.

Khoảng 1200g, một trung đội của ĐĐ Đa Năng trong khi di chuyển tuần tiễu dọc khu vực phía Tây của rặng núi Chư Binh phát giác một số dấu chân và vài đường dây điện thoại của địch tại khu vực tọa độ 661-035. Dấu di chuyển và đường dây điện thoại còn mới và hướng về phía Nam. Sau khi cho lệnh trung đội Đa Năng cắt các dây điện thoại này và tiếp tục theo các dâu vêt của toán địch xâm nhập này, tôi báo sự việc này cho BCH/ LĐ và đề nghị gửi 1 trung đội của ĐĐ 3TS của Đại Úy Nguyễn Viết Hoạch thám sát khu vực phía Nam dẫy núi Chư Binh (665-023) và khu vực dẫy núi Chư Nang (655-988). Tôi cũng báo cho Trung Tá Phát là địch có thể đã đưa

---

5 Convoi (tiếng Pháp): nhóm xe cộ hay tầu bè đi cùng với nhau

tiền sát viên pháo binh bí mật xâm nhập vào khu vực giữa TĐ 5ND và TĐ 6ND. Trung Tá Phát nói là sẽ ra lệnh cho TĐ 6ND tung rộng con cái tuần tiểu khu vực trách nhiệm.

Theo suy nghĩ của tôi thì địch không muốn tổn thất nhiều để chọc thủng tuyến I do TĐ 5ND trấn giữ mà sẽ điều động quân bọc sườn 2 TĐND ở phía sau như vậy vừa bất ngờ vừa tiết kiệm được thời giờ.

Phía sườn trái TĐ 5ND là những rặng núi nối dài với dẫy Chư M Ta chạy dài từ phía Nam quận Khánh Dương tới dẫy Chư Pai. Từ đây đổ xuống ngay giữa vị trí đóng quân của 2 TĐ 6 & 2 ND. Địch di chuyển trên dẫy đường đỉnh ấy luôn ở cách QL 21 khoảng từ 2km đến hơn 3km và ngay di chuyển ban ngày cũng không sợ máy bay quan sát nhìn thấy vì được cây rừng che dấu. Đó là một trong những đường tiến sát rất tốt nếu địch muốn tấn công bọc sườn LĐ 3ND. Tuy biết thế song với lực lượng của các TĐND tại hai tuyến phòng ngự I và II thì không đủ quân số để tung những trung đội vào những cuộc hành quân viễn thám xa.

Tôi đề nghị Trung Tá Phát cho ĐĐ/ TS 3 hành quân viễn thám tìm hiểu lộ trình tiến sát này của địch song không được đáp ứng.

Trên bản đồ và thực tế trận địa cho thấy những toán nhỏ tiền sát viên địch dễ dàng lẻn vào khu vực cao điểm của dẫy núi Chư Nang để từ đây có thể chỉ điểm cho pháo binh khống chế được ít nhất là Pháo Đội A2/ND đang yểm trợ cho TĐ 5ND. Từ Chư Nang địch dư sức gửi đặc công và tiền sát viên lợi dụng đêm tối đê di chuyên tới đỉnh cao Chư Giok (951m). Tại cao điểm này địch có thể quan sát toàn bộ QL 21 từ Bắc xuống Nam nhất là thấy rõ các vị trí đóng quân của 2 TĐ 6ND và TĐ2ND. Một khi chúng mở màn tấn công theo kiểu "tiền pháo hậu xung" cố hữu thì 2 TĐND này sẽ bị tê liệt ngay từ lúc đầu với các loại pháo binh 130mm và hỏa tiễn của địch (được các tiền sát viên từ đây dễ dàng điều chỉnh) và bộ binh

ém sẵn sẽ ào ạt xung phong và lực lượng phòng thủ sẽ gặp nhiều bất lợi.

Khoảng 2000g, Thiếu Tá Em báo về BCH/TĐ thấy có nhiều đoàn xe mở đèn từ phía Tây quận Khánh Dương chạy đến quận này. ĐĐ 54 cũng báo thấy nhiều xe mở đèn chạy trên đoạn Tỉnh Lộ 98, giống như tình hình quan sát thấy lúc 0200g sáng.

Ngày 27/3/1975: Từ 0700g, địch bắt đầu pháo loại 130mm vào khu vực đỉnh đèo. Một trái 130mm rơi trúng ngay vị trí pháo đội A2/ ND tại (635- 021) làm hư 2 khẩu 105mm và gây thương tích cho một số pháo thủ. Pháo đội lúc đó đang tập trung tác xạ về phía sân bay Khánh Dương. Pháo Đội A2 được BCH/TĐ 2/PBND cho phép di chuyển về phía sau.

Khoảng 1700g, một chiếc A 37 bị phòng không địch bắn rớt ngay trên vùng trời trước tuyến I. Phi công nhẩy dù ra và kéo được dù rơi vào phía trước tuyến của ĐĐ 53 nên được cứu thoát và đưa về BCH/TĐ. Vì lúc đó trời đã tối nên Thiếu Úy Đỗ Thiết, thuộc phi đoàn 548 Ó Đen/ SĐ6 /KQ ngủ lại tại BCH/TĐ. Đêm đó anh ta kể cho tôi nghe tình hình chiến sự sôi động tại mặt trận Phú Yên. Theo anh kể thì gần như không còn một đơn vị nào của VNCH từ Pleiku, Kon Tum triệt thoái về còn đầy đủ quân số. Ta bỏ lại hầu như toàn bộ súng pháo binh các loại kể cả 175mm cũng như các chiến xa M 41 và M 48. [Theo lời Đỗ Thiết kể thì Phi công lái chiếc A37 thứ 2 tên Nguyễn Thành Phương.]

Tôi vừa nghe vừa thở dài chán nản vì không biết khi LĐ 3ND chạm nặng cần tăng viện thì QĐ II lúc ây lây lực lượng ở đâu để gửi đến Khánh Dương. Thấy suy nghĩ thêm cũng chỉ nhức đầu tôi lấy tờ báo Con Ong ra đọc và ngủ thiếp đi lúc nào không biết dù trong đêm địch vẫn pháo quấy rối lai rai cho đến sáng.

Ngày 28/3/1975: Giật mình thức dậy vì một trái 130mm nổ ở ngay dưới chân đồi gần chỗ BCH/TĐ đóng. Nhìn đồng hồ

mới có 5 giờ sáng. Đại Úy Trần Thanh Chương, SQ/ HQ &QH của TĐ cho biết trong đêm một số vị trí của TĐ 6ND cũng bị địch pháo song thiệt hại không đáng kể. Vừa uống ngụm cà phê đầu ngày tôi vừa suy nghĩ xem địch định chơi trò gì. Sau 2 lần tấn công thăm dò vào phòng tuyến của ĐĐ 53 rồi sau đó là chỉ pháo kích quấy rối trong khi vẫn có dấu hiệu chuyển quân đến khu vực Khánh Dương. Đại pháo và phòng không cũng bắt đầu hoạt động từ 3 ngày qua chứng tỏ cấp SĐ của địch đã ở trong vùng. Sự yên tĩnh đáng sợ này của trận địa làm tôi càng thêm e ngại vì trận mạc nhiều năm tôi biết rằng đó là giai đoạn chuẩn bị của địch trước khi tung ra một trận đánh lớn quyết định.

Khoảng 0800g, Trung Úy Nguyễn Văn Trung ĐĐT/ĐĐ 50 báo cáo có mấy binh sĩ ĐPQ gác cây cầu ở phía Nam của khẩu đội súng cối 81mm của TĐ đến báo cáo thấy VC xuất hiện ở ven rừng phía Tây QL 21 cách cây cầu khoảng gần 1km. Một trung đội của ĐĐ Đa Năng được gửi ngay tới khu vực này song không tìm thấy gì sau gần một giờ lục soát. Tuy nhiên tin này cũng được thông báo cho LĐ và BCH/TĐ 6ND.

Khoảng 1500g, một chiếc trực thăng từ hướng Dục Mỹ bay đến đáp tại bãi đáp ven đường ngay dưới chân đồi nơi BCH/ TĐ đóng. Một SQ của BCH/ LĐ trao một phong bì lớn cho Thiếu Úy Nhử Văn Liêu, SQ/Ban 2 TĐ, rồi lên trực thăng cất cánh bay ngay. Trực thăng cất cánh được khoảng 10 phút thì một loạt đạn pháo địch rót xuống khu vực bãi đáp.Trong phong bì là 1 công điện mang tay gửi cho TĐ 5ND.

Nội dung công điện là:

(1)Lệnh cho TĐ 5ND gửi trả BCH/ LĐ chi đoàn TVX và biệt phái 1 ĐĐ theo tùng thiết. Chi đoàn TVX và ĐĐ tùng thiết sẽ rời khu vực đỉnh đèo khi TĐ 5ND bắt đầu rút.

(2)TĐ 5ND tìm cách đoạn chiến và rút về phía sau tuyến II của TĐ 6ND. Giờ giấc di chuyển tùy thuộc BCH/ TĐ.

(3)LĐ 3ND dự trù sẽ về lập phòng tuyến mới tại khu vực

đèo Rù Rì.

Đọc xong công điện tôi vội gọi máy xin gặp Trung Tá Phát để hỏi thêm chi tiết về lệnh này song BCH/ LĐ trả lời là Trung Tá Phát đang đi họp với Tướng Phú. Liên lạc với BCH nhẹ tôi được Trung Tá Khôi LĐP cho biết là lệnh này do khẩu lệnh của Tướng Phú.

Vì là bạn cùng khóa VBĐL, Khôi nói vắn tắt:

- "Lam Sơn 719, hiểu chưa Tố Quyên?"

Nghe xong câu này tôi biết là tình hình khá trầm trọng vì Lam Sơn 719 là tên cuộc hành quân qua Lào năm 1971 trong đó các đơn vị VNCH phải rút vội sau những tổn thất khá nặng để tránh bị vây hãm.

Khoảng 1600g, tôi gọi máy mời Thiếu Tá Em, TĐP, hiện trực tiếp chỉ huy 2 ĐĐ 52 & 54 cùng 2 ĐĐT 51 và 53 về họp. Tôi cho họ biết qua tình hình cùng lệnh mới của LĐ. Trung Úy Hương, người miền Nam, có vẻ bực tức và không nén được chửi thề nói,

- "Đ M! Việc đéo gì mà phải rút. Làm sao tụi nó qua được tuyến của mấy đứa con tôi".

Tôi phì cười và chưa nói gì thì qua chiếc loa của máy liên lạc không lục các SQ đang ngồi họp nghe viên Thiếu Úy trên chiếc phi cơ quan sát đang liên lạc và thông báo cho hai viên phi công của 1 phi tuần A 37 là họ đã "rang"[6] được 3 con cua T 54 ở phía Nam khu vực quận Khánh Dương.

Khi nghe các phi công A 37 chào từ giã viên SQ trên chiếc phi cơ quan sát để rời vùng, tôi vội bốc máy truyên tin liên lạc không- lục yêu cầu họ gọi cho đơn vị họ để gửi gấp vài phi tuần nữa lên vùng đánh tiếp. Phi công của chiếc quan sát cho biết là đã xin thêm mấy phi tuần nữa rồi. Quay sang các ĐĐT, tôi hỏi họ về tinh thần anh em binh sĩ trong hơn tuần qua ra

---

6 Rang: Bắn cháy. Tiếng thông dụng của quân nhân khi bắn cháy hay hủy diệt được chiến xa địch.

sao. Từng ĐĐ trưởng cho biết tinh thần của binh sĩ trong ĐĐ họ rất cao nhất là ĐĐ 53. Thiếu Tá Em cũng cho biết tinh thần của 2 ĐĐ 52 và 54 rất tốt.

Nhìn đồng hồ thấy đã hơn 15 phút rồi mà tôi vẫn không thấy tăm dạng phi tuần nào nên tôi lại gọi máy hỏi viên thiếu úy trên chiếc phi cơ quan sát tại sao lâu vậy mà chưa thấy phi tuần nào lên vùng. Câu trả lời của anh ta làm tôi chưng hửng,

- "Đại bàng phải đợi vì tụi nó phải từ Phan Rang lên đây."



Các sĩ quan của TĐ 5ND tại sân cờ TĐ ngày 10 tháng 4 năm 1975. Người đứng giữa (cao, đeo nhiều huy chương) là Tr/ T Bùi Quyền K16, TĐT. Bên phải của ông là Đại Tá Lê Văn Phát, Lữ Đoàn Trưởng, Lữ Đoàn 3 ND. Bên trái của ông là Thiếu Tá Võ Trọng Em, K19, Tiểu Đoàn Phó.

- "Thế A 37 không đáp ở Nha Trang được à?" Tôi hỏi tiếp.

Anh ta cười và cho biết,

- "Nha Trang không phải là phi trường quân sự, hơn nữa tình hình phi trường Nha Trang lộn xộn từ sáng nay rồi. Lát nữa tôi cũng về Phan Rang đáp."

Anh ta còn cho biết thêm là hình như dân chúng Nha Trang cũng đang rục rịch di tản. Tin đâu nghe thật rụng rời! Tôi liếc mắt nhìn các SQ đang ngồi họp, nhất là Trung Úy Hương. Họ đều yên lặng và có lẽ hiểu lý do tại sao lại có lệnh như vậy.

Tôi cho lệnh Trung Úy Sanh, ĐĐT 51, về chuyển lệnh lại cho Chi Đoàn Trưởng 2/19 Thiết Kỵ và dự trù vào lúc sẩm tối thì lặng lẽ cho từng chiếc TVX di chuyển cách nhau ít phút để tránh gây nhiều tiếng động cùng một lúc khiến địch biết TĐ rút khỏi tuyến I.

Khi đứa con chót của ĐĐ 53 rút khỏi vị trí BCH/TĐ thì Trung Úy Sanh tùng thiết và dẫn chi đoàn TVX về trình diện BCH/LĐ và nhận lệnh trực tiếp của LĐ. Thiếu Tá Em sẽ về BCH/ ĐĐ 54 để chuyển lệnh cho 2 ĐĐT 52 và 54. Các ĐĐ áp dụng "trì hoãn chiến" khi rời vị trí. Gài thêm mìn tự động trước tuyến của đơn vị trước khi rút quân. Thứ tự rút từ ĐĐ 52 ở xa nhất kế đến ĐĐ 54, đều rút về ngang qua vi trí dưới chân đồi nơi BCH/TĐ đóng. ĐĐ 53 rút sau chót. TĐ sẽ di chuyển đội hình HQ đêm trên 2 trục dọc theo các triền cao của các rặng đồi dọc phía tây QL 21 và di chuyển cách con đường khoảng hơn 1km. Thứ tự di chuyển dẫn đầu TĐ là ĐĐ 52, kế đến BCH/TĐ cùng ĐĐ 50. Theo sau ĐĐ 50 là ĐĐ 53. ĐĐ Đa Năng đoạn hậu. ĐĐ 54 di chuyên bên trái trục chính của TĐ và song song với ĐĐ 52.

Đúng 2200g, sau khi tiểu đội chót của 2 ĐĐ 52 và 54 rút về tới dưới chân đồi đã ấn định đồng thời trung đội đầu của ĐĐ 53 cũng vừa tới BCH/TĐ thì tôi cho lệnh 2 ĐĐ 52 và ĐĐ 54 xuất phát.

Trong bóng đêm các đơn vị ND lặng lẽ tiến quân.

Khoảng 40 phút sau, Trung Úy Sanh báo bắt đầu dẫn chi đoàn TVX rời khỏi đỉnh đèo. Tôi báo cho BCH/ LĐ và TĐ 6ND biết là TĐ 5ND băt đâu kê hoạch ZULU (Di chuyên).

Khoảng 30 phút sau, những tiếng mìn tự động tại trước tuyến cũ của ĐĐ 53 nổ ran. Tôi biết rằng địch đã biết là TĐ đã rút khỏi tuyến I. Tôi chưa kịp báo cáo về LĐ về diễn biến mới này thì nhiều tiếng súng khác lại nổ như pháo Tết từ phía QL 21 trong đó có cả tiếng nổ của đạn súng cối 82mm của VC cũng như tiếng đại liên 12,7mm của M 113. Tiếng Trung

Úy Sanh qua máy báo cáo gặp hỏa lực địch bắn từ phía phải (phía Tây) của con đường và chi đoàn có mấy M 113 bị bắn cháy. Tôi cho lệnh Trung Úy Sanh không ham chiến, cứ bắn mở đường mà rút cho nhanh về LĐ. Tuy nhiên phải dặn con cái thằng TVX cẩn thận kẻo lại bắn nhầm thằng TĐ 6ND ở tuyến II.

Lúc đó là 2330g đêm, tiếng súng vẫn rền vang trong khoảng 20 phút rồi im lặng. Tôi cho lệnh ĐĐ 54 phải mở rộng đội hình và dặn Trung Úy Vũ cho lệnh toán khinh binh đi đầu phải cẩn thận vì địch đã bắn cháy 3 M 113 ở trên QL 21 khoảng (633- 990) trên đường rút quân của ĐĐ 51. Địch đã sử dụng cối 82mm thì ắt phải từ cấp TĐ trở lên.

Ngày 29/3/1975 : Khoảng 0130g, qua 1 máy truyền tin vào sẵn tần số nội bộ của ĐĐ 54 tôi nghe giọng Thiếu Úy Hoàng Đình Côi, Tr.ĐT trung đội đi đầu của ĐĐ 54 vừa tiến lên một mỏm đồi khá cao ở bên phải hướng di chuyển, báo cho Trung Úy Vũ, ĐĐT/ ĐĐ 54, là anh thấy có 2 chiếc M 113 đang cháy trên QL 21 khoảng 800m về phía Đông của hướng di chuyển. Tôi biết ngay là mình đang ở ngang khu vực của địa điểm mà Trung Úy Sanh, ĐĐT/ ĐĐ 51, báo chạm địch lúc 2330g.

Chưa kịp cho lệnh ĐĐ 54 ép nhiều về phải thì có tiếng lựu đạn nổ và trái sáng của địch bật cháy ở phía trái của hướng tiến và súng địch đã nổ ran. Trung Đội 3 đi cánh trái của ĐĐ 54 báo cáo chạm địch và Chuẩn Úy Ngưỡng, Tr. đội trưởng trung đội này, đã bị thương ở cổ. Đại liên 12,8mm của địch từ mấy ngọn đồi cao phía trược mặt bắn loạn về phía ĐĐ 54. Tôi vào thẳng tần số nội bộ của ĐĐ 54 cho lệnh Thiếu Úy Côi bám vị trí và tác xạ yểm trợ cho ĐĐ 54 rút về phía trục của TĐ.

Tôi cho lệnh ĐĐ 52 tiến lên chiếm ngay dẫy cao điểm ở bên phải hướng di chuyển của TĐ. Súng các loại của địch vẫn nổ ran và lác đác mấy trái cối 82mm của địch rót về phía BCH/ TĐ. Trong đêm tối không rõ lực lượng và bố trí của địch, nên tôi cho lệnh các ĐĐ còn lại nhanh chóng dạt theo ĐĐ 52 lên

trên dẫy đồi cao phía bên phải để bố trí. Địch tiếp tục giật các thủ pháo chiếu sáng để soi sáng trận địa. Đại bác 130mm của địch từ phía Khánh Dương bắt đầu rót tới khu vực.Tôi báo cáo chạm địch tại (627 – 996) lên BCH/LĐ và xin pháo binh soi sáng và tác xạ yểm trợ đồng thời cho lệnh Tr. Úy Vũ đoạn chiến và rút lên dẫy đồi phía phải song không thấy trả lời.

Khi gọi cho Thếu Úy Côi tôi được anh cho biết địch rất đông từ dưới chân đồi đang tìm cách tiến lên vị trí của anh và một số binh sĩ của đại đội anh đang vừa đánh vừa tìm cách dạt về phía anh. Còn Trung Úy Vũ và hạ sĩ mang máy truyền tin ĐĐ thì đã tử thương ngay phút đầu. Bàng hoàng về tin này, tôi cho lệnh Côi yểm trợ cho các đứa con còn lại của ĐĐ 54 rút về chỗ anh rồi ĐĐ 52 sẽ yểm trợ cho anh mang con cái rút về với BCH/TĐ(624- 998).

Khoảng 0430g thì lực lượng còn lại của ĐĐ 54 này rút về tới ĐĐ 52. Địch ở phía dưới chân đồi tiếp tục hò hét "Hàng sống chống chết" song chỉ bắn theo mà không thấy bóng dáng tên nào mò lên.

Tôi báo về LĐ tình hình và cho biết chờ sáng hẳn sẽ điều động đơn vị xuống để lấy thương binh và các quân nhân tử thương song Trung Tá Phát cho lệnh TĐ tìm đường rút về ngay sau tuyến II. Tôi chua xót thi hành lệnh này vì đây là lần đầu tiên trong cuộc đời binh nghiệp phải bỏ lại chiến địa các anh em đã bao lần vào sinh ra tử với mình. Kiểm điểm lại quân số thì ngoài ĐĐT/ ĐĐ 54 bị tử thương còn bị thất lạc hơn một trung đội.

Các SQ bị thất lạc gồm cả Đại Úy Huỳnh Quang Chiêu, SQ phụ tá ban 3 được chỉ định cố vấn cho ĐĐ 54. (Đại Úy Chiêu vừa bàn giao ĐĐ cho Trung Úy Vũ), Bác sĩ Nguyễn Thanh Liêm, y sĩ trưởng TĐ trong lúc pháo địch rơi giữa trục di chuyển có lẽ vì cận thị nên không bám kịp TĐ. Thiếu Úy Côi ở lại yểm trợ cho ĐĐ 54 rút chắc cũng không bám kịp TĐ. Các ĐĐ khác chỉ có một số binh sĩ bị thương nhẹ và vừa phải

song các thương binh này vẫn được đơn vị dìu đi theo TĐ.

TĐ bắt đầu di chuyển về hướng Tây khoảng 1km rồi chuyển hướng về Nam lên cao độ 688m (610- 993) rồi theo đường đỉnh tiến về hướng Tây Nam. ĐĐ 52 dẫn đầu và ĐĐ Đa Năng đoạn hậu. Đại đội này trong khi di chuyển theo TĐ vẫn cho trung đội đoạn hậu gài lựu đạn và mìn tự động trên đường rút quân để ngừa địch đuổi theo.

Khoảng 0600g thì TĐ 5ND đã di chuyển tới cao điểm 700m (604- 991) của dẫy Chư Tô. TĐ tiếp tục theo đường đỉnh di chuyển được khoảng 1km thì Trung Úy Hiệp ĐĐT/ 52 cho biết đứa con đi đầu của anh bắt gặp con đường chuyển quân của địch còn mới.

Trung Úy Hiệp cho biết con đường khá rộng chạy theo hướng Tây Bắc- Đông Nam, chiều ngang con đường rộng cỡ 2m và mặt đường nhẵn thín vì ít nhất là một đại đơn vị địch đã di chuyển qua. Tôi cho lệnh Trung Úy Hiệp bố trí khoanh tròn tại hột lạc [7] (593- 986). Khi toàn bộ TĐ kéo lên tọa độ này và bố trí tạm để nghỉ, tôi cho Thiếu Úy Tô Thành dẫn 2 trung đội của anh đi ngược hướng con đường địch đi này chừng 800m để quan sát. ĐĐ 52 cũng cho trung đội đi đầu theo dấu địch tiến về trước để thám sát.

Từ cao độ này nhìn xuống QL 21 tôi thấy gần như toàn bộ địa hình địa vật của khu vực đèo M'Drack. Quan sát tuyến đường địch di chuyển tôi thấy ít nhất cũng cỡ đơn vị cấp trung đoàn vì đường vừa lớn và nhẵn thín, những đoạn có độ dốc cao phải bám vào cây để leo lên hay khi từ cao đổ xuống đều được công binh sửa vách núi tạo thành các bậc thang để các đơn vị súng lớn của địch di chuyển dễ dàng nhanh chóng. Hai bên đường đây đó vất rải rác các bao bánh in (lương khô của Trung cộng). Thời gian địch sử dụng ít nhất cũng cả tuần lễ trước. Thiếu Úy Tô Thành gọi máy về cho biết con đường

---

7 Hột lạc: hình vẽ các vòng cùng cao độ của chỏm núi hay đồi trên bản đồ, có hình dạng giống hột đậu lạc

chạy thẳng lên đỉnh núi Chư Tô (589- 992) và tại đây địch để lại nhiều dấu vết dừng quân của một đại đơn vị.

Tôi cho lệnh Thiếu Úy Thành dẫn trung đội quay về rồi tôi báo tin tức này cho BCH/ LĐ để phổ biến cho 2 TĐ 6 và 2 ND. Tôi cũng cho Trung Tá Khôi biết có thể địch đã bọc hông và ém quân đâu đó ở khu vực tuyến II do TĐ 6ND phụ trách.

Khoảng 0730g TĐ 5ND bắt đầu di chuyển. Tôi cho lệnh Trung Úy Hiệp ĐĐT/ 52 sử đụng ngay con đường địch đã mở để di chuyễn cho nhanh song toán khinh binh tiền sát phải cẩn thận tối đa. Con đường tiếp tục theo hướng Đông Nam chạy ngoằn ngoèo theo các đường đỉnh.

Nhờ vậy TĐ di chuyển rất nhanh. 0830g TĐ tạm nghỉ quân 15 phút tại cao điểm 840m (605- 970), kế đó leo lên đỉnh cao (605- 959). Sau đó lại tiếp tục di chuyển.khoảng 20 phút Trung Úy Hiệp báo là con đường khi băng ngang con suối Ea Ebra thì tách làm đôi, một ngả chạy xiên về Đông còn ngả kia tiếp tục hướng Nam. Hiệp hỏi lệnh tôi muốn anh theo con đường nào.

Tôi cho lệnh bố trí tạm và chờ tôi lên xem. Sau khi quan sát tôi thấy ngả về hướng Đông có vẻ như sẽ dẫn ra hướng QL 21. Tôi quyết định cho TĐ di chuyển theo ngả hướng Nam. Tôi cho lệnh Thiếu Úy Thành, ĐĐ Đa Năng, cho một đứa con thám sát con đường hướng Đông Nam khoảng 800m, rồi quay về bám theo TĐ.

Khoảng 0900g, trong khi TĐ đang di chuyển thì có vài loạt súng nổ ở phía sau. Chưa kịp liên lạc máy thì Tô Thành báo là đứa con của anh vừa tiêu diệt được 1 tô anh nuôi của VC, lấy được mấy khẩu súng và một bao gạo. Tôi cho lệnh đưa con cái quay về bám theo TĐ. Lại thêm vài loạt súng nổ nữa và lần này Tô Thành báo là có một toán nhỏ VC đóng ở trên trái đồi nhỏ phía Đông con đường đang tác xạ về phía anh. Anh đề nghị tôi cho một đứa con của anh nằm lại bắn chặn, còn ĐĐ (-) sẽ bám theo TĐ. Tôi đồng ý và dặn Thành cho lệnh con cái

không được ham chiến đấu vì TĐ cần phải về sau tuyến II theo lệnh LĐ. TĐ tiếp tục di chuyển và dừng quân tạm nghỉ lần thứ hai tại cao độ 760m (613- 944).

Đang nghiên cứu tấm bản đồ hành quân để ước lượng thời gian TĐ có thể di chuyển về đến khu vực tuyến II nếu không chạm địch trên đường đi thì Đại Úy Chương cho biết Thượng Sĩ Nhất Đạm phụ trách tiền trạm/ TĐ muốn gặp tôi để xin lệnh. Qua hệ thống âm thoại, Thượng Sĩ Đạm cho biết tiền trạm của các TĐ được lệnh của tiền trạm LĐ rời bỏ TTHL/ BĐQ Dục Mỹ và di chuyển theo tiền trạm LĐ về Nha Trang. Tuy chưa rõ lý do gì song tôi nghĩ chắc LĐ dự trù lui về bố trí tại tuyến đèo Rù Rì. Tôi bảo Thượng Sĩ Nhất Đạm cứ theo lệnh của LĐ.

Sau đó TĐ tiếp tục di chuyển. Đầu óc tôi rối tung với những tin tức của các đài BBC và VOA, toàn là những tin bất lợi cho VNCH nhất là những bài bình luận về cuộc triệt thoái của các đơn vị thống thuộc QĐII từ Pleiku và Kontum về Tuy Hòa cũng như tin tức quân sự tại các nơi khác.

Khoảng 1000g, súng bắt đầu nổ ran ở khu vực tuyến II của TĐ 6/ND. Từ trên cao điểm (613- 944) tôi thấy rõ pháo 130mm và hỏa tiễn các loại của địch từ phía quận Khánh Dương rớt trên một số vị trí của TĐ 6ND.

Liên lạc với Trung Tá Khôi, LĐP/ LĐ 3ND tôi cho anh Khôi biết những gì tôi quan sát thấy. Ít phút sau mấy pháo đội của TĐ 3 PB/ND bắt đầu phản pháo lại. Khoảng 1030g một số phi tuần khu trục vào vùng và bắt đầu oanh tạc yểm trợ cho TĐ 6ND. Trận đánh kéo dài khoảng gần một giờ đồng hồ.

Khoảng 1115g, qua hệ thống âm thoại tôi nghe TĐT/ TĐ 6ND báo lên BCH/ LĐ 3ND là địch đã rút và để lại một số xác chết. TĐ 6ND lấy được một số vũ khí và bắt sống 4 tù binh. Khai thác sơ khởi cho biết chúng thuộc Tr. đoàn 25 của SĐ 320 do 1 Trung Tá tên Tâm chỉ huy.

Mấy phi tuần sau tôi thấy họ tiếp tục oanh kích trên phía

quận Khánh Dương. Tôi cho Trung Tá Khôi biết là tôi dự trù sẽ theo đường đỉnh của các dẫy núi phía Tây QL 21 để đổ xuống phía sau tuyến II. Hi vọng là nếu không chạm địch thì sẽ hoàn tất vào rạng sáng ngày 31/3/1975.

Đến 1800g, TĐ di chuyển đến đỉnh 845m (618 – 935). Con đường vẫn tiếp tục đổ về hướng Nam- Đông Nam tức là hướng về dẫy núi Chư Pai 957m (632- 908). Thấy anh em binh sĩ đã thấm mệt và mặt trời cũng đã từ từ xuống dần tôi cho lệnh đóng quân đêm tại đây.

Tôi dự trù chậm lắm là trưa ngày mai có thể tới tuyến II của LĐ do TĐ 6ND trách nhiệm. Tôi bảo Đại Úy Trần Thanh Chương, SQ Ban 3 TĐ sử dụng hệ thống âm thoại mã hóa để báo cáo kế hoạch dự trù của TĐ lên BCH/LĐ vì máy phát điện quay tay GN 58 của trung đội truyền tin bị hư hại trong trận đụng độ hồi đêm nên không thể gửi công điện hành quân được. Tình hình trong đêm tương đối yên tĩnh ngoại trừ pháo địch rải rác rơi trên khu vực tuyến II.

Ngày 30/3/1975: Khoảng 0630g pháo lớn và hỏa tiễn các loại của địch rơi trên toàn bộ tuyến đóng quân của TĐ 6ND cũng như của TĐ 2ND và sau đó là bộ binh địch tấn công. Từ đỉnh đồi 845m tôi thấy rõ những chiến xa T 54 từ đầu đèo M'Drak mở đèn chạy theo quốc lộ 21 xuống.

(Còn tiếp)



Nhớ Về Lâm Viên

Trần Kim Bảng E/20

Những ai muốn tìm hiểu để rồi yêu mến thành phố Đà-Lạt thì đều biết Lâm-Viên là một ngọn núi có 2 đỉnh với cùng cao độ hơn 2000 mét. Người dân 'thiểu số' từ buổi sơ khai sống quanh vùng núi Lâm-Viên thường gọi tên ngọn núi này là Langbiang. Cũng theo người dân 'thiểu số' thì hai đỉnh núi của Langbiang chứa đựng một truyền thuyết về một mối tình son sắt đầy cảm động, nhưng vô cùng trắc trở giữa chàng thanh niên đẹp trai tên Lang có sức khỏe phi thường, thuộc bộ tộc Lạch, với nàng thiếu nữ rất xinh đẹp tên Biang thuộc bộ tộc Srê. Lang và Biang tình cờ quen nhau khi cả hai cùng vào rừng săn bắn, kiếm củi, và trong một biến cố khôn lường, Lang đã cứu Biang thoát khỏi những bàn tay thô bạo của bọn đạo tặc, và rồi họ đã 'bén duyên' với nhau kể từ đó.

Còn nguyên nhân tình duyên trắc trở giữa hai tình nhân, là do sự xích mích đã có từ lâu giữa hai vị tộc trưởng, đưa đến sự nghiêm cấm trong giao thiệp của cả hai gia đình; hậu quả là Lang và Biang phải gánh chịu. Cả hai người đều bị bắt buộc phải tuân theo 'tập tục' của cả 2 bộ tộc này vào thời bấy giờ. Mặc cho sự nghiêm cấm bằng hàng rào 'tập tục', cặp tình nhân vẫn cứ lén lút vượt qua bằng tình yêu nồng cháy của họ.

Vào một đêm mưa gió, mặc cho gian nguy rình rập, Biang đã không ngăn cản được con tim đang bốc lửa, nên cô đã băng rừng vượt suối đi tìm Lang. Họ tìm, gặp nhau, và rồi cùng ngồi bên nhau trong rừng khuya, để cùng thách đố không gian và

thời gian cho đến khi cả hai người cùng biến thành tượng đá.

Câu chuyện này tương tự như huyền thoại về Hòn Vọng Phu của dãy núi Trường Sơn, chinh phụ ôm con chờ chinh phu, rồi hóa đá.

Kể từ khi cặp tình nhân Lang và Biang hóa đá, tại nơi đây mới nảy sinh ra huyền thoại về một ngọn núi có 2 đỉnh kề nhau, với 2 cái tên gọi là Lang và Biang. Mặc dầu chẳng ai biết ngọn núi nào là Lang, ngọn nào là Biang, nhưng cho đến bây giờ, người dân 'thiểu số' trong vùng vẫn cứ gọi 2 đỉnh núi này với một tên chung là ngọn Langbiang; còn người dân thành thị Đà-Lạt thì gọi là núi Lâm-Viên. Do ảnh hưởng bởi khí hậu của vùng cao nguyên, cho nên đỉnh Lâm-Viên thường bị mây trời bao phủ rất khó nhìn thấy, nhất là về Mùa Thu ngả sang Đông.

Có một điều không phải là huyền thoại, đó là đỉnh Lâm-Viên đã lưu lại hàng ngàn dấu chân kỷ niệm của các Tân Khóa Sinh Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam trước khi họ đạt được danh hiệu 'Sinh Viên Sĩ Quan'.

Câu chuyện tình 'Langbiang' tóm tắt trên đây tôi được nghe lần đầu từ chị Ngọc -- một cư dân Đà-Lạt có thân phụ làm việc ở Nha Địa Dư Đà-Lạt -- kể lại trong một bữa cơm gia đình, cách đây đã 52 năm.

Tôi không hề biết gì về Lâm-Viên hay Đà-Lạt, từ ngày di cư từ miền Bắc vào miền Nam (Tháng 10 năm 1954), cho mãi đến Mùa Thu năm 1963, tôi mới đến thành phố này với tư cách là một 'tân khóa sinh' Khóa 20 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Và đợi đến đầu năm 1964, nhân ngày Sinh viên Sĩ quan Khóa 20 chúng tôi, lần đầu được phép đi 'dạo phố', tôi mới biết chuyện tình Langbiang khi được người em trai của chị Ngọc, là anh Đinh Dũng cùng Khóa và cùng Đại Đội E với tôi, hướng dẫn đến thăm gia đình anh và thăm thành phố

Đà-Lạt.

Vì háo hức muốn biết thành phố Đà-Lạt đẹp ra sao, sau ngày được gắn lon 'Alpha' lại không có 'thần thổ địa' hướng dẫn, cho nên trước khi ra phố, tôi đã ngơ ngẩn chẳng biết đi hướng nào trước, hướng nào sau. Nhưng hôm đó thật may và thật tình cờ, tôi đang *'buồn ngủ thì gặp chiếu manh'* khi Dũng ngỏ ý mời tôi đến nhà anh chơi, nên tôi đã vui vẻ bằng lòng ngay. Chẳng biết Dũng có đoán được cái 'ngơ ngẩn' của tôi lúc đó hay không, nhưng cho đến bây giờ đã 52 năm, khi nhớ lại, tôi vẫn thầm cám ơn lời mời của anh.

Vì là cư dân của 'thành phố sương mù' đã khá lâu, cho nên không phải chỉ có chị Ngọc mới biết 'chuyện tình Langbiang', mà có thể cả Dũng nữa. Có lẽ anh cũng chẳng lạ gì về những câu chuyện 'bên lề' Đà-Lạt. Mà ngay cả bộ quân phục Jaspé, với tôi thì xa lạ, nhưng với Dũng thì đã quen mắt từ lâu rồi, tương tự như người Saigon đã quen mắt với bộ quân phục của các Sinh Viên Sĩ Quan Trường Bộ Binh Thủ Đức. Tuy nhiên hôm nay mới là lần đầu tiên anh được mặc vào. Anh cũng như tôi, cùng là lính mới 'tò te'. Thế mà suốt từ Mùa Thu năm 1965 sau ngày mãn khóa cho đến nay, tôi đã không có dịp quay lại Đà-Lạt để có thể thăm hỏi hai cụ thân sinh của Dũng và gia đình anh. Thật buồn! Tôi không nhớ rõ ngày nào, chỉ nhớ lõm bõm, vào một buổi chiều cuối Thu 1966, trong lúc bôn ba ở Khu 12 Chiến Thuật, thì được một người bạn cùng khóa cho biết tin Dũng đã vĩnh viễn chia tay gia đình và bạn hữu sau khi anh về trình diện Sư Đoàn 23 chưa đầy 1 năm.

Dũng là người hiền lành, ít nói nhưng không ngờ cuộc đời và sự nghiệp của anh lại kết thúc nhanh đến thế! Vẫn biết, cả K20 chúng tôi đều xác nhận Đỗ Bá mới là người chia tay chúng tôi đầu tiên, sau khi Bá về trình diện Sư Đoàn 5, ra nhận đơn vị mới chỉ được 6 ngày thì 'đứt bóng'. Nhưng với tôi thì Bá không có kỷ niệm ban đầu đáng nhớ như Dũng, mặc dầu cả hai anh đều cùng chung phòng học, chung giờ học với tôi trong suốt thời gian quân trường. Cũng thật dễ hiểu, *'đời lính*

chiến mấy người đi trở lại' là chuyện rất thường. Từ 1963 cho đến khi tàn cuộc chiến 1975 là giai đoạn binh lửa bốc cao trên quê hương, những người bạn học cùng lớp ngoài đời với tôi, tôi đã không hẹn mà gặp ở Trường Võ Bị, gồm Nguyễn Bá Niết K19, Ngô Gia Truy K21, Chu Văn Thiệp K20. Đến nay tôi chỉ còn gặp Ngô Gia Truy.

Đã hơn nửa thế kỷ, nhớ lại ngày sánh vai bên Dũng ở Đà-Lạt trong bộ Jaspet, một thứ 'quân phục dạo phố Mùa Đông' với cầu vai 'Alpha đỏ', tôi thầm hãnh diện nhưng cảm thấy xa lạ với chính mình. Lại thêm cử chỉ thiếu tự nhiên vào lúc đó, vì mới bị 'bầm dập' sau '8 tuần sơ khởi'; lấm lét, lúc nào cũng chuẩn bị giơ tay chào khóa đàn anh cũng đi dạo phố như mình. Nhiều khi chào lầm một thằng bạn cùng khóa, nó mỉm cười chào lại, Dũng và tôi cùng cười, 'quê một cục'! Bây giờ 'về già' rồi nghĩ lại, thấy vui vui!

Nhưng phải nói một cách chính xác hơn, là tôi cảm thấy được sự xa lạ với chính mình ngay từ khi quyết định bước chân qua cổng Nam Quan của Trường Võ Bị. Và càng cảm thấy xa lạ hơn nữa, sau '8 tuần sơ khởi', bị 'răn đe', bị 'lột xác', tức là bị ép phải loại bỏ cách sống 'lè phè' và cách nghĩ 'thiếu lý tưởng' của đời sống dân chính để bước vào đời sống quân ngũ.

'Kỷ luật và sự đồng nhất là sức mạnh của quân đội.' theo tôi nghĩ, không phải chỉ là sức mạnh của quân đội, mà là của bất kỳ tổ chức nào. Giai đoạn 'lột xác' kéo dài 8 tuần được xem là một thứ 'tập tục' để làm mất đi 'cái tôi', để biết 'tuân lệnh' một các máy móc, để làm quen với 'kỷ luật thép', không thể thiếu ở đầu đời quân ngũ. Theo truyền thống của quân trường, khóa đàn em phải nhờ đến các 'hung thần' của khóa đàn anh 'lột xác' dùm. Hành động 'giúp lột xác rất tận tình của khóa đàn anh' là sợi dây vô hình, kết nối liên tục giữa người trước kẻ sau, đã trở thành truyền thống lâu đời của Trường Võ Bị. Rất tiếc, giờ đây không còn nữa, kể từ sau cơn 'đại hồng thuỷ' 1975!

Một chuyện vui khác đáng nhớ, thời 'tân khóa sinh' liên quan đến 'bạn học cũ' ngoài đời. Trước khi bước qua cổng Nam Quan trường Võ Bị, tôi đã nghe một vài thằng bạn 'có kinh nghiệm' nói:

- *'Vào đây, đừng thèm nhìn mấy ông bạn học cũ trong khóa đàn anh, vì hễ càng quen thì càng bị lèn cho đau'.*



Khoá 20 SVSQ diễn hành tại Saigon ngày 1-10-1964.

Thế nhưng khốn nỗi 'tránh trời không khỏi nắng'; vào một ngày đẹp trời, bỗng dưng ông cán bộ Trung đội trưởng Tân Khóa Sinh K20 đợt 2 của tôi, ông Phạm Mạnh Tần có lẽ vừa mới 'khám phá' ra sự hiện diện của tôi trong đám lính mới, cho nên ông 'móc' tôi ra khỏi hàng quân, bắt tôi đứng nghiêm theo 'quân kỷ' và 'xưng danh', rồi phán một câu:

- *'Anh là người ba gai nhất K20 sẽ phải đi trình diện một niên trưởng ba gai nhất K19'.*

Tôi hết sức ngạc nhiên vì tôi không hề biết đến danh hiệu 'quái đản' này đã có từ bao giờ. Tôi chưa kịp phản ứng gì thì lại nghe lời phán kế tiếp:

- *'Anh có bà con gì với niên trưởng Trần Kiêm Chi không?'*

Vẫn trong tư thế đứng nghiêm, tôi nhìn thẳng và nói lớn

'thưa không'. Ông cán bộ lại phán tiếp:

- *'Tối nay đúng 8 giờ anh sẽ đến trình diện niên trưởng Trần Kiêm Chi với quân phục tác chiến số 6, tôi sẽ cho anh biết phòng của niên trưởng Chi sau, nghe rõ chưa!'.*

Tôi hô lớn: 'Rõ!'

Cũng cần phải giới thiệu, *'quân phục tác chiến số 6'* là thứ quân phục tôi 'ngại' nhất vì nó nặng nề nhất trong số các 'mẫu' quân phục của Tân Khóa Sinh hồi đó; nó gom góp hết tất cả các thứ 'hầm bà làng xáng cấu', không thiếu một thứ gì trong số quân trang, quân dụng đã nhận lãnh từ 'kho quân trang' và 'kho vũ khí', bao gồm: Súng Garant M1, đạn (một cấp số 80 viên), lưỡi lê, mũ sắt hai lớp kèm theo lưới ngụy trang, xẻng cuốc cá nhân, mùng, mền, lều (tent), cọc lều, áo mưa (poncho), gà-men, bi-đông đầy nước, v.v… trang bị cần thiết cho một người lính tác chiến bộ binh, phải mang theo trong một cuộc hành quân lâu dài.

Theo lệnh của cán bộ Trung Đội Trưởng Phạm Mạnh Tân, tôi đến trước cửa phòng niên trưởng Trần Kiêm Chi đúng giờ theo chỉ dẫn, và theo bảng tên dán ở cửa phòng, niên trưởng Chi nằm bên trái. Tôi vừa gõ cửa vừa nói lớn: 'xin vào'. Sau khi nghe tiếng nói từ bên trong: 'vào đi'; tôi mở cửa bước vào. Niên trưởng Chi đang nằm đọc sách, thấy tôi, anh ngồi bật dậy. Tôi đứng như pho tượng, vừa chào tay trong tư thế quân phục tác chiến số 6, vừa trình bày rõ lý do (ba gai nhất K20) cho nên tôi mới phải vào trình diện niên trưởng (ba gai nhất K19). Đợi tôi trình bày xong lý do, anh Chi mỉm cười, đứng dậy kéo ghế cho tôi và nói:

- *'Thôi được rồi, cậu bỏ mấy thứ lỉnh kỉnh đang đeo trên người xuống đi cho nhẹ, rồi ngồi đây mình nói chuyện'.*

Sau khi 'an tọa', anh Chi hỏi thăm tôi về gia đình, về thời học trò trước khi vào Trường Võ Bị. Chưa đầy 10 phút sau, anh bảo tôi:

- *'Thôi! Về trình lại với cán bộ Trung Đội Trưởng là đã thi*

hành lệnh phạt rồi.' ...

* * *

Mùa Thu năm 1965, Khóa 20 chúng tôi ra trường. Sau khi nhận đơn vị được gần 2 năm, vào một buổi chiều cuối Thu 1967, với giấy phép 15 ngày trong tay, tôi từ chiến trường Quảng Ngãi về thăm gia đình ở Saigon. Tôi quyết định mặc bộ đồ 'civil' và 'cuốc bộ' để tận hưởng không khí ở đây, đã 2 năm xa cách. Từ chợ Saigon hướng về chợ Hòa Hưng, tôi đang trên đường Lê Văn Duyệt, đến gần ngã tư Hồng Thập Tự, thì một chiếc xe Vespa Sprint chạy cùng chiều, ngừng lại sát lề đường, trước mặt tôi khoảng khoảng 5 mét.

Người lái xe Vespa với quân phục nhảy dù, mũ beret đỏ, đợi tôi đi ngang, quay sang tôi và nói: *'Tôi trông anh quen quen'*. Mặc dầu đang mặc 'civil', tôi vẫn giơ tay chào theo kiểu nhà binh và nói ngay:

- *'Niên trưởng thấy tôi quen quen là phải rồi, bởi vì tôi bị gán cho nhãn hiệu người ba gai nhất Khóa 20 đi trình diện người ba gai nhất Khóa 19...'*

Tôi chưa nói hết câu, thì anh Chi đã giơ tay cho tôi bắt, vừa cười vừa nói:

- *'À! Thôi nhớ rồi! Nhưng thằng Tần về Sư Đoàn 5 cũng đã chết rồi, tội nghiệp!'*

Tôi bâng khuâng trong giây lát, thương cảm và nhớ lại, tuy Phạm Mạnh Tần và tôi không thân nhưng biết nhau từ khi tôi được hoán đổi từ trường Hồ Ngọc Cẩn sang Chu Văn An, ngay từ những năm đầu của cuộc di cư từ Hanoi vào Saigon năm 1954. Phạm Mạnh Tần là người dán nhãn hiệu *'ba gai nhất Khóa 20'* cho tôi trong thời gian anh là cán bộ Tân Khóa Sinh đợt 2. Và câu hỏi lúc ấy Phạm Mạnh Tần đặt ra cho tôi: *'Anh có bà con gì với Trần Kiêm Chi không?'* cũng chỉ là câu hỏi giỡn cho 'có chuyện', vì anh biết rõ tôi là 'dân rau muống', còn anh Chi là 'dân giá sống' thì làm gì có 'bà con', tuy cả hai cùng họ 'Trần'.

Anh Chi cắt đứt dòng suy tư của tôi bằng câu hỏi:

'Chú mày định đi đâu đây?

'Tôi trả lời, tôi đang nghỉ phép và đang đi không có đích đến. Anh liền chỉ tay vào chiếc nệm phía sau xe Vespa và nói:

- *'Vậy thì về nhà tao chơi.'*

Xe chạy lòng vòng khoảng 15 phút, thì đến khu 'Hàng Xanh' Thị Nghè. Tôi vừa bước vào nhà, chưa kịp chào mọi người thì đã thấy hai anh: Nghiêm Công Đức và Phạm Hiệp Sĩ, cùng Khóa 19 đang ở trong đó. Tôi giơ tay chào theo kiểu nhà binh, miệng nói *'Chào hai niên trưởng'*. Anh Nghiêm Công Đức đưa tay cho bắt và lên tiếng trước:

- *'Ngọn gió nào đưa mày về đây?'*

Tôi trả lời anh là tôi đi phép, sắp phải trở về đơn vị. Sở dĩ anh Đức nhận ra tôi trước vì cách đây không lâu, tôi đã có lần gặp anh ở Đà-Nẵng, lúc ấy anh đang là Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 21 Biệt Động Quân.

Còn anh Phạm Hiệp Sĩ, thì có lẽ không một Tân Khóa Sinh Khóa 20 nào mà không nhớ, vì anh là 'hung thần', với chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn Tân Khóa Sinh K20, đợt 1. Mỗi lần anh đứng lên 'bục chỉ huy' là mỗi lần chúng tôi 'ói máu' và 'ăn hết cơm phạn điếm'.-- Trong ngày Khai Giảng K20, anh là người đứng ra trình diện và báo cáo về 'Tiểu Đoàn Tân Khóa Sinh K20' với vị Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị, lúc bấy giờ là Trung Tá Trần Ngọc Huyến. -- Ngồi gần anh Đức, khi đưa tay ra cho tôi bắt, anh Sĩ mỉm cười và nói vừa đủ cho tôi nghe:

- *'Tối nay tao sẽ phạt mày chừng nào xỉu thì thôi, nhưng đừng lo, không phải tấn công Đồi Bắc đâu, mà bằng hình thức khác. Uống bia được không?'*

Tôi nói đùa lại:

- *'Ồ! Được chứ, thưa niên trưởng. Nhưng niên trưởng phạt đàn em kiểu đó thì không có hiệu quả đâu!'*

* * *

Đã 52 Mùa Thu đi qua, không biết giờ này niên trưởng Phạm Hiệp Sĩ đang ở đâu, còn hai niên trưởng Trần Kiêm Chi và Nghiêm Công Đức thì đã ra 'người thiên cổ' trước khi *'giặc từ miền Bắc vô Nam'*. Bây giờ, cứ mỗi lần gặp lại cố nhân gốc 'Alpha đỏ' trong những buổi 'trà dư tửu hậu' là mỗi lần dĩ vãng lại trở về, tưởng chừng như 'mới hôm qua'. Mặc cho Mùa Thu đã nhiều lần đi qua nhưng **Tình Thu Lâm-Viên** vẫn cứ như thế mãi mãi.

Hôm vừa rồi, anh Đỗ Mạnh Trường Khóa 23, hiện là chủ bút tờ Đa Hiệu, qua điện thoại anh đã cho tôi biết, **cho dù ở hoàn cảnh nào cũng phải duy trì 'Tiếng Nói của Tổng Hội Cựu Sinh Viên Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam', không thể để mất được.** Tôi hoàn toàn đồng ý với anh và rất mong, đây không phải chỉ là ý nghĩ của anh Trường mà là ý nghĩ của tất cả mọi người còn nghĩ đến tiếng nói **độc lập** của tờ 'Đa Hiệu'. Đây cũng không phải chỉ là ý nghĩ của thế hệ một mà là của các thế hệ kế tiếp. Chúng ta sẽ cùng hà hơi tiếp sức cho những '**Mùa Thu Lâm Viên'** mãi mãi tươi mát và lãng mạn, nhất là trong giai đoạn khó khăn hiện nay.

Thân chúc anh chủ bút Đa Hiệu 'chân cứng đá mềm' và hoàn tất nhiệm vụ.

Anh Sẽ Trở Về

Cao Kim, 25/1

Một sớm mùa Xuân anh trở về
Kiêu hùng alpha đỏ, Jaspé
Nhìn em lạ lẫm "Kìa con bé
Tóc xoã lưng dài, em lớn ghê"

Ranh mãnh nhìn anh, em nói khẽ
"Mười lăm tuổi lớn đủ anh mê.
Cú đầu anh bảo "Mày sao liếng"
Em môi cười, áo mới xum xuê

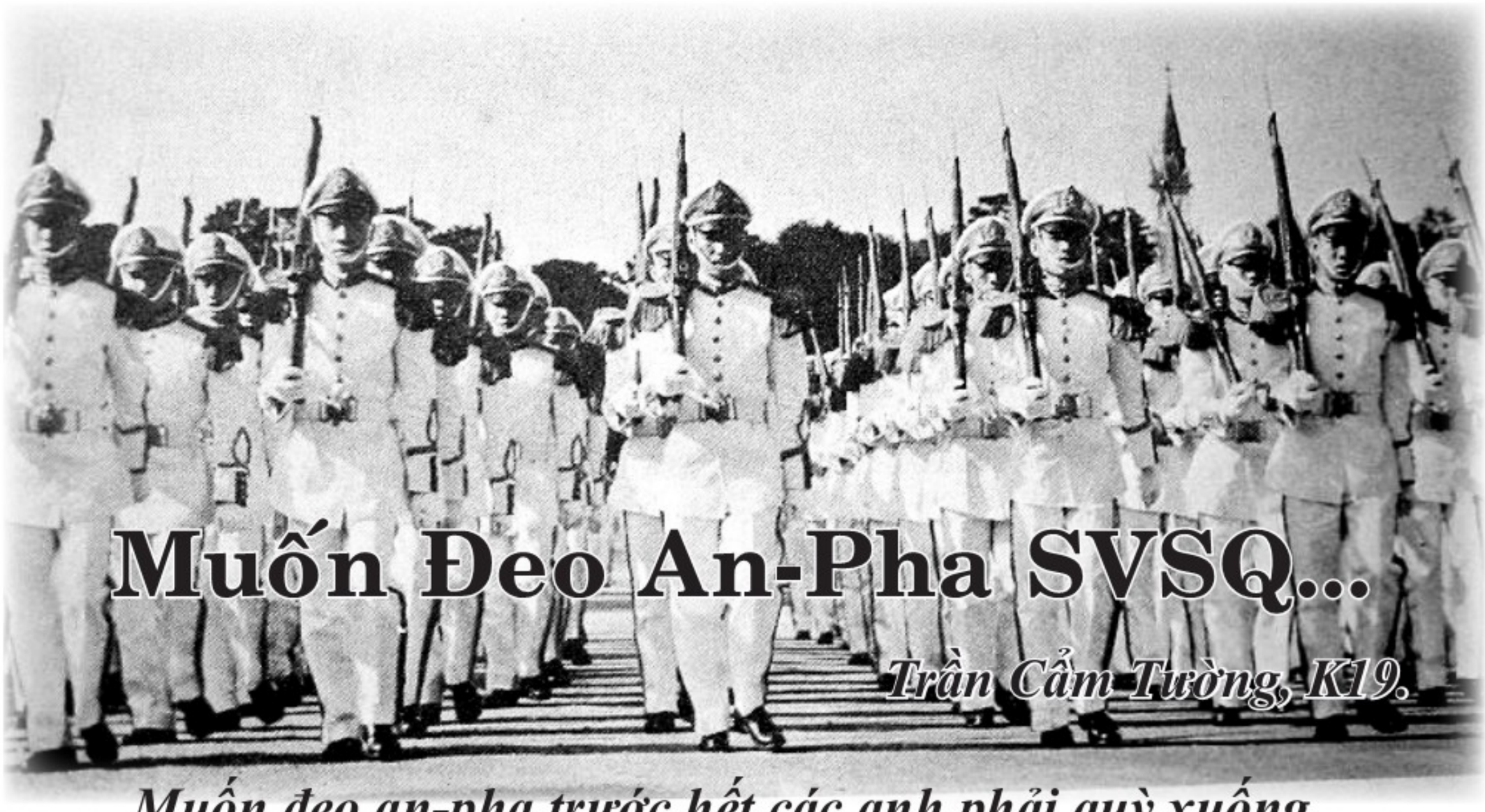


Rồi một mùa Xuân anh lại về
Hoa rừng chiến phục thay Jaspé
Giày saut phủ bụi đường chinh chiến
Mũ nâu Biệt Động bước sơn khê

Em bỏ ngây thơ, chối tiếng cười
Mười tám xuân đời tuổi chơi vơi
Đợi qua Xuân này, chờ Xuân tới
Xa người em quên mất Xuân tươi

Xuân đến xuân về Xuân lại qua
Tuổi mộng chưa đến đã phôi pha
"Anh hứa trở về, anh nhất định"
Mong đợi người về, Ôi quá xa

Giày saut áo trận vết chiến tranh
Người lính vẫn theo bước quân hành
Anh hứa trở về, anh nhất định?
Em hứa đợi chờ, xuân còn xanh?



Muốn Đeo An-Pha SVSQ...

Trần Cẩm Tường, K19.

Muốn đeo an-pha trước hết các anh phải quỳ xuống.

Ngày đầu chọn đời binh nghiệp, CSVSQ chúng ta không quên được thời kỳ Tân Khóa Sinh (TKS) qua nhiều tuần huấn nhục, và lễ gắn an-pha.

Chuyện cũ bây giờ vẫn còn muốn kể cho nhau nghe, để nhắc lại những kỷ niệm vui buồn đời lính ngày đầu nhập ngũ, cũng kể cho người ngoài quân trường hay con cháu biết về những "truyền thuyết, huyền thoại" khó tin, nhưng là chuyện thật đời người.

Trong mấy tuần huấn nhục do đàn anh, được gọi là sinh viên cán bộ, dẫn dắt làm quen với "kỷ luật là sức mạnh của quân đội", những bài học cơ bản về quân phong quân kỷ, vận động thể xác, làm quen với đời lính gian khổ... anh lính mới tò te được nhào nặn tác phong, được sửa chữa từng cử chỉ, lời ăn tiếng nói, cách đi, đứng, nằm, ngồi, "học ăn học nói, học gói học mở" mà trước ngày nhập ngũ chúng ta không bao giờ tưởng tượng nổi.

Bài học đầu tiên và quan trọng nhất đó là "tuân lệnh thi hành trước khiếu nại sau". Tính tuân lệnh tuyệt đối để uốn nắn một học sinh dân sự quen sống buông thả phải biết tự mình khép vào khuôn phép bằng lòng tự giác của một người lính mới, cho quen với đời sống quân ngũ. Người sinh viên khóa

đàn anh (cán bộ) vừa dẫn dắt từng bước cho đàn em trong tinh thần đồng đội, vừa chứng tỏ tài chỉ huy trong hệ thống tự chỉ huy sau này.

Đàn em, sau thời kỳ chịu đựng kỷ luật thép, ý thức cá nhân biến đổi, tư tưởng dân chính được uốn nắn vào khuôn phép nghe lệnh, nhận lệnh, và thi hành lệnh. Mọi động tác tay, chân, thân thể, từng cử động đồng bộ, đều nhịp, ăn khớp đội hình tập thể.

Ngày gắn an-pha là ngày trọng đại nhất, sau những thử thách của nhiều tuần huấn nhục (cho cả đàn anh lẫn đàn em).

Từ hệ thống tự chỉ huy, cán bộ khóa đàn anh ra lệnh:

- "Quỳ xuống, các Tân Khóa Sinh!"

Tân Khóa Sinh khóa đàn em răm rắp nghe lệnh quỳ xuống. Sau những thủ tục nghi lễ, đích thân những niên trưởng (NT) khóa đàn anh đi xuống từng hàng để gắn cấp hiệu an-pha cho đàn em đang quỳ đón chờ trở thành SVSQ.

- "Đứng lên, các SVSQ!".

Đây là phút giây cảm động, thiêng liêng và hãnh hiện nhất trong đời binh nghiệp của một SVSQ.

Từ giây phút đó, đàn anh khóa huấn luyện cảm nhận được sự trưởng thành và hoàn thành bổn phận và trách nhiệm của mình, dẫn dắt đàn em vào đầu đời quân ngũ. Người SVSQ khóa đàn anh tập cách chỉ huy uy, tự tạo uy tín, đến định mức trưởng thành của một cán bộ quân đội, thân thiết với những đàn em cùng chung mái trường.

Các Tân SVSQ vừa đứng dậy, thoát chốc thấy mình vụt lớn lên. Bao nhiêu cực nhọc đã qua, tình cảm gắn chặt với đàn anh vì đã cùng theo sát dẫn dắt, sát cánh bên nhau.

Hình phạt thể xác của khóa đàn anh cho đàn em, dù có quá sức chịu đựng, chỉ là mục đích luyện tập cho cơ thể cường tráng, sức khỏe dẻo dai bền bỉ. Cơ thể tiếp tục chịu nổi với thời

gian huấn luyện ở quân trường, sau này là cấp chỉ huy có sức khỏe tốt, dẫn dắt đơn vị đi chiến đấu ngoài mặt trận theo châm ngôn: "Thao trường đổ mồ hôi chiến trường bớt đổ máu".

Về mặt tinh thần, đàn anh đi trước có kinh nghiệm tẩy gội những tư tưởng lè phè, yếu đuối, mặc cảm sợ nguy sợ khó của thư sinh mới vào trường, trang bị một ý thức quân nhân mới, tinh thần cao thượng phục vụ đất nước, chống kẻ thù, một



Một buổi lễ gắn Alpha cho tân khoá sinh.

niềm tin mới vào lý tưởng làm trai thời chiến.

Ngày đó, đàn anh đàn em, tuy là khác khóa nhưng chung một tấm lòng: huynh đệ dưới mái trường mẹ thân yêu.

Thời gian qua, vật đổi sao dời, vận nước nổi trôi. Trong chiến trận có kẻ vươn lên, có người chậm bước. Người còn sống, kẻ hy sinh, người tù tội trong lao tù CS, kẻ thoát được ra ngoài. Cho dù thay đổi ngoại cảnh, lòng người... Những năm khốn khó đã trôi qua, nhưng các cựu SVSQ năm xưa không quên tình tự: "Một ngày Võ Bị một đời Võ Bị" (Đinh Công Trứ, k29) đã tìm lại nhau, những bạn cùng khóa, những anh em cùng trường, cùng nhau gây dựng lên một tập thể đồng nhất gọi là TH/ CSVSQ/ TVBQGVN/ HN.

Tập San Đa Hiệu, cơ quan ngôn luận chính thức của Trường

Võ Bị được chấp bút viết lại sau thời gian gián đoạn 1975. Diễn Đàn THVBQGVN cũng đã được thành lập đồng lúc thời với các nhóm, groups các khóa. Tình cảm VB ở hải ngoại đã đươc liền lạc và hàn gắn, nối kết thông tin trong thời đại tin học.

Tổ chức các kỳ họp Khóa, Đại Hội Liên Hội, Tổng Hội cũng đã được tổ chức qui mô, rộng rãi khắp nơi. Tổ chức nội bộ mang nhiều sáng kiến, không những cho khối đoàn kết keo sơn gắn bó CSVSQ mà còn mở rộng ra thêm Phụ Nữ Lâm Viên, Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

Các hội đoàn Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại ca ngợi tổ chức của các cựu SVSQ VBĐL như là một mẫu mực hợp đoàn qui củ, kỷ cương đâu vào đó. Chưa có một so sánh hay chê bai về tổ chức của chúng ta, một tổ chức mang tính đoàn kết, đậm nét truyền thống còn lưu giữ lại được sau ngày mất miền Nam 30-4-75.

Truyên thông của TVBQGVN là: đàn anh huân luyện 8 tuần sơ khởi cho đàn em, truyền lửa, truyền sức sống, chia sẻ cực nhọc của người anh đi trước cho đàn em theo sau, biết giá trị sự tuân lệnh là kỷ luật sức mạnh của Quân Đội.

Hình thức đàn em quỳ xuống để đàn anh gắn cấp hiệu an-pha, vừa chứng tỏ khóa đàn anh có bổn phận trách nhiệm dạy dỗ đàn em như người anh lớn trong gia đình, vừa chứng minh được khóa đàn em nhận chịu sự "tuân phục kính trọng" của các khóa đàn anh trong hệ thống tự chỉ huy. Và, sau này khóa đàn em cũng sẽ là khóa đàn anh huấn luyện cho những khóa sau, tự tay gắn an-pha cho khóa đàn em, để chỉ huy các khóa đàn em.

Trong Quân Đội có hệ thống quân giai hàng dọc, trong trường Võ Bị Đalat có hệ thống tự chỉ huy cho các khóa còn đang thụ huấn. Dù trong đơn vị quân đội sĩ quan có cấp bậc, chức vụ cao là thuợng cấp, người cấp bậc, chức vụ nhỏ hơn là thuộc cấp; là thứ bậc để điều hành, điều động lệnh từ trên

xuống thi hành cho suông sẻ. Quân nhân biết tự trọng, có tư cách, giữ quân phong quân kỷ, không ai tự xưng mình là sếp (ra lệnh), hay hạ cấp (nịnh bợ):

"...Huynh đệ chi binh,
là mình cùng chung đời lính,
thương nhau khác chi nhân tình.
Từ người đơ-dèm (deuxième) cùi bắp (binh nhì)
Và rồi đi lên thượng cấp,
Đều là huynh đệ chi binh...."

(Tác giả Anh Bằng)

Cựu SVSQ/TVBQGVN còn có cái hay hơn nữa là khi ra đơn vị, và cả về sau này, đàn anh luôn thương yêu, giúp đỡ đàn em trong nhiều trường hợp. Đàn em luôn tin cậy đàn anh như là người đi trước, có kinh nghiệm dẫn dắt mình. Tuy vậy, sau ngày ra trường, người đàn em có thể may mắn hơn đàn anh bị lận đận vì binh nghiệp, hay hoàn cảnh xã hội thay đổi. Nhưng lúc gặp nhau, thường chào kính người đàn anh trước là niên trưởng, để tỏ lòng kính trọng huynh đệ, nhớ đến ơn nghĩa huấn luyện, dìu dắt nhau dưới mái trường từ thuở ban đầu là TKS.

Trong tình tự Võ Bị, không ai tưởng mình là "sếp", là kẻ cả, muốn bắt người khác quỳ xuống mà không nhớ rằng mình cũng từng đã quỳ xuống để được nhận gắn cấp hiệu an-pha.

Và cũng tự mình nhắc nhớ:

Trước khi được gắn an-pha SVSQ, các anh đã phải quỳ xuống!

Hình đầu bài: Khoá 19 SVSQ đang diễn hành.



ANH VẪN CÒN SỐNG

Nguyễn Em, K25

Anh người ở làng Dạ Lê, quận Hương Thủy. Sau khi thi đậu tú tài 2, anh lên thành phố Huế ở trọ nhà người quen để theo học trường Luật. Nhà bên cạnh, có cô em nữ sinh Đồng Khánh. Không biết do tình cờ hay là nhân duyên tiền định đưa anh đến đây để hai người quen biết nhau, tình yêu của hai người từ từ chớm nở.

Hằng ngày trên đường đến trường, anh và cô em cạnh nhà cùng chung đường đi lối về. Bến sông Đông Ba trước mặt hai nhà, con đường Bạch Đằng, cầu Gia Hội, đường Trần Hưng Đạo ghi dấu bóng dáng hai người. Những ngày đầu mới về ở đây, thỉnh thoảng anh nhìn qua nhà bên thấy thấp thoáng bóng nàng bên khung cửa sổ và hình như nàng cũng lén nhìn sang.

Một buổi sáng hai người cùng dắt xe đạp đứng trước sân nhà chuẩn bị đi học, anh gật đầu chào làm quen. Nàng chào đáp trả, cúi đầu e thẹn bên vành nón lá che nghiêng. Ngày nầy qua ngày khác, chàng sinh viên luật lặng lẽ đạp xe theo sau cô nữ sinh có mái tóc thề và tà áo dài trắng tung bay. Một ngày kia, lúc trên đường vắng bóng người, nàng bỗng nhiên chạy xe chậm lại. Khi anh tới gần nàng khẽ nói:

- Anh ơi, chạy xe xa em một chút, người ta chộ dị nghị...

Nghe giọng nói thanh tao lảnh lót của nàng, tim chàng cảm thấy xao xuyến. Anh cố ý châm chọc:

- Răng cô lại sợ dị nghị, tui có làm chi mô?

Thấy cô gái mắc cỡ đỏ bừng đôi má lúng túng, anh trấn an:

- Ờ… nói vậy chớ tui sẽ chạy sau xa, Yến đừng lo (anh đã biết tên nàng sau khi dò hỏi người trong nhà).

Không bỏ mất cơ hội, anh đánh bạo nói tiếp:

- Anh biết năm ni Yến thi tú tài 1. Nếu thấy bài vở có chi khó, nói anh qua nhà chỉ cho.

Như sợ nàng trả lời từ chối, anh liền chạy xe chậm lại nhường nàng chạy lên phía trước. Từ đó người ta không còn thấy anh chạy xe gần sau lưng nàng nữa mà giữ khoảng cách xa xa ở phía sau, và thỉnh thoảng thấy anh qua nhà dạy kèm cô em hàng xóm. Huế đang vào mùa Thu, có gió heo may, có sương mờ giăng giăng buổi sáng và thường có những luồng gió lạnh thổi về buổi chiều. Mùa Thu êm ả thầm lặng, mùa Thu ấp ủ hương tình…

Rồi biến cố Tết Mậu Thân

Huế tang thương, Huế chết chóc, Huế đầy tử khí. Đâu đâu cũng thấy những mảnh vải khăn sô trên đầu người dân vô tội… Anh từ giã bút nghiên, theo tiếng gọi con trai thời loạn lên đường bảo vệ quê hương: Anh gia nhập vào Khóa 25 Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Cô nữ sinh Đồng Khánh cạnh nhà năm đó thị đậu tú tài 1, rồi cô thi trúng tuyển vào đại học Sư Phạm cấp tiểu học. Hai năm sau cô tốt nghiệp ra trường được chuyển vào dạy học ở Quảng Nam.

Còn anh, thời gian 4 năm ở trong quân trường luôn nhận được những phong thư đầy ắp tình cảm nồng nàn của nàng. Những lần anh được về phép, hai người sóng bước bên nhau trên những con đường quen thuộc mà không còn ngại ngùng hay sợ người ta dị nghị như ngày nào. Gia đình hai bên cũng đã chấp thuận, chứng nhận tình yêu của họ và chọn ngày lành tháng tốt làm lễ cưới.

Sau khi ra trường 10 ngày anh chị làm Lễ Thành Hôn,

nhằm ngày Noel, 25-12-72. Lúc đó các bạn Khóa 25 của anh ở Huế còn trong thời gian nghỉ phép trước khi ra trình diện đơn vị nên tất cả cùng đến tham dự ngày cưới đông đủ. Tuần lễ trăng mật trôi nhanh, anh phải vào Sài Gòn học Anh văn để chuẩn bị đi qua Mỹ học lái máy bay phản lực, còn chị vào Quảng Nam dạy học. Mùa Hè năm 1973 chị được nghỉ dạy vào Sài Gòn thăm anh đang theo học Anh văn tại trường Sinh Ngữ Quân Đội ở quận Gò Vấp. Vợ chồng có dịp sống bên nhau.

* * *



Đã qua ba tháng chị được nghỉ hè và được sống bên chồng. Đó là khoảng thời gian quý giá nhất mà chị còn nhớ mãi cho đến ngày nay. Vào cuối tháng 8 năm đó, lúc anh chuẩn bị lên đường qua Mỹ thì hay tin chị có thai. Anh nói với chị là anh không muốn đi Mỹ nữa, anh sẽ làm đơn xin về Phan Rang học lái máy bay A.37 và xin hủy bỏ đi tu nghiệp để được ở gần chăm sóc vợ con sau nầy. Anh không đành lòng ra đi khi thấy hoàn cảnh đơn chiếc của vợ mình trên đất Quảng Nam xa cách người thân, không bà con nương tựa.

Chị đã khuyên anh hãy vì sự nghiệp, vì tương lai, đừng bỏ mất cơ hội, và nên lên đường qua Mỹ tu nghiệp. Phần chị ở nhà có thể tự lo liệu. Hai lần anh làm đơn xin không đi tu nghiệp nhưng chị quyết liệt phản đối, xé bỏ các đơn xin đó. Trước thái độ vừa cứng rắn vừa mềm dẻo của chị, cuối cùng anh cũng lên đường qua Mỹ vào đầu tháng 9-1973.

Vào ngày 09-04-74, tức sau 7 tháng anh đi Mỹ, chị sinh hạ song sinh, một trai và một gái. Từ lúc có hai con dại, việc mướn nhà ở gặp nhiều trở ngại. Nhờ cha chồng giúp, chị mua được căn nhà nhỏ nằm cuối đường hẻm dài hơn một cây số thuộc phường Thanh Bình, quận Hải Châu. Nhà ở gần bờ biển,

nên ngày đêm chị luôn nghe tiếng sóng vỗ rì rào.

(Hằng năm bờ biển bị lở dần nên gần 20 năm sau mực nước biển đã đến sát sau hè. Chị đã phải mua nhà đi nơi khác trước khi mực nước biển có thể lấn chiếm căn nhà. Người viết)

Về phần anh, hơn một năm sau mãn khóa học tu nghiệp, vào ngày 19-12-1974 anh về nước. Anh chị trùng phùng bên cạnh hai đứa con sinh đôi kháu khỉnh, lúc nầy đã hơn 7 tháng tuổi. Sống đoàn tụ bên vợ con được tuần lễ anh phải rời Đà Nẵng quay lại Sài Gòn, ở trong phi trường Tân Sơn Nhứt chờ ngày chọn đơn vị.

Vào đầu năm 1975 tình hình chiến sự sôi động khắp nơi, liên tiếp ngày nầy qua ngày khác. Tin tức dồn dập không tốt, và nhiều đơn vị phải di tản chiến thuật. Đến tháng 3-75, Kontum bị thất thủ, và cuối tháng 3 Huế và Đà Nẵng di tản.

Ngày 27-3 -75 anh bay ra Đà Nẵng để đón vợ con đưa vào Sài gòn. Lúc bấy giờ nơi đó tình hình vô cùng hỗn loạn. Ở bờ biên và phi trường đông nghẹt những người nhôn nháo lo lánh nạn. Mỗi lần có tàu cập bến hay có máy bay chuẩn bị cất cánh là cả rừng người chen lấn, trong đó có cả toán quân cầm súng bắn loạn xạ, tranh giành nhau lên máy bay hay lên tàu. Có người bị trúng đạn chết trên biển, trên bờ và ở trong phi trường. Trước cảnh hỗn loạn đó, anh biết mình không thể nào dẫn vợ và hai con dại mới 11 tháng tuổi chen lấn lên máy bay được. Anh về nhà nói với chị là anh sẽ vào Sài Gòn trước để gặp viên sĩ quan trưởng phi đoàn ở Sài Gòn mà anh rất thân để xin giúp đỡ.

Vì biết viên sĩ quan nầy trong hai hoặc ba ngày nữa sẽ lái máy bay ra Đà Nẵng đón vợ con, nên anh sẽ xin ông ta cho gia đình anh tháp tùng.Trước khi chia tay, anh đưa cho chị mấy lượng vàng và một số tiền đô la mà anh đã dành dụm trong thời gian ở Mỹ. Chị không nhận, nói anh hãy giữ mang vào Sài Gòn trước. Chị còn nhớ rất rõ: Vào lúc 11 giờ trưa ngày 28 anh chào từ giã vợ, ôm hôn hai con, một mình vào phi trường Đà Nẵng.

Những ngày liên tiếp chị trông chờ nhưng không thấy anh trở lại. Và sau đó không bao lâu Đà Nẵng bỏ ngỏ, quân CS tràn vô mà không có một lực lượng nào đối kháng.

30-04-75, Ngày Mất Nước

Sau ngày 30-04-75, nhiều người trước đây di tản nay cũng lác đác trở về, hầu hết họ là những người dân hoặc lính, hiếm thấy có sĩ quan. Chị ngày đêm trông ngóng tin tức anh. Chị nghĩ rằng có lẽ anh ở Sài Gòn đã đi trình diện theo cái mà CS gọi là ”học tập cải tạo.” Chị cũng nuôi hy vọng biết đâu anh đã lên tàu rời khỏi VN trước ngày 30-4 và đang định cư ở Mỹ hoặc một nước nào đó.

Vài tháng sau ngày 30-04, CS bắt những công chức phải trình diện cơ quan để học tập chính trị. Thành phần giáo viên như chị không ngoại lệ. Ban ngày chị phải tới cơ quan hội họp, “học tập chính trị”, tối về thì họp tổ dân phố để phê bình, kiểm điểm, đấu tố… Mọi người ai cũng ngao ngán và mệt mỏi vì luôn nghe những luận điệu tuyên truyên một chiều láo khoét như cái máy, nhưng ai cũng phải cố nín thở qua truông. Khổ cho chị là còn hai con dại, ban ngày hết nhờ người nầy đến nhờ người khác trong xóm trông nom hộ, ban đêm thì bồng bế con ra họp tổ dân phố.

Sau khóa học chính trị, chị có thời gian được nghỉ hai tuần lễ trước khi bước vào năm học mới – những giáo viên chế độ cũ được tiếp tục đi dạy. Nghe lời khuyên của mẹ chồng, chị bồng bế hai con về quê chồng ở làng Dạ Lê, quận Hương Thủy gởi hai con nhờ bên nội trông nom giùm, chị vào Đà Nẵng đi dạy.

Nhưng khi lìa xa hai con chị nhớ thương chúng quá. Chưa đầy tuần lễ sau đó chị quay về quê chồng xin phép nhận lại hai con. Giờ đây sướng hay khổ cũng có mẹ con hủ hỉ bên nhau, chị không thể sống xa chúng được.

Trong phần khai lý lịch người chồng, để tránh cơ quan gây khó dễ, chị khai đúng họ tên anh nhưng với cấp bậc trong quân

đội là trung sĩ. Không ai tra vấn, thắc mắc, mọi chuyện đều êm xuôi, chị được tiếp tục dạy chỗ cũ gần nhà. Bất ngờ năm sau sở giáo dục thuyên chuyển chị dạy học ở vùng quê, xa nhà hơn 30 km khi biết chồng chị là sĩ quan, là "giặc lái". Chị biết có người trong hàng ngũ giáo viên muốn lập công đã báo cáo.

Quá phẫn nộ trước hành động trả thù nầy, hơn nữa chị không thể mỗi ngày đến trường trên chiếc xe đạp cũ kỹ đi về hơn 60 km, vừa mất sức và không có thời gian chăm sóc hai con thơ dại, chị đã bồng bế hai con, cùng chai thuốc chuột, lên thẳng Sở Giáo Dục Quận để phân trần.

Ở đây chị xác nhận chồng mình là sĩ quan và nghe tin đang học tập "cải tạo" ở miền Nam. Chị nói trước đây vì sợ không được đi dạy, không được mua nhu yếu phẩm nuôi hai con nên chị khai chồng chị là lính chứ không phải sĩ quan. Nay Sở Giáo Dục thuyên chuyển bắt chị dạy xa nhà sẽ không có thời gian chăm lo cho hai con được.

Nói đến đây chị cầm chai thuốc chuột giơ lên và nói với tên cán bộ sở giáo dục rằng nếu không cứu xét cho chị về dạy ở chỗ cũ thì mẹ con chị sẽ tự tử bằng chai thuốc chuột nầy. Chị bồng con ra về với thái độ dứt khoát.

Những ngày sau đó chị nằm ở nhà đợi tin tức chứ không đi dạy nữa. Và đúng như dự đoán, sau một tuần lễ chị nhận thông báo tiếp tục về dạy lại chỗ cũ. Lúc bấy giờ hầu hết mọi người đều có cuộc sống vô cùng khó khan, tăm tối. Nhiều gia đình sau cơn hỗn loạn, gia đình ly tán đến nay cũng chưa biết người thân lưu lạc nơi nào, sống chết ra sao. Bên cạnh đó hăng ngày còn phải lo chạy miếng ăn thiếu trước hụt sau, vì mọi thực phẩm đều do nhà nước quản lý. Một số ít người đi làm cho nhà nước thì được mua nhu yếu phẩm và gạo với giá rẻ, còn đa số người dân thì lương thực chính là bo bo, khoai lang, hay khoai mì.

Riêng đối với chị, đồng lương đi dạy học quá ít ỏi không đủ bù đắp vào những khoảng thiếu hụt quá lớn. Chị cũng muốn đi

ra buôn bán để kiếm thêm chút ít nhưng không có vốn liếng lại bận bịu hai con dại. Trong nhà có gì bán được là chị đem bán dần, bán mòn đắp đổi qua ngày. Nhờ là cô giáo, hằng tháng chị có tem phiếu mua 13 kg gạo với giá rẻ nên chị còn bám víu việc đi dạy để có gạo nuôi con. Số gạo đó làm sao đủ cho ba người nên hàng ngày hai buổi chị chỉ ăn toàn bo bo hay sắn, hay khoai lang.



Nhìn hai con ốm yếu, chậm phát triển vì thiếu dinh dưỡng chị buồn vô hạn. Lòng chị càng rối bời khi hết năm nầy đến năm khác vẫn không biết tin tức gì về chồng mình. Sau 5 năm, bọn cầm quyền địa phương nói chị khai lý lịch chồng không rõ ràng, vì không khai địa chỉ hòm thư "cải tạo" của chồng. Mặc cho họ nói gì thì nói, chị vẫn trả lời là chưa liên lạc được với chồng. Về sau chị được biết nếu khai chồng chết sẽ mua được nhu yếu phẩm rẻ hơn, còn nếu khai đi "học tập cải tạo" sẽ mất quyền lợi. Vì thế, chị lo chạy chọt, đút lót bọn cầm quyền địa phương và cả cơ quan chị đang làm, báo lại là chồng mình đã chết trên đường di tản. Chị nói thêm sở dĩ có sự nhầm lẫn nầy vì trong trại "cải tạo" có người trùng tên chồng chị.

Từ đó chị mới được yên thân, không còn ai làm khó dễ nữa. Nhiều năm trôi qua chị luôn dò hỏi tin tức chồng, nhưng đều bặt vô âm tín. Thỉnh thoảng chị lại nghe có người hơn mười mấy năm sau mới biết được tin người thân mình đang ở nước ngoài, chị và hai con lại lóe lên niềm hy vọng, dầu là rất mong manh… Gặp ai ở nước ngoài về chị đều dò la hỏi thăm tin tức. Một số bạn Khóa 25 của chồng chị ở nước ngoài có lại thăm chị. Họ cũng báo là hoàn toàn không biết tin tức gì về anh, và tỏ vẻ thất vọng khi nhắc đến anh.

Không nói ra nhưng chị cũng đã nghĩ đến trường hợp xấu nhất đã xảy ra cho chồng. Vì lòng không nỡ, vì trong tâm

tưởng vẫn còn mơ hồ nghĩ rằng biết đâu anh vẫn còn sống, đang ở một nơi xa xôi nào đó nên chị không dám nghĩ thêm. Hơn 40 năm qua, từ ngày anh mất tích chị vẫn ở vậy nuôi con, không bước thêm bước nữa. Với hai con là niềm vui và lẽ sống của chị. Chị đã sống quên mình, hy sinh cả cuộc đời cho các con.

Nhớ lần cuối chia tay anh, hai con mới 11 tháng, còn chị mới 26 tuổi. Năm tháng dần trôi trong sự trông đợi mỏi mòn của người vọng phu, tuổi thanh xuân của chị qua nhanh. Trước đây cũng có nhiều người đàn ông đi theo chị tán tỉnh, cũng có người muốn gợi ý chắp nối sống chung nhưng đều bị chị cự tuyệt. Chị nghĩ rằng trên cõi đời nầy không có người đàn ông nào có thể thay thế được một người như anh: một người chồng lý tưởng, chung tình và đã hy sinh, sống hết mình vì vợ con. Chị tìm được niềm vui theo năm tháng lớn lên của hai con. Chị không muốn có bất cứ một người nào xen vào làm sứt mẻ nguồn hạnh phúc nầy.

Thay phần kết

Những gì tôi viết trên đây dựa theo lời tường thuật của phu nhân của người bạn K25 bị mất tích tên Nguyễn Hữu... Xin đốt nén hương lòng tưởng nhớ đến bạn Nguyễn Hữu... ”ANH VẪN CÒN SỐNG” trong tình thương và nỗi nhớ của chị và hai con.

Và đặc biệt trân trọng vinh danh chị Nguyễn Hữu..., một người phụ nữ trung trinh tiết liệt hiếm thấy ở xã hội ngày nay, Cao quý và đẹp biết bao về một người vợ và một người mẹ hiền như Chị.

Chuyện Tình Buồn

Tưởng nhớ Cố Trung Úy Tạ Tử ANH K27 VB (Sư Đoàn Dù)
và TTKT bạn cùng lớp 11B Trường Nữ Trung Học Quảng Tín

Lê Kim Nga, K27/1



Hồi tưởng lại lòng nghe buồn quá đỗi
Bao năm rồi kể lại chuyện tình đau
Chuyện tình Chiến Dịch, cái thuở ban đầu
Nàng tỉnh lẻ và chàng trai Võ Bị

Ngày anh đến đầy bất ngờ thú vị
Nắng sân trường nhuộm ánh mắt tình si
Những tà áo trắng quấn quít thầm thì
Cười khúch khích thẹn thùng môi đỏ thắm

Rồi một ngày tình lên ngôi say đắm
Đi bên nhau giữa phố nhỏ buồn hiu
Mặc thế gian đầy đôi mắt Cú Diều
Lờ dèm pha thân phận là con gái

Khi đã yêu quên phân vân lo ngại
Hứa thành đôi khi anh học ra trường
Đếm từng ngày dõi mắt ngóng thư thương
Nghĩ về nhau nhớ trong từng nhịp thở

Chưa kịp vui đất trời nghiêng sụp đổ
Tin chiến trường anh gục ngã hy sinh
Tiếng khóc ngất, đừng bỏ em một mình
Người nằm xuống giết chết người ở lại

Chiến tranh ơi nỗi buồn nào sai trái

Nước mắt mẹ già, goá phụ ngây thơ?
Được gì đâu, đất nước vẫn mịt mờ
Tôi cúi mặt tiếng thở dài nấc nghẹn

Người nằm xuống xin một lần hãy đến
Bạn tôi ơi, giờ bạn ở phương nào??



Đoàn Kết Là Sức Mạnh Của Tập Thể

Nguyễn Quốc Đống, K13

Các bậc tiền nhân đã để lại cho chúng ta nhiều câu nói về sức mạnh của sự đoàn kết, hay sự hợp quần, mục đích khuyên con cháu chớ coi thường sức mạnh được tạo nên do sự tập hợp của các cá nhân vốn yếu đuối nếu đứng riêng lẻ một mình.

"Hợp quần nên sức mạnh."

"Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao."

Các cụ còn dạy con cháu bài học đơn giản về đoàn kết qua câu chuyện bó đũa: các cây đũa nếu để riêng từng cái, có thể bị bẻ gãy dễ dàng, nhưng nếu để chung thành một bó, thật khó mà bẻ gãy cả bó đũa một lúc.

Vậy chúng ta hãy ôn lại những bài học về đoàn kết trong lịch sử Việt Nam, trong sinh hoạt cộng đồng của người Việt trong nước cũng như tại hải ngoại, để rút ra những kinh nghiệm có thể đem áp dụng vào công cuộc tranh đấu chống cộng hiện nay.

1- Khi nào cần có sự đoàn kết của mọi thành phần dân tộc:

Trong lịch sử giữ nước của dân tộc Việt, chúng ta không thể quên bài học đoàn kết của vua, quan, và dân đời nhà Trần vào năm 1284, khi phải đối đầu với cuộc xâm lăng của quân

Nguyên lần thứ hai. Tại Hội Nghị Diên Hồng, các bô lão, đại diện cho người dân, đã bày tỏ một lòng quyết chống giặc Tàu xâm lược, quyết hy sinh dù thế nước yếu. Sự đoàn kết của mọi thành phần dân tộc lúc nước nhà nguy biến, là sự đoàn kết tối cần để giữ vững lãnh thổ, và chủ quyền của đất nước.

Tại thời gian này, chỉ có quyền lợi tối thượng của nước nhà là quan trọng. Mọi quyền lợi của các sắc tộc, phe nhóm, đảng phái, cá nhân phải bị hy sinh, mới mong giành được thắng lợi sau cùng. Thử hỏi vào lúc nước nhà nguy biến, mà người dân còn chia rẽ vì các khác biệt về chủng tộc, đảng phái, thì làm sao tập trung sức mạnh cho công cuộc giữ nước.

Trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, hai bên tham chiến đều dốc toàn lực để mong chiến thắng. Một bên có biểu lộ chia rẽ, thiếu đoàn kết, phe bên kia ắt thấy ngay nhược điểm này, và sẽ lợi dụng triệt để hầu tiêu diệt đối phương. Chúng ta hẳn không quên bài học cay đắng này trong cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ hai (1955-1975): quân, dân miền Nam Việt Nam phải chống lại Bắc quân cộng sản xâm lược để bảo vệ quốc gia Việt Nam Cộng Hòa. Do một số tổ chức của dân chúng tại miền Nam, từ đảng phái, đến tôn giáo, từ giới trí thức đến sinh viên, học sinh… đã bị cộng sản xâm nhập, tuyên truyền, lừa bịp, nên đã bị kẻ thù khuynh đảo, không tập trung được sức mạnh, và bị yếu thế dần trước kẻ thù cộng sản.

Hậu quả là một kết cuộc bi thảm cho quân, dân miền Nam. Miền Nam VN mất vào tay kẻ thù CS, chúng ta thành kẻ lưu vong trên xứ người. Khi cuộc chiến đã tàn, nhiều người mới nhận thức rằng một trong những nguyên nhân khiến chúng ta mất nước chính là vì người dân miền Nam thiếu đoàn kết; một số không đặt quyền lợi của quốc gia dân tộc trên quyền lợi của đảng phái, của tôn giáo, của cá nhân… Quả là một bài học cay đắng của lịch sử.

Nếu chúng ta thấy được khía cạnh tích cực của "việc đoàn kết", thì kẻ thù của chúng ta không bao giờ quên tác dụng

của "việc chia để trị". Thời Pháp thuộc, thực dân Pháp đã áp dụng kế sách này, chia nước VN nhỏ bé thành 3 phần: Bắc kỳ, Trung kỳ, và Nam kỳ. Người dân 3 miền tuy dùng chung một ngôn ngữ Việt, có cùng tổ tiên, cùng nếp sống văn hóa; nhưng sau thời gian dài 100 năm dưới thống trị của thực dân Pháp, có lúc tưởng như mình thuộc 3 quốc gia khác nhau. Sức mạnh đoàn kết của dân Việt do vậy đã thiếu sự tập trung, ảnh hưởng lớn đến công việc giành độc lập cho tổ quốc.

Nhìn vào hiện tình đất nước Việt hiện nay, chúng ta thấy lại tình trạng đáng buồn này. Các lực lượng dân chúng muốn tập hợp lại để có một tiếng nói chung trong cuộc tranh đấu vì dân chủ, nhân quyền cho người dân đã gặp rất nhiều khó khăn. Bọn cầm quyền Cộng sản ý thức được một khi các giới dân chúng tập hợp lại, họ sẽ mạnh lên, và CSVN sẽ không dễ gì dập tắt các phong trào dân chủ này. Do đó CSVN đã thực hiện triệt để chính sách chia để trị. Một mặt họ ban phát bổng lộc cho những kẻ trung thành với Đảng CS, với nhà nước "xã hội chủ nghĩa"; một mặt họ đàn áp thăng tay các tổ chức chính trị, hay xã hội dân sự muốn tham gia vào việc dân chủ hóa VN. Kết quả là nhiều tổ chức dân chúng sau bao năm tranh đấu vẫn chưa có được một tiếng nói chung, chưa tập hợp được sức mạnh của mình, nên chưa ảnh hưởng gì được đến chế độ CS đương quyền.

Nhiều người dân Việt đã ý thức được tình trạng đất nước lâm nguy, do việc Đảng CSVN chỉ coi trọng việc bảo vệ quyền lực và quyền lợi của Đảng; coi nhẹ quyền lợi của đất nước và dân tộc; dẫn đến việc họ để mất nhiều vùng đất và biển đảo vào tay Tàu cộng. Tuy nhiên, giới cầm quyền, tuy nhu nhược trước giặc Tàu, nhưng rất tàn ác với người dân, nên người dân vẫn chưa tìm được cơ hội tập hợp sức mạnh thành cơn bão cuốn trôi được chế độ độc tài toàn trị tại VN hiện nay. Cuộc chiến giữ nước chống ngoại xâm cần lực lượng tập trung của toàn dân, nhưng hiện nay chúng ta chưa có được sức mạnh tổng hợp này.

2- Cuộc tranh đấu chống cộng của người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản tại hải ngoại có được sự đoàn kết tổng hợp hay không?

Ngày 30-4-1975 chỉ chấm dứt cuộc chiến giữa người Việt quốc gia và người Việt cộng sản trên trận địa chiến. 30-4-1975 không đem lại hòa bình đúng nghĩa cho người dân Việt cả hai miền Nam, Bắc. Chính sách trả thù tàn bạo của "bên thắng cuộc" đối với "bên thua cuộc" khiến cả trăm ngàn người dân miền Nam mất mạng trong các trại "học tập cải tạo"; tại các vùng kinh tế mới, nơi người dân bị buộc phải đi khai hoang các vùng đất chết; trong các cuộc vượt biên, vượt biển kinh hoàng để vượt thoát khỏi chế độ bạo tàn của CSVN…

Những người dân Việt tìm đến được bến bờ tự do, sau thời gian dài vất vả xây dựng cuộc sống mới, đã tập họp thành các cộng đồng di dân tỵ nạn cộng sản (TNCS) tại nhiều quốc gia trong thế giới tự do. Họ vẫn còn sống với các lý tưởng quốc gia, dân tộc cao đẹp mà chế độ Việt Nam Cộng Hòa đã giáo dục cho họ: tự do, dân chủ, nhân quyền. Đó chính là động cơ thúc đẩy họ bắt đầu cuộc chiến chống cộng trên nhiều mặt trận mới: chính trị, văn hóa, giáo dục, kinh tế, xã hội…

Người dân Việt TNCS tập trung nhiều nhất tại Mỹ, Canada, Úc và Pháp. Tại các quốc gia tự do này, các cộng đồng Việt TNCS được thành lập rất sớm. Họ đoàn kết, và cùng nhau thực hiện được nhiều việc đáng kể, làm sáng danh chính nghĩa của Việt Nam Cộng Hòa. Họ chọn lá cờ vàng ba sọc đỏ làm biểu tượng cho cộng đồng mình, phân biệt rõ lằn ranh giữa họ, những người Việt quốc gia, yêu tự do; và bọn VC, kẻ thống trị toàn nước Việt Nam trong một chế độ độc tài toàn trị. Họ phủ nhận lá cờ đỏ sao vàng, xem đây chỉ là cờ của Đảng Cộng sản, không hề đại diện cho đất nước và người dân VN.

Một trong những chiến dịch làm sáng danh chính nghĩa của người Việt TNCS là chiến dịch vinh danh cờ vàng, khởi đầu từ năm 2003, và vẫn còn tiếp diễn đến nay, thành công nhất

là tại Mỹ, nơi quốc hội nhiều tiểu bang, và nhiều hội đồng thành phố đã ban hành các nghị quyết công nhận cờ vàng ba sọc đỏ là cờ chính thức của người Mỹ gốc Việt tại Hoa Kỳ. Sự đoàn kết của người Mỹ gốc Việt đã khiến người Mỹ bản xứ lắng nghe tiếng nói chung của họ, hiểu được nguyện vọng thiết tha của họ: xác nhận chính nghĩa của họ trong việc tranh



Phản đối công ty Formosa trong cuộc biểu tình Ngày Quốc Hận tại Frankfurt am Main, Đức Quốc, 2016

đấu chống độc tài CS, tranh đấu cho tự do, dân chủ, nhân quyền; bảo vệ cùng vinh danh lá cờ vàng ba sọc đỏ của quốc gia VNCH.

Một chiến dịch khác của người Việt TNCS cũng thành công tốt đẹp tại hải ngoại, do họ biết vận dụng sức người, sức của; chính là chiến dịch xây các đài tưởng niệm chiến sĩ Việt-Mỹ nơi có đông người Việt cư ngụ, như tại thành phố Westminster, California; khu Eden, thủ đô Hoa Thịnh Đốn; tại Houston, và Arlington, Texas; Saint Cloud, Minnesota; Wichita, Kansas; Orlando, Florida; Utah…; và tại Brisbane, Úc châu…

Sự đoàn kết của người Việt còn được thể hiện rõ nét qua nhiều sinh hoạt cộng đồng đa dạng trong nhiều năm qua. Cuộc chiến đã chấm dứt hơn 40 năm, kể từ ngày 30-4-1975, nhưng

tinh thần chống cộng của khối người Việt chống cộng vẫn còn rất mạnh. VC đã thử nhiều chính sách, mua chuộc có, hăm dọa có, nhưng họ vẫn không thành công trong việc nhuộm đỏ cộng đồng tỵ nạn CS tại hải ngoại. Cụ thể là nghị quyết 36, với ngân sách cả triệu đô la, được ban hành vào 26 tháng 3, 2004.

Một trong những nỗ lực của người Việt TNCS tại hải ngoại là bảo vệ cộng đồng chống sự xâm nhập của CS. Họ kiên quyết không chấp nhận sự hiện diện của các biểu tượng CS nơi họ sinh sống, chẳng hạn hình Hồ Chí Minh, hay lá cờ đỏ sao vàng của đảng CSVN. Chúng ta hẳn còn nhớ cuộc biểu tình của hơn 50,000 người dân Nam California năm 1999, chống hình tên Hồ Chí Minh được tên Trần Trường trưng bày trong tiệm cho thuê băng video của hắn. Và trong nhiều năm qua, tại Mỹ, lá cờ máu của cộng sản, cứ được treo ở nơi nào, là bị người dân Việt TNCS địa phương tìm cách hạ xuống, và thay bằng cờ vàng ba sọc đỏ của người Mỹ gốc Việt. Các thành phần cư dân, già có, trẻ có, đã đoàn kết để đất sống của họ sạch bóng lá cờ máu, lá cờ của bọn buôn dân, bán nước mà họ không thể nào chấp nhận được.

Đồng bào Việt TNCS tại khu Phước Lộc Thọ, thuộc Little Saigon, Nam California mới đây, vào ngày 20-11-2016, đã dạy cho tên CS Lê Đình Hùng, biệt danh là "Hùng Cửu Long", một bài học nhớ đời. Tên này, với sự giúp sức của một vài người Việt tại hải ngoại, đã công khai xuất hiện với áo hình cờ đỏ sao vàng của VC (tại tiệm Trendy Nails & Spa ở Maryland, và tại một số địa điểm ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn). Sau đó tên này đến khu Little Saigon, tính khiêu khích đồng bào tỵ nạn CS với hình ảnh cờ đỏ sao vàng trên áo dài của hắn, mà hắn rêu rao là có mục đích cổ động cho hòa hợp, hòa giải dân tộc Việt. Kết quả ngày hôm ấy, Hùng Cửu Long, tuy không dám mặc áo cờ VC, vẫn bị đồng hương tại khu Phước Lộc Thọ đuổi đi một cách nhục nhã.

Người Việt hải ngoại còn nêu cao tinh thần đoàn kết trong các cuộc biểu tình chống bọn văn công VC xâm nhập cộng

đồng để làm công tác văn hóa vận. Các đoàn văn nghệ Duyên Dáng Việt Nam, bọn văn công VC điển hình là Đàm Vĩnh Hưng, dù xuất hiện bất cứ nơi đâu, cũng bị đồng hương tẩy chay, biểu tình phản đối. Họ cương quyết không để nọc độc cộng sản làm tổn hại cộng đồng của họ, nhất là sẽ gây ảnh hưởng xấu đến lớp trẻ không có kinh nghiệm nhiều về sự tuyên truyền của cộng sản.

Những năm gần đây, do việc chính phủ Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với CSVN vào năm 1995, cuộc tranh đấu chống cộng của người Việt tại hải ngoại đã gặp rất nhiều khó khăn, và sức mạnh đoàn kết của khối người Việt TNCS đã bị suy yếu nhiều. Việt Cộng được tự do đến các vùng đất sống của người Việt TNCS: du lịch, du học, công tác trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kinh tế, xã hội, văn hóa… nên chúng có nhiều cơ hội xâm nhập vào các cộng đồng của người Việt chống cộng. Chúng mua chuộc những kẻ tham tiền, hám danh; cũng có khi chúng đe dọa người Việt hải ngoại lúc họ trở về quê thăm người thân, hay áp lực thân nhân của họ còn sống tại quê nhà… Hậu quả là không ít người ngày xưa từng liều mạng chạy trốn Cộng sản, ngày nay vênh vang về nước góp vốn làm ăn với cán bộ CS, đem bọn ca sĩ CS sang múa hát tại hải ngoại, khuấy động cuộc sống yên bình của người Việt TNCS, khuyến khích các ca sĩ hải ngoại về hát hò cho bọn CS trong nước thưởng thức; tạo sự chia rẽ trầm trọng trong khối người Việt tại hải ngoại. Sự chia rẽ này đã phần nào làm suy yếu các lực lượng chống cộng, ngay cả trong các tổ chức cộng đồng, và các tổ chức của cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa. Tại nhiều nơi, chúng ta thấy có sự hiện diện của hai hay ba tổ chức cộng đồng, tổ chức thì chủ trương chống cộng triệt để; tổ chức thì chỉ chú trọng đến hoạt động văn hóa, xã hội, tuyên bố không làm chính trị…

Trong giai đoạn khó khăn hiện nay, khi mà sự chống phá của kẻ thù cộng sản đang ở mức quyết liệt nhất, vì chúng có nhiều lợi thế hơn chúng ta (có nhiều tiền, có nhiều quyền lực

về chính trị trong cũng như ngoài nước); sự thiếu đoàn kết của các tổ chức cộng đồng và đoàn thể tại hải ngoại thật đáng cho chúng ta quan tâm.

3- Người Việt TNCS tại hải ngoại phải tái lập sức mạnh đoàn kết bằng cách nào?

Trước hết cần phải khẳng định một điều: chúng ta không thể đoàn kết một cách mù quáng, và để kẻ thù cộng sản ru ngủ mình bằng các luận điệu tuyên truyền bịp bợp. CSVN từng đánh lừa người dân Việt Nam bằng khẩu hiệu rất kêu như sau "đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công". Chúng muốn tất cả các thành phần dân chúng phải bị đặt dưới sự kèm kẹp của bọn cầm quyền CS. Nhưng sự đoàn kết này không nhằm mang độc lập cho nước nhà, và hạnh phúc cho người dân; mà chỉ khiến người dân Việt bị quốc tế cộng sản nô lệ hóa. Sau khi chiến tranh chấm dứt, người cộng sản VN lại hô hào "đoàn kết dân tộc", khuyên người dân miền Nam xóa bỏ hận thù, cộng tác với bọn cầm quyền mới để đất nước sớm phục hồi sau chiến tranh; khuyên người dân Việt hải ngoại quên quá khứ, đem tiền bạc và tài năng về "xây dựng đất nước".

Không ít người Việt hải ngoại mắc bẫy "đoàn kết" này của cộng sản VN. Nhiều trí thức hải ngoại về nước cộng tác với chúng, nhiều doanh gia về nước đầu tư trong nhiều dự án kinh tế…, kết quả nhiều người lâm vào cảnh tiền mất, tù mang; hay phải bỏ của chạy lấy người…

Tại hải ngoại, để khỏi bị lừa, để tự bảo vệ, và duy trì sức mạnh của tập thể, người Việt hải ngoại chỉ có thể "đoàn kết" dựa trên lập trường quốc gia dân tộc, dựa trên đường lối chính sách của tổ chức, kiên quyết không thể đoàn kết với những kẻ thay đổi lập trường, những kẻ mang danh tỵ nạn chính trị, nhưng qua hành động đã chứng tỏ họ chỉ là người tỵ nạn kinh tế; được chấp nhận sống tại các quốc gia dân chủ, tự do, nhưng phản bội lại cộng đồng của mình, và chỉ còn nghĩ đến việc

vinh thân phì gia một cách ích kỷ. Đoàn kết mù quáng với những thành phần này rất nguy hiểm, sẽ không tạo được sức mạnh cần thiết cho cuộc tranh đấu chung của cộng đồng, mà còn tự hủy diệt mình. Câu hỏi chúng ta không thể quên là: đoàn kết với ai, và đoàn kết trên căn bản lập trường nào?

Thời gian vài năm nay, tại quê nhà, có hiện tượng một số thanh niên sinh ra và trưởng thành sau khi cuộc chiến Việt Nam chấm dứt, lại dành nhiều thời gian tìm hiểu về chế độ Việt Nam Cộng Hòa, rồi họ ngày càng yêu mến chế độ này, yêu mến biểu tượng của chế độ này là lá cờ vàng ba sọc đỏ, yêu mến người bảo vệ chế độ này là quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Các thanh niên này không ngại hy sinh sự bình yên của bản thân, không ngại tù tội khi bày tỏ sự kính trọng và lòng yêu mến chế độ VNCH. Họ không muốn "đoàn kết" với chế độ cộng sản, dù họ được sinh ra trong chế độ này, và được giáo dục trong nhà trường của chế độ này. Họ đã chọn "đoàn kết" với người dân của chế độ VNCH, một chế độ bị giới cầm quyền CS xem là "thù nghịch, phản động". Xem vậy, đủ thấy trong việc "đoàn kết", việc chọn "chỗ đứng", chọn "chiến hữu", vấn đề lập trường quan trọng như thế nào.

4- Tổng Hội Cựu Sinh Viên Sĩ Quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại hải ngoại xây dựng sức mạnh đoàn kết của mình trên căn bản nào?

Tôn chỉ của Tổng Hội Võ Bị là "duy trì một tổ chức gồm các cựu sinh viên sĩ quan Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, có lập trường quốc gia dân tộc, không hòa hợp hòa giải với cộng sản dưới bất cứ hình thức nào, giữ vững lằn ranh Quốc-Cộng, mục tiêu quang phục một quê hương Việt Nam tự do, dân chủ, không cộng sản". Tập thể các cựu sinh viên sĩ quan được đào tạo dưới mái trường Võ Bị, theo tinh thần "tự thắng để chỉ huy", đã từng là các cấp chỉ huy tài ba của nhiều đơn vị trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Những sĩ quan này được huấn luyện để sống và chiến đấu theo tinh thần: (bảo vệ) Tổ Quốc-(tôn trọng) Danh Dự-và (chu toàn) Trách Nhiệm.

Tập thể Võ Bị không phải là một tập thể ô hợp, gồm nhiều khuynh hướng đối chọi nhau. Đây chính là một tập thể tương đối thuần nhất, về cả lập trường lẫn năng lực. Trong cuộc tranh đấu chống kẻ thù hiểm ác là CSVN, người Việt hải ngoại rất cần đến các tập thể thuần nhất như vậy. Kẻ thù sẽ khó xâm nhập được vào thành trì của những tập thể này. Họ có tinh thần kỷ luật cao của quân đội; họ được trang bị bằng lý tưởng quốc gia; được rèn luyện kỹ năng trong nhiều lãnh vực, nên đã trở thành vốn quý của VNCH.

Tại hải ngoại, nhiều năm qua, các cựu SVSQ/TVB đã nhiều lần nêu gương sáng trong việc phục vụ cộng đồng, trong cuộc tranh đấu chống kẻ thù CS trên mặt trận mới. Họ tham gia cùng các chiến hữu trong các chiến dịch vinh danh cờ vàng, hạ cờ máu của VC, chiến dịch chống VC xâm nhập cộng đồng dù một số đã phải chịu hệ lụy vì các vụ kiện cáo làm hao tổn công sức, thì giờ, và tiền bạc của họ. Tuổi của họ ngày càng cao, sức ngày càng yếu, nhưng không vì thế mà họ chịu đầu hàng. Họ tiếp tục chiến đấu, dù cuộc chiến ngày càng khó khăn và không thuận lợi.

Vậy người cựu SVSQ trường Võ Bị phải làm gì để duy trì và phát huy sức mạnh đoàn kết của tập thể? Tổng Hội Võ Bị (THVB) đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và củng cố lý tưởng cho tập thể. Không có gì tồn tại mãi với thời gian, nếu không được vun xới, nuôi dưỡng. Chính vì thế Tổng Hội cần chú tâm đến việc thành lập một ủy ban chính trị nhằm hướng dẫn các sinh hoạt của các hội địa phương. Nếu không thúc đẩy sinh hoạt của TH theo chiều hướng này, sinh hoạt của TH sẽ chỉ còn thu hẹp vào các sinh hoạt mang tính cách ái hữu, xã hội, và không thể nào thực hiện được tôn chỉ như nhiều lần được khẳng định qua các kỳ đại hội Võ Bị toàn cầu.

Công việc thứ hai THVB cần làm là thúc đẩy hoạt động của các hội Võ Bị địa phương. Các hội VB địa phương chính là các đơn vị căn bản của Tổng Hội, vì các cựu sinh viên sống trong cùng địa phương, có nhiều cơ hội gặp nhau, dễ có quan

tâm đến các vấn đề của cộng đồng địa phương, biết và hiểu nhau nhiều hơn cả các bạn sinh viên cùng khóa. Nếu THVB kết nối được các hội VB địa phương, để họ trở thành các chân rết của THVB, sức mạnh của tập thể sẽ được duy trì và phát huy đáng kể. THVB cần có kế hoạch giúp các Hội VB địa phương hoạt động cộng đồng có hiệu quả; như vậy sinh hoạt của các hội VB sẽ đáp ứng cụ thể nhu cầu của cộng đồng.

Chúng ta không thể phủ nhận một thực tế đáng buồn, là một số đông cựu SVSQ Võ Bị hiện nay ngày càng xa rời dân chúng, thiên về sống thụ động, có lẽ vì tuổi đời ngày càng cao, sức ngày càng yếu, chẳng còn tha thiết gì đến hoạt động cộng đồng, hay tranh đấu chống cộng nữa. Thậm chí có người còn nhìn những đồng môn, chiến hữu của mình đang tranh đấu chống cộng bằng con mắt dửng dưng, bằng những lời chê bai dè bỉu. Thái độ này không thể hiện tình đoàn kết cần có trong một tập thể đang còn dấn thân vào cuộc tranh đấu chung của dân tộc.

Tập thể Võ Bị hiện nay rất may mắn là có được sự quan tâm và dấn thân của lớp hậu duệ: các cháu thanh thiếu niên Đa Hiệu. Những người trẻ này dù được sinh ra tại hải ngoại hay tại Việt Nam, đều được thụ hưởng nền giáo dục nhân bản của chế độ dân chủ, và trưởng thành trong không khí lành mạnh của thế giới tự do tại hải ngoại. Hạt giống tự do, dân chủ đã có sẵn trong con người họ, cộng thêm sự giáo dục trong gia đình của các bậc cha chú, là các cựu SVSQ Võ Bị, nên họ ý thức được trách nhiệm của mình là phải tiếp bước cha chú trong việc gieo mầm dân chủ nơi quê hương Việt Nam. THVB nên dành nhiều thời gian cho việc giáo dục lớp hậu duệ này, để họ hoàn thành việc nối gót tiền nhân. Có được sự đóng góp của lớp hậu duệ này, sức mạnh đoàn kết của tập thể Võ Bị sẽ tăng lên bội phần.

THVB là tập hợp của các cựu SVSQ ngày xưa được rèn luyện dưới cùng một quân trường, nhưng với thời gian, vật đổi sao dời, người cựu SVSQ cũng không tránh được thay

đổi. Tinh thần tự thắng có thể đã yếu đi, kỷ luật quân đội cũng chẳng còn để cá nhân biết kiềm chế bản thân, nên việc mất đoàn kết cũng có lúc đã xảy ra tại một số địa phương cũng như trong Tổng Hội. Tuy vậy, chúng ta vẫn tin tưởng vào tương lai của tập thể Võ Bị. Chúng ta tin tưởng là các cựu SVSQ Võ Bị sẽ coi trọng các mẫu số chung của tập thể, sẽ biết tự chế để tránh cho tập thể khỏi chịu những tổn thương nghiêm trọng xảy ra do sự mất đoàn kết trong nội bộ.

Kết luận, chúng ta không thể quên lời tiền nhân dặn dò:

"Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết."

Lời dặn này tuy ngắn gọn, nhưng chứa đựng cả một túi khôn của cha ông dành cho con cháu. Hy vọng là chúng ta sẽ theo lời dạy của tiền nhân, áp dụng điều này trong cuộc sống. Hy vọng là thế hệ hậu duệ của chúng ta cũng sẽ biết áp dụng triết lý sống khôn ngoan này, để cộng đồng nơi chúng ta đang sinh sống được hưởng phúc lợi tốt đẹp nhất. Tinh thần đoàn kết này sẽ giúp chúng ta hoàn thành được mục tiêu do tập thể Võ Bị đề ra.

8-12-2016



Chúc Mừng Năm Mới!

Kỷ Niệm Một Chuyến Bay Cuối Năm.

Christina Cao, K14/2

Có nhiều người hỏi tôi, làm sao mà em có nhiều sức và nghị lực để ôm vào người nhiều chuyện cùng một lúc? Làm sao em có thể vừa lo chuyện gia đình, con cái, công việc và chuyện cộng đồng cùng một lúc? Câu chuyện tôi sắp kể là một trong những lý do tại sao tôi có được sức mạnh "phi thường" như vậy...

Trên chuyến bay từ Dallas tới Memphis, TN; có một em bé với khuôn mặt bụ bẫm dễ thương như thiên thần khoảng chừng 2 tuổi, ngồi cách tôi một hàng ghế. Hình như bé đi chung với bà ngoại hay là nội... Bé rất ngoan, chỉ khóc khi máy bay chuẩn bị hạ cánh! Khi chuẩn bị bước ra khỏi máy bay, tôi còn giúp hai bà cháu lấy đồ đạc. Vì hình như bà không nói được tiếng Anh nên bà cứ cúi đầu khi có người hỏi. Bà chỉ cười với tôi, nói đôi lời tiếng Spanish. Nhìn bà thoáng lộ nhiều nét lo âu, khắc khoải trên khuôn mặt, tôi dắt hai bà cháu đi.

Chuyện có lẽ không có gì, nhưng khi vừa bước tới cửa của terminal thì có ít nhất 3-4 cái camera đang quay. Tôi nghĩ thầm, chắc là chuyến bay của mình có ai nổi tiếng đi cùng!!! Nhưng camera cứ hướng về phía chúng tôi. Tôi cứ tiếp tục đi và vẫy tay chào tạm biệt hai bà cháu. Lúc đó tôi mới để ý thấy có 2 người phụ nữ đang đứng đợi hai bà cháu. Máy quay vẫn tiếp tục quay về phía họ...

Hỏi ra thì biết hai bà cháu bay qua từ Guatemala tới và em bé được bệnh viện St. Jude Children Research Hospital in Memphis, TN nhận để trị bệnh! Như tôi đã biết bệnh viện

này chuyên trị những căn bệnh ung thư khó trị nhất cho trẻ em trên khắp nước Mỹ, những ca bệnh khó trên thế giới cũng không ngoại lệ. Tôi không biết là bé bệnh gì nhưng tự nhiên nước mắt tôi cứ chảy dài!!! Thương cho con quá! Mới nhỏ xíu mà phải chịu đựng quá nhiều! Nhưng cũng thầm cảm ơn bệnh viện St. Jude đã kiếm được bé và chữa trị cho bé!

Những chuyện như vậy thường xảy ra đối với tôi, ông trời cho tôi được trải qua những kinh nghiệm như những điều như vậy trong cuộc sống. Tôi vui vì tôi đã giúp được họ một chút xíu, tuy không đáng là gì nhưng có lẽ cũng chia sẻ được một phần nào với bà của bé, vì tôi biết chắc là bà cũng sợ và bỡ ngỡ nơi xứ lạ lắm!



Tối nay nằm một mình trong khách sạn mà nghĩ về cuộc đời của tôi. Nếu tôi không cố gắng, nếu tôi không có cái công việc bận rộn để tôi bay đi đây đi đó, thì làm sao tôi có được những giây phút quý báu như thế này trong cuộc sống đầy phù du này! Những câu chuyện như vậy thường dạy cho tôi được rất nhiều điều. Tri ân quê hương thứ hai của tôi, nơi đã có nhiều vị bác sĩ sống theo phương châm "lương y như từ mẫu", học cách biết ơn, học cách cầu tiến, học cách chịu đựng, nhẫn nại. Nhất là học cách trải lòng, thương yêu nhau...

Cầu xin trời Phật hãy phù hộ cho hai bà cháu, phù hộ cho baby "Mia" (tên tôi đặt cho bé) đầy đủ nghị lực để được lành bệnh. Cô Ngọc sẽ luôn cầu nguyện cho con mỗi ngày! Ráng lên nha!

Memphis, TN, 12 tháng 12, 2016



Tàn Cuộc Đao Binh
Nhớ Tết Mậu Thân 1968

Đặng Kim Thu, K9

(Người viết không có ý dịnh viết lại những điều đã được nhiều người nói tới, mà chỉ muốn viết lại những sự kiện mà người viết không thấy ai đề cập tới qua sách báo, ngõ hầu cung cấp cho quý độc giả có thêm dữ kiện để suy ngâm về cuộc chiến Việt Nam.)

Qua bao nhiêu năm binh lửa, có thể xem vụ tổng công kích của bọn Cộng Sản tại các thành phố lớn vào dịp Tết Mậu Thân 1968, do bọn CSBV phát động đúng vào lúc toàn đất nước đang tận hưởng ngày lễ linh thiêng cổ truyền của dân tộc, đã gieo nhiều đau thương, tang tóc nhứt cho toàn dân miền Nam Việt Nam, nhứt là người dân xứ Huế.

1. **Khởi đâu từ Vùng I Chiên Thuật:**

Tết Mậu Thân không lâu, căn cứ Khe Sanh do một lữ đoàn Thuỷ Quân Lục Chiến trấn giữ đã bị Việt Cộng (VC) bao vây, cô lập, và bị pháo kích liên tục nặng nề ngày đêm. Rồi những ngày cận Tết, Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) cho một sư đoàn xâm nhập vào khu phi quân sự, phiá Nam sông Bến Hải ém quân ở Tây Khe Sanh chờ lệnh tấn công. CSBV cũng tập trung

một sư đoàn cộng thêm một trung đoàn phiá bên Hạ Lào, gần biên giới VN, chờ ngày N, giờ G phối hợp với sư đoàn kia để tấn công căn cứ Khe Sanh.

Cùng lúc ở Bắc Hàn, một chiếc tàu của Hải Quân Mỹ, USS Pueblo, nguỵ trang theo kiểu tàu dân sự của Đức, mang theo những thiết bị truyền tin tối tân với hơn 80 thuỷ thủ, xuất phát từ một căn cứ ở Nhật Bản, tiến vào vùng biển phiá Đông của Bắc Hàn, trên vĩ tuyến 38 để thi hành nhiệm vụ do thám, thu thập tin tức từ vô tuyến truyền thanh của Bắc Hàn, rồi giải mã các công điện chuyển đi trong chính phủ và quân đội của Bắc Hàn.

Vì đã nguỵ trang là tàu dân sự nên tàu không trang bị vũ khí chiến đấu. Vả lại tàu hoạt động trên hải phận quốc tế nên các thuỷ thủ không đề phòng, cũng như không ngờ trước là Bắc Hàn có thể dám tấn công.

Ngày 23 tháng 1 năm 1968 (còn 7 ngày là tới Tết Mậu Thân), tàu USS Pueblo, đang ở hướng Đông trên hải phận quốc tế, gần quân cảng Wosan của Bắc Hàn, thì bất ngờ bị tầu Bắc Hàn tiến đến gần và bị yêu cầu cho họ lên tàu để kiểm soát. Thiếu Tá Skip Shumacker, Thuyền Trưởng, không đồng ý với lời yêu cầu này nên tàu lập tức bị tàu tuần tra Bắc Hàn nổ súng rồi cho tầu cặp sát tàu của Hoa Kỳ. Vì các thuỷ thủ không trang bị vũ khí chiến đấu, và cũng bị bất ngờ, nên mọi người đành thúc thủ.

Toàn thể thuỷ thủ và các sĩ quan chỉ huy, gồm 83 người, đều bị bắt làm tù binh. Chiếc tàu bị CS Bắc Hàn chiếm đoạt và đưa về lãnh thổ Bắc Hàn.

Khi hay tin tầu USS Puebl và toàn bộ thuỷ thủ bị Bắc Hàn bắt giam, Tổng Thống Johnson và các viên chức trong chính phủ Hoa Kỳ vô cùng sửng sốt và bàng hoàng. Lúc đó, báo Los Angeles Times miả mai:

"Một điều nhục nhã nhứt đối với một cường quốc có một lực lượng Hải Quân vào hàng vô địch; mà bị một nước nhỏ,

nghèo nàn và lạc hậu như Bắc Hàn, bắt giữ gọn cả tàu và thuỷ thủ.”

Biến cố này trở thành một duyên cớ có thể làm bộc phát cuộc chiến tranh Triều Tiên trở lại. Sự kiện kể trên buộc chính phủ Nam Hàn, dưới thời Tổng Thống Phác Chính Hy, phải tính tới việc rút toàn bộ hai sư đoàn Bạch Mã và Mãnh Hổ, với quân số gần 50.000 binh sĩ đang chiến đấu cho Việt Nam Cộng Hoà, về nước để đề phòng chiến tranh có thể nổ ra bất



USS Pueblo đang bị giữ tại Bắc Hàn cho tới ngày nay,

cứ lúc nào.

Lúc Tổng Thống Johnson và chính phủ Hoa Kỳ đang bối rối về việc tàu USS Pueblo bị Bắc Hàn bắt giữ thì họ lại nhận được tin báo VC bắt đầu tấn công căn cứ Khe Sanh. CSBV đã dùng 2 sư đoàn thiện chiến của chúng và áp dụng chiến thuật “tiền pháo, hậu xung”. Bị pháo kích liên tục ngày đêm, các binh sĩ Mỹ đã phải trú ẩn dưới giao thông hào ngày đêm không thể lên trên mặt đất sinh hoạt bình thường. Trong khi đó, hai sư đoàn của CSBV tiến dần tới căn cứ Khe Sanh.

Để đối phó với tình hình, Tướng Westmoreland liền xin lệnh từ Ngũ Giác Đài cho B 52, đang ở hai căn cứ Utapao của Thái Lan và Guam, oanh tạc trải thảm trên các vị trí của hai sư đoàn địch. Hết đợt này đến đợt khác, B52 dùng bom CBU,

cũng như Hải Quân Hoa Kỳ, từ chiến hạm ngoài biển liên tục rót thật chính xác vào các vị trí của CBBV, khiến hai sư đoàn địch bị tê liệt hoàn toàn. Cuộc tấn công của CSBV tại đây đã bị ngăn chận. Căn cứ Khe Sanh đã được bảo vệ, không thất thủ như Điện Biên Phủ vào năm 1954. Sự thất trận của hai sư đoàn CS này, đã là một thiệt hại nặng nề cho CSBV, là một sự kiện quan trọng đến nỗi mãi về sau vẫn còn được chính trường Hoa Kỳ nhắc đến. Trong diên văn nhậm chức nhiệm kỳ đầu tiên của Tổng Thống Omaba, ông còn nhắc lại sự thành công của chiến dịch oanh tạc này của Hoa Kỳ, cách lúc đó gần 50 năm, như một chiến thắng lẫy lừng của Quân Đội Hoa Kỳ trong chiến tranh VN.

Tết Âm Lịch Mậu Thân đến vào đúng thời thời gian trận Khe Sanh còn đang tiếp diễn. VC lợi dụng cơ hội phát động chiến dịch "Tổng Công Kích" vào các thành phố của Việt Nam Cộng Hoà và Thủ Đô Saigon.

Theo nhận định của Tướng Westmoreland, CS dùng kế hoạch "Dương Đông kích Tây". Chúng đã dùng ba sự kiện xảy ra liên tiếp là: tàu USS Pueblo bị Bắc Hàn bắt giữ, mặt trận Khe Sanh, và cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân như là ba mặt của một vấn đề, có liên kết, phối hợp chặt chẽ với nhau, tác động với nhau trong thế liên hoàn. Phát động chiến dịch này, do Liên Xô lậ kế hoạch, đúng lúc sẽ gây ảnh hưởng đáng kể trong cử tri Mỹ sắp diễn ra vào tháng 11-1968.

Trở lại vụ chiếc tàu bị bắt giữ, cuộc đàm phán giữa Mỹ và Bắc Hàn đã kéo dài ròng rã gần một năm. Không rõ chi tiết mật ước được thương nghị, nhưng rõ ràng là hai bên đã thoả hiệp một điều gì đó khiến Bắc Hàn chấp nhận trả tự do cho đoàn thuỷ thủ Mỹ, nhưng không chấp nhận giao trả lại chiếc tàu. Được biết chính phủ Hoa Kỳ vẫn tiếp tục thương lượng với Bắc Hàn cho đến mãi về sau này để đòi cho được chiếc tàu.

Không ai có thể nghĩ rằng, vì biến cố chiếc tàu do thám của

Mỹ bị Bắc Hàn bắt giữ là nguyên nhân dẫn đến quyết định không tái tranh cử của Tổng Thống Johnson.

Một sự kiện khác xảy ra ở Vùng I mà ít có người để cập tới. Đó là việc xảy ra khoảng gần một tuần sau khi thành phố Huế bị CSBV chiếm đóng. Một lực lượng khoảng 550 tên vượt sông Hàn (phiá thượng nguồn) để tiến đánh Đà Nẵng, nơi có bản doanh của Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I, trong lúc Quân Đoàn đang dồn hết lực lượng để chiếm lại thành phố Huế.

Vào tờ mờ sáng, một chiếc phi cơ thám thính của Sư Đoàn I Không Quân, có nhiệm vụ bay tuần tiễu bao vùng, tình cờ phát giác địch đang di chuyển, liền báo cho Biệt Khu Quảng Đà. Đồng thời viên phi công gọi về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn I KQ, cho các lực lượng võ trang xạ kích vào các đơn vị địch. Vì đang di chuyển không có công sự ẩn núp nên chúng bị phơi xác tại chỗ gần 200 tên. Số còn lại chạy tán loạn, phân tán mỏng trốn về rừng.

Lực lượng Địa Phương Quân của tỉnh Quảng Nam được điều động tới mặt trận lục soát. Đơn vị này đã tịch thu được trên một trăm khẩu súng đủ lại và bắt sống 12 tên vì bị thương không chạy thoát. Những tù binh đã khai rằng họ nhận được lệnh từ cấp chỉ huy của chúng, "vào tiếp thu Đà Nẵng vì dân ở đây đã nổi loạn và đã làm chủ tình hình!"

2. **Tại Vùng II Chiến Thuật:**

Người viết chỉ muốn đề cập tới chuyện "cơm không lành, canh không ngọt" giữa Tướng Vĩnh Lộc và viên cố vấn Mỹ khiến xảy ra xung đột giữa hai người. Một người thì hách dịch, một người thì tự ái. Vì lời nói khiên sự xích mích đã không hàn gắn được mà càng ngày càng làm họ cách xa nhau, khiến ông tướng thuộc "hoàng tộc" phải rời bỏ thành phố cao nguyên.

Khởi đầu là vào khoảng tháng 9 năm 1967. Do một câu nói đầy giọng trịch thượng, kẻ cả của viên đại tá cố vấn Quân Đoàn II đối với Tướng Vĩnh Lộc, như sau:

- Thếu Tướng mỗi sáng phải qua văn phòng của tôi để báo cáo tình hình trong đêm thuộc lãnh thổ Quân Khu II cho tôi rõ.

Tướng Vĩnh Lộc cảm thấy khó chịu vì lời nói đó, như một lệnh trực tiếp từ cấp trên ban xuống cho cấp dưới, nên cau mặt trả lời:

- Tôi là tư lệnh chứ không phải ông. Ông chỉ là người cố vấn của tôi. Nếu tôi cần hỏi ý kiến của ông về chuyện gì thì tôi sẽ qua văn phòng của ông, nhờ ông giúp. Nếu ông muốn biết tình hình lãnh thổ Vùng II thì hãy xuống Trung Tâm Hành Quân mà hỏi. Ở đó luôn có đầy đủ tin tức.



ĐT Ngô Quang Trưởng, Tướng Tolson, Tướng Dư Quốc Đống (4/1968) (từ trái).

Tướng như vậy rồi êm. Viên cố vấn đã báo cáo về toà đại sứ Mỹ và Bộ Tư Lệnh MACV rằng, "Tướng Vĩnh Lộc có óc bài Mỹ và khinh thường cố vấn Mỹ."

Tướng Westmoreland đã báo lại cho Đại Tướng Cao Văn Viên biết; đồng thời Trung Tướng Nguyên Văn Thiệu, Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, cũng được Đại Sứ Mỹ Bunker thông báo về báo cáo của viên cố vấn Quân Đoàn II và yêu cầu cho điều tra.

Một phái đoàn hỗn hợp gồm Phó Đại Sứ Colby, Tướng Westmoreland, Đại Tướng Cao Văn Viên, Trung Tướng Nguyễn Văn Là (có người viết đi theo.) bay lên Pleiku gặp

riêng Tướng Vĩnh Lộc và viên cố vấn Mỹ để tìm hiểu sự việc.

Khi trở về Saigon, Đại Tướng Viên báo cáo rõ sự việc lại cho ông Thiệu và ông Kỳ. Hai ông đã bảo rằng ông Vĩnh Lộc đúng và cho xếp lại chuyện này sang một bên vì họ đang bận lo việc bầu cử Tổng Thống.

Nhưng chuyện đến đây chưa hết. Viên cố vấn (vừa được thăng cấp một sao) cứ để tâm tìm sơ xuất của Tướng Vĩnh Lộc và báo cáo về toà Đại Sứ Mỹ và Bộ Tư Lệnh MACV, cũng như thông báo cho Đại Tướng Viên.

Dưới là những thí dụ về những báo cáo này:

- Tướng Lộ đã không báo cáo về vài đồn bót bị VC tấn công.

- Mỗi lần ca sĩ Minh Hiếu muốn lên Pleiku thăm Tướng Vĩnh Lộc, bà ấy đi xe đò ra Phú Yên, hoặc Bình Định. Tướng Vĩnh Lộc đã cho trực thăng riêng đón lên Pleiku, lạm dụng phương tiện của quân đội.

- Mỗi lần viên cố vấn đề nghị với Tướng Lộc về bất cứ chuyện gì thì ông ta thường trả lời, "Tôi là Tư Lệnh. Tôi chịu trách nhiệm với Trung Ương, chứ không phải là ông."

Từ đó, Tướng Vĩnh Lộc với cố vấn Mỹ như mặ trời với mặt trăng, không ai muốn nói chuyện với ai.

Chiều 30 Tết Mậu Thân, Tướng Vĩnh Lộc bay về Saigon để mừng tuổi, chúc thọ mẹ trong đêm giao thừa theo tập quán của Hoàng Tộc Nguyễn. Rủi thay, VC tấn công Nha Trang, Ban Mê Thuột và một số tỉnh khác của Vùng II. Nghe tin, Tướng Vĩnh Lộc đã về Pleiku ngay trong đêm. Tờ mờ sáng, ông đã có mặt ở Trung Tâm Hành Quân để chỉ huy, điều động các đơn vị phản công. Tướng Vĩnh Lộc đã vắng mặt chưa đầy 24 giờ, nhưng viên cố vấn, để tâm thù ghét, đã báo cáo Tướng Vĩnh Lộc vắng mặt ở nhiệm sở khi địch đang tấn công các tỉnh trong vùng.

Lại thêm một sự kiện khác như lửa đổ thêm dầu. Trong thời

gian Tướng Vĩnh Lộc ở Saigon, một trại dân sự chiến đấu của người Thượng Fulro, bỏ trại kéo nhau theo VC. Viên cố vấn đã không báo cho Tướng Vĩnh Lộc biết mà báo cáo thẳng về Trung Ương. Tổng Thông Thiệu đã gọi lên Pleiku hỏi lại cho rõ, nhưng Tướng Vĩnh Lộc đã không thể trả lời. Vì thế, Tướng Lữ Lan đã được Tổng Thống Thiệu đề cử thay thế. Tướng Vĩnh Lộc bị chuyển về Saigon giữ chức Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Quân Huấn Bộ Tổng Tham Mưu.

3. **Thủ Đô Saigon, Bộ Tổng Tham Mưu (BTTM):**

Cổng số 4 BTTM bị địch chiếm từ lúc 3:00 đến 4:00 giờ rạng sáng ngày mùng 2 Tết. Khoảng 7:00 giờ sáng, Tiểu Đoàn 2 Thuỷ Quân Lục Chiến (TQLC) được điều động từ Cai Lậy về để giải toả áp lực địch tại BTTM. Từ 4 đến 7 giờ sang, ta không có một lực lượng nào ngăn chặn địch tại đây. Vậy mà, VC không thể tiến thêm, mà chỉ bám trụ tại ngay cổng. Lúc đó, Trung Tâm Hành Quân, cách cổng vài trăm thước với một khoảng trống là bãi đáp trực thăng, chỉ có vài sĩ quan trực.

Sau khi giải toả xong, TĐ2 TQLC được điều động đi nơi khác. Khi sinh hoạt của Tổng Hành Dinh trở lại bình thường thì thình lình có một tên VC, trốn dưới ống cống thoát nước, chui lên đầu hàng. Khi đưa về phòng An Ninh Quân Đội của Thiếu Tá Cao Tuấn Tùng, thuộc Tổng Hành Dinh thuộc BTTM, tên này đã khai như sau:

Hắn tên là Ngô Quốc Sinh, quê quán Củ Chi, Trung Đội Trưởng Xung Kích, thuộc Tiểu Đoàn "Cơ Động" Saigon-Gia Định. Khi vào được bên trong cổng số 4. Hắn thấy một tấm bia đá thật to, ghi hàng chữ: "Đại Đội Tông Hành Dinh, Bộ TTM". Hắn tưởng đã chiếm được nguyên BTTM rồi nên liền báo cáo và được lệnh cố thủ tại chỗ chờ lực lượng tăng cường. Nhưng tới 7:00 giờ sáng, đột nhiên hai chiếc trực thăng võ trang bay tới xạ kích liên tục, hết chiếc này tới chiếc khác, rồi quân đội tấn công ào ạt vào vị trí của chúng. Không có chỗ ẩn núp cũng như không có đường rút lui, trung đội của hắn gồm

25 tên, đã chết hết 24. Cùng đường tên này phải chui xuống ống cống trốn nhưng cuối cùng phải chui lên đầu hàng vì quá đói, khát.

Qua lời khai, người viết nghĩ rằng nếu hắn biết rõ sơ đồ BTTM thì tên này cứ cho bung rộng rồi tiến chiếm Trung Tâm Hành Quân và toà nhà chánh, nơi Tổng Tham Mưu Trưởng và vài tướng lãnh làm việc. Lúc đó tình thế không biết ra sao vì



Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH

nơi đây chẳng có lực lượng nào ngăn chặn?

Mùng 5 Tết, một chiếc xe Daihatsu chở 2 giỏ trái cây tới đường Nguyễn trãi, gần đường Ngô Quyền thì bị xẹp bánh. Vì nơi này gần nhà Đại Tướng Viên, Trung Tướng Là, Nghị Sĩ Lê Tấn Bửu nên có nhiều an ninh chìm. Thấy tên tài xế tỏ vẻ tỏ lấm lét khi thay bánh xe, một nhân viên an ninh đã tới gần để hạch hỏi, dò xét. Tên tài xế hoảng sợ bỏ chạy nên nhân viên an ninh đuổi theo bắt. Sau khi khám xe, họ phát giác dưới đáy hai giỏ là những bánh thuốc nổ TNT, và hợp chất C4, với dây cháy chậm được cài sẵn, một đầu dây được đút ló ra ngoài bên hông hai giỏ trái cây.

Tại phòng An Ninh Quân Đội thuộc Biệt Khu Thủ Đô, hắn

khai rằng đã được lịnh đưa chiếc xe tới ngay trước cổng nhà của Đại Tướng Cao Văn Viên, số 110 Ngô Quyền, Quận 5, cho nổ tung để gây tiếng vang. Hắn thuộc đơn vị Đặc Công Thành. Xe Daihatshu mới mua, chưa được sang tên.

4. Vùng 4 Chiến Thuật:

Giữa đêm 3 tháng 2 năm 1968, một người Việt gốc Miên, thuộc Giang Đoàn Tuần Thám Hải Quân hoạt động ở tỉnh An Giang, cướp một chiếc tàu PPR, chạy ngược dòng song Cửu Long về hướng Campuchia. Tướng Nguyễn Văn Minh, Tư



Lực lượng Thủy Bộ của Hải Quân được tăng phái hành quân cho Quân đoàn 4 và V4 CT từ năm 1969

Lệnh Vùng IV, điện thoại xin nói chuyện với Đại Tướng Viên. Sau khi trình Đại Tướng Viên, người viết, đứng gần đó, nghe được cuộc điện đàm giữa 2 vị như sau:

- Có một thuỷ thủ đã cướp một chiếc tàu của Hải Quân và đang chạy về Kampuchia.

- Lâu mau rồi?

Vừa nhận được báo cáo, tôi gọi cho Đại Tướng ngay.

- Cho oanh tạc cơ đuổi theo. Nếu nó còn trên lãnh thổ của mình thì đánh bom cho chìm. Nếu nó qua Campuchia rồi thì

thôi.

Đại Tướng Viên nói tiếp:

- Đáng lẽ anh không cần hỏi tôi về chuyện này. Nó còn nằm trong thẩm quyền của anh. Cho lệnh thi hành gấp ngay kẻo trễ. Tôi chờ báo cáo kết quả.

Khoảng nửa giờ sau, Tướng Tư Lệnh Vùng IV báo cáo:

- Chiếc tàu đã rôi khỏi VN rôi.

Hai năm sau (1970), khi Norodom Sihanouk bị Lon Non đảo chính, quân VNCH đưa quân qua giúp. Một chiếc tầu của Hải Quân VN, chở theo một số thuỷ thủ biết mặt tên cướp tàu cùng một số nhân viên An Ninh Quân Đội, cặp bến phà Neak Luong. Tất cả, đều mặc thường phục, tỏa ra đi tìm tên thuỷ thủ đó.

Vài ngày sau, họ đã bắt được tên cướp tàu trong một quán cà phê do y làm chủ ở Nam Vang và đưa tên này về Cục An Ninh Quân Đội, số 8 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Saigon. Từ đó, người viết không còn nghe tin gì về tên thuỷ thủ đó nữa.

Về biến cố Tết Mậu Thân, nhiều người nghĩ rằng chắc có sự thoả thuận ngầm nào đó giữa Mỹ và CSBV để Hoa Kỳ có lý do rút chân khỏi bãi lầy VN. Chính bãi lầy này đã gây chia rẽ nội bộ nước Mỹ, với phong trào phản chiến đòi Hoa Kỳ rút khỏi chiến tranh tại Việt Nam. Người viết không nghĩ như vậy. Dựa vào những sự kiện mà người viết được biết thì không có sự thoả thuận ngầm nào cả.

Ngoài chuyện chiếc tấy USS Peublo bị Bắc Hàn bắt giữ và trận đánh Khe Sanh như đã viêt ở phân đâu bài, cân phải nói là toà Đại Sứ Mỹ ở Saigon là hình ảnh đại diện của "Toà Bạch Ốc Phương Đông", cũng đã bị VC tấn công đẫm máu. Xác VC và xác của lính Mỹ đã bị tử thương nằm la liệt trong khuôn viên toà Đại Sứ. Nếu có nhìn thấy hai viên chức cao cấp nhất của Hoa Kỳ ở VN là Đại Sứ Bunker và Đại Tướng Westmoreland, với nét mặt thất sắc, thất thần, ngơ ngác ngó

các tử thi ngay trong toà Đại Sứ thì không thể nghĩ là đã có thoả thuận ngầm giữa Mỹ và VC được.

Ngoài ra, ngay từ phút đầu tiên VC đã tấn công vào thành phố Mỹ Tho, cách nhà phu nhân Tổng Thống Thiệu vài trăm mét. Tướng Nguyễn Viết Thanh, Tư Lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh đã nhờ Sư Đoàn 9 Hoa Kỳ ở căn cứ Đồng Tâm trợ giúp. Dù đang bị VC pháo kích, sư đoàn này đã tích cực yểm trợ bằng Cobra và trực thăng võ trang. Nhờ thế, cuộc tấn công của VC bị chặn đứng, cứu được Tổng Thống Thiệu đang có mặt ở nhà vợ mình, và cứu thành phố Mỹ Tho khỏi chìm trong bão lửa như Bến Tre và Vĩnh Long.

Cổng số 4 BTTM bị VC chiếm từ 4 giờ sáng, nhưng VC không thể tiến thêm cũng là nhờ sự yểm trợ trực tiếp của trực thăng Hoa Kỳ trong lúc chờ viện binh. Và tất cả những nơi nào trong Saigon bị VC chiếm cũng đều được giải toả mà phần lớn nhờ sự yểm trợ của trực thăng võ trang Mỹ. Dĩ nhiên, là phải có phần yểm trợ của Không Quân VN.

Một chứng cứ không kém quan trọng đủ để chứng minh người Mỹ đã không "đi đêm" với VC trong biến cố Mậu Thân. Đó là, trước Tết cả tuần lễ, Mỹ đã báo trước cho phiá VNCH là họ đã ghi nhận được, qua tin tình báo, VC sẽ mở đợt tổng tấn công vào các thành phố lớn trong dịp Tết. Nhưng các viên chức cao cấp của chúng ta đã không đánh giá đúng mức các tin tức. Lúc bấy giờ, họ còn tin là VC không có khả năng này, vì thế đã lơ là, chỉ cấm trại 50%, rồi lại hô hào "Vui Xuân không quên nhiệm vụ" cho có lệ. Cũng vì quá tin vào thoả hiệp "hưu chiến trong 3 ngày Tết" với VC nên mới xảy ra nông nỗi.

Sau biến cố Tết Mậu Thân, Tổng Thống Thiệu đã cho thay thế đến 3 vị tư lệnh vùng trong 4 vùng chiến thuật và vị Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô. Mỗi người bị thay thế với những lý do khác nhau.

Chú thích hình đầu bài: *Cầu sông Hương ở Huế bị VC phá hoại vào Tết Mậu Thân.*

Công Chúa An Tư
Cống Nguyên (1285)

**Kính tặng Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên và Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.*

Nguyễn Minh Thanh, K22 cẩn tác

I - Lược sử: Công Chúa An Tư, còn có tên Thiên Tư, là con gái út của vua Trần Thái Tôn (Trần Cảnh), em gái củaThượng Hoàng Thánh Tôn, cô ruột của vua Nhân Tôn, không rõ năm sinh, tử. Vào mùa Xuân năm 1285, trước sức tiến quân vũ bão và uy hiếp rất ngăt nghèo kinh đô Thăng Long của giặc Nguyên Mông do Thoát Hoan làm thống soái, Thượng Hoàng Thánh Tôn và vua Nhân Tôn đứt ruột dâng cống công c úa An Tư cho Thoát Hoan. Dùng Mỹ Nhân kế nhằm giảm bớt nhịp độ tiến quân của giặc, để ta có thời gian lui quân tránh mũi nhọn, và củng cố lực lượng hầu có chống trả về sau.

Nhờ vậy, 2 Vua kịp thoát hiểm lánh về Tam Trĩ, thuộc Quảng Ninh. Sau đó, quân Trần đã phản công và đại thắng quân Nguyên. Riêng An Tư Công Chúa một đi không trở lại!!!

II - Công Chúa An Tư & Công Chúa Huyền Trân (1287 - 1340): Huyên Trân là con của vua Trân Nhân Tông, tính theo Vương phả, CC Huyền Trân gọi CC An Tư bằng Bà Cô.

Hầu hết người Việt đều biết Huyền Trân Công Chúa qua cuộc hôn nhân với vua Chiêm Thành Chế Mân. Từ đó nước Việt nhận được sính lễ 2 Châu Ô và Rí, và dần mở mang bờ cõi về phương Nam.

Di tích Bà còn tại Quảng Nghiêm Tự tức là chùa Nộm Sơn

ở Nam Định. Ở Huế cũng có điện thờ Công Chúa Huyền Trân.

Quả là Huyền Trân Công Chúa có công lớn với Tổ Quốc trong việc mở nước. Tuy nhiên, nếu không có cuộc chiến thắng quân Nguyên năm 1285 với sự góp sức của An Tư Công Chúa thì chuyện gì với Châu Rí, Châu Ô? Hỏi tức là trả lời.

Thế mà, lai lịch của An Tư Công Chúa gần như là bóng mờ trong Việt Sử, ngay cả năm sinh tử cũng không ai biết!!

III - Công Chúa An Tư & Chiêu Quân: Vương Chiêu Quân cung phi của Hán Nguyên Đế(49 - 33 TCN) bị "cống " cho người Hồ phương Bắc tức Mông Cổ ngày nay, là con của thường dân. Công Chúa An Tư là lá ngọc cành vàng. Cả hai đều là "cống vật" cho giặc xâm lăng, nhằm cứu nước.

Vậy mà khi nói đến "Công Chuá An Tư cống Nguyên" có rất nhiều người Việt không biết (kể cả ngườì biên soạn, vừa mới biết)!! Nhưng nếu nói chuyện "Chiêu Quân Cống Hồ" hầu như ai cũng biết. Đáng buồn thay!!

Ngoài ra, Vương Chiêu Quân còn có ngôi mộ khang trang ở Nội Mông tên gọi là Thanh Trủng, lưu dấu tới ngày nay.

Riêng phần Công Chuá An Tư thì mịt mù tăm tích!!! Nhất là, sau khi bị thua Đại Việt; về nước, tên Thoát Hoan có hiềm thù rồi sinh ra hà khắc Công Chúa hay không?!

IV - Thương cảm: Trước nghịch cảnh, hồng nhan bạc phận, hồng nhan đa truân của Công Chúa An Tư, dưới đây là bài thơ cảm thán của người biên soạn:



Xót Thương An Tư Công Chúa

(Ngũ thủ liên hoàn)

An Tư công chúa cống Nguyên Mông
Giặc dữ xâm lăng nước Lạc Hồng
Ngọc diệp liều thân vào hổ báo
Kim chi góp sức cứu non sông
Thoát Hoan chểnh mảng đường xung tiến
Hưng Đạo liệu trù thế phản công
Lang sói tan tành manh giáp trụ
An Tư công chúa biệt vân mồng..!!



Vân mồng vời vợi cả đời hoa
Từ lúc xả thân chuyện nước nhà
Chiến địa xông pha nghìn sĩ tốt
Trại thù nhập nội một quần thoa
Gĩa từ thân hữu màu lan úa
Biệt dá hoàng huynh ngấn lệ sa
Sông Nhĩ cau mày dờn dợn sóng
Trông vời nhạn trắng khuất dần xa..!!

Xa dần Cố Quốc não nùng thay
Thao thức bên song bóng nguyệt cài
Xứ giặc lạ lùng nghe tiếng nói
Quê nhà quay quắt nhớ Xuân bay
Trời Nam êm ấm tình thân thuộc
Đất Bắc bơ vơ cảnh lạc loài
Mục tú mi thanh cành liễu yếu
Non sông trọng trách kém gì ai..!!

Kém gì công trận đấng tu mi
Chặn bước quân thù, giảm hiểm nguy
Tam Trĩ thương vua tìm lánh nạn

Thăng Long hận giặc đến dương uy
Hoàng thân lắm kẻ đang hàng phục*
*Dũng tướng** có người đã tử ly*
Cảm thán hồng nhan cam phận bạc
Gặp cơn quốc biến phải tùy nghi..!!

Tùy nghi phân nhiệm của triều đình
Giai nữ sứ thần hoãn chiến chinh
Thuở trước Chiêu Quân an đất nước
Bấy giờ Công Chúa giãn đao binh
Người đi quay lại ngùi sông núi
Kẻ ở trông theo tủi muội huynh***
Dân Việt đời đời hằng tưởng nhớ
An Tư công trạng đáng tôn vinh..!!

Vân mồng: tin tức
Vắng tanh nào thấy vân mồng (Cung Oán Ngâm Khúc)

*Trần Ích Tắc, Trần Kiện, Trần Lộng... hàng và theo giặc

Trần Bình Trọng chỉ huy trận Thiên Mạc, điểm trọng yếu, bị giặc bắt và hy sinh năm 1285, với câu nói bất hủ: "*Ta thà làm quỷ nước Nam hơn làm vương đất Bắc***"

***CC An Tư và hoàng huynh là Trần Hoảng (Trần Thánh Tông)

V - Tóm tắt các giai đoạn kháng Nguyên Mông & Kết truyện.

Nhà Trần có 3 lần chống giặc Nguyên Mông. Cả ba lần đều đại thắng. Mặc dù lúc đầu gặp nhiều khó khăn và có khi kinh đô Thăng Long phải bỏ ngỏ, các vua phải di dời long giá, hành cung!!

- Lần 1: 1257 - 1258. Đời vua Trần Thái Tôn (Cảnh), Trần Quốc Tuấn làm Tiết Chế. Phía giặc: Ngột Lương Hợp Thai làm Thống Soái

- Lần 2: 1285. Đời vua Trần Nhân Tôn và Thượng Hoàng

Thánh Tôn, Trần Quốc Tuấn làm Tiết Chế. Phía giặc: Thoát Hoan làm Thống Soái

- Lần 3: 1287- 1288. Đời vua Trần Nhân Tôn, Trần Quốc Tuấn làm Tiết Chế. Phía giặc: Thoát Hoan làm Thống Soái

Để kết thúc tiểu truyện thương cảm "Công Chúa An Tư Cống Nguyên", xin mượn 4 câu thơ mở đầu trong Chinh Phụ Ngâm của tiên sinh Đặng Trần Côn, và Phần Hồng Hà Nữ Sĩ dịch nghĩa:

Thiên địa phong trần	*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi*
Hồng nhan đa truân	*Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên*
Du du bỉ thương hề,	*Xanh lia thăm thẳm tầng trên*
thùy tạo nhân?	*Vì ai gây dựng cho nên nỗi nầy?*
Đặng Trần Côn	**Đoàn Thị Điểm dịch**

Đất trời khơi gió bụi
Má hồng lắm truân chuyên
Cao xanh tầng thăm thẳm
Ai gây chuyện lụy phiền...?!

NMT dịch

Nguyễn Minh Thanh biên soạn
(GA, Thu 2016)

Tham Khảo:

- Các trang web: CC An Tư, CC HT, Trần Hưng Đạo, Chinh Phụ ngâm...
- Thành Ngữ Điển Tích & D N T Đ của Gs Trịnh Vân Thanh
- Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh .

Hành Trang và Lý Tưởng

Teresa Trần Kiều Ngọc

Ban Biên Tập:

Buổi thuyết trình về "Tuổi Trẻ và Cội Nguồn" do Tổng Đoàn TTNĐH & Hội Võ Bị Nam California bảo trợ đã được tổ chức tại Nam California, Hoa Kỳ, vào ngày 16 tháng 10 năm 20116. Cô Tammy Huỳnh, Tổng Đoàn Trưởng và cô Cristina Cao, Tổng Đoàn Phó đã điều hành buổi hội thảo. Luật Sư Teresa Trần Kiều Ngọc, từ Úc Châu, là diễn giả chính đã kêu gọi lòng yêu quê hương dân tộc, lòng nhiệt thành đóng góp của tuổi trẻ VN trên toàn thế giới, chống lại độc tài của CSVN và đòi hỏi tự do nhân quyền cho dân chúng VN.

Thưa quý vị,

Hôm nay, tôi xin chia sẻ về chủ đề '**Hành Trang và Lý Tưởng**'. Đây là bài nói chuyện mà một cách đặc biệt tôi muốn nói với các bạn trẻ. Tôi xin phép ông bà, cô chú bác, anh chị kiên nhẫn lắng nghe hết tâm tình của tôi, vì những gì tôi sắp nói đây có thể không có gì là mới lạ cả. Tôi chỉ muốn được nhắc lại với các bạn trẻ trong ngày hôm nay. Để bắt đầu, tôi xin được dành chút ít thời gian để kể về hành trình trở về quê hương và tìm ơn gọi trong cuộc đời tôi như thế nào.

Tôi rời Việt Nam sang Úc khi con còn đang học lớp 2. Đối với người lớn thực sự mà nói, họ phải lo toan với muôn vàn khó khăn để làm lại từ đầu trên đất khách quê người. Nhưng với một đứa trẻ như tôi lúc bấy giờ thì chỉ buồn nhất vì không còn được nghe và nhìn thấy mặt chữ tiếng Việt khi đến trường

nữa. Vì vậy, ngày ngày sau khi tan trường, tôi lội bộ mò mẫm đến một thư viện công cộng để tìm sách tiếng Việt mà đọc. Vào đầu thập niên 90, sách vở Việt Nam lúc bấy giờ còn rất khan hiếm. Không có sách thiếu nhi với những hình ảnh và màu sắc lộng lẫy như bây giờ! Nhưng chỉ cần lật qua những trang sách trong quyển sách dày cộm với những hàng chữ quen thuộc và các dấu thanh sắc huyền hỏi ngã nặng là tôi cảm thấy hạnh phúc lắm rồi!

Rồi thời gian cứ dần trôi đi… Những lời văn lột tả về quê hương, về cuộc sống, về con người VN của những nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn như Khái Hưng, Nhất Linh... cũng như những vần thơ u uẩn của bà Huyện Thanh Quan càng ngày càng thấm vào trí não của tôi khiến tôi luôn nghĩ về quê hương Việt Nam. Tôi rất muốn biết hình ảnh của đất nước Việt Nam thật sự như thế nào mà vì chỉ có một thời gian ngắn ngủi là bảy năm được sống ở quê nhà nên tôi chưa một lần thấy được hết vẻ đẹp của quê hương mình. Vào năm cuối cùng của bậc đại học, tôi quyết tâm tìm hiểu ơn gọi đi tu. Lẽ dĩ nhiên, nếu dấn thân phục vụ và sống đời tận hiến, tôi sẽ không chọn nơi nào khác hơn là được phục vụ trên chính quê hương mình.



Tôi đã chọn tập sự tại Dòng Tu Phaolô, thành phố Pleiku. Hành trang mang theo chỉ vỏn vẹn có một cỗ chuỗi hạt mân côi để tôi cầu xin Chúa cho có được sự bình an, cùng với một bức hình của mẹ tôi làm niềm an ủi khi tôi buồn và nhớ mẹ và vài bộ quần áo. Sau gần hai ngày hành trình, vào một buổi tối mùa đông, tôi cũng tìm được nơi tôi muốn đến. Nhà dòng nằm thoai thoải trên một sườn đồi thơ mộng và chìm đắm trong sương mù lúc về đêm.

Phải nói, chuyến đi Pleiku như là một định mệnh làm thay đổi thái độ sống và cuộc đời của tôi. Có ba điều mà tôi luôn ghi khắc trong lòng. Thứ nhất là hầu như vào mỗi đêm, tôi đều nghe văng vẳng tiếng khóc đau đớn của các trẻ mồ côi, khuyết tật. Có những em bẩm sinh đã bị dị dạng, mù lòa và bất toại, có em vừa mù lẫn cả bất toại. Tiếng khóc của trẻ hoà lẫn với tiếng thở dài của các ma seour làm tôi không sao ngủ được. Việt Nam quả là một đất nước cả ngày lân đêm đều chìm đắm trong đau khổ!

Kinh nghiệm thứ hai của tôi là buổi tối trước ngày khởi hành vào rừng thăm làng phong cùi, tôi đã thức suốt đêm, mắt trắng dã vì mường tượng đến cái chết thảm thương của mình sau khi bị lây bệnh cùi. Nỗi sợ hãi đó bao trùm lấy tôi suốt đêm và luôn cả buổi sáng, suốt chặng đường dài mấy tiếng đồng hồ cho đến khi tôi đứng trước mặt những người cùi. Hình ảnh của những thanh niên, cụ già vẫy tay chào đón, bàn tay ngón còn ngón mất với những ánh mắt còn chút hy vọng xót xa của những trẻ em sinh ra và lớn lên trong làng phong cùi nhảy lên reo mừng vì có người lạ đến thăm. Mọi sợ hãi về cái chết bỗng chốc đều tan biến trong tôi. Tôi nhận ra tình yêu mạnh hơn là sự sợ hãi về cái chết. Tình yêu chiến thắng, vượt xa và bỏ mặc sợ hãi sau lưng.

Kinh nghiệm thứ ba làm tôi nhớ nhiều nhất, đó là hầu như đi đến đâu tôi cũng thấy người ta hay nói dối. Già trẻ, lớn bé ai cũng biết nói dối. Gặp ai có thể tin được, tôi đều vặn hỏi họ, tại sao ở đây người ta thích nói dối như vậy. Nhưng cái khổ nhất là mình đã bị lừa mà vẫn cảm thấy xót xa và thương họ vô cùng! Mình không thể bỏ quên họ được. Và nếu bỏ mặc họ, tôi cho đó là một trọng tội đối với tổ quốc. Dù kinh nghiệm đó có xấu xa đi chăng nữa, nó vẫn lại là một sự nhắc nhở giúp tôi nhớ đến thực trạng tồi tệ của đất nước mình ngày nay. Thực trạng đó đang khát khao chờ mong chúng ta biết yêu thương, đoái hoài nhìn đến để có sự đổi thay.

Bây giờ nhìn lại, tôi nhận ra hai điều quan trọng trong cuộc

sống. Đó là chuẩn bị hành trang cho cuộc hành trình sống có lý tưởng. Đời sống con người là một cuộc hành trình. Chúng ta cần có lý tưởng sống để góp phần vào việc xây dựng, phát triển cho sự trường tồn của đất nước cũng như nhân loại. Cuộc sống không định hướng, không mục đích, là một cuộc sống buồn tẻ, vô vọng. Đây là một cuộc sống đi ngược với định luật tự nhiên vì con người vốn sinh ra là phải có hy vọng để sinh tồn và phát triển.

Song, có lý tưởng mà không có sự chuẩn bị, suy tính kỹ càng để đạt tới mục đích thì cũng không khác gì là chuyện mơ mộng hão huyền mà thôi. Tôi nhớ đến một câu nói:

- "Tôi có thể ăn nửa chừng, uống nửa chừng, ngủ nửa chừng nhưng tôi không thể tranh đấu nửa vời."

Chúng ta không thể chỉ bỏ ra chút ít công sức mà đòi hỏi nhận lại một kết quả thần kỳ. Chúng ta phải có sự chuẩn bị hành trang cần thiết cho một cuộc hành trình đầy cam go để đi tới đích. Hành trang tôi muốn nói ở đây là tư tưởng, sự suy nghĩ, là cách chọn lựa và thái độ xử sự của mình. Lý tưởng cũng như niềm mơ ước của chúng ta phải thực sự hình thành trong tư tưởng, trong sự mong muốn cháy bỏng của chúng ta trước khi biến thành hiện thực qua hành động. Mọi việc chúng ta làm ngày hôm nay đều có sự ảnh hưởng nhất định đến tương lai. Vì vậy chúng ta phải có sự chuẩn bị tư tưởng, lập trường và mục đích rõ ràng ngay hôm nay.

* * *

Chắc hẳn tất cả mọi người hiện diện nơi đây, đại gia đình của tôi đều có chung niềm khát khao, ước mơ nhìn thấy quê hương Việt Nam có được dân chủ và tự do. Nếu một ngày đất nước mình thật sự có tự do dân chủ, tôi nguyện xin bỏ tất cả, nếu có thể, tôi sẽ cầm cuốc cùng với người dân mình, trồng những hạt lúa mới trên đất nước thanh bình của chúng ta.

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm người Việt rời bỏ quê hương đi tìm tự do, để trưng dẫn thêm về hành trang tư tưởng, tôi xin

chia sẻ một vài suy nghĩ cá nhân, mà theo tôi, nếu chúng ta không kịp thời xét lại, nó sẽ cản bước trong cuộc hành trình tìm tự do cho đất nước Việt Nam.

Ơn nghĩa và sức mạnh thật sự

Trước hết tôi muốn nói về chuyện ơn nghĩa và sức mạnh thật sự. Ở đây, tôi không nói về công ơn của những bậc tiền nhân, của ông bà, cha mẹ và của những người đã hy sinh cả cuộc đời cho chúng tôi có được ngày hôm nay, để được hưởng tự do và biết bao nhiêu quyền lợi cũng như sống hạnh phúc trên đất nước Úc. Ơn nghĩa đó suốt đời chúng tôi không quên và chúng tôi cũng sẽ không bao giờ trả hết. Vì ngày nào còn mang ơn thì ngày ấy thế hệ cao niên và thế hế trẻ chúng tôi còn yêu thương nhau, còn kết chặt, còn gắn bó, còn chung sức để đi suốt chặng đường đấu tranh còn lại cho tự do Việt Nam. Tuy nhiên, có một món nợ ơn nghĩa khác mà theo tôi, chúng ta cần phải thanh toán sòng phẳng. Đó là món nợ nước Úc đã tiếp nhận và "cưu mang" chúng ta trong suốt 40 năm qua.

Đức tính nhớ ơn của người Việt là một đức tính cao đẹp và chúng ta không phủ nhận việc đề cao vấn đề đền đáp ơn nghĩa. Bốn mươi năm rồi, hầu như hễ có dịp, là chúng ta luôn nhắc đến chuyện mình mang ơn nước Úc. Chúng ta luôn nhắc đến là vì trên thực tế, chúng ta chưa bao giờ trả hết món nợ đó. Thân phận của người thọ ơn lúc nào cũng ở thế yếu kém, cần sự giúp đỡ, không bao giờ ngang hàng được với những người đã ra ơn giúp mình. Vì còn mang ơn quá nhiều, nên chúng ta vẫn chưa thật sự có sức mạnh và ảnh hưởng trên đất nước này.

Đối với tôi, cách trả ơn hay nhất cho nước Úc là băng chính thành công nỗ lực của chúng ta, đóng góp vào các vai trò lãnh đạo, kinh tế, truyền thông, chính trị Úc. Chỉ khi nào chúng ta có những đóng góp lớn lao, chúng ta nắm quyền chi phối sức mạnh thương mại, tài chính, công nghệ thì lúc bấy giờ chúng ta mới thật sự được nể trọng. Lúc qua sông, thuyền là thứ ta cần nhưng khi đã lên bờ, chúng ta phải bỏ nó lại, chúng

ta không thể đội thuyền lên đầu mà tiếp tục lên đường. Nếu không, con thuyền sẽ trở thành gánh nặng cho chúng ta. Cũng như thế, khi chúng ta hoạn nạn, nước Úc giúp chúng ta, chúng ta cần trả ơn cho xong, nếu không, việc mang ơn đó sẽ là mối trở ngại lớn cho việc tạo nên sức mạnh và tầm ảnh hưởng thật sự của người Việt trên đất nước này.

Tôi xin lấy ví dụ về dân tộc Do Thái. Dân tộc Do Thái là dân tộc có bản năng sinh tồn mạnh mẽ. Họ sống lưu vong suốt 2000 năm, bị các dân tộc khác áp bức, bóc lột nhưng họ vẫn tồn tại, phát triển và đạt được những thành tựu lớn cả thế giới phải kính nể. Như Albert Einstein, người đạt giải Nobel năm 1921 cho những đóng góp của ông về vật lý hoặc gần gũi nhất là Frank Lowy ở Úc, một trong những nhà tỷ phú giàu nhất nước Úc với tổng tài sản hiện nay là khoảng $7.5 tỷ Úc. Chưa kể đến rất nhiều người Do Thái nắm các chức vụ lãnh đạo trong các ngân hàng lớn trên thế giới. Họ hòa nhập vào xã hội mới, họ lao động, họ thành công và khi có ảnh hưởng lớn trong xã hội, họ đủ khả năng thay đổi môi trường xã hội đó theo cách thức họ mong muốn.

Nước Úc và các nước giàu mạnh trên thế giới bắt buộc phải đặt quyền lợi của họ trước chuyện bảo vệ hay tương trợ chúng ta. Hiện giờ, nước Úc cho mình rất nhiều thứ, từ việc cho tiền để chúng ta mua, mướn trụ sở, phát triển các dịch vụ an sinh xã hội trong cộng đồng Việt Nam. Đây là quyền lợi của họ và cũng là quyền lợi của mình. Hai quyền lợi đi chung với nhau thì rất dễ. Nhưng nếu quyền lợi của một VN tự do dân chủ đi ngược lại với quyền lợi của nước Úc thì liệu họ có còn hỗ trợ mình nữa hay không?

Một ví dụ về việc xây cất đài tưởng niệm chiến sĩ Úc Việt tại tiểu bang Nam Úc vào năm 2004. Đài tưởng niệm chiến sĩ Úc Việt là một hình thức nhắc nhở sự kiện những người lính đồng minh Úc trước đây đã cùng sát cánh tranh đấu với những người lính Việt Nam Cộng Hòa. Đài tưởng niệm cũng là một cách để ghi nhận sự đóng góp của người Việt tại Nam Úc. Lần

đó, chính phủ Liên Bang không ủng hộ việc làm này. Họ cũng không cho tiền chúng ta xây cất. Họ bị áp lực từ phía chính quyền Cộng Sản Việt Nam. Rất may lúc đó, chính phủ Nam Úc ủng hộ chúng ta. Họ đã giúp cho mình một khoảng đất tại trung tâm thành phố Adelaide. Tất cả phần còn lại là do chúng ta tự bỏ tiền túi mấy trăm ngàn ra để xây. Chúng ta còn sẽ tiếp tục làm được và làm hơn thế nữa! Chúng ta phải luôn tự đặt câu hỏi:

Nếu nước Úc bỏ rơi mình, cắt giảm hết mọi chi phí, mình có sống được không?

Tìm hiểu một trong những nguyên nhân khiến miền Nam Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ năm 1975 cho t ôi có cảm tưởng, chúng ta thua vì hầu như chúng ta thiếu sức mạnh thật sự, chúng ta thiếu sự đoàn kết trong tư tưởng. Khi các đồng minh ngừng cung cấp vũ khí, lính viện trợ, chúng ta thua cuộc, chúng ta trơ trọi một mình. Người Mỹ khóc lóc thương tiếc cho năm mươi mấy ngàn lính Mỹ của họ nhưng không biết họ có thật sự xót xa đau buồn cho mấy triệu người dân Việt Nam của mình không? Chúng ta không thể quá tin tưởng vào bất cứ sự giúp đỡ nào từ bên ngoài mà quên đi sức mạnh của toàn dân Việt Nam, vì đó mới chính là sức mạnh thật sự của chúng ta.

Làm chính trị – Tham chính và lập trường chính trị

Có một tư tưởng nữa mà tôi muốn chia sẻ. Phải nói, đây là lời thú tội của tôi vì trong quá khứ tôi đã vấp phạm. Hồi đó, nếu có ai hỏi tôi có làm hay biết gì về chính trị không? Tôi phản ứng rất nhanh không cần suy nghĩ

- "Không, cháu không làm chính trị, cháu không biết gì về chính trị hết."

Lúc đó tôi rất tự hào là mình đã trả lời câu nói một cách khôn ngoan, mình giữ được thái độ trung lập, không đảng phái, quá an toàn cho bản thân. Bây giờ nhìn lại, tôi mới nhận ra đó mới chính là một câu trả lời chính trị, một câu trả lời ích kỷ, chỉ nghĩ đến sự cầu an cho bản thân. Tư tưởng của tôi lúc

bấy giờ không khác gì là nghoảnh mặt làm ngơ, chối bỏ quyền lợi của dân tộc, vong ơn cả với đất nước mình đang sống, nơi con đã hưởng biết bao quyền lợi của một thể chế chính trị tốt đẹp. Lời nói và thái độ đó không khác gì phó mặc và đem hai tay dâng hiến dân tộc, đất nước cho những kẻ xấu. Như cố mục sư Martin Luther King đã từng nói:

- "**Thế giới phải chìm đắm trong đau khổ không phải vì tội ác của những kẻ xấu, mà là vì sự im lặng của những người tốt**."

Sau này tôi tìm được định nghĩa của hai từ chính trị mà tôi rất tâm đắc:

"*Chính trị là nghệ thuật vươn tới lãnh đạo dân tộc, xây dựng, củng cố và phát triển đất nước, mang lại sự tốt đẹp cho quốc gia dân tộc. Thể chế chính trị của một quốc gia định đoạt số phận hiện tại và chi phối cả tương lai của một quốc gia, trong đó có quyền lợi thiết thực của người dân sống trong quốc gia đó. Vậy có nghĩa là nếu người dân không quan tâm đến chính trị, tức là người dân tự phó mặc số phận của mình cho nhà cầm quyền muốn làm gì thì làm, phó mặc mọi sai lầm, áp bức, bất công, kể cả sự sỉ nhục cứ áp đặt lên đời sống hôm nay và tương lai của mình và của cả một dân tộc.*"

Vậy, chính trị là một điều cao quý, đáng được chúng ta tự hào dấn thân vào việc làm chính nghĩa này. Tôi xin mạn phép giải thích thêm hai chữ chính trị với các bạn trẻ: chính trị có hai hình thức khác nhau. Một là tham chính, hai là lập trường chính trị. Ví dụ như các bạn tích cực tham gia vào một đảng phái chính trị nào đó mà các bạn thích, hoặc trở thành bộ trưởng, dân biểu, thượng nghị sĩ … thì gọi là tham chính. Tuy nhiên, nếu các bạn muốn trở thành bác sĩ, kỹ sư hay bất cứ ngành nghề nào khác và không thích tham chính thì cũng không sao, nhưng các bạn không thể không có tư tưởng, suy nghĩ hay quan điểm chính trị.

Khi các bạn đi bầu cử, biết phân biệt đúng sai về các đường

lối chính sách của đất nước, biết phê bình hay dở và ít nhiều quan tâm đến tình trạng đất nước thì đó là có lập trường chính trị. Về tình hình Việt Nam, chúng ta đã biết Cộng Sản là xấu, là ác, là giả dối nhưng khi ai hỏi tới, chúng ta không nói được ít nhất hai chữ 'giả dối' đối với Cộng Sản Việt Nam thì chúng ta phải cần tự xét lại. Nếu người ngoại quốc nhìn vào hàng trăm, hàng ngàn người Việt Nam trả lời như tôi trước đây thì **chính nghĩa của chúng ta nằm ở đâu? Chúng ta là ai? Ai sẽ sống chết cho quê hương Việt Nam thay chúng ta?**

Chúng ta đừng đánh giá thấp thái độ hay việc làm của chúng ta. Chỉ cần mỗi người góp một chút thôi hay có lập trường rõ ràng về chính trị hoặc tham chính là chúng ta đã góp sức mọn để 'rao giảng chân lý, sự thật' và giúp cho dân tộc VN sớm ngày thoát ách Cộng Sản. Hiện nay, nước Việt Nam có 90 triệu dân, chỉ cần chấm dứt chế độ Cộng Sản sớm một ngày thì chúng ta sẽ bớt được 90 triệu ngày đau khổ cho người dân. Chế độ Cộng Sản còn tồn tại thêm một ngày, thì người dân phải hứng chịu thêm 90 triệu ngày chìm trong bể khổ.

Sợ hãi

Để kết thúc bài chia sẻ này, tôi xin kể một câu chuyện về sợ hãi. Như chúng ta biết, sợ hãi đã làm thay đổi thế giới, giết chết niềm tin, hy vọng và lạc quan. Lòng người tan rã vì lo sợ.

Chuyện thần thoại Ả Rập kể rằng:

Một hôm dịch tả gặp đoàn thương gia tiến về thủ đô Bát-đa. Người dẫn đầu đoàn xe hỏi hắn:

- Dịch tả đi đâu mà vội vàng thế?

Dịch tả trả lời ngắn gọn:

- Ta về Bát-đa giết hại năm ngàn mạng người.

Vài ngày sau đó, trên đường từ Bát-đa trở về, đoàn thương gia lại gặp dịch tả. Người hướng dẫn đoàn tức giận mắng hắn:

- Nhà ngươi nói rằng chỉ giết hại có năm ngàn người, vậy mà bây giờ con số người chết tại bát-đa lên đến năm chục

ngàn. Nhà ngươi thật dối trá.

Dịch tả ôn tồn trả lời:

- Không, ta nói thật. Ta chỉ giết có năm ngàn người không hơn không kém. Chính là nỗi lo sợ đã giết chết số người đông đảo còn lại đó.

Câu chuyện thần thoại cho ta thấy 'sợ hãi' không thể giết chết chúng ta. Điều giết chết chúng ta là những gì từ trong tư tưởng mà ra. Mấy đêm trước khi tôi soạn bài nói chuyện này,tôi cũng rất sợ. Tôi sợ những gì con nói sẽ không được mọi người đón nhận và thương mến. Nhưng tôi tự nghĩ, tôi là con cháu của Vua Hùng, của Lý Lê Trần, của Hai Bà Trưng.. tất cả mọi người ở đây cũng giống như tôi, đều là con cháu của Quang Trung. **Chúng ta có một sợi dây vô hình liên kết chúng ta lại, đó là tình yêu thương của giống nòi. Nếu đứng trước nguy cơ diệt chủng, tình yêu thương đó chắc chắn sẽ được bộc lộ một cách rõ rệt hơn nữa.** Vậy thì đứng trước đại gia đình của tôi, cớ gì mà con phải sợ nói lên những điều mình nghĩ.

Muốn tranh đấu cho một lý tưởng cao đẹp, ta phải tìm thấy sự bình an trong chính nghĩa và tin tưởng vào con đường chân lý mình đi. Nếu bỏ cuộc nửa chừng là vì chúng ta chưa đủ niềm tin, chưa đủ thiết tha và sẵn sàng chết cho lý tưởng của mình. Tình yêu thật sự không biết đến sợ hãi. Có một câu nói của Thánh Nhân:

- "**Tình yêu không biết sợ hãi; trái lại, tình yêu hoàn hảo loại trừ sợ hãi, vì sợ hãi gắn liền với hình phạt và ai sợ hãi thì không đạt tới tình yêu hoàn hảo.**"

Một trong những bài diễn văn nổi tiếng nhất của thế kỷ XX là bài diễn văn của Cố Mục Sư Martin Luther King, người đã bị giết hại năm 1968 vì tranh đấu cho quyền bình đẳng của người da đen tại Hoa Kỳ:

- "*Tôi có một giấc mơ, tôi mơ rằng một ngày nào đó mọi thung lũng đều được bạt đi, những nơi cong queo sẽ được làm*

cho bằng phẳng, và những chỗ ngoằn ngoèo sẽ được kéo cho ngay thẳng."

Tổng thống Abraham Lincoln đã bị sát hại vì lý tưởng dân chủ và bình đẳng. Cố mục sư Martin Luther King cũng cùng chung số phận. Tổng thống Nelson Mandela đã phải trải qua 27 năm tù vì tranh đấu cho tự do và bình đẳng. Những con người này không chỉ có những lời nói để thuyết phục mà họ còn nói bằng chính mạng sống của mình. "Tự do tôn giáo hay là chết", hoặc "tự do dân chủ hay là chết". Những người dám giương cao những khẩu hiệu như thế trong một chế độ độc tài, chối bỏ tất cả những quyền tự do cơ bản con người thật đáng được chúng ta noi theo. Nói như TổngThống Nelson Mandela

- "Đó là một lý tưởng mà nếu cần tôi sẵn sàng chết cho lý tưởng đó."

Thật ra, đó không chỉ là lý tưởng mà còn là một đòi hỏi của ơn gọi làm người Việt Nam. Sống cho sự thật, sẵn sàng chết cho sự thật! Không uốn cong lưỡi để cầu thân nịnh bợ, không thỏa hiệp để được chút đặc ân hay không dễ dãi, dối trá để cho xuôi thuận công việc. Nếu muốn sống như thế thì có khác gì là chết trong dai dẳng, nhọc nhằn rồi còn gì nữa!

Tuổi trẻ trong nước đã hy sinh mạng sống vì lý tưởng tự do dân chủ cho Việt Nam. Hỡi tuổi trẻ Việt Nam ở hải ngoại, chúng ta còn sợ, còn chần chờ gì nữa! Chuyến đi của cuộc đời chúng ta rồi cũng có lúc sẽ kết thúc. Nếu có sợ, thì chỉ sợ trước khi nhắm mắt, chúng ta đã chưa từng dám sống cho sự thật và lý tưởng để rồi không còn ai trên mặt đất này biết đến tinh thần bất khuất của giông nòi, của những người Việt Nam máu đỏ da vàng!

LỰC LƯỢNG XUNG KÍCH QUÂN ĐOÀN III

Trong cuộc hành quân Toàn Thắng 1/71 trên lãnh thổ Kampuchea

Nguyễn Văn Nam, Khoá 20

(Cuộc hành quân khai diễn vào đầu tháng 2 năm 1971. Các cấp bậc và chức vụ của các vị chỉ huy được nhắc tới đều nằm trong thời gian này. Bài viết do người trong cuộc nhớ và ghi lại, hoàn toàn không tham khảo bất cứ tài liệu nào. Nếu có điều gì sơ sót, xin người đọc niệm tình tha thứ.)

Cuối năm 1970, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III liên tiếp mở các cuộc hành quân Toàn Thắng 41, 42, 43, 44, 45, 46 cấp Chiến Đoàn Đặc Nhiệm, càn quét và phá tan các căn cứ hậu cần VC dọc theo biên giới VN - Kampuchea thuộc các tỉnh Hậu Nghĩa, Tây Ninh, Bình Long nhằm vào các mật khu Ba Thu, Mỏ Vẹt, Lưỡi Câu, Mõm Đầu Chó.

Đầu tháng 2-1971, BTL/ QĐ III mở cuộc hành quân quy mô Toàn Thắng 1/71, đánh sâu vào lãnh thổ Kampuchea đến tận bờ sông Cửu Long thuộc các tỉnh Kompong Cham và Kratié nhằm tiêu diệt Trung Ương Cục Miền Nam (Cục R), theo tin tức tình báo ghi nhận, đang trú đóng tại đồn điền cao su Chup.

Lực lượng tham dự hành quân gồm có: Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III; Sư Đoàn 18 và Sư Đoàn 25, luân phiên làm thành phần trừ bị và giữ an ninh lộ trình.

Lực lượng xung kích Quân Đoàn được tổ chức thành 3

chiến đoàn đặc nhiệm, như sau:

- Chiến Đoàn 3 do Đại Tá Trần Quang Khôi, Tư Lệnh Lữ Đoàn 3 Thiết Kỵ, làm Chiến Đoàn Trưởng: BTL Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh (-2 Thiết Đoàn) + 2 TĐ/ BĐQ (TĐ 52 thuộc LĐ3 + TĐ 30 thuộc LĐ5 BĐQ) +BCH của TĐ46 Pháo Binh (-2 Pháo Đội 105 ly) + Đại Đội cầu nổi Công Binh thuộc TĐ/ Công Binh Chiến Đấu (TT Võ Văn Anh, K13 làm TĐT).

- Chiến Đoàn 333 do Đại Tá Phạm Văn Phúc, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 3 BĐQ, làm Chiến Đoàn Trưởng: BCH/ LĐ3 BĐQ (-TĐ 52 BĐQ) + 1 Thiết Đoàn Kỵ Binh + Pháo Đội Pháo Binh 105 ly.

- Chiến Đoàn 5 do Đại Tá Nguyễn Văn Đương, Liên Đoàn Trưởng Liên Đoàn 5 BĐQ, làm Chiến Đoàn Trưởng: BCH/ LĐ5 BĐQ (-TĐ 30 BĐQ) + 1 Thiết Đoàn Kỵ Binh + Pháo Đội 105 ly.



Trung Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Quân Đoàn III, 1970.

Đại Tá Khôi cũng được đề cử chỉ huy trực tiếp Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn III.

Lực lượng hành quân được đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Trung Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Quân Đoàn III.

Các đơn vị vượt tuyến xuất phát từ Xa Mát, thẳng tới QL7, nối liền Kompong Cham đi Snoul, Mimot. Sau khi đặt tiền trạm tại ngã ba Krek xong, các đơn vị cặp theo QL7 tiến thẳng về đồn điền Chup, nằm về phiá Đông tỉnh Kompong Cham. Đến địa phận quận Suong thì đơn vị đi đầu chạm địch mạnh tại đây. Trung Tướng Tư Lệnh sau khi bay quan sát kỹ đã cho trực thăng đáp xuống ngay mặt trận, và cho các chiến đoàn

trưởng xử dụng trực thăng lên quan sát từ trên cao. Trung Tướng Trí nhận định việc thanh toán mục tiêu sẽ khá khó khăn, nhưng ông yêu cầu các đơn vị phải thanh toán cho kỳ được vì nếu không chiếm nhanh chóng Cục R của CS sẽ có thì giờ chạy mất.

Qua sĩ quan tùy viên (Đ/Ú Tuấn, K19), ông ra lệnh đưa toàn bộ máy bay của QĐ III lên yểm trợ. Đồng thời, ông ra lệnh CĐ 333 tấn công trực diện, CĐ3 bọc lên phiá Bắc mục tiêu, CĐ5 làm thành phần trừ bị. Sau những đợt oanh kích dữ dội của phi cơ chiến đấu và pháo binh cơ hữu, địch bỏ chạy tán loạn về hướng Tây Nam. CĐ5 đã bọc xuống phiá Nam của CĐ 333 để truy kích VC. Sau khi nhanh chóng thanh toán xong mục tiêu ở Suong, cuộc hành quân bắt đầu chuyển hướng tấn công vào đồn điền Chup, từ Nam lên Bắc.

Đồn điền Chup là một khu vực rộng lớn từ Nam lên Bắc, dài khoảng 14 km. CĐ 333 tiến theo rià phiá Tây đồn điền, dọc bờ sông Mékong; CĐ3 bọc lên phiá Bắc án ngữ; trong khi CĐ5 được chia làm 2 cánh:

Cánh quân thứ nhất gồm TĐ38 BĐQ do Tr/T Ngô Minh Hồng làm TĐT và ĐĐ5 Trinh Sát Liên Đoàn do Tr/U Nguyễn Văn Nam, khoá 20 VB làm ĐĐT (người viết). Cánh quân nầy có nhiệm vụ đánh xuyên qua đồn điền Chup từ Nam lên Bắc.

Cánh quân thứ hai gồm CĐ5 (-TĐ38 và ĐĐ TS) cặp theo rià phiá Đông.

TĐ38 đưa ĐĐ1 (Đ/U Hoàng Công Trác, K16 là ĐĐT), cùng Trinh Sát song song đi đầu.

Tiến được hơn 5 km thì đơn vị chạm súng với địch, ĐĐ Trinh Sát và ĐĐ1/ 38 nhanh chóng thanh toán và phá huỷ mục tiêu này, vốn là một trung tâm huấn luyện của VC. Tiến thêm 4 km nữa, đơn vị đã phát giác đường dây điện thoại đan chằng chịt, báo hiệu trận đánh khốc liệt sắp bắt đầu. Cắt xong dây điện thoại và tiến thêm được 200m, lực lượng đoạn hậu của Cục R khai hoả quyết liệt, quyết tâm bảo vệ căn cứ chỉ huy

lớn của chúng. Dù bị tấn công mạnh, nhưng được hoả lực yểm trợ đầy đủ, cũng như vẫn giữ được liên lạc tốt với BCH/ CĐ5, ĐĐ TS và ĐĐ1/ 38 vẫn giữ vững vị trí mặc dầu chưa đẩy lui được bọn chúng.

Cùng ở chung một đơn vị của TĐ30 BĐQ từ lâu, tôi và NT Trác phối hợp tác chiến rất nhịp nhàng và đóng quân qua đêm rất chặt chẽ. Hai đơn vị dùng hoàn toàn lựu đạn đáp trả khi VC bò vào gần, không nổ một phát súng, nên chúng vẫn không xác định được chính xác vị trí đóng quân của chúng tôi. Không đạt được ý định, chúng vòng ra phiá sau tấn công mạnh vào TĐ38 BĐQ.

Cũng cần nhấn mạnh, hành quân trong đồn điền cao su gặp rất nhiều khó khăn vì trở ngại vô tuyến cũng như yểm trợ bằng pháo binh. Tàn cây to đã khiến đạn pháo binh chạm nổ ngay trên tàn cây, không trực tiếp trúng mục tiêu, cũng như sóng vô tuyến đã bị hấp thụ phần lớn nên việc liên lạc truyền tin khi có, khi không.

TĐ 38 cầm cự cho tới sáng thì được chúng tôi đánh bọc ngang hông, giải vây. Thu dọn chiến trường, toàn đơn vị đã thu được 50 súng đủ loại, cùng chiến lợi phẩm. Sau khi được tiếp tế đạn dược, tải thương, và tiếp tục đi chưa được 500 m thì chúng tôi bị tấn công dữ dội. Cùng lúc, cánh quân thứ hai của CĐ 5 cũng chạm súng, có lẽ vì thế chúng tôi đã mất liên lạc vô tuyến với chiến đoàn.

Vì không thể liên lạc trực tiếp với CĐ để nhận lệnh, tôi liền xoay qua tần số không lục và gọi được L19 đang bay bao vùng. Tôi nhờ Không Quân báo cáo về Quân Đoàn xin được yểm trợ khẩn cấp. Sau 15 phút, hai phi tuần Skyraider xuất hiện trên bầu trời tấn công vào vị trí của VC, đã được chỉ điểm bằng súng bắn hỏa hiệu và đánh dấu bằng khói màu. Áp lực địch giảm hẳn nhưng chưa đủ để chúng rút lui. Thay vì tiếp tục tấn công, chúng vây chặt đơn vị của chúng tôi không cho di chuyển.

Màn đêm lại xuống. Lần này, TĐ 38 đã rút được nhiều kinh nghiệm về phòng thủ của đêm trước. TĐ đã dùng mìn claylore, cùng cài bẫy bằng lựu đạn. Cả đêm TĐ bị quấy phá, nhưng chúng cũng không tìm ra vị trí chính xác của TĐ. Hôm sau, rạng sáng chúng lại mở nhiều loạt tấn công dữ dội mới. Sau khi quan sát cách di chuyển của bọn chúng, tôi mới thấy bọn VC ở đây được huấn luyện rất kỹ càng về cách chiến đấu trong rừng cao su. Chúng nhảy như sóc từ cây cao su này sang cây cao su khác, cũng như điều động theo từng hàng của lô cao su. Một trở ngại chưa nói đến, trong rừng cao su không có nước nếu trời không mưa, trong khi dân phu cạo mủ lại tập trung sống trong từng làng riêng biệt nên không thể liên lạc để xin nước.



Đại Tá Trần Quang Khôi, Tư Lệnh Lữ Đoàn 3 Thiết Ky, năm 1970.

Trước tình thế bất lợi, liên lạc xin yểm trợ khó khăn, nước uống không có, tôi quyết định xoay qua tần số đặc biệt để liên lạc với Tiểu Đoàn Trưởng TĐ30 BĐQ đang tăng phái cho CĐ3, Thiếu Tá Phan Văn Sành, K17. TĐ này hiện đang án ngữ về phiá Bắc, cách chúng tôi khoảng 4 km, theo như lệnh hành quân. Tôi và NT Sành tình như thủ túc, anh em nên lúc nào chúng tôi cũng có tần số nội bộ của nhau.

- 25 (danh hiệu T/T Sành), đây Hoàng Sa. 25, đây Hoàng Sa. Nghe rõ trả lời.

Tôi thật bất ngờ khi nghe được giọng nói của ông,

- Hoàng Sa, 25 nghe. Mày đang ở đâu vậy? Có gì không?

(Đến đây người viết sẽ dùng bạch văn lời đối thoại để mọi

người cùng hiểu)

- Đang bị bao vây trong đồn điền Chup. Cách 25 khoảng 4 km.

- Trong lệnh hành quân chỉ có thằng 38 và 2 đứa con của 33. Sao lại có mày?

- Tôi thay 2 đứa con của 33 theo đề nghị của Tr/T Hồng, đang bị kẹt và không còn nước đê uông, lại không liên lạc được với ông già.

- Được, tao đang tùng thiết cùng Chi Đoàn M113 của Th/T Ron. Tao sẽ trình lại với Đ/T Khôi rồi cho biết sau. Chờ máy đi nha.

Khoảng không đầy 10 phút, tôi nghe tiếng Th/T Sành vang lên trong ống liên hợp truyền tin:

- Hoàng Sa, đây 25. Đ/T Khôi chấp thuận rồi. Tao sẽ cỡi "cua" (xe thiết giáp M113) vào và đem mày ra. Cho tao toạ độ chính xác. Bao giờ nghe tiếng của M 113 thì hướng dẫn tao. Trực máy 24/24 đi. Tao bắt đầu xuất phát đó.

- Nhận rõ, 25. Nhớ mang theo nước uống cho anh em tôi.

Khoảng một tiếng sau, tôi nghe tiếng M113 vang từ hướng Đông Bắc xuống. Tôi liên lạc với Th/T Sành và cho bắn một tràng đại liên M60 về hướng thiết giáp. Đơn vị tiếp viện của Th/T Sành đã nhận ra hướng và đến chỗ phòng thủ của chúng tôi. Bọn VC đã rút lui khi nghe quân tiếp viện của ta đến gần.

Tới phiên Tr/T Hồng gọi cho tôi báo động.

- Hoàng Sa (danh hiệu của người viết), mày xem lại cho kỹ. Không lẽ VC có thiết giáp?

- Yên tâm đi. 78 (danh hiệu của Tr/T Hồng). Tôi vừa liên lạc với TĐ 30. Th/T Sành và một chi đoàn M113 sẽ vào đem mình ra. Không phải VC đâu.

- Thằng mắc dịch. Sao mày không chịu báo cho tao biết? Mày liên lạc bằng cách nào?

- ….

Sau khi được tiếp tế nước, đạn dược một cách nhanh chóng, chúng tôi đưa kế hoạch rút quân như sau: TĐ30 BĐQ và Chi Đoàn M113 mở đường, TĐ 38 BĐQ đi giữa, và Đại Đội Trinh Sát đoạn hậu. Các đơn vị sẽ tránh giao chiến trực tiếp với địch để làm sao rút ra khỏi rừng cao su trước khi trời tối. Nhờ tài mưu lược, dương Đông kích Tây của NT Sành, các đơn vị đã ra khỏi rừng cao su Chup khi trời vừa tối.



Từ trái: ThTá Thiệt, TĐT 33, TrU Nguyễn Văn Nam K20, ĐĐT TS 5, ĐT Nguyễn Văn Phúc, K 10 Phụ (FACS), LĐT LĐ 3, ThT Phan Văn Sành, K17, TĐT TĐ30 BĐQ, 1970

Sáng sớm hôm sau. Trung Tướng Trí, Tư Lệnh Quân Đoàn III đã đáp trực thăng xuống, khen thưởng sơ khởi các đơn vị, và cho biết Cục R của VC đã chạy trốn về Kratié.

Hai Chiến Đoàn 3 và 333 tiếp tục giữ nhiệm vụ tiếp tục truy kích địch. Theo kế hoạch, CĐ 3 đi tiên phong. Tiếp theo là CĐ 333. CĐ này sẽ thiết lập căn cứ hoả lực ở phiá Nam đồn điền Damber, yểm trợ hỏa lực cho Chiến Đoàn 3 tiếp tục tiến quân. Sau khi Chiến Đoàn 333 lập xong căn cứ hoả lực, CĐ 5 sẽ được trực thăng vận vào quận Chlong của Kratié, lập đầu cầu chờ 2 chiến đoàn bạn tới sẽ cùng đánh thẳng vào Kratié.

Mục đích chính của cuộc hành quân Toàn Thắng 1/71 là truy lùng và tiêu diệt Cục R, nên LLXK/QĐ3 điều động thần tốc các mũi tiến quân, thanh toán nhanh các lực lượng VC ra sức ngăn chận, để Cục R không đủ thời giờ đào tẩu. CĐ3 tiếp

tục tiến quân vào Dambe.

Vài ngày sau khi tôi từ giã Th/T Sành, TĐT/ TĐ30 tại Chup, vào giữa khuya tôi nghe được tin ông đã tử trận trong một lần tấn công VC. Tôi chết lặng người. Tôi vừa mới gặp ông ta đây mà! Chuyện này không thể là sự thật.

Đại Tá Nguyễn Văn Đương đã đến bên tôi từ lúc nào, định báo cho tôi tin sét đánh kia. Khi thấy tôi đang ngồi thừ người, vì biết tôi theo dõi máy và đã biết tin rồi. ông chỉ nhẹ đặt tay lên vai tôi an ủi, nói trong nghẹn ngào, "*Sanh ly tử biệt. Nào ai biết được số trời.*" Mọi người trong Liên Đoàn đều biết tình cảm thân thiết giữa anh em chúng tôi. Vài hôm sau, tôi lại được tin Th/T Ron, Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn M113, cũng vừa nằm xuống. Thế là chưa đầy một tuần, cả hai vị đàn anh vào cứu chúng tôi đã không còn nữa!

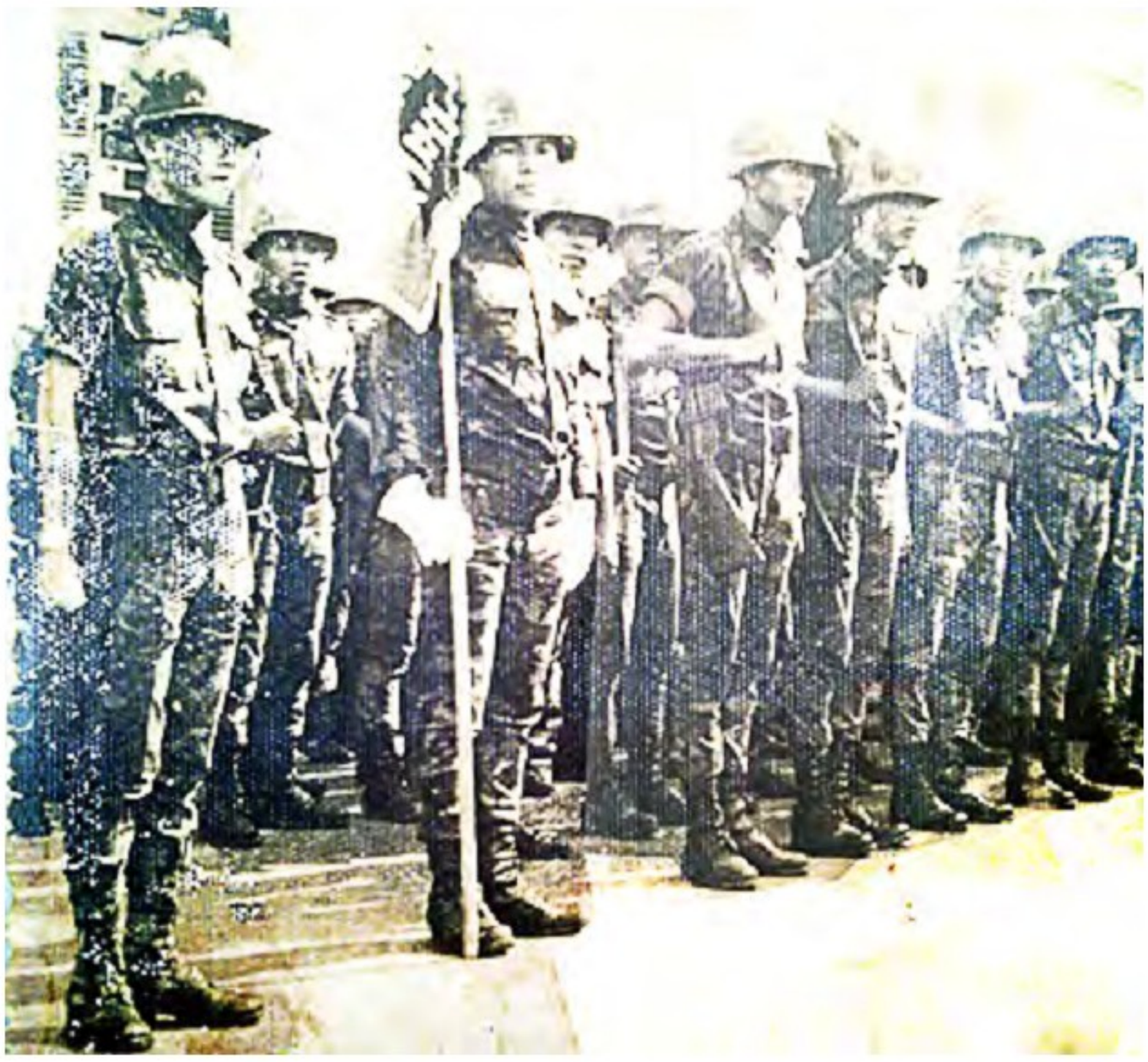
Lúc tôi mới ra trường và thuyên chuyển về Tiểu Đoàn 30 BĐQ, Thiếu Tá Phạm Văn Phúc, Khoá 10 phụ (khóa FACS) đang làm tiểu đoàn trưởng. Trong khi đó, Tr/U Phan văn Sành, K17 Đại Đội Trưởng ĐĐ3, kiêm XLTV Tiểu Đoàn Phó. Tôi được bổ nhiệm làm đại đội phó kiêm trung đội trưởng TĐ1/ ĐĐ2 do T/U Lê Triệu Giư, K19 làm ĐĐT. Chúng tôi đã sống chết với nhau trên khắp các mặt trận. Cuối năm 1967, Th/T Phúc được bổ nhiệm LĐT/ LĐ3 BĐQ, Đ/U Sanh được đề cử thay thế làm tiểu đoàn trưởng. Dưới sự chỉ huy linh hoạt và đầy trách nhiệm của Đ/U Sành, TĐ 30 BĐQ đã là một đơn vị nổi bật qua các chiến công đạt được vào dịp Tết Mậu Thân.

Sau khi NT Võ Văn Bảy K18 tử nạn, Liên Đoàn Trưởng LĐ5 đã chỉ định tôi thay thê làm Đại Đội Trưởng Đại Đội Trinh Sát. Nhưng Th/T Sành cố tình giữ tôi lại và cho tôi biết rằng anh đã đề nghị đặc cách tôi lên đại úy rồi. Quyết định sẽ về trong nay mai, anh sẽ dành cho tôi chức vụ TĐP. Nhưng "*trâu non còn háu đá*", tôi xin Th/T Sành cho tôi về TS. Bao giờ có cấp bậc mới tôi sẽ xin trở lại TĐ30.

(ĐĐ5 Trinh Sát là đơn vị TS đầu tiên của Binh Chủng

BĐQ, với một bảng cấp số riêng. Đơn vị này đang được Bộ TTM trắc nghiệm nên tôi rất mê.)

Anh đã nói:



Trung Uỷ nguyễn Văn Nam, chiến sĩ xuất sắc toàn quân, 1969 (bên trái).

-"Mày về đó rồi chẳng bao giờ LĐT cho mày đi đâu hết, ráng chờ đi."

Tôi đã chọn TS vì dầu sao anh em vẫn còn cùng chung đơn vị và cũng thường xuyên gặp nhau. Mặc dù không nghe lời ông, chúng tôi vẫn thương mến nhau, và luôn có tần số riêng để liên lạc khi cần thiết. Mọi việc đã xảy ra đúng như ông đã nói, tôi về TS chưa tới hai tháng, quyết định đại úy đã về tới và tôi đã giữ chức vụ ĐĐT/TS 5 đúng 3 năm. Sau đó tôi cũng đã trở về TĐ30 với chức vụ TĐP!

Cho tới Iúc đó, ông đang là một Tiểu Đoàn Trưởng xuất sắc và được anh em thương mến nhất LĐ5 BĐQ.

Cuộc hành quân vẫn tiếp tục theo đúng kế hoạch. CĐ333 lập căn cứ hỏa lực, bên ngôi miêu nơi NT Sành đã năm xuống để yểm trợ cho CĐ3 tiếp tục tiến vào Dambe.

(Để tưởng niệm sự ra đi anh dũng của một cấp chỉ huy, một người anh, chúng tôi đã đặt tên cho ngôi miếu nầy là miếu ông Sành. Về sau, nhiều người đã gọi là miếu ông Sành, hay chùa ông Sành do không rõ tên thực của ngôi miếu.)

Cùng lúc CĐ5 được trực thăng vận vào địa phận quận

Chlong thuộc tỉnh Kratié để lập đầu cầu, chờ hai chiến đoàn bạn vào đủ sẽ tiếp tục vào Kratié săn lùng Cục R.

Khi TĐ33, của ThT Nguyễn Văn Thiệt, đổ quân xuống được 2 đại đội, và có chạm súng lẻ tẻ, Trung Tướng Tư Lệnh đã ngưng đổ TĐ33 còn lại và thay thế bằng Đại Đội Trinh Sát. Ông ra lịnh trực tiếp cho tôi bung rộng con cái ra giữ an ninh bãi đáp, rồi đáp trực thăng xuống ngay chỗ chúng tôi. Sau đó, ông giao trực thăng chỉ huy lại cho Chiến Đoàn Trưởng CĐ5 để tiếp tục đổ hết quân xuống Chlong. Ông, Đ/U Tuấn tùy viên (K19 ở cùng đại đội B với tôi), và tôi trò chuyện rất thân tình trong suốt buổi chiều hôm đó cho đến khi cuộc đổ quân hoàn tất. Tôi vẫn còn ghi nhớ mãi lời nói của ông:

”Phòng thủ hữu hiệu nhất là tấn công. Chỉ có tấn công liên tục mới tạo cho địch ở thế bị động không có cơ hội tập trung quân để tấn công mình.”

Thật oan nghiệt! Sáng sớm ngày hôm sau, khi ông lên trực thăng để bay tới mặt trận Kampuchea thì máy bay bị nổ tung. Tai nạn xảy ra khi trực thăng mới chỉ cất cánh lên chưa quá 100m. Cho đến nay, tai nạn này vẫn còn bị đặt rất nhiều nghi vấn.

Khi nghe tin Trung Tướng Đỗ Cao Trí tử nạn tại mặt trận, tinh thần chiến đấu của các đơn vị bị giao động nặng nề. Tôi chết lặng người, không khỏi xúc động và bàng hoàng, mặc dù bề ngoài cố tỏ ra thản nhiên. Chúng tôi đã mất đi một vị tư lệnh giỏi và can trường, quân đội mất đi một tướng lãnh tài ba. Sự ra đi đột ngột của ông đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả cuộc hành quân sau này.

Nhân đây, tôi muốn trình bày thêm về Trung Tướng Đỗ Cao Trí.

Dưới mắt thuộc cấp, Tướng Trí là một “petit Napoléon”, một thiên tài quân sự của Việt Nam, rõ nét nhất qua cách tổ chức lực lượng và điều động quân độc đáo, thần tốc. Ông xuất hiện đúng lúc, kịp thời, linh hoạt trong mọi

trường hợp, tạo cho thuộc cấp một sự tin tưởng tuyệt đối trong lúc hành quân, chạm súng.

Với tác phong giản dị và quyết đoán, ông luôn luôn xuất hiện cùng các đơn vị hành quân. Nơi nào chạm địch mạnh, ông đều có mặt ngay từ phút đầu. Lúc cần thiết ông cũng có mặt ngay tuyến đầu để theo dõi tận mắt và khích lệ tinh thần anh em binh sĩ, đưa ra các quyết định đúng lúc, cũng như thúc đẩy tốc độ tiến quân theo kịp với kế hoạch.

Sau khi phá nát các căn cứ địa của VC trong năm 1970 tại Kampuchea, mục tiêu kế tiếp của chiến dịch là truy lùng và tiêu diệt Cục R. Để thực hiện, ông đã xử dụng các đơn vị trừ bị trực thuộc Quân Đoàn III, bao gồm Lữ Đoàn 3 Thiết Kỵ (gồm 3 thiết đoàn), 2 Liên Đoàn 3 và 5 BĐQ (gồm 6 tiểu đoàn), Tiểu Đoàn 46 Pháo Binh, Tiểu Đoàn Công Binh Chiến Đấu. Để đáp ứng mục đích của cuộc hành quân, ông đã tổ chức thành Lực Lượng Xung Kích Quân Đoàn gồm 3 chiến đoàn đặc nhiệm hùng hậu. Mỗi chiến đoàn gồm có BCH, 2 tiểu đoàn BĐQ, 1 thiết đoàn thiết giáp (bao gồm M113 và tăng M 41), và một pháo đội pháo binh.

Các đơn vị này được lệnh hành quân thần tốc, ngày đi đêm nghỉ, đôi khi di chuyển đêm. Nơi nào áp lực địch nhẹ thì thiết giáp cõng BĐQ tràn tới và vượt qua. Nơi nào địa thế rậm rạp thì BĐQ được thả xuống, lục soát, tiêu diệt VC, trong khi thiết giáp yểm trợ từ phía sau. Với ưu thế di chuyển nhanh và hoả lực vô cùng mạnh của Thiết Giáp cùng cách hành quân linh hoạt và hiệu quả của BĐQ quen đánh trong rừng, cuộc hành quân nhị thức bộ binh-thiết giáp trong giai đoạn này đã được coi như được thực hiện thành công nhất, có hiệu quả nhất. Khi các đơn vị đặc nhiệm vượt qua, các đại đơn vị VC đều bị tan rã và một phần lớn bị tiêu diệt.

Có những ngày các đại đơn vị di chuyển đến 20km. Với tốc độ di chuyển nhanh như thế, VC trong giai đoạn này,

không đủ thời gian tái phối trí mà chỉ cố gắng rút lui bảo toàn lực lượng.

Tr.Tg Nguyễn Văn Minh, Tư lệnh Biệt Khu Thủ Đô được bổ nhiệm thay thế chức Tư Lệnh Quân Đoàn 3. Vị Tân Tư Lệnh chưa có ý định dứt khoát, do đó LLXK/ QĐ3 án binh tại chỗ chờ lệnh mới. Một tuần lễ sau, chúng tôi được lệnh



Thiết Giáp "cõng" BĐQ.

triệt thoái ngược trở lại bằng đường bộ dọc theo Tỉnh Lộ 7B từ Chlong về QL7, khoảng 50km đường rừng. Trong khi đó, CĐ333 vẫn còn ở căn cứ hỏa lực phía Nam Dambe, CĐ3 nằm giữa đồn điền Dambe, cánh quân đầu gồm Thiết Đoàn KB và TĐ30 BĐQ (Đ/U Võ Mộng Thúy, Khoá 19 (TĐP lên thay thế TĐT) nằm phía Bắc Dambe.

CĐ5 triệt thoái quân dọc theo tỉnh lộ 7B băng qua khu rừng già bắt tay được với TĐ30, tiếp tục tiến về Dambe với đội hình 2 tiểu đoàn 30 và 38 tiến song song hai bên liên tỉnh lộ. Đây là khu rừng già, địa thế hiểm trở, cây cối rậm rạp khó quan sát nhưng dễ phục kích, cũng như không thể khai triển đội hình hành quân rộng. Khi đến một con suối cạn thì gặp ổ phục kích của địch, hai đơn vị này đã đánh lướt qua luôn. Đại đội TS dẫn

đầu BCH/CĐ khi tới vị trí này.

* * *

Tôi đã trình với Đại Tá CĐT là không thể đánh lướt qua như hai tiểu đoàn đi trước, mà phải nhổ xong chốt rồi mới tiếp tục tiến quân. Tôi đã đề nghị ông cho 2 tiểu đoàn bạn dừng lại tại chỗ chờ đại đội tôi thanh toán mục tiêu đang đóng cản đường. Tôi điều động ĐĐ/ TS tiên lên cô triệt hạ hai ô đại liên trước nhưng địch đã chận chúng tôi lại bằng súng cối. Tôi quan sát kỹ, sao kỳ lạ vậy? Cối kiểu gì mà chỉ rớt một chỗ? Loại đạn gì mà tôi chưa phân biệt được? Tôi chỉ nghe tiếng nổ, lửa, và bụi khói mù mịt. À thì ra là bê ta (một loại chất nổ đóng thành từng bánh, giống đòn bánh tét) do chúng ném dồn vào một chổ. Tôi đã la lên:

- Coi chừng VC ở trên cây quăng bê ta xuống!

Thế là toán trinh sát đi đầu chiã họng súng lên các tàng cây cổ thụ, ria từng loạt, hạ hết những tên VC núp trên cây. Xác của chúng bị treo lủng lẳng trên cao vì chân chúng đã bị xiềng vào một chỗ.

Đại Đội TS nằm lại cho BCH/ CĐ đi qua, sau đó chúng tôi tiếp tục theo sau để bảo vệ. Sau khi qua khỏi khu vực bị phục kích, hai Tiểu Đoàn 30 và 38 dừng quân và bố trí theo lệnh. TĐ38 tìm được một khu trống đủ bố trí cho tiểu đoàn nên TĐT ra lệnh tổ chức phòng thủ vì trời đã bắt đầu tối, trong khi TĐ30 tạm bố trí kế bên. Khi CĐ gặp 2 Tiểu Đoàn 30 và 38, CĐT định đóng quân qua đêm cùng với TĐ38, nhưng đến nơi tôi thấy vị trí này quá nhỏ chỉ vừa đủ cho một tiểu đoàn. Vả lại địa thế nơi đây rất ư nguy hiểm vì là một trảng trống nhỏ nằm giữa rừng già rất dễ trở thành điểm pháo kích của giặc. Xem trên bản đồ thấy chỉ còn non 1km nữa là đã ra khỏi khu rừng, tôi liền lên gặp CĐT và hỏi:

- Đ/T định đóng quân ở đây sao? Vị trí này quá nhỏ và nguy hiểm dễ làm mồi pháo kích của VC. Chỉ còn chưa đầy 1km là ra khỏi khu rừng nầy rồi tại sao mình không tiếp tục.

- Mày liệu đi được không, trời đã tối rồi.

- Cũng phải ráng thôi, đại tá. Mình phải giãn quân ra để tránh thiệt hại khi bị pháo kích. Nếu đồng ý, đại tá cho Tiểu Đoàn 30 đi song song với tôi. Phải gấp rút lên chớ tôi cảm thấy rất dễ bị ăn pháo lắm.

- Được rồi. CĐ sẽ đi sau mày và TĐ30. Tao sẽ ra lệnh cho thằng 30.

Tôi cho anh em kiểm soát nhanh quân số và phân chia nhiệm vụ cho từng trung đội, bàn thảo kế hoạch chớp nhoáng với TĐT/ TĐ30. Chúng tôi đã xuất phát, điều động thật nhanh ra khỏi vị trí này.

Theo kế hoạch của CĐT, tiếp theo BCH/CĐ là TĐ38 và cuối cùng là TĐ33. Khi TĐ38 vừa rời khỏi vị trí thì cơn mưa pháo của VC đã ập xuống TĐ 33, chỉ nhờ vào những hố cá nhân TĐ38 vừa đào còn dở dang mà chịu trận. Qua cơn mưa pháo TĐT 33 chỉ còn đem được hơn 2/3 TĐ ra khỏi vị trí nầy vài trăm thước tránh bị địch tân công tiếp và đóng quân qua đêm chờ trời sáng. CĐ ra khỏi khu rừng già, đóng quân, xin tái tiếp tế đạn dược, tản thương chờ hôm sau vào tiếp cứu TĐ33.

Sáng hôm sau, CĐT ra lệnh ĐĐ/TS tùng thiết cùng chi đoàn M113 vào giúp TĐ33 thu dọn chiến trường và di chuyển hết anh em bị hy sinh và bị thương lên thiết giáp, khoảng 60 người. Quang cảnh còn nặc mùi tử khí, sau khi VC vừa tràn qua thu dọn nhanh rồi rút mất.

CĐ5 nhanh chóng rút về Dambe và bắt tay được với CĐ3. BTL/ QĐ đã nhận được tin tức từ BTTM là VC đang di chuyển 3 Công Trường 5, 7, 9 (tên của sư đoàn CSBV) đến Dambe để vây hãm và tiêu diệt 2 CĐ 3 và 5. Vì thế, Quân Đoàn được lệnh triệt thoái gấp LLXK/ QĐ ra nơi này.

Theo kế hoạch của QĐ, Đ/TKhôi cho TĐ52 BĐQ và chi đoàn M113 mở đường, đơn vi này bị ngăn chặn không qua được. Qua ngày thứ nhì, vẫn theo kế hoạch QĐ, sau khi B52 trải thảm, ông điều động TĐ 52 và M113 mở đường. Tiếp theo

là ĐĐTS 5 và TĐ33. Khi TĐ52 và thiết kỵ vừa tiến vào mục tiêu thứ nhì thì lọt ngay vào ổ phục kích. VC đã đồng loạt tấn công tới tấp và tức khắc di chuyển lực lượng trừ bị từ xa tới, buộc hai đơn vị này phải gấp rút lui quân.

Trong tình trạng hỗn loạn, ĐĐ/TS 5 quyết định nằm lại yểm trợ cho TĐ 52 rút quân. VC tràn lên như đàn kiến, điên cuồng tấn công dữ dội. Các binh sĩ TS đã không kịp nạp đạn. Do đó, lựu đạn được xử dụng tối đa để chống biển người. Sau khi xử dụng hết lựu đạn, có những nơi phải đánh cận chiến.

Tôi báo cáo tình hình và xin yểm trợ khẩn cấp. Th/T Hà Kỳ Danh (K18), Trưởng Ban 3 TĐ, truyền lệnh cho tôi tự quyết định và giao hết máy bay oanh kích và chi đoàn M113 cho tôi trực tiếp liên lạc điều động và xử dụng. Tôi đã dùng hết phi tuần này đến phi tuần khác oanh kích tới tấp vào các vị trí của chúng. Đơn vị đã chận đứng được cuộc tấn công và truy kích của địch. Sau đó, tôi đã nhanh chóng điều động chi đoàn M113 lên yểm trợ, theo thế chân vạc đoạn chiến được với VC.

Qua ngày hôm sau Đ/T Khôi báo cáo về QĐ cho ông toàn quyền quyết định tại Dambe, không theo kế hoạch của QĐ. Ông bàn với CĐT/ CĐ5 rằng,

- "Bằng mọi giá chúng ta phải ra khỏi Dambe trước khi địch siết chặt vòng vây và tiêu diệt chúng ta bằng pháo kích. Trong khi di chuyển, Thiết Giáp cõng BĐQ, chấp nhận cháy chiếc nào bỏ chiếc ấy. BĐQ lên chiếc khác tiếp tục tiến quân, không thu dọn chiến trường. Không dùng đại đội cầu nổi của TT Anh vì đã bị pháo hư hại, xe bể hết bánh không xử dụng được nữa. ĐĐ/ TS5 được tăng phái cho Thiết Đoàn của Tr/T Đồng, bằng mọi giá lập cho được đầu cầu và đoạn hậu cho toàn bộ lực lượng rút khỏi Dambe."

Bằng uy tín cá nhân, qua cố vấn Mỹ ông nhờ lực lượng Không Quân của Lữ Đoàn Không Kỵ Hoa Kỳ yểm trợ trực tiếp cho cuộc rút quân. Giống như hai ngày trước, ông dàn quân sẵn sàng để nghi binh. Sau khi B52 thả bom xong, ông ra lệnh

cho Thiết Đoàn Tr/T Đồng và ĐĐ/ TS5 bọc qua phía Đông khoảng 500m rồi mới bẻ về hướng Nam dàn quân giữ vững vị trí. Bọn VC vận động bôn tập đuổi theo, "lờ đờ" tràn lên (có lẽ chúng bị uống thuốc kích thích), hò hét, "*đốt xe giấy, bắt lính con mèo*!"

Thật tội nghiệp, chúng đã chịu mũi đạn của hằng ngàn tay súng thuộc 2 CĐ 3 và 5, cũng như hàng đợt oanh kích yểm trợ của SĐ Không Kỵ Hoa Kỳ, vả skyraider của VN.

ĐT Khôi quyết định không giao chiến, không thu dọn chiến trường, bằng chiến thuật cuốn chiếu ông đã đưa 2 CĐ 3 và 5 ra khỏi Dambe, bắt tay CĐ 333 tại miếu "ông Sành"…

(Còn Tiếp)



Một chi đoàn chiến xa M41 tại Kamphuchia, 1971

Tản Mạn

ĐƯỜNG LÊN PHỐ NÚI.

Lê Văn Điền, K.25
(Australia 11. 2016)

01- ĐẰNG SAU... QUAY.

Trong cơ bản thao diễn có động tác: "Đằng sau... quay", không biết quân đội nào đã "chế" ra các động tác cơ bản thao diễn đầu tiên, và tại sao lại có đông tác này? Khi con người đã không còn cơ hội hoặc khả năng bước tới thì "đằng sau quay" là thượng sách. Đời người có qúa nhiều giai đoạn, khi còn trẻ, cuộc đời toàn màu hồng, nhìn đâu cũng thấy cơ hội, cũng thấy vinh quang, đến khi lập gia đình, thì sự tự do đã bắt đầu hạn chế. Sinh một đứa con, mọi việc phải cẩn trọng hơn. Tuổi tác càng cao, sự hâm hở nhiệt tình càng giảm sút. Cho đến khi: *"Chí những mong tiến bước, nhưng sức không kham nổi đoạn đường. Chúng tôi cần được dắt dìu..."* thì đã đến lúc phải "đằng sau ...quay".

Tại sao vậy? Vì ở tuổi "Thất thập cổ lai hy", con người sẽ đi dần đến cuối bờ tường thời gian, và mọi việc, mọi niềm vui, mọi vinh quang sẽ chấm dứt một cách bất lịch sự, vô lễ, không gõ cửa báo trước, không xưng danh thông báo, nhân sinh là như vậy.

Nếu ai biết trước bờ tường cuối cùng, và "đằng sau... quay" kịp lúc, thì may ra, vị ấy sẽ sống "thọ" thêm vài mươi năm nữa. Đằng sau... quay, là nhìn lại qúa khứ, sống lại với đầy ắp kỷ niệm đã qua, trong đó tràn đầy hạnh phúc và ước mơ.

Còn lỡ như quá khứ của một người là thảm họa, đau buồn, thì thái độ sẽ là sự lắng động, suy tư và chấp nhận để trở thành hoài niệm. Đằng sau... quay, là một loại biến thể, có thể xem như chiêu thức độc đáo trong binh pháp: "Tam Thập Lục Kế", thì "Tẩu Vi Thượng Sách". "Tẩu" là chạy thục mạng, là tránh tai họa, là xa lánh cái xấu. Ở tuổi già, thì "tẩu" với bệnh hoạn, với cái chết là đúng rồi. Con nhà lính, bài cơ bản thao diễn đầu tiên mà SVSQ cán bộ đã dạy: "Đằng sau... quay", thì cứ mà quay. Đi tới không được thì "quay", giải quyết chuyện gì cũng không xong, thì "quay". Trường VBQG đã dạy SVSQ quay, thì cứ mà "quay", không ai có thể thắc mắc, bắt bẻ được, phải không SVSQ?



Khoá 25 trên đường tới lớp học

02-TẠI SAO GỌI LÀ "CÙI"?

Nếu không lầm, thì tiếng "cùi" dùng ám chỉ SVSQ/VB, do Đại Tá Trần Ngọc Huyến, Chỉ Huy Trưởng Trường VBQGVN đặt ra. Chữ "cùi" thật thâm thúy, khiêm nhường, tự che dấu bản thân, khi còn hàn vi, yếu thế. Cùi là loại bệnh tật mà ai cũng phải xa lánh, sợ liên lụy, và rồi người Cùi sẽ chờ một ngày... ***một ngày nào đó!***

Đây là một thông điệp mà vị Chỉ Huy Trưởng tài danh đã truyền dạy cho các SVSQ. Hãy sống khiêm nhường, hãy dấn thân trước sự ganh ghét của tha nhân, xã hội, và phải tồn tại, dưới bất cứ trạng thái nào.

Và rồi, tiếng "Cùi" đã trở thành một từ ngữ đặc biệt của

SVSQ/VB, một loại password để kiểm chứng những ai giả danh Võ Bị. Đàn anh gọi đàn em là Cùi. Đàn em xưng danh là Cùi, nghe tưởng chừng như "thiếu vệ sinh" mà ngược lại thật vô cùng thân quý và gần gũi.

Võ Bị từ Khóa 23 trở về sau, không "tếu" bằng các NT khóa trước. Thử nghĩ xem, chỉ một chuyện: *"Đái ở bờ Hồ Xuân Hương*" cũng đủ bái phục Đại-Ca.

Khi mới gắn Alfa xong, hăm hở dạo phố DaLat lần đầu, ăn cho bõ ghét, đi dạo cho mòn đường DaLat mới hả dạ. Chiều đến, theo xe GMC về trường, thì "tai họa vô duyên" xảy đến. Tiểu đoàn tân SVSQ tập hợp trước bục sân cỏ trung đoàn. SVSQ cán bộ dõng dạc tuyên bố tội danh:

- *"Có SVSQ đã đái ở bờ hồ Xuân Hương".*

Tin như sét đánh, ai mà không chửi thề, phạt tập thể cũng đáng tội.

- "Mẹ kiếp"! Thằng bá vơ nào tục quá. Tao mà biết tên nào thì chắc sẽ trùm Poncho cho biết tay."

Thế là cả khóa phải thi hành lệnh phạt. Mãi đến khi lên năm thứ hai, thứ ba, và sắp sửa huấn luyện khóa đàn em, mới vỡ lẽ: Các đại ca "chế" tội danh. Một loại tội danh mà SVSQ nào cũng muốn mang vào và trở thành một loại truyền thống bất thành văn vô cùng đáng yêu. Võ Bị là như vậy đó. Bây giờ nhìn lại mùa Xuân đi qua, lòng cựu SVSQ/VB lâng lâng một hoài cảm vô cùng quý gía và ấm áp mà mấy ai còn giữ lại!

03- "NỀN CŨ LÂU ĐÀI, BÓNG TỊCH DƯƠNG"

Ngày nhận email của thằng bạn cùng khóa hiện sống tại Việt Nam, lòng tôi man mác buồn khó tả. Thằng bạn viết thế này:

- *"Hôm có dịp tao đưa vợ, con lên DaLat thăm người quen. Về lại Nha Trang cả tuần tao không muốn làm gì cả. Mày biết tại sao không? Từ ngày Khóa 25 mình mãn khóa năm 1972, thì đây là lần đầu tiên tao về lại DaLat sau gần 40 năm. Đi*

từng bước theo con đường dốc từ hồ Xuân Hương lên khu Hòa Bình, lòng tao cứ nghĩ ra bước chân ngày xưa của bọn SVSQ mình và của những NT khóa trước , mà chắc chắn không ít người đã về với cát bụi. Những bộ Jaspé, Worsted điểm trang vẻ đẹp cho thành phố sương mù này đã không còn nữa. Đau lòng hơn là lúc tao thuê một xe Honda ôm để "vào thăm" cổng Thái Phiên, hoang tàn tất cả.

Đứng nhìn sâu vào con đường đi vô Trường VB chúng ta,



Bộ Chỉ Huy TVBQGVN

là những bờ cỏ mọc lan ra mặt nhựa. Hình như đoạn đường này không được sử dụng nên vẻ điêu tàn, hiu hắt ấy đã làm tao xúc động..."

Như vậy đó... xin thưa! Chợt nhớ ngày học trung học, bài thơ: "Thăng Long Thành Hoài Cổ" của Bà Huyện Thanh Quan với câu: *"Lối xưa xe ngựa, hồn thu thảo. Nền cũ lâu đài, bóng tịch dương!"* mới có cảm giác sâu sắc về một cái gì đã mất. Những huy hoàng của một thời xa xưa, nay là phế tích. Trường VBQG rồi cũng sẽ là phế tích. Và sau này, nếu cựu SVSQ nào đó, có cơ hội quay lại nơi đây, xin hãy "đau lòng"

thay cho những người đã khuất. "Bonjour Tristesse!"

04- "LE REPOS DU GUERRIER"

Tại sao tôi lại viết đề tựa Pháp ngữ xa xưa này? Xin thưa, đây là tựa đề của một cuốn phim nổi đình đám một thời của thập niên 60-70 do nhà sản xuất Pháp-Ý hợp tác. Tài tử chính là cô đào nẩy lửa Brigitte Bardot và chàng đẹp trai Robert Hossein. Phim không nói gì về chiên tranh, không có sự tàn phá tài sản hoặc hủy diệt nhân mạng. Một vấn đề muôn thuở của xã hội, của tình cảm, không dính dáng gì đến đời lính tráng. Nhưng... tôi lại vô cùng mẫn cảm với: "*Le repos du guerrier*".

Chiến binh thì chắc chắn không bao giờ ngơi nghỉ. Cuộc đời họ là những chuỗi ngày bất an. Chiến binh thời phong kiến máu đẫm sa trường, không được quyền chọn lựa. Thời được gọi là văn minh thì cũng xảy ra như thế thôi. Chiến binh không bao giờ được nghỉ ngơi, ra trận thì phải quân phục tác chiến săn sàng chiên đâu bât cứ lúc nào, thời tiêt nào, nêu may mắn được vài ngày phép thì cũng vô cùng vội vã, đặt nụ hôn lên môi người vợ hoặc người yêu, thì cũng tiềm tàng một dấu hiệu chia ly!

Ngày 30-4-1975 buông súng, người chiến binh phải bị vào tù, lưu đày xa xứ, và rồi không biết ngày mai sẽ ra sao! Vợ con, cha mẹ ở nhà khốn khó chừng nào! Vậy thì, làm sao có được cái trạng thái đúng nghĩa của: "Le repos du guerrier"

Ra tù, lo lắng để vượt biên, vượt biển, lo đời sống khó khăn, đến trại ty nạn, thì lo việc định cư, ổn định thế nào. Định cư rồi thì lo tìm việc làm thích hợp khả năng, sức khỏe. Lúc nào cũng lo, cũng vội vội, vàng vàng... Như vậy thì làm sao có được cái gọi là: "Le repos du guerrier". Mãi đến lúc về hưu, mong gặp lại bạn bè đồng môn, hoặc là chiến hữu, một thời tựa lưng sống chết trên chiến trường, thì lòng cũng chẳng thoải mái, an tâm. Một chỗ có thể là nơi "nghỉ ngơi" cuối cùng, cũng đang gặp "họa" bất hòa. Người chiến binh năm

xưa lại lo âu, không biết rồi sau sẽ ra sao!

Nếu có ai gặp tôi, mỉm cười, nâng ly vui mừng buông lời: "Le repos du guerrier", Tôi sẽ không ngần ngại mà nói: "Jamais"!

05- "CÒN CHÚT GÌ ĐỂ NHỚ"

Nếu không có buổi sáng một ngày Thứ Bảy, tôi mượn quyển bản thảo "Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam -Theo Dòng Lịch Sử" của một niên trưởng Khóa 21, thì tôi đã không thiết tha ngồi viết những dòng chữ nầy. Tôi đọc từng hàng chữ, dở từng



SVSQ trong một buổi lễ tại Đà Lạt.

trang sách như đang đi vào dòng lịch sử của ngôi trường mà mình đã học 4 năm, cho đến trang 19 với trích đoạn:

-"*Tháng 3 năm 1975, với tình hình đất nước và để bảo vệ sinh mạng của hơn 1000 SVSQ các khóa 28, 29, 30, và 31, trường đã được lệnh di tản về Long Thành. Ngày 21 tháng Tư năm 1975, Khóa 28 và 29 đã cử hành lễ mãn khóa trong một hoàn cảnh bi hùng với quân phục tác chiến và mũ sắt. Ngay sau đó, các tân sĩ quan đã lập tức ra đơn vị và chiến đấu vào những giờ phút cuối cùng của cuộc chiến Quốc- Cộng.*

Ngày 30/4/1975, theo lệnh buông súng của Tổng Thống Dương Văn Minh, SVSQ khóa 30 và 31 ngậm ngùi từ giã đồng

đội, trở về cuộc sống dân chính với tương lai vô định, chịu cùng số phận với vận nước. Công cuộc đào tạo sĩ quan của Trường Võ Bị tạm kết thúc kể từ ngày ấy!"

Kính thưa quí NT và các bạn, sự bi hùng và bi tráng của khóa 28 và 29 trong ngày mãn khóa, với sau lưng là một đội hình xe GMC sẳn sàng mang các tân sĩ quan để ném vào chiến trường sinh tử, trong những giờ phút mà toàn thể quân, dân miền Nam đã sẳn sàng bỏ cuộc, đầu hàng. Không một giờ phép, không một lần cuối, nhìn mặt người thân. Sĩ quan Khóa 28 và 29 sẵn sàng hy sinh vì danh dự Trường VB, không một ai đào ngũ, tôi nghiêng mình ngưỡng mộ các bạn.

Trở về năm 1970, khi là SVSQ năm thứ hai, tôi về phép ở Phan Thiết. Có một lần tôi và thằng bạn thân, thiếu uý Thủ Đức đi dạo đêm ở Sông Mao thuộc vùng trách nhiệm của Trung Đoàn 44, tôi mặc treillis, đội mũ béret với khăn cổ màu xanh. Một chiếc xe jeep pha đèn chạy trờ đến, có giọng nói: "Cùi nào đây, khóa mấy?" Tôi giật mình và biết rằng chỉ có dân VB mới biết tiếng lóng "cùi" nầy.

- Dạ thưa tôi, Khóa 25.

Tiếng đáp vọng từ ghế trưởng xa mà tôi không nhìn rõ mặt vì ban đêm:

- Tôi Khóa 20 đây. Anh đi đâu ở vùng nầy vậy?

- Dạ thưa niên trưởng, nhà tôi ở quận Hòa Đa nầy.

- Chừng nào anh hết phép?

- Dạ thưa ngày mai tôi phải xin một chỗ ngồi trên máy bay đê về trường.

- Tiếc quá! Thôi chúc anh may mắn. Tôi, khóa 20.

Tôi chợt hiểu ra tiếng "tiếc quá!" của NT Khóa 20. Nếu còn thời gian, chắc NT vô danh của Khóa 20 nầy sẽ dẫn tôi đi chơi lòng vòng ở Sông Mao. Thằng bạn Thủ Đức tỏ vẻ kính nể và gật gù trước tinh thần đàn anh, đàn em của dân VB.

Những ngày cuối của tháng 3 năm 1975, khi đơn vị pháo binh của tôi theo Trung Đoàn 40 về trấn giữ vùng đèo An Khê, tôi đã nghe một NT Khóa 24 gọi cấp chỉ huy Trung Đoàn bằng Niên Trưởng thay vì cấp bậc, và sau đó… NT 24 nầy đã vì trách nhiệm và danh dự VB, sẵn sàng lao vào trận đánh, để hôm sau phòng hành quân nhận được tin vị đàn anh của tôi đã tử trận.

Có lẽ một loại tình cảm nào đó, đôi lúc còn mạnh mẽ và gắn bó hơn tình yêu quê hương và dân tộc, mà những sĩ quan Trường VBQGVN đã bị cấy vào tâm tư và cơ thể như một loại "***Sinh - Tử - Phù",*** không thể nào loại bỏ được.

Trong cuộc chiến vừa qua, anh em VB đã đối xử với nhau như ruột thịt, bảo vệ, chỉ dẫn đàn em mới ra trường về trình diện đơn vị, không hơn thua, mãi mãi kính trọng đàn anh, gặp nhau là Niên Trưởng, là đàn em…

Những ngày tù tội, những ngày ở các trại tỵ nạn, dân VB lúc nào cũng là niềm hy vọng và kính phục của đồng hương và của các sĩ quan xuất thân quân trường khác.

Khi định cư tại Úc, tôi có niềm hãnh diện tự nhiên khi đọc các bài viết của NT Phạm Văn Tiền, NT Tô Văn Cấp, NT Vương Mộng Long, NT Trần Như Xuyên K 21 và nhiều NT khác nữa, đọc các bài viết của ông Phạm Tín An Ninh về Võ Bị, ca tụng tư cách VB trong trại tù Cộng Sản.

Lòng tôi chan chứa một tình yêu sâu đậm về ngôi trường mình đã xuất thân, nơi mà các NT đàn anh đã đem xương máu để viết thành lịch sử oai hùng của sĩ quan Võ Bị.

Rải rác các bài viết về quân đội trên các Website, tôi có thói quen lướt nhanh để xem có sĩ quan nào trong truyện là dân VB không. Các trận đánh làm nên quân sử như trận Thường Đức Đồi 1062, trận Charlie của NT Nguyễn Đình Bảo, NT Lê Văn Mễ mà trong tấm ảnh chụp lúc hành quân có sĩ quan Đoàn Phương Hải đứng cạnh NT Bảo. Tôi rất thích nét uy nghi của vị sĩ quan nầy. Cho mãi đến thời gian gần đây, tôi mới biết đó

là Thiếu Tá Đoàn Phương Hải là Khóa 19VB. Một cảm giác hạnh phúc tràn ngập tâm hồn tôi.

Trận đánh cố thủ Tống Lê Chân của NT Lê Văn Ngôn K21, trận tái chiếm cổ thành Quảng Trị, trận Mậu Thân giải tỏa Huế của NT Trần Ngọc Huế K18, cuộc hành quân Lam Sơn 719, mặt trận Bình Long, An Lộc, Võ Bị đã đổ nhiều xương máu cho quốc gia, dân tộc và cho danh tiếng Võ Bị QGVN.

Sĩ quan VB đã gắn bó bảo vệ quê hương, tương trợ nhau trong những trận đánh mà không màng sống chết. Nơi nào có chiến công, có hy sinh vì Tổ Quốc thì nơi đó có sĩ quan VBQG.

Hôm nay, tại hải ngoại, các sĩ quan VB đã thiết tha giúp đỡ bạn bè đồng môn trong hoàn cảnh khó khăn tại quê nhà. Với cộng đồng người Việt, thì dân VB cũng đã ***"ăn cơm nhà, vác ngà voi*** ", dấn thân chống Cộng Sản xâm nhập, lũng đoạn người Việt tỵ nạn.

Tất cả… tất cả, phút chốc đã trở thành hoài niệm! Một loại cổ tích về một truyền thống bất thành văn. Và hôm nay, những người ***"muôn năm cũ***" hình như đã thờ ơ với danh thơm ấy, hoặc quay lưng "sống-chết" nhau vì một mẩu chuyện không đáng có, không còn sự đùm bọc, yêu thương như thời còn trong binh lửa!

Tại sao, tại sao vậy!

SVSQ Võ Bị là một tập thể không còn quân số bổ sung, một tập thể sắp trở thành một mẫu truyện thần kỳ, một thứ ***"Lost World***" của các thế hệ mai sau. Nếu Khóa 32 không được nhập trường ở đồi 1515 Dalat hoặc đâu đó của Việt Nam, thì Võ Bị sẽ trở thành một đơn vị bị thời gian vây chặt, cho đến khi người SVSQ cuối cùng gĩa từ thế giới này. Không biết vị ấy sẽ mang theo nụ cười hay những giọt nước mắt? Do đó, dấu vết còn lại về tình huynh đệ, nghĩa đồng môn, sẽ là một gia tài quí báu, mà viễn ảnh của sự mai một sẽ xảy ra, nếu tình trạng bất hòa vẫn còn tồn tại.

Bất hòa sẽ là tia lửa đốt cháy những vinh quang mà các sĩ quan xuất thân Võ Bị đã góp bao nhiêu xương máu để vun đắp, bảo tồn. Võ Bị sẽ không nói với nhau về ĐÚNG và SAI nữa. Điều cần quan tâm là HIỆN TƯỢNG. Hiện tượng bất hòa sẽ tỷ lệ thuận với thời gian. Không khéo thì tập thể Võ Bị sẽ phải đối mặt với một thảm họa. Thảm họa của sự tàn phá không thương tiếc, những danh thơm mà toàn thể quân dân miền Nam đã đặt nhiều ngưỡng mộ và kỳ vọng. Sự im lặng, vô cảm hoặc lòng quyết tâm không nhượng bộ của một số cựu SVSQ sẽ là tia lửa đốt cháy dòng lịch sử của Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Một quân trường mà ai trong các NT và các bạn đều không hối hận khi đã chọn lựa.

Đàm phán là một giải pháp tuyệt hảo, mà các cuộc tranh chấp quốc tế dùng để hạn chế sự thiệt hại về nhân mạng và tài sản quốc gia. Đối với tập thể Võ Bị chúng ta, thì thái độ hòa nhã Anh và Em, không hơn thua, THẮNG và BẠI, ngồi xuống, đối mặt, nói chuyện phân minh, để giải tỏa hiểu lầm, thì phương cách nây chăng phải là một giải pháp tôi ưu hay sao?

Quí Niên Trưởng, các bạn cũng như cá nhân tôi, đang đi gần cuối cuộc đời. Điều mong mỏi của chúng ta là gì? Danh vọng ư? Tài sản ư? Tất cả đã trở thành quá khứ, chỉ còn chăng là một tình cảm gia đình và bạn hữu. Hãy để nụ cười trọn vẹn trên môi khi gặp lại nhau, thay vì sự ngượng ngùng quay lưng vì đã nặng lời nhau không chút nương tay.

Sách TVBQGVN THEO DÒNG LỊCH SỬ nên được ấn hành càng sớm càng tốt vì không ai biết được ngày sau sẽ ra sao? Đó không những là tâm huyết của nhiều khóa, của nhiều SVSQ biên soạn, mà còn là tài liệu lịch sử quan trọng và quí hiếm về một quân trường đã từng lừng danh Đông- Nam- Á. Các thế hệ sau sẽ tin tưởng về các tin tức trung thực, chính thống không bị bóp méo, khi nghiên cứu về lịch sử quan trọng của Việt Nam nói chung và về Trường VBQGVN nói riêng, trong giai đoạn 1945-1975.

Mai Anh Về Đà Lạt

Tặng một người ở Đà Lạt

NGUYỄN ĐÔNG GIANG, K19

Cho dù đời đã hoàng hôn
Mai về Đà Lạt, biết còn em không ?
Mai về, nhặt chữ tang bồng
Đánh rơi, nên mới non sông đỏ màu

Mai về, Đà Lạt còn đau
Ghé thăm trường Mẹ, bù ngày nhớ thương
Mắt em, đâu phải hồ trường
Mà làm xã tắc, tang thương đổi dời !

Mai về Đà Lạt, em ơi!
Thăm hồ Than Thở, còn lời em, xưa
Lâm Viên cuối chạp, trời mưa
Anh lên đỉnh núi, đúng mùa Noêl

Hòa Bình, còn đó hở em?
Xưa ta dạo phố… anh quên đường về
Bây giờ, anh đã sơn khê
Xa bao sông biển, chưa về cố hương!



Anh đi, Đà Lạt mù sương
Bao mùa gió chướng, vô thường thổi qua
Mai nầy, về lại quê nhà
Có nhìn ra được, quê Cha của mình?

Nước non nghìn nỗi điêu linh
Mai về dù đã, đời mình hoàng hôn
Đà Lạt, còn ở trong hồn
Đã theo anh suốt, cuộc bôn tẩu nầy.

CA 2010



PHẢI CHĂNG LÀ ĐỊNH MỆNH?

Tường Thúy, 20/1

- Xong chưa Uyên, rửa tay rồi ra ăn cơm.

- Xong rồi đây, chút nữa nguội mày đổ vào keo là hoàn tất. Ông xã mày chắc mê cái món này lắm nhỉ.

- Còn phải nói, kỳ thơ nào anh ấy gửi về cũng ghi cái món mắm ruốc ngay hàng đầu, mà tao thì làm món này dở lắm nên phải nhờ tới mày. Giọng Điệp chợt chùng xuống, bao năm rồi, không biết tới bao giờ, tao mới thôi không phải khăn gói đi thăm chồng trong tù, như thế này nữa hả Uyên?

Câu hỏi không có câu trả lời. Và nếu phải trả lời, biết trả lời sao đây. Tôi nhìn Điệp, không nói chỉ cúi xuống và nuốt nốt miếng cơm cuối cùng, lau miệng, rồi đứng lên sau khi uống cạn tách trà.

- Thôi tao về, mai còn phải theo mày đi Hàm Tân, mày cũng nên đi ngủ sớm, để có sức mà cuốc bộ từ ngoài đường vào trong trại, chả gần gì đâu. Nhớ đấy, tao về đây.

Từ nhà Điệp về nhà tôi chỉ cách một con hẻm, tôi thấy mình không cần phải vội. Tôi chưa muốn về cái căn nhà lạnh lẽo của mình, rồi lại chỉ một mình đối bóng mình, cùng những kỷ niệm về Yên mà thôi. Bỗng tự dưng tôi nhớ lại câu nói đùa của Điệp:

- Uyên nè, tao thấy mày ế cũng đã lâu rồi, sao mày không kiếm lấy một tên nào cõng dùm mày cái cục ế ấy đi. Ở một mình bộ dzui lắm hả?

- Chả vui mà cũng chả buồn chỉ chán thôi, tôi lừng khừng đáp lại, mà cho dù chán thế mấy tao cũng chịu được. Mày bảo tao kiếm ai bây giờ. Những người tao có thể trao thân gửi phận, thì giờ này đang bị đóng gông trong tù hết rồi còn ai đâu. Ngoài này, chỉ còn toàn là những thứ sâu bọ lên làm người, xách dép cho tao còn chưa xứng, nói chi đòi đụng đến móng chân tao. Mày đừng nhắc đến chuyện này nữa.

- Làm gì dữ thế, rồi, rồi không nhắc nữa, tao chỉ đùa với mày thôi, đừng giận. À Uyên nè, mày tính chờ ông Yên hả? Biết ông ấy như thế nào mà chờ. Mày còn trẻ quá mà.

- Chắc là chờ thôi, nếu anh ấy còn sống, và ở tù như chồng mày thì bao lâu tao cũng chờ. Nhưng coi bộ sống đã khó quá tao chả dám mơ, tôi cười chua chát, mà trẻ hay già thì cuộc đời tao coi như đã yên phận. Có thằng bé con của tao là quá đủ rồi.

Tôi đã là vợ của Yên, dù là người vợ chưa bao giờ có đám cưới, chưa bao giờ được gia đình chồng thừa nhận. Nhưng yêu Yên thì ở một mình đâu có gì là khó, hơn nữa bên cạnh tôi còn có Vũ Hàn, cục kim cương quý giá nhất đời mà Yên đã để lại cho tôi, trước khi có tin anh mất tích tại mặt trận. Tôi vẫn luôn chờ, vì tôi tin rằng anh vẫn còn sống.

* * *

Bước vào trong nhà, tôi cảm thấy căn buồng tối nay im ắng, trông văng lạ thường. Thằng bé Vũ Hàn, con trai của tôi, chiều nay, đã đem qua gửi nhà bố mẹ của Điệp, nhờ hai bác trông dùm, vì ngày mai hai đứa tôi phải đi thăm chồng của nó đang bị tù ở Hàm Tân. Thiếu tiếng cười, tiếng nói líu lo của con, tôi nhớ nó vô cùng. Thằng bé là báu vật của tôi, là nguồn sống của tôi, là tình yêu của tôi, vì được kết tinh từ cuộc tình mang tên hai đứa. Nhớ đến con, tôi lại nhớ đến anh rồi. Hôm nay ngủ một mình nên cái cảm giác cô đơn, lạnh lẽo trong chiếc

giường rộng mênh mông thật đáng sợ. Mặc dù, sáng mai phải dậy sớm để cùng với Điệp đi thăm chồng nó, nhưng tôi biết đêm nay tôi không thể nào ngủ được. Hình bóng Yên lại chập chờn trong trí. Yên ơi, bây giờ anh đang ở đâu, sống chết ra sao, cho dù thế nào, em cũng không bao giờ quên được anh, Yên ạ. Tôi thở dài và dĩ vãng như một khúc phim buồn về một mối tình dở dang, đang chầm chậm quay lại trong tôi.

Tôi quen anh như một định mệnh. Đó là một ngày vào mùa Hè, sau khi đã có nửa tháng vui chơi thỏa thích cùng với Điệp ở Mỹ Tho, quê ngoại của nó, chuyến xe đò buổi chiều mang tôi trở về Saigon, trở về nơi căn nhà nho nhỏ của tôi. Ngồi thoải mái ở một góc xe, vừa ngắm phong cảnh chạy hai bên đường, vừa miên man nghĩ tới những việc phải làm khi về tới nhà, bỗng tôi thấy chiếc xe chạy chậm hẳn lại, động cơ hục hặc vài tiếng rồi ngừng. Mọi người trên xe còn đang ngơ ngác, chưa hiểu chuyện gì thì nghe gã tài xế chửi thề:

- Con mẹ nó, lại hư nữa rồi. Chửi xong hắn quay ra phía sau nói to: “Xe bị pan rồi bà con ơi, xuống đón xe khác đi.”

Nghe vậy mọi người xôn xao, kẻ la lối, người càu nhàu. Sự ồn ào, phẫn nộ của đám hành khách không làm gã tài xế và lơ xe lo lắng. Gã lơ xe lớn tiếng:

- Xe hư rồi làm sao được.Tụi tôi sẽ trả lại bà con nửa số tiền, rồi bà con lo mà đón xe khác đi, nếu không thì tối nay ở lại đây luôn đó.

Mọi người vừa lục đục xuống xe vừa nhao nhao lên phản đối:

- Ăn gì mà ăn dữ dzậy, chạy mới có chút xíu mà lấy tới nửa tiền sao mấy cha?

Phản đối thì phản đối, mọi người vẫn cứ phải nhận lại một nửa số tiền cho xong, để còn lo bắt xe khác mà về.

Một vài chiếc xe đò ngừng lại. Mọi người chen lấn, xô đẩy nhau để lên. Dù cố gắng, nhưng tôi cũng không thể nào tranh

chỗ được với những thanh niên, hay những người khỏe mạnh khác nên đành rớt lại. Cuối cùng chỉ còn tôi, ba bà già và một đứa nhỏ. Chúng tôi đều lo lắng vì lúc đó trời đã bắt đầu tối, không biết còn có xe nữa mà về không, thì chợt một chiếc xe nhà ngừng ngay chỗ chúng tôi:

- Có ai về Saigon không, tôi cho quá giang?

Bác tài xuống xe vẫy chúng tôi, mừng quá mấy người chạy lại. Bác mở cửa cho mọi người lên, nhưng chiếc xe chỉ còn đủ chỗ cho ba bà già và đứa nhỏ, và như vậy sẽ chỉ còn mình tôi chơ vơ ở nơi vắng vẻ, đồng không mông quạnh này, sợ quá tôi bật khóc. Vừa lúc ấy, tôi nghe có tiếng nói của một thanh niên trong xe vọng ra:

- Bác Tươi, nói cô ấy lên phía trên ngồi đi, chật một chút còn hơn.

Nghe thấy vậy tôi mừng quá, gạt nước mắt, hấp tấp nói:

- Dạ chật cũng không sao, con ngồi được mà bác.

Nhưng khi cánh cửa xe phía trên mở ra thì tôi bỗng khựng lại, chỗ ghế đã có người ngồi, lại là một thanh niên. Tôi còn đang ngần ngại thì anh chàng lên tiếng:

- Sao còn chưa lên, không lẽ bắt tôi phải xuống bồng cô lên hay sao?

Nếu không phải trong hoàn cảnh ngặt nghèo này, thì với cái giọng mất lịch sự ấy, chắc sẽ phải nghe tôi trả treo cho bẽ mặt, nhưng bây giờ, tôi đành ngậm đắng nuốt cay mà leo lên ngồi chung với hắn, nếu không muốn bị bỏ lại nơi này. Quả đúng là quá chật, tôi thấy hắn cố gắng nhích vào để nhường thêm chỗ cho tôi, nhưng cái cabin quá nhỏ, dù hắn đã gác tay lên thành ghế để mong chỗ sẽ rộng hơn, mà làm thế nào thì tôi ngồi cũng gần như trong lòng gã. Ôm chặt túi hành lý vào ngực, tôi ngồi im không dám cục cựa. Xe chạy được một khoảng đường, chắc thấy không khí có vẻ ngột ngạt, hắn lên tiếng:

- Cứ ngồi thoải mái đi, đừng cứng ngắc như vậy, tôi không

làm gì cô đâu mà sợ.

"Sợ anh, sao tôi phải sợ, anh làm gì được tôi lúc này" tôi nghĩ thầm nhưng vẫn im lặng.Thấy tôi không nói gì, một lúc hắn lại hỏi:

- Ở Saigon, nhà cô ở đường nào?

- Có cần thiết phải trả lời câu hỏi nàykhông?

Nói mà không quay đầu lại, tôi nghe hắn cười nhẹ:

- Cần chứ, vì lát nữa bác Tư sẽ chở cô về tận nhà.

- Cám ơn, bác Tư không cần phải làm thế, tới Saigon anh cho tôi xuống là được rồi.

- Đâu được, cô là con gái đi đêm nguy hiểm lắm.

Tôi định nói: "Kệ tôi, mắc mớ gì tới anh." Nhưng trong lòng chợt gợn lên một niềm vui nho nhỏ, vì có người quan tâm đến mình, nên tôi lại lặng thinh. Thấy tôi có vẻ phớt lờ, hắn lấy bàn tay choàng trên thành ghế, đụng nhẹ vào vai tôi:

- Nói địa chỉ đi chứ.

Tôi vẫn im lặng, hơi lắc nhẹ vai tỏ vẻ không bằng lòng. Hắn khều mạnh hơn:

- Sao khinh người thế, tôi không đáng nói chuyện với cô à?

Bị khều đau, nổi cáu, tôi hầm hầm quay lại, trợn mắt nhìn hắn, quên mất là khoảng cách giữa hai người ở một khoảng cách quá nhỏ, vì thế khuôn mặt của tôi gần như sát vào mặt hắn. Ngượng quá, tôi đỏ mặt quay nhanh đi, đã vậy vừa rồi vì cử động nên tôi lại càng bị đẩy gần hơn, chân tôi đụng vào chân hắn và như có một luồng điện chạy qua người, tôi rùng mình, cố gắng lùi ra xa nhưng đành bất lực, không còn xoay đâu được nữa, phải ngồi chịu trận thôi. Hơi thở nhè nhẹ của hắn phả lên tóc, âm ấm sau gáy, tôi cảm thấy trái tim mình đập sai một nhịp thì phải. Không lẽ vì ánh mắt đa tình pha chút tinh quái, và nụ cười ấm áp đầy thiện cảm của hắn, vừa được ghi nhanh trong trí mà lòng tôi đã bị xao xuyến hay sao? Tim

tôi lại đập nhanh hơn và mặt lại nóng bừng lên. Có lẽ nhận ra sự xấu hổ và bối rối của tôi, hắn cố tình trêu thêm bằng cách kề sát vào đầu tôi thì thầm:

- Thấy rõ mặt tôi rồi chứ, đẹp trai không, Trần Nhã Uyên?

Lần này thì hắn thật sự làm tôi ngạc nhiên, không kịp suy nghĩ, tôi quay phắt lại nên đầu tôi đụng ngay vào mặt hắn. "Á" tiếng kêu của hắn làm tôi giật mình. Xấu hổ, mặt tôi đỏ lên, lí nhí nói lời xin lỗi nhưng vẫn không quên câu hỏi: "Làm sao anh biết được tên tôi?" Không trả lời hắn vừa xoa chỗ đau, vừa chỉ vào cái túi tôi đang ôm trước ngực. Cúi nhìn theo ngón tay chỉ, ngay trước mắt, cái tên của tôi viết bằng mực đỏ nổi bật trên nền túi kaki trắng. Phản ứng theo phản xạ, tôi kéo cánh tay lên che hàng chữ. Hắn lại cười, vẫn nụ cười ấm áp đó, vẫn ánh mắt tinh quái đó:

- Che gì nữa mà che, tôi thuộc lòng cái tên dễ thương này rồi. Trần Nhã Uyên, tên đẹp giống như người vậy. Nhưng tên thì đẹp mà người sao khó quá. À mà cô chưa trả lời tôi, thấy tôi ra sao? Đẹp trai không?

- Không. Tôi cong môi lên đáp.

- Ái chà, ác thiệt, tàn nhẫn thiệt. Hắn quay sang bác tài. Bác Tư bác thấy tôi có đẹp trai không?

Bác Tư cười:

- Cậu Hai là nhất rồi.

- Thấy chưa, ai cũng nhìn ra tôi là đẹp trai chỉ có cô là không. Thì ra con mắt thẩm mỹ của cô kém quá.

- Chưa chắc, tôi cong cớn, mỗi người có một quan niệm về cái đẹp khác nhau. Tại tôi không thích nên không thấy đẹp.

- Không thích tôi hay không thích cái mặt tôi?

- Cả hai, tôi tỉnh bơ đáp.

- Thì ra dù mình có đẹp trai thế mấy, tốt bụng thế mấy, làm phước thế mấy cũng không được người ta thích. Ôi buồn biết

bao nhiêu!

Miệng nói buồn, nhưng nụ cười của hắn vẫn không tắt trên môi. Hắn chợt ghé sát tai tôi thì thầm:

- Khổ nỗi tôi lại thích cô rồi đấy, hãy cho Đoàn Vũ Yên này một cơ hội. Mình làm bạn nhe Nhã Uyên?

Tôi nghe bối rối, hình như có một cọng cỏ non đang bén rễ trong tim. Tôi quay lại nhìn Yên không nói mà chỉ mỉm cười, và cũng hình như đây là lần đầu tiên, tôi cười với hắn.

Có phải chăng vì chuyến xe hỏng máy, mà định mệnh đã nối kết đời tôi và Yên,



Quen nhau được vài tháng, Yên đưa tôi về nhà giới thiệu với mẹ mình. Lúc đầu bà còn niềm nở tiếp tôi, nhưng sau khi biết tôi chỉ là con bé mồ côi, tự nuôi sống mình bằng cách vừa đi học, vừa đi dạy thêm tại tư gia, thì thái độ bà thay đổi hẳn, vẻ lạnh nhạt, khinh thường thấy rõ. Tôi hiểu là mình không nên đến đây thì hơn. Sau lần đó, mỗi khi Yên muốn tôi đến nhà anh, tôi đều tìm đủ mọi lý do để thoái thác, đến nỗi có lần Yên nổi nóng với tôi:

- Đưa em về nhà thăm mẹ anh có gì là khó khăn lắm đâu, mà hết lần này đến lần khác em từ chối, gia đình tôi không xứng đáng tiếp em sao? Hay em đã có tình yêu khác, nên không muốn tiếp tục với tôi nữa?

- Không, không phải vậy đâu. Tôi nói với anh trong dòng nước mắt chảy dài. Đừng nói như vậy với em, anh biết là em yêu anh nhiều như thế nào mà, nhưng em không thể đến nhà anh bây giờ. Anh cho em một thời gian đi, nhe Yên.

Yên không nói gì cả, bỏ về với khuôn mặt hầm hầm, giận dữ. Tuy vậy mấy hôm sau anh vẫn trở lại tìm tôi. Lần này,

tuyệt nhiên không đá động gì đến chuyện đưa tôi về thăm mẹ anh nữa.

Cuộc tình của chúng tôi, vẫn cứ êm đềm trôi đi theo ngày tháng. Vẫn có những nụ hôn ngọt ngào, vẫn những lời tình tứ nồng say, vẫn những giận hờn nũng nịu, nhưng trong cái vòng hào quang của tình yêu đầy mật ngọt ấy, sao tôi vẫn cảm thấy có gì bất ổn trong lòng. Để tự trấn an mình, ngoài những giờ phút bên Yên, tôi miệt mài học, hy vọng khi có bằng cấp trong tay, cuộc đời sẽ đổi khác và mẹ của Yên sẽ có cái nhìn thay đổi về tôi. Nhưng đời không như là mơ, một giấc mơ ngọt ngào mà với tôi đó là một cơn ác mộng.

Một hôm, có người con gái ăn mặc diêm dúa, kênh kiệu, từ trên xe hơi bước xuống, chặn đường tôi ngay trước cửa nhà:

- Cô là Nhã Uyên phải không? Tôi là vợ tương lai của anh Yên đây. Chúng tôi sắp làm đám cưới, cô đừng nên theo đuổi chồng tôi nữa. Người như cô, chỉ là cô giáo dạy kèm, lương ba cọc ba đồng, không xứng đáng là vợ của anh ấy. Gia đình anh Yên không bao giờ để cô bước chân vào làm dâu nhà này. Đừng mơ tưởng viển vông nữa.

Nói xong không để tôi kịp phản ứng, cô bỏ lên xe và trong một thoáng nhìn theo, tôi đã thấy mẹ của Yên ngồi trong đó.

Người vợ chưa cưới của Yên đã khinh miệt và sỉ nhục tôi với sự đồng tình của mẹ anh. Đau đớn và cay đắng vì những lời khắc nghiệt ấy, tôi muốn bật khóc. Từ đấy tôi tránh không gặp lại Yên nữa, cho dù đã bao lần anh đến tìm tôi. Anh giải thích, rồi trách móc, rồi giận hờn, anh cũng không làm tôi xiêu lòng. Tôi chua chát bảo anh:

- Em không trách mẹ anh đâu, vì người mẹ nào cũng muốn dành những gì tốt đẹp nhất cho con mình, thế nên em xin anh đừng nói gì nữa Yên à. Có lẽ duyên nợ hai đứa mình chỉ tới đây là hết. Dù có yêu Yên tới mấy, em cũng không có can đảm tiếp tục đâu. Rồi em cũng sẽ phải quên anh thôi. Trái tim em mỏng manh lắm, dễ vỡ lắm, không thể chịu thêm một lần tổn

thương nào nữa.Chúng mình hãy dừng ở đây đi.

Biết không lay chuyển nổi tôi, anh bỏ đi. Trước khi đi anh chỉ nói với tôi một câu duy nhất:

- Nhã Uyên, sự suy nghĩ của mẹ anh là của mẹ anh, chuyện anh yêu em là chuyện của anh. Định mệnh đã đưa đẩy cho chúng ta gặp nhau và yêu nhau, anh không tin cuộc tình chúng mình lại ngắn ngủi trong vài tháng như thế này. Dù rằng em nói em sẽ quên anh, nhưng quên không có nghĩa là không còn nhớ Uyên ạ, em cũng sẽ vẫn nhớ anh thôi. Anh không chịu thua dễ dàng như thế này đâu, anh hứa với em, anh sẽ tìm lại em, dù mất bao nhiêu thời gian đi nữa, anh cũng sẽ tìm lại em, nhất định sẽ tìm lại em, tìm lại tình yêu của chúng mình.

Rồi từ đó anh biệt tăm, không một lá thư thăm hỏi, không một lần quay trở về. Và như vậy, tôi đã thật sự xa anh.

Những ngày tháng đầu, không quen với ý nghĩ tình yêu mình bị đổ vỡ, tôi đau khổ, tôi mất hết nghị lực, mất hết ý chí, tôi buông xuôi tất cả vì nhớ anh, nhớ quay quắt, nhớ vô cùng, nhớ đến điên cuồng. Người tôi gầy rộc hẳn đi với những đêm mất ngủ triền miên, với những ngày lang thang, lạc lõng trên phố, giữa dòng người đông đúc, để đi tìm lại một bóng hình quen thuộc, dấu yêu, dù biết là vô vọng.

Tôi muốn tìm lại những kỷ niệm xưa? Không, không hẳn vậy, cái tôi muốn tìm chỉ chính là Yên của tôi thôi. Tôi thèm được nghe những lời ngọt ngào của anh, thèm được nhìn thấy anh cười, thèm được ấp bàn tay mình trong bàn tay ấm áp của anh, và nhất là tôi thèm những nụ hôn ngọt ngào, từ bờ môi nồng nàn, cháy bỏng của anh. Tôi nhớ lắm, nhớ tất cả những gì thuộc về anh, nhớ đến rã rời. Trong tim tôi bây giờ chỉ có hình ảnh của Yên và nước mắt. Yên ơi!

Điệp không thấy tôi tới trường, nó đi kiếm và đã hết hồn khi trông thấy tôi xác xơ, hốc hác:

- Uyên ơi, mày làm sao mà ra đến nông nỗi này?Cơ khổ! Tao đã nghĩ mày khó bước chân vào gia đình đó lắm, nhưng

cũng không ngờ chuyện lại xảy ra sớm đến như thế. Thôi ráng mà quên đi Uyên à, dù tao biết sẽ rất khó cho mày…

- Quên, mà quên làm sao được hả Điệp. Mày đâu có phải là tao, mày đâu có yêu anh ấy.Tao yêu anh ấy lắm, tao nhớ anh ấy lắm, mày biết không. Sao ông trời lại nỡ bắt tao phải rời xa anh ấy hả Điệp. Định mệnh xui khiến chúng tao yêu nhau, sao giờ lại tàn nhẫn chia cách tụi tao. Tao phải làm sao đây Điệp, phải làm sao bây giờ Điệp ơi?

Tôi gục xuống khóc trong lòng Điệp, giọng Điệp cũng nghẹn ngào đầy nước mắt, nó ôm lấy tôi vỗ về:

- Làm sao hả? Phải quên đi thôi, phải tự mình đứng lên lại, không thể chỉ cứ ngồi đây mà kêu gào khóc lóc. Không ai giúp được mày đâu kể cả tao. Mày phải chứng tỏ cho họ thấy, mày không phải là một con bé nghèo hèn, một con bé chỉ biết kiếm được vài ngàn tiền kèm trẻ tư gia, sống ở đáy tận cùng của nấc thang xã hội đâu. Mày cũng sẽ là một người cao sang, như con dâu bà ấy. Với kiến thức, với tài năng của mày, mày sẽ không thua kém ai cả. Muốn được vậy, thì phải biết bỏ lại sau lưng những gì không thuộc về mày, hay chưa thuộc về mày, hiểu chưa? Hãy đứng lên, mạnh mẽ đứng lên, tao chỉ có thể giúp mày được như thế thôi.

Thế rồi Điệp luôn ở bên tôi, an ủi, khuyên lơn, lo lắng, và khuyến khích. Điệp đã kéo tôi ra khỏi hố sâu tuyệt vọng, bằng một tình bạn vô bờ. Và nhất là Điệp đã giúp tôi hiểu ra một điều là tôi không thể để cho mình bị chà đạp, dù người đó là ai.

Nỗi đau mất anh của tôi chưa dừng ở đó.Chưa đầy một tháng, mẹ anh lại đến tìm tôi ở trường, bà hăn học trút xuống đầu tôi, tất cả những tội lỗi tày trời:

- Vì cô, đúng là vì cô mà con tôi rũ bỏ cái tương lai huy hoàng của nó, vì cô mà nó trở thành đứa bất hiếu, bỏ lại cha già, mẹ yếu để đi lính. Cô đã xúi bẩy nó những gì, để nó phải lao thân vào chốn lửa đạn trùng trùng cơ chứ. Cô phải đi tìm nó về đây cho tôi, đi đi…

- Nhưng cháu có gặp anh ấy đâu mà xúi biểu gì cơ ạ. Với lại cháu có biết anh ấy ở đâu mà tìm?

- Không xúi sao nó bỏ lên Đà Lạt tình nguyện đi lính. Cô phải đi tìm nó về đây trả cho tôi.

Đến nước này, dù bà có là mẹ của người tôi yêu tha thiết, thì tôi cũng không thể nhịn nổi sự vu cáo vô căn cứ, cũng như sự áp đặt vô lý của bà lên mình tôi, tôi đã thề rồi, đừng ai mong mà chà đạp lên nhân phẩm của tôi nữa, tôi nhẹ nhàng nhưng cương quyết:

- Thưa bác, anh Yên, con trai bác đã lớn rồi, anh ấy có quyền tự quyết định làm những gì anh ấy cho là đúng. Anh ấy không phải là trẻ con mà nghe lời ai xúi bẩy. Chuyện anh ấy đi lính không mắc mớ gì tới cháu. Hơn nữa chính bác là người không muốn cháu theo anh ấy, nên cháu đã cắt đứt liên lạc với anh ấy từ lâu rồi. Giữa cháu và anh ấy không còn dính dáng gì nhau nữa. Cháu mong bác, từ nay đừng tới tìm cháu, bắt cháu phải gánh những điều cháu không biết và không làm. Còn chuyện đi tìm anh ấy, xin bác thứ lỗi, cháu không làm được.

Nói xong, tôi bỏ đi, mặc bà đứng đó với cơn giận dữ của mình.

Chúng tôi xa nhau đã hơn ba năm rồi, không một tin tức gì về anh, ngoại trừ cái tin anh tình nguyện đi lính ở ĐàLạt, thế thôi.

Còn tôi, sau lần gục ngã vì tình yêu ấy, tâm hồn tôi trở nên chai sạn hơn, chính chắn hơn, lý trí hơn, không còn là con bé Uyên chân thành, nông nổi và yếu đuối như ngày trước nữa. Giờ thì chung quanh tôi cũng có những ánh mắt, những nụ cười như muốn gửi gắm tâm tình, như muốn chia sẻ tình cảm với tôi, nhưng sao tôi thấy lòng mình trống rỗng lạ thường. Đôi khi nó như một tảng băng, lạnh buốt, dủng dung đến dễ ghét.

Tôi có muốn như thế đâu, tôi cũng muốn được yêu như những người con gái khác quanh mình. Thế nhưng không hiểu

sao trái tim mỏng manh, mềm yếu của tôi lại không thể rung lên một nhịp nào, không thể mở rộng để đón nhận them một hình ảnh nào. Phải chăng trong tận cùng, nơi sâu thẳm của trái tim tôi, đã tràn đầy hình bóng của một người, một người mà mỗi khi nhớ đến, lòng tôi lại thổn thức và trái tim lại nhói đau. Người đó là Yên, Đoàn Vũ Yên của tôi. Bây giờ anh ở đâu? Anh có còn nhớ đến lời hứa ngày nào là anh sẽ đi tìm lại em, đi tìm lại tình yêu của chúng mình không? Mà sao bây giờ anh vẫn chưa về tìm em như anh đã hứa, hả Yên? Gần bốn năm rồi còn gì?

Bài hát ngày xưa tôi thích nghêu ngao hát, không phải vì tôi bị thất tình mà vì âm điệu của nó quyến rũ, không lẽ lại vận vào đời tôi hay sao?

...Một vầng trăng vỡ đã thôi không theo nhau
Cuộc tình đã lỡ với bao nhiêu thương đau
Hết rồi thôi đã không còn gì thật rồi
Chỉ còn hiu hắt cơn sầu không nguôi.
Con đường mình đi sao chông gai
Bước vào đời nhau bao lâu nay
Anh ơi, anh ơi sao đắng cay
Thôi đành vùi sâu tâm tư thôi

Hết rồi còn chi đâu anh ơi,
Hết rồi còn chi đâu anh ơi....

Saigon có những cơn mưa dai dẳng không dứt. Cũng như mọi lần, tôi luôn luôn quên mang áo mưa, đành đứng chờ trong hành lang của sở. Một cánh chim lẻ loi, cô đơn vừa vụt bay qua trước mặt. Tự dưng tôi nghĩ đên thân phận mình, cũng lẻ loi cũng cô đơn trong cơn mưa như nó, và tôi lại nghĩ về Yên. Phải chi cuộc tình chúng tôi không trắc trở thì có lẽ giờ đây tôi đã có Yên ở bên cạnh, đã có nụ hôn ngọt ngào, đã có vòng tay nồng ấm của anh và tôi không phải bơ vơ một mình như thế này. Một chút mằn mặn trên bờ môi, nước mưa của trời hay nước mắt của người? Yên ơi, anh ở đâu?

Trong màn nước mắt nhạt nhòa, bóng một người lính soải bước trên hành lang trống vắng, hướng về phía tôi. Mới đầu tôi không chú ý đến người này, bất chợt tôi nhận ra sao dáng đi của anh ta giống thế, giống lắm một người mà tôi đang nghĩ đến. Còn đang hoang mang thì người ấy đã đến bên tôi. Ánh mắt này, nụ cười này, tôi có mơ hay không? Không tin ở thị giác của mình, tôi đưa tay lên dụi mắt, nhưng không ánh mắt vẫn còn đó, nụ cười vẫn còn kia, và giọng nói: "Không nhớ anh sao, Nhã Uyên?" thì không thể là mơ được. Cả người tôi đông cứng lại, tôi trân trối nhìn anh như nhìn một vật thể lạ lùng. Đột nhiên nước mắt tôi trào ra, cả người như mất hết sức lực, đôi chân khụy xuống, đưa hai tay ôm mặt, tôi khóc như chưa bao giờ được khóc, cho đến khi một vòng tay ấm áp choàng ôm lấy tôi, dìu tôi đứng lên:

- Uyên ơi, anh xin lỗi. Anh yêu em, nín đi em, đừng khóc nữa.

Vòng tay anh như xiết chặt thêm, anh thì thầm trên tóc tôi:

- Chắc em còn giận anh lắm phải không ? Anh có lỗi đã không về tìm em sớm hơn. Uyên ơi, anh xin lỗi, đừng giận anh nữa. Anh yêu em. Tha lỗi cho anh nghe Uyên.

Áp mặt trong lồng ngực của anh, tiếng khóc tắt dần chỉ còn những tiếng nấc nho nhỏ: "Em nhớ anh". Rồi vòng tay ôm chặt lấy người anh như sợ anh lại biến mất một lần nữa.

Yên đã trở về tìm tôi như lời anh đã hứa. Niềm hạnh phúc trong tôi dâng trào. Anh đã về bên tôi, anh sẽ cho tôi những ngày yêu đương thật đắm say, thật nồng cháy, phải không Yên?

Bên ngoài mưa đã tạnh hẳn, mặt trời đang từ từ ló ra khỏi những đám mây và chiếu những tia nắng lung linh xuống thành phố.

* * *

- Anh đưa em đi đâu đây?

- Bí mật, anh cười, thế có muốn theo anh không?

Tôi tình tứ:

- Anh đưa em đi đâu em cũng theo hết, miễn là anh đừng đem em bán cho ba tàu làm nhân bánh bao là được rồi.

- Bán nó không ai mua đâu, em già rồi thịt dai nhách.

Nói xong anh cười ha hả. Tức quá, ngồi đàng sau lưng anh, tôi nhéo vào ba sườn:

- Anh dám chê em hả?

- Á, đau, té bây giờ. Rồi, thịt em thơm như múi mít.

Xoa xoa chỗ vừa nhéo anh, tôi áp mặt vào lưng anh cười:

- Có thế chứ.

Ôm anh chặt hơn, tôi thấy hạnh phúc tràn đầy trong tim.

Và chúng tôi đến nhà thờ. Hôm nay nhà thờ vắng vẻ không có ai, anh dắt tay tôi đến quỳ trước tượng Chúa, cúi đầu, run run anh khấn nhỏ:

- Lạy Chúa, chúng con là người ngoại đạo, con đã yêu người con gái này. Hôm nay chúng con đến đây xin Chúa chứng dám cho tình yêu của chúng con. Con là Đoàn Vũ Yên xin cưới Trần Nhã Uyên làm vợ, cúi xin Chúa ban phước lành xuống cho chúng con. Amen.

* * *

Rồi trước tượng Chúa, chúng tôi lồng vào ngón tay nhau những chiếc nhẫn xinh xinh, nhỏ nhắn. Dù không có một đám cưới rình rang, không một lời chúc tụng ồn ào, nhưng anh đã cho tôi một niềm hạnh phúc tột cùng. Tôi kiễng chân lên hôn anh trong làn nước mắt ràn rụa. Từ nay tôi đã là vợ của anh rồi.

Anh là người lính, sau những ngày hạnh phúc bên nhau, anh lại phải trở về đơn vị. Và tôi bây giờ đã sống trong tâm trạng của Điệp, của những người vợ lính, nghĩa là đã có những ưu tư, những lo lắng cho người ở ngoài tuyến đầu lửa đạn, khi

tình hình chiến sự trên toàn quốc càng ngày càng sôi sục, trận chiến càng ngày càng khốc liệt hơn.

Cuộc tình chúng tôi kéo dài được hơn ba năm, đã nhiều lần anh dự định đưa tôi về để xin lỗi ba mẹ anh. Anh bảo:

- Nếu chúng ta có con thì chắc anh sẽ dễ ăn nói với mẹ anh hơn. Hay là mình chờ đến khi nào em mang thai thì anh sẽ đưa em về, được không? Ái chà, sao cô vợ tôi dở quá vậy, hay là tại anh không giỏi đây, anh cười, lại nụ cười tinh quái, làm lại nhe?

Tôi đỏ mặt:

- Anh này…

Hạnh phúc tưởng chừng như vô tận. Nhưng, một lần nữa, định mệnh lại nhúng tay vào cuộc đời của tôi, khi người bạn của anh mang đến cho tôi cái tin sét đánh: Trong một cuộc hành quân, anh đã bị mất tích.

Trước cái tin hãi hùng này, tôi đã chết lên, chết xuống. Hạnh phúc lại bỏ tôi mà đi, khi tôi đang háo hức chờ anh về để dành báo cho anh một sự ngạc nhiên thích thú: tôi đã có thai. Bây giờ anh đi rồi, lần này anh đi thật rồi, tôi phải sống làm sao đây với những ngày tháng không có anh. Yên ơi.

"Mất anh rồi, xa anh rồi, hoa đã tàn, nhụy đã phai, chiều hôm nay trời thanh vắng, em đi về, về với ai…"

Xót xa quá, Yên ơi!!

* * *

Mọi người đã về hết mà tôi thấy Điệp vân còn đứng đó, nhìn theo bóng chồng với khuôn mặt ràn rụa nước mắt. Tôi ôm nhẹ vai bạn khẽ nói:

- Về thôi Điệp, mình đi nhe.

Điệp lấy tay gạt những giọt nước mắt trên mặt, nương theo tay tôi bước đi, nhưng thỉnh thoảng vẫn quay nhìn lại đằng sau, dù cô biết chắc là Bạch không còn ở đó. Hai đứa tôi đi bên

nhau, không đứa nào nói một câu. Nắng chiều vẫn còn gay gắt trên đầu. Tôi chợt thở dài nghĩ: "Nếu Yên bị tù như Bạch thì chắc tôi cũng sẽ đau khổ như Điệp bây giờ."

Đột nhiên tôi thấy Điệp kéo giựt tay tôi lại, giọng hốt hoảng:

- Uyên, Uyên, nhìn coi, có ai ngồi gục ở đám buông kìa.

Nhìn theo hướng tay Điệp chỉ, tôi cũng giật mình, khi thấy một người đội cái nón, bên cạnh có chiếc giỏ cói, ngôi như ngủ ở gốc một cây buông. Tôi nói:

- Chắc là người đi thăm nuôi đây mà, nhưng sao lại ngồi ngủ ở đây vậy kià, mình lại coi coi.

- Thôi Điệp sợ lắm.

- Uyên thấy không sao đâu, mình có hai người mà sợ gì. Đi…

Kéo tay Điệp tới nơi, đó là một người đàn bà, đang ngồi bệt trên đất, vẻ rất mệt nhọc, hai tay ôm ngực. Thấy vậy tôi ngồi xuống bên cạnh:

- Bác ơi, bác làm sao vậy? Bác có cần tụi con giúp gì không?

- Cô ơi, tôi bị trúng gió, cô có dầu không cho tôi xin một chút.

Người đàn bà nói nhưng vẫn không ngửng đầu lên. Tôi nhanh nhẹn trả lời:

- Dạ có, bác để con bôi dầu giúp bác nhé.

Vừa nói tôi vừa lấy lọ dầu khuynh diệp ở trong túi áo ra, nâng mặt bà lên định bôi dầu lên thái dương, lên mũi cho bà dễ thở. Tôi chợt giật mình và ngừng tay lại. Khuôn mặt người đàn bà này với tôi không xa lạ gì. Bà chính là mẹ của Yên, người đã quyết liệt ngăn cản cuộc tình của hai đứa tôi. Sợ bà nhận ra mình, mặc dù chiếc nón và cái kính dâm đã đang che khuất một phần khuôn mặt của tôi, tôi bảo Điệp lúc đó cũng đang ngồi bên cạnh:

- Điệp bôi cho bác dùm mình, tay mình không được sạch.

Nói xong tôi đứng lên, lùi ra phía sau. Điệp hơi ngạc nhiên, nó nhìn tôi rồi nhìn người đàn bà. Hình như Điệp cũng đã nhận ra bà ấy, nó gật nhẹ đầu với tôi và cầm lấy chai dầu.

Lúc này với tâm trạng thật hoang mang, tôi tự hỏi có nên cho bà biết mình là ai không. Nếu bà biết, thái độ của bà sẽ ra sao. Bà có còn giận dữ, la mắng tôi như bà đã từng làm không. Đầu óc tôi còn đang rối bời, chưa biết xử trí ra sao thì Điệp đã gở rối cho tôi:

- Để mình đỡ bác đi cho, bồ cầm dùm cái giỏ của bác và của mình nhé.

Nói rồi Điệp đưa bà đi trước còn tôi lẽo đẽo theo sau. Tôi nghe bà nói:

- Cám ơn hai cô nhé, đã giúp cho bà già này, nếu không có sự tốt bụng của hai cô chắc tôi chết ở đây quá, thật không biết làm sao để cám ơn các cô đây.

- Không có chi đâu bác, mình cùng hoàn cảnh mà, bác đừng áy náy làm gì. Thôi để con dìu bác ra bến xe, mình nên đi nhanh không trễ, hết xe về Saigon thì phiền đó.

Dọc đường qua câu chuyện nghe được giữa bà và Điệp, tim tôi như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Thì ra người bà đi thăm nuôi chính là Yên. Như vậy là Yên vẫn còn sống. Niềm vui làm nước mắt tôi ứa ra, tôi cắn chặt bờ môi lại để khỏi bật thành tiếng khóc. Tôi vui lắm nhưng sao nước mắt lại chảy dài. Phía trước Điệp và mẹ Yên vẫn cứ vô tình tiếp tục câu chuyện của mình.

Tới quán đầu đường chờ xe đến, tôi lấy cớ rửa tay kéo Điệp ra sau, nhìn thấy mắt tôi đỏ hoe, nó thì thầm:

- Mày đã nghe hết?

- Ừ.

- Mày tính sao? Có nhận bà không?

- Sẽ nhận nhưng chưa phải bây giờ. Mày đừng nói gì về tao

cả nghe. để về tới Saigon hãy hay. Lát nữa mày ra đưa bà lên xe trước. Tao không muốn bà nhận ra tao bây giờ đâu. Mày đi đi, xe tới rồi kìa.

* * *

Sau khi dìu mẹ Yên vào quán ăn gần bến xe, Điệp xin phép về trước, bây giờ chỉ còn tôi và bà đối diện nhau.Trong khi chờ đợi đồ ăn đưa ra, tôi rụt rè khẽ hỏi bà:

- Bác có nhận ra con không?

Bà nheo mắt nhìn tôi:

- Nghe giọng nói thấy quen quen, nhưng tha lỗi cho bác, bây giờ già rồi, mắt lại kém nên không nhìn rõ. Cháu là ai vậy?

Nắm tay bà, tôi nghẹn ngào:

- Con là Uyên đây, bác không nhớ con cũng phải vì đã hơn mười năm rồi còn gì. Bây giờ bác ở đâu, nhiều lần con có đi qua nhà nhưng không gặp được hai bác.

Mẹ Yên ngồi bất động, bà trân trối nhìn tôi một lúc rồi chậm rãi trả lời:

- Con khác lúc xưa quá, trông chín chắn hơn nhiều nên bác nhận không ra. Bác bây giờ không còn ở chỗ cũ nữa, sau ngày bác trai mất, bác bán căn nhà đi dọn về Thủ Đức ở với đứa cháu gái. Còn con thế nào, có mấy cháu rồi, chồng làm gì ở đâu. Gặp nhau ở đây rồi, hôm nào rảnh xuống bác chơi.

Không trả lời câu hỏi của bác, tôi nhìn bác khẩn khoản:

- Bác ơi, hay là tối nay bác đừng về Thủ Đức vội. Ăn xong bác và con đi đón bé Vũ Hàn, con trai con đang gửi ở nhà bô mẹ của Điệp, nhe bác. Con nghĩ bác thấy thằng bé sẽ thích cháu liền đó.

Đúng như tôi đã nghĩ, vừa trong thấy Vũ Hàn, mẹ Yên ngẩn người ra nhìn, bà lẩm bẩm:

- Sao mà giống thế!

Bà quay sang nhìn tôi, tôi mỉm cười và vờ như không biết ánh mắt ngạc nhiên dò hỏi của bà, cúi xuống vuốt tóc con, tôi nói:

- Con chào ông bà ngoại đi rồi mình về.

- Thằng bé ngoan ngoãn khoanh tay cúi chào ba má Điệp.

Trên đường về bà lặng lẽ không nói câu nào, mặc hai mẹ con tôi ríu rít bên nhau. Sau khi chờ cho thằng bé ngủ say, mẹ Yên kéo tôi ra phòng khách, ngồi xuống ghế, mặt bà nghiêm nghị:

- Con phải nói cho bác biết, Vũ Hàn có phải là con của thằng Yên không?

Nhìn thấy nét mặt căng thẳng và ánh mắt đợi chờ của bà, tim tôi chợt nhói lên, bất giác tôi quỳ sụp xuống, gục đầu trên gối bà, run run nói trong dòng nước mắt:

- Bác ơi, tha lỗi cho con. Đã nhiều lần con đưa cháu về tìm ông bà nội nhưng hai bác không còn ở chỗ cũ nữa. Con những tưởng rằng trên cuộc đời này chỉ còn hai mẹ con con sống âm thầm với nhau mà thôi….

Và rồi tôi kể cho bà nghe hết từ ngày Yên trở lại tìm tôi, bằng cách nào tôi trở thành vợ của Yên và ngày tôi biết mình có thai bé Vũ Hàn cũng là ngày tôi được tin anh mất tích trên chiến trường. Mẹ Yên ngồi bất động nghe tôi nức nở kể lể. Một giọt nước rơi xuống tay tôi, ngửng đầu lên, tôi thấy nước mắt đã đầm đìa trên khuôn mặt bà. Bà ôm lấy đầu tôi giọng nghẹn ngào:

- Ôi con dâu của mẹ, lỗi tại mẹ tất cả, nếu ngày ấy mẹ không mờ mắt vì sự xa hoa mà Hồng Thắm mang đến cho mẹ, thì mẹ đã không bỏ đi một tấm chân tình của con đối với Vũ Yên. Thấy Yên đi lính để phản đối sự lựa chọn vợ cho nó của mẹ, cô ta đã bỏ đi lấy người giàu sang hơn. Như thế lại là may, Hồng Thắm không phải là kẻ chịu yên phận, để đến khi lấy nhau rồi, cô ta bỏ đi chẳng phải là bất hạnh cho Yên hay sao.

Uyên ơi, mẹ thật có lỗi với con, với thằng Yên, con đừng giận mẹ nữa. Đã có lần Yên nó nói xa gần với mẹ là nó có yêu một cô và sẽ cưới cô đó làm vợ. Nhưng chờ mãi không thấy nó đưa cô ấy về, ba mẹ tưởng nó chỉ bồ bịch qua loa, nên không thúc giục nó. Có ngờ đâu người đó lại là con. Lần này gặp lại nhau, mẹ chúc cho hai con sẽ mãi mãi bên nhau hạnh phúc. Hãy để cho mẹ được nhận thằng bé Vũ Hàn về cho có bà, có cháu nghe con. Kỳ thăm nuôi tới mẹ mong con sẽ dắt bé Hàn đi cùng mẹ thăm Yên. Chắc Yên nó sẽ vui lắm khi gặp lại được vợ con của nó. Con không từ chối chứ?



Được gặp lại anh, đó là ước mơ thầm kín nhất, tha thiết nhất mà tôi hằng ấp ủ trong tim, làm sao tôi có thể từ chối.

Sau đó bà kể với tôi khoảng thời gian Yên mất tích đến ngày hôm nay. Khi nhận được hung tin về Yên, ba anh buồn, trở bệnh rồi mất. Hơn một năm sau ngày 30 tháng tư ,bà nhận được giấy đi thăm nuôi anh ở ngoài Bắc. Hóa ra Yên bị bắt làm tù binh chứ không chết. Và bây giờ anh đã được chuyển vào Nam gần một năm rồi, bà vẫn đi thăm anh đều đều.

Đêm nay, trong căn nhà nhỏ bé của tôi đã tràn đầy sự ấm cúng của một gia đình đoàn tụ. Chiếc giường của tôi không còn rộng mênh mông, lạnh lẽo và đáng sợ nữa. Tôi hy vọng đêm nay sẽ là đêm đầu tiên, kể từ ngày tin anh bị mất tích. Tôi sẽ có một giấc ngủ yên bình, không mộng mị, và nếu có, thì đó là một giấc mộng đẹp chứa chan hạnh phúc, trong đó có mẹ, có anh, có tôi và có con.

Phải chăng là định mệnh đã không còn nghiệt ngã với tôi nữa, đã run rủi cho tôi theo Điệp đi thăm nuôi, để biết được anh vẫn còn đó, tình yêu của tôi vẫn còn đó và với sự chúc phúc của mẹ chồng tôi, hạnh phúc của chúng tôi sẽ mãi mãi được vĩnh cửu. Yên ơi, chờ em nhé anh, em và con sẽ đến thăm anh, sẽ đợi chờ anh đến ngày anh được trả tự do, còn

bây giờ, mẹ con em đang nhớ anh vô cùng và cũng yêu anh vô cùng, Yên ạ.

Tucson – AZ - 2016



Khúc Thăng Trầm

Nguyễn Cư, K29

Đời trôi lắm ngả vạn thăng trầm
Chốc bỗng phai tàn chẳng vọng âm
Kẻ hút đường mây mờ biệt thẫm
Người xa nẻo gió lặng đơn thầm
Còn đâu thuở mộng bừng hoa gấm
Mất cả thời yêu rộn rã tâm
Vẫn tưởng duyên đầu son sắc đậm
Nào hay gió bão dậy trơ mầm…

* * *

Tợ bản tình ca trĩu nốt trầm
Vang buồn thổn thức vọng hoài âm
Ngàn thông gợi nẻo xưa nồng ấm
Phố lạnh tìm nơi cũ tỏ thầm…

Viễn xứ còn khi nào lặng ngẫm
Phiêu bồng có một thoảng hồi tâm
Đồi ôm nỗi oán hờn sâu đậm…
Phút lũ cuồng dâng trụi lá mầm

* * *

Bình minh sẽ xoá sạch ưu trầm
Nhạc trổi tưng bừng rộn rã âm
Trở lại quê nhà vui tổ ấm
Quay về xóm nhỏ sống lặng thầm
Nằm trên bãi cỏ bình yên ngẫm
Đứng ở bờ sông lắng dịu tâm
Đợi ngắm hoàng hôn dần phủ sẫm…
Ngoài hiên nguyệt quế khẽ vươn mầm

* * *

Vọng tiếng cầu kinh khẽ ấm trầm
Nghe hồn thoát nhẹ giữa làn âm
Mong đời tĩnh lặng bên nhà ấm
Ước phận bình yên giữa xóm thầm
Tối dõi trăng vàng buông sợi gấm
Mai nhìn nắng toả dịu hồn tâm
Ngồi bên rặng trúc màu xanh thẫm…
Ngắm dãy hồng tươi nẩy nhẹ mầm





KHÓI LỬA ĐẦU ĐỜI

Đỗ Trọng Đạt, K29

(*Những kỷ niệm không quên trong những giờ phút đầu đời ở 81 Biệt Cách Dù)*

Tôi cố gắng đẩy những ngụm bia mát đắng xuống dạ dầy với sự góp sức uể oải của cục Adam nơi cổ họng. Ít nhất là sau những giờ phút bỡ ngỡ của ngày đầu tiên về với Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Sau những khoảnh khắc thong thả, thì lúc này, ngay trong buổi nhậu kiểu nửa lính nửa quan, câu nói cuả Viên, tay Thiếu Úy trưởng toán Thám Kích Lôi Vũ như mình, đã nhắc nhở tôi hãy chuẩn bị đối đầu với một cuộc chơi mà tôi đã chấp nhận với sự tham dự của đối thủ, của kẻ thù. Tôi đã sẵn sàng rồi kia mà.

Còn chuẩn bị à. Như thế nào?

Thật tình là tôi cũng không biết nữa. Hình như đã gần, hay là ba giờ chiều rồi thì phải. Đại Úy Thiêm, Biệt Đội Trưởng đã chẳng ra lệnh là phải đội nón sắt từ ba giờ chiều trở đi đó hay sao? Chuẩn bị chống đỡ với tấn công, với pháo kích, với cái chết vô tình và vô hình bất chợt ập đến, chỉ bằng cái nón sắt!!!??? Đơn giản đến thế à? Hay là cứ ba giờ chiều thì việc đi lại sẽ được giới hạn bằng những giao thông hào? Chịu thôi. Chuyện đến đâu hay đến đấy. Rồi cũng sẽ biết mà.

Theo thói quen, tôi chợt nhìn xuống cổ tay. Chẳng còn lấy cái đồng hồ để mà đeo nữa, sau khi đã gửi chiếc đồng hồ sau cùng nhất mà bà chị mới cho vào tiệm cầm đồ để lấy tiền đưa cô bé đi uống nước, và cũng là buổi cuối cùng. Chia tay. Tan vỡ.

- Chị Tuyết nói rằng một vài ông Võ Bị không được tốt lắm.

- Cô em bảo nếu mày lấy thằng Đạt thì không có họ nhà cộ.

Buổi tối hôm ấy, cô bé đã nói với tôi như thế. Nếu người chị cô cậu ruột của bé nói về tôi, và chỉ một tôi thôi, tôi sẽ bất cần, chẳng thèm để ý tới và tha thứ cho chị của em với một thái độ của người trượng phu quân tử. Đằng này người chị cô cậu đó lại cố tình xúc phạm đến cái tập thể mà tôi yêu mến, tôn sùng, nơi đã dạy cho tôi cái chính nghiã và ban cho tôi một lý tưởng cao cả. Phải chăng cô ấy đã nếm mùi thất tình đắng cay với màu đỏ Alpha thắm đậm cao nguyên xanh? Tôi chẳng cần biết đến người chị họ chanh chua của cô bé, và tôi cũng không màng tới người cô cay nghiệt của em nữa, bé yêu ạ. Tôi yêu em chứ đừng bắt tôi phải yêu cả họ nhà em.

Điên người vì tức tối, bừng bừng nóng giận vì bị xúc phạm, lần đó, tôi đã bẻ gẫy đôi hai que diêm, một cho tôi và một cho cô bé, ném xuống mặt bàn nước đang mờ nhạt trong ánh sáng mù tối của quán cà phê quen vùng Tân Định. Trong nước mắt nhạt nhòa của bé yêu, giọng khản lại, nhưng rõ ràng và âm u như vùng không gian đang vây quanh:

- Bây giờ, anh với em là như thế đấy.

Thế là chấm hết cho một cuộc tình bốn năm, cho người yêu xưa từ thuở còn là sinh viên Luật Khoa nên thơ với con đường hàng me lá đổ. Chỉ tiếc cho cái đồng hồ dễ thương của bà chị thương yêu vừa cho, chẳng còn dịp theo tôi vẫy vùng, giúp cho tôi định vị được thời gian trong cái cuộc chơi tàn khốc này, để chuẩn bị chơi với cái mà anh chàng Viên mập vừa nói.

Vùng sáng lửa kỷ niệm thường hay bất chợt hiện về với một tay lắm mộng mơ như tôi lại bị dập tắt ngay bằng giọng

bô bô nhão nhẹt của Viên:

- Cạn ly đầy rồi, làm đầy ly cạn lại đi Đạt. Tôi thấy ông uống cũng dzét lắm đó.

Tay mập này thiệt là ba xạo. Uống mà cũng có dzét. Chỉ việc đơn giản đẩy ly bia đầy vào bụng. Thế thôi. Dzét gì ở đây. Có chăng là cái kiểu đầy cạn của ngài đấy, Viên ơi. Cứ thế này thì bao giờ tôi mới dứt ra khỏi ngài được hở ngài Viên? Trung Uý Dương Cúc, Biệt Đội Phó nói né thằng Viên ra đi là quá đúng. Ông thần này chắc mập là nhờ bia đây mà. Tôi vờ đánh rơi gói thuốc lá và nghiêng người xuống nhặt để lờ đi cái anh chàng dai như đỉa này thì.

Một tiếng rít rất đanh, xé hãi hùng khoảng không gian gay gắt nắng ngay trên đầu tôi, cắt thẳng một góc chênh chếch chéo đằng sau những dãy nhà và khoảng sân chật hẹp nơi chúng tôi ngồi. Trong tư thế hơi khom người xuống để nhặt gói thuốc, mặt vẫn hơi ngoảnh lên nhìn, tôi chỉ kịp thấy một vạch sáng, sáng hơn cả khoảng nắng đang bao quanh, hung hãn lao xuống, và…

Ầm một tiếng kinh hoàng.

Tôi vẫn ở tư thế ngồi chết cứng và dính chặt trên chiếc ghế để nhìn thấy một vùng mờ mịt bụi và những vật đen, xám lớn nhỏ bắn tung lên cao, sau lưng mấy dãy nhà của Liên Đoàn sau tiếng "ầm" khủng khiếp. Người tôi tê dại trong ý nghĩ chết chóc đang đổ ập xuống, thì cũng cùng lúc ấy, xung quanh tôi, một sự xô đẩy hỗn độn nhưng nhanh như lằn phi pháo vừa bay ngang đầu. Tất cả mười cái ghế đều bật ngửa về phiá sau, gần như đồng loạt, hất gọn gàng những người vừa mới trong cuộc nhậu nhà binh này với tôi xuống dãy giao thông hào sau lưng. Mười cái ghế lật ngửa, chỏng gọng, có nghiã là kể cả thằng Xuân, thằng bạn cùng Võ Bị, cùng Liên Đội EF sắt máu trong Trường, cũng đã an toàn rớt xuống hầm.

Chỉ trừ có tôi, trong tư thế nghiêng nghiêng cúi xuống là còn lại, cùng với những tiếng loảng xoảng đổ vỡ cuả ly chén

sau cái xô mạnh như lấy trớn đập cánh của mười con chim ưng đã đáp xuống...giao thông hào.

Đúng như vậy. Chỉ còn có tôi, tê cứng trong cái chậm chạp, vướng víu với cái bàn nhậu dài và những cái ghế đổ lổn ngổn bên cạnh. Tôi lặng người đi trong phản ứng vụng về, nhưng cũng vừa chợt hiểu và nhận ra được bài học vô giá trong binh chủng: Chuẩn bị là thế đấy - Nhận định và phản ứng kịp thời. Trời ạ, phải có thử lửa mới biết nóng, cũng may là mình không bị phỏng. Và tuyệt diệu thay cho cái bình tĩnh và can đảm của những người quanh tôi, những chiến binh gan góc cuả binh chủng đầy huyền thoại sống này. Tôi chỉ nghe một vài tiếng quát lớn:

- Tụi nó pháo đó.

- Xuống hầm hết chưa?

Sau đó là cái yên lặng. Như một sự chờ đợi - Như của sự sẵn sàng nghênh chiến - Như của sự vô cùng - Như mảnh đất đã bị chiêm lĩnh bởi thân chết. Chỉ còn có cái năng mênh mông đang nở căng trong tiếng ầm nóng nảy chết choc. Khoảng không gian đang hung hãn ép chặt xuống mọi vật, mọi người, làm ngột ngạt và tắc nghẹn hơi thở, bóp chết mọi sự sống của những sinh vật. Và cũng trong khoảng thời gian khắc khoải như muốn kéo dài đến vô tận ấy, như chỉ còn một mình tôi, sinh vật sống duy nhất, đang bị ép nén, kết dính trong tư thế nghiêng nghiêng cúi. nặng nề trong hơi thở hồi hộp và dồn dập, như càng lúc càng bị dìm xuống cõi thẳm sâu, chợt vùng mạnh và hét to như quyết vượt thoát khỏi lưỡi hái cuả Tử thần:

- Đại úy ơi, nó pháo tuôt ngoài kia kià, không sao đâu.

Quả thật như vậy, thần chết đã chiến bại sau tiếng hét của tôi. Chẳng biết lão ta đang lởn vởn nơi nào, nhưng chắc chắn là lão không có ở nơi này, khi biểu hiện sống của những sinh vật chợt bừng dậy. Mọi người đã nhanh nhẹn nhảy lên khỏi chiến hào, sau một khoảng khắc chờ đợi mà không nghe thấy có tiếng rít nào nữa đuổi theo tiếng ầm thứ nhất.

Viên mập là kẻ oang oang trước tiên:

- Tụi nó chỉ pháo quấy rối, lâu lâu một hai trái, toàn là ngoài hàng rào. Chắc nó cũng ngán oai danh 81, chẳng dám chọc Biệt Kích Dù, hà hà.

Bước tới lật cái ghế đặt vào chỗ và nhẩy lên ngồi, Viên lại ào ào thêm, gườm gườm nhìn tôi, vẻ nể phục hiện rõ trong tia mắt:

- Ông Đạt này cũng dân chơi ghê há, làm đầy cái khác với tôi đi Đạt, anh hùng mà.

Xuân đã đứng cạnh bên tôi từ lúc nào, nó vỗ vai tôi, giọng thán phục:

- Mày cũng lì dữ há, Đạt.

Thiếu Úy Nguyên, một Toán trưởng trong Biệt Đội, ném cái ghế xuống cạnh Viên, chộp ngay cái ly nghiêng ngửa trên bàn, vục vào thùng bia và đẩy đến tôi với thái độ cưỡng ép, dứt khoát:

- Uống đi Đạt, ông phải lãnh công tác bắt tù binh mới xứng với cái gan của ông.

Dương Cúc cũng đã ngồi xuống. Anh cười với thái độ rất bình thản:

- Tiếp tục đi Đạt, chuyện thường ngày đó mà, có điều tụi nó lúc này đang né mình thiệt đấy.

Mọi người lại lục tục ngồi vào bàn, ly chén lại được xếp đặt lại để tiếp diễn mục nhậu phần hai. Tiếng ông Thượng Sĩ Tư hù, Thượng Sĩ thường vụ, đang lanh lảnh quát tháo mấy thằng em lo sắp đặt lại bàn ghế và ly chén cho cuộc nhậu… after pháo. Ông già hù này chỉ chờ dịp là la hét. Chỉ có Đại Úy Thiêm vẫn đang đứng nhìn về hướng tiếng nổ, vẻ như hơi suy nghĩ, sau đó quay lại chúng tôi, buông tiếng phán đoán cuối cùng với thái độ tự tin của con chim đầu đàn:

- Tụi nó pháo về hướng kho đạn Long Bình, chỉ quấy rối

thôi.

Với cái nhíu mày nhẹ nhàng, anh nhận xét thêm:

- Có điều là hôm nay nó pháo quá gần mình.

Và hướng về tôi, Đại Úy Thiêm tiếp luôn:

- Cẩn tắc vô áy náy nghe Đạt.

Tôi chỉ dạ nhỏ một tiếng và vẫn giữ im lặng trong cái bàn tán và đùa giỡn ồn ào của mọi người, không thể tưởng tượng được, hình như là đối với họ, chẳng có chuyện gì vừa xảy ra ở đây cả. Cái bình tĩnh và can đảm hiếm thấy này, nếu không tận mắt nhìn và không ở trong cuộc, thì rất khó mà tin. It's too good to be true. Vừa thoát khỏi móng vuốt của thần chết xong, đã ngửa cổ ừng ực uống bia và hả hê cười. Xem cái chết nhẹ tựa lông hồng, đúng là của những tay kiêu hùng này đây, không hề biết sợ là gì cả. Tôi cũng không thấy sợ, và cũng chưa biết sợ. Nhưng rõ ràng trong cái khoảnh khắc vừa qua, tôi đã chưa hề chuẩn bị, trong khi cứ luôn tưởng mình đã sẵn sàng. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao lại có sự xắp xếp chật chội, để mọi cái ghế đều quay lưng về dãy chiến hào. Cái sắp xếp đầy tính toán, và cũng đầy kinh nghiệm. Chắc mấy ông thần này phải thường xuyên thưởng thức cú vừa ăn pháo vừa nhậu, nên mới dám giỡn mặt với thần chết như thế. Chỉ với một cú uốn mình nhanh như ánh chớp thời gian, thế là tử thần lại hụt một chiêu độc. Ông già tử thần này chắc đang hậm hực tức tối lắm đây.

Tôi không tin là mình chậm, nhất là so với thằng Xuân, tôi lúc nào cũng phải nhanh hơn. Ở trong trường, bị phạt hành xác mùa Tân Khóa Sinh, khi thì chạy tấn công qua các "Bâtiment", khi thì chạy xuống phạn xá, tôi luôn ở trong số những thằng về mức đầu tiên. Vậy mà ở đây thì đã quá rõ, tôi chậm hơn mọi người, chậm hơn cả thằng Xuân với bộ tướng lù đù thầy giáo. Xuân ạ, tao sẽ không nhìn mày với cặp mắt đùa cợt bình thường nữa đâu, mày sẽ mọc đôi cánh chim ưng trước tao đấy.

Tôi không hề muốn đổ lỗi khi mình đang ở tư thế bất lợi, tôi

phải kết luận là tại mình phản ứng chậm, thế thôi. Dính cứng vào một chỗ, đợi dứt pháo, mọi người trở lại và tấn phong mình là kẻ chịu chơi, là dân lì, là tay can đảm. Phải còn lâu và lâu lắm, tôi mới bằng được mấy anh, hỡi những tay can trường đáng nể phục này ơi.

Tôi bất chợt chụp lấy ly bia, dốc một hơi vào cổ như để cuốn đi cái mặc cảm chậm chạp của mình và nói nhỏ với Xuân:

- Đừng nói nữa mày, tao không được như mày nghĩ đâu, chỉ tại nhảy không kịp thôi.

Xuân lắc đầu, không tin:

- Thôi đi mày, mày mà chậm thì còn ai lẹ nữa bây giờ.

Khổ thật. Nó đã biết tôi quá rõ ở trong trường. Vả lại tôi không thể làm nó tin tôi bởi cái tánh nghênh ngang hay chọc phá của mình. Và có lẽ cũng chẳng có người nào ở đây chịu tin điều tôi nói là thật cả. Tôi chắc chắn không là kẻ nhát gan, thừa can đảm để đương đầu với kẻ thù hung hãn nhất, đủ liều lĩnh để xông pha trong lửa đạn thù hung hiểm. Nhưng tôi muốn thú nhận với mọi người là tôi đã thiếu phản ứng, chưa kịp học cú lạng người thoát hiểm tuyệt diệu của bầy Thần Ưng.

Tôi chợt quay nhìn Đại Úy Thiêm, anh cũng đang nhìn tôi với những cái gật đầu và nụ cười nhẹ nhàng, nụ cười của thông cảm và tin tưởng. Tôi nhớ lại lời Đại Úy Thiêm vừa nhắc nhở là cẩn tắc vô áy náy. Tôi tin rằng con Thần Ưng đầu đàn này đã hiểu, và hiểu rất rõ về chú chim ưng non của mình, vì tôi đã đọc được trong nụ cười của anh một niềm tin, một lời nhắn nhủ. Thằng này nó mới tập bay, phản ứng còn chậm nhưng dám tung mình vào không gian và không sợ té. Phải có vấp ngã mới thành công, vạn sự khởi đầu nan mà. Đại Úy Thiêm vừa chỉ vào cái ly đầy màu vàng ngọt đắng của bia, và lại tặng tôi thêm một nụ cười nữa:

- Uống đi Đạt.

Cám ơn anh nhé, con Đại Bàng dũng mãnh nhất, tôi đang

muốn được như anh và sẽ phải được hơn anh nữa. Giờ chỉ biết cám ơn anh đã hiểu và tôi sẽ xứng đáng với niềm tin mà anh đã gởi đến tôi qua nụ cười rộng lượng tình thân ấy.

Chợt thấy hào hứng với những suy nghĩ này, trân trọng với bài học vô giá vừa nhận được, và chắc chắn không phải vì những câu tán tụng bốc thơm của đồng đội mình, tôi đã nhập sâu vào cuộc vui, nói ít, uống nhiều, càng lúc càng chìm dần xuống đáy thùng bia trăm lít. Tôi đã hóa thân thành người nhà họ Tửu lúc nào cũng chẳng hay, lòng tự nhủ tao sẽ phải nhanh, nhất định phải nhanh hơn chúng mày. Tôi quyết rũ sạch lớp lông măng lởm chởm để sớm khoác vào đôi cánh lớp lông vũ tuyệt sắc kiêu hùng, vút bay cao trên khung trời bao la, cho chúng mày tha hồ mà rượt đuổi. Và tôi đã rất nhanh, đẩy ào ào những dòng bia nối ly vào bụng, để rồi lại chậm chạp, chệnh choạng về phòng, ngã vật xuống chỗ nằm. Tôi đã choáng váng, bềnh bồng say trong làn sóng bia mênh mang, lúc dập dìu, lúc dồn dập cuồng nộ, nhận chìm tôi xuống một đáy hồ thăm thẳm sâu. Càng vùng vẫy, tôi càng như bị trói chặt vào vô số những cỏ dại, dây leo gai góc quanh người. Dẫy dụa trong tuyệt vọng, tôi ú ớ kêu cứu và bất chợt, thằng bạn cùng khoá quí mến Xuân lù đù ở đâu nhẩy tới, giật mạnh tôi và hét to:

- Mày nói cái gì vậy Đạt?

Tôi khó nhọc mở mắt nhìn hắn. Trời đã sáng....



Soi Bóng Thời Gian

LD Song Ba, K25

Đã có người chỉ nói... rồi quên!
Vì ngôn ngữ không cần vốn liếng.
Mà đường đời, ngàn dặm, đắng cay.
Nam nhi, mấy kẻ thành khanh tướng,
Ngửa mặt cho đời, quên đất sâu.
Làm người không dễ, công danh mấy gánh sầu.
Dẫu chí có treo lên đỉnh núi
Mà cô đơn, tri kỷ mất về đâu!
Thì... người xưa cũng phải bẻ gươm, chém đá
Đạp vỡ thành sầu... xuôi gió sương.
Buồn mà hát, giọng khàn, tiếng rã.
Máu ứ buồng tim, hun hút dặm đường.
Cố rao hát, mà sao trời phương Nam thấm lạnh.
Vật chất soi mòn, ước vọng ngày xanh!

Hình như có tiếng ai vừa thở,
Mà sao nghe như gió bão cuối đường.
Trong tim cằn, của kẻ nhớ quê hương,
Buồn quay quắt, những chiều mưa đất khách.

Tri kỷ xưa nay, như châu ngọc,
Mấy ai hiểu được lòng nhau.
Tôi thạch thảo,… cuộn vương đời nam xứ
Em như mây,.. bàng bạc ở phương nào!

Hôm qua, đọc mấy dòng thư cũ
Chợt nhớ quê hương đến chạnh lòng.
Nơi ấy, Mẹ tôi già như lá,
Dật dờ bay, trong xã hội cuồng phong.
Bạn bè mỏi cánh men theo suối
Người bên này, ngóng đợi kẻ bên kia.
Bốn mươi năm, một quãng đời không ngắn
Nhưng cớ sao!... lòng tôi thoáng mây!

Bao giờ viễn xứ mưa như khóc,
Sẽ có vạn nghìn tim héo khô.
Có cả ngày xưa bừng sống dậy!
Bao năm qua, mấy kẻ bạt song hồ!

Hỏi người đang đứng nhìn soi bóng,
Có thấy thời gian... đâu đó không!



Cuối Năm Nói Chuyện Trên Trời

Song Vũ, K17

Tôi đến thăm anh vào buổi trưa. Anh dẫn tôi ra sân sau, dưới mái che quen thuộc, chỗ anh để bộ bàn ghế đan bằng sợi nhựa giả mây là nơi anh thường dùng để tiếp khách quen. Trên chiếc bàn con là bộ khay trà và một ít bánh ngọt trong chiếc đĩa nhỏ. Anh hỏi tôi, sau cuộc bầu cử tổng thống vừa rồi có điều gì làm tôi suy nghĩ không? Tôi lắc đầu, anh bảo:

- "Mấy hôm nay mình nghĩ ra vài điều mà chẳng biết chia sẻ với ai nên mới kêu cậu tới nói chuyện cho vui."Tôi nghĩ trong bụng chắc lại chuyện thiên hạ sự nhức đầu cứ lâu lâu anh lại kêu tôi tới tâm sự như bao lần trước.

- Thôi anh ơi, chuyện đời bỏ qua một bên đi, cứ ôm vào người rồi than thở làm chi cho mệt.

Anh cười nửa miệng,

- Vẫn biết là thế, sức cùng lực kiệt, ngủ dậy thấy mình còn sống, mừng là biết còn có thêm một ngày để suy ngẫm, cũng hiểu rằng thế hệ chúng mình đã ra rìa thế cuộc rồi mà sao vẫn không bỏ được cái tật người nước Kỷ lo trời sập mới chán chứ!

Tôi cho anh biết tôi cũng vừa đi họp nhóm bạn cùng khóa để kỷ niệm ngày vào trường Võ Bị, một ngày khởi đầu của mọi sóng gió và đổi thay của đất nước, ngày 11 tháng 11 năm

1960. Mới đó mà cũng đã 56 năm trôi qua, nghĩ mà giật mình.

Anh hỏi,

- Sao? Các cậu có chuyện gì vui không?

Tôi lắc đầu.

- Chẳng có gì anh ạ. Mỗi năm mỗi số người tới tham dự lại thu nhỏ lại. Nội năm ngoái thôi, khóa tôi cũng chia tay thêm năm người. Bạn bè cứ môi ngày một thưa dần. Những kỳ họp mặt trước cũng còn đông vui, kỳ này chỉ còn chưa được phân nửa đến hỏi han nhau thôi.

Trong khi trò chuyện, gặp nhau, nhìn gương mặt các bạn, tôi có những cảm giác xao xuyến kỳ lạ. Thời gian cộng với những vùi dập của cuộc đời đã để lại trong chúng tôi những cay đắng ray rứt và cả những thất vọng cho thế hệ mình và cho dân tộc mình. Những thanh niên trai tráng tinh anh lanh lẹ thưở nào giờ đây chỉ còn là các ông lão chậm chạp di chuyển đi đứng lọng cọng. Nhìn bạn rồi thương cho bạn và cho chính mình!

Anh và tôi ngồi xuống ghế, rót trà và ăn bánh. Tôi cầm ly trà, mùi trà ướp sen thơm ngào ngạt. Anh cho biết gói trà được gởi từ VN sang do một đệ tử cũ của anh khi anh còn là một tiểu đoàn trưởng. Tôi nói bâng quơ, giờ đây mà đệ tử còn nhớ tới sư phụ là hiếm lắm đấy. Anh cười đồng tình, anh nói thêm,

- Ngày mình còn uy quyền trong tay, tình nghĩa đôi khi có sự trộn lẫn giữa ân huệ và tình cảm. Còn giờ đây thì không, sự thể hiện của tình nghĩa lúc này mới là chân thật.

Tôi chia sẻ,

- Dù sao cũng không thể phủ nhận được một điều, đó là chút tình còn lại hôm nay cũng phải có cái gốc chân tình từ lúc trước. Nếu anh đối sử cạn tàu ráo máng, chắc đệ tử của anh cũng sẽ chẳng còn nhớ tới anh nữa đâu.

Anh cười và cho tôi biết,

- Mình thực sự coi nó như em út trong gia đình. Còn nó lại luôn coi mình như cấp chỉ huy ngày xưa của nó. Trong thư viết cho mình, nó luôn kêu mình là ông thày hệt như ngày nào còn ở đơn vị.

Câu chuyện anh nói làm tôi liên tưởng tới những kỷ niệm của một thời chinh chiến. Tôi nói với anh:

- Chỉ có dân bộ binh chúng mình mới hưởng được cái tình nồng ấm của chiến hữu và tình thầy trò phải không anh? Các quân chủng khác giữa lính và quan ít có mối liên hệ ràng buộc sống chết chặt chẽ như bộ binh chúng mình. Một đệ tử trung thành tận tụy hơn cả một người vợ. Hắn lo cơm nước, giặt dũ, đồng kham cộng khổ luôn sát cánh, chia sẻ hiểm nguy cùng mình…

Anh chuyển đề tài hỏi tôi:

- Cậu có theo dõi tin tức thời sự mấy bữa nay không?

- Ý anh muốn nói tới kết quả bàu cử tổng thống Mỹ phải không?

- Đúng vậy.

- Có chứ anh

- Cậu nghĩ sao?

- Thấy hơi bất ngờ anh ạ.

- Tớ cũng thấy vậy

- Thế anh nghĩ rằng tác động của nó sẽ đem tới những hệ quả gì không?

- Chắc chắn là có rồi. Anh phân tích. Trước hết, đối với nước Mỹ, nó thể hiện một sự phân cực khá rõ giữa hai bên bờ Đông và Tây với khối gồm các tiểu bang nằm giữa trung tâm từ Bắc xuống Nam. Nói theo báo chí là khối giữa những người Mỹ trắng với những cộng đồng di dân thiểu số, giữa những người có bằng cấp học vị với những người dân lao động chân tay, thậm chí giữa cả những cộng đồng tôn giáo khác nhau…

Sau đó là đối với thế giới, trước những đường lối ngọai giao chủ hòa của chính quyền Obama trước đây với một sự thay đổi mạnh có thể bảo thủ và hung hăng hơn với chính quyền của Trump hiện tại.

Tôi im lặng ngồi nghe.

- Thế giới đại loạn là từ mà Mao trạch Đông thường dùng để ám chỉ một chiến lược căn bản của cộng sản. Chúng luôn khuấy động mọi nơi và mọi lúc có thể để luôn tạo ra một tình trạng tao loạn khắp thế giới ngõ hầu đưa Hoa Kỳ vào những cam kết, tham dự, có mặt… Tình thế đó sẽ tạo cho Hoa Kỳ ngày càng thêm kẻ thù và hao tổn sinh lực để chúng rảnh tay tăng cường sức mạnh của mình, chờ thời. Chiến lược chủ hòa của thời Obama với giải Nobel Hòa bình là một nhắc nhở ông ta đừng làm giống như thời kỳ tổng thống Bush trước đó. Chỉ có điều do thái độ ngập ngừng, và cứ nhất định cho mình là đúng khiến cho chính sách đối ngoại của Mỹ mắc nhiều mâu thuẫn. Ví dụ như vừa đánh ISIS vừa muốn đánh luôn cả những thành phần chống ISIS, ý tôi muốn nói là vừa đánh ISIS vừa chống Nga ủng hộ chính quyền Syria đang đánh nhau kịch liệt với ISIS!

Trump có một ý tưởng theo tôi nghĩ là đúng; Trung cộng mới là kẻ thù chính và đáng sợ chứ không phải Nga. Nếu Nga có là kẻ tử thù thì kẻ thù này không độc ác hung hiểm bằng tên thứ nhất. Một thứ kẻ thù từ từ ta có thể giải quyết được bằng nhiều cách khác nhau trên những mặt trận khác nhau. Còn Trung cộng thì không ngoại trừ một cuộc chiến tranh cục bộ hay nguyên tử có giới hạn!

Chúng ta đã thấy hình ảnh một Obama không được coi ra gì trong cuộc họp mới đây tại Hàng Châu, Trung quốc và thậm chí cả cuộc đón tiếp rất hỗn xược của cộng sản Hà nội trước đó ít ngày. Sự việc lại càng tệ hại hơn nữa qua những câu chửi thô bỉ và đê tiện của Duterte, tổng thống Phi Luật Tân! Anh ngưng lại uống một ngụm trà rồi chậm rãi nói. Có lẽ đó cũng

là một yếu tố góp phần làm nên chiến thắng của Trump. Dân chúng Hoa Kỳ cảm thấy sự mất thể diện của mình tới mức không chịu đựng nổi nữa.

Tôi tiếp tục lặng lẽ nhìn nét mặt anh linh hoạt hơn hẳn lúc tôi mới bước vào nhà. Tôi đặt thêm câu hỏi:

- Thế theo anh nghĩ Trump sẽ giành lại thế chủ động, làm cho nước Mỹ vĩ đại trở lại theo như khẩu hiệu của ông ta hay sao?

Anh trả lời:

- Thật sự tôi không biết kết quả thực sự sẽ như thế nào. Duy có một điều chắc chắn, đó là thế giới trong những ngày sắp tới sẽ có những thay đổi. Trump là một con buôn, đối với con buôn không lời là không làm! Từ trước tới nay, Hoa Kỳ luôn tỏ vẻ anh hùng mã thượng, luôn rút kiếm tương trợ cho những nước cô thế thấp cổ bé miệng. Nhưng đổi lại chúng ta thấy gì? Hoa Kỳ luôn là mục tiêu bị soi mói, chê trách từ mọi phía. Anh chàng cảnh sát hình sự thế giới Hoa Kỳ luôn nhận mọi chế riễu chê cười thậm chí bị sát hại mà chẳng có mấy ai cảm thông hay mang ơn do những giúp đỡ mà anh ta mang lại. Có hoạn nạn thì kêu gào Mỹ giúp đỡ, khi an bình thì đòi đuổi Mỹ về nước! Tôi nghĩ Trump sẽ thay đổi được phần nào sự bất công này.

Tôi hỏi anh:

- Thế còn Việt Nam thì sao?

Anh cười bảo,

- Sẽ không thể tiếp tục đi giây được với anh chàng lái buôn này.

Rồi không để tôi hỏi thêm anh giải thích.

-Từ những đời tổng thống trước, nhờ vị thế địa lý của mình, Việt Nam luôn được Hoa Kỳ coi như có thể đóng một vai trò nào đó trong tấn tuồng tranh giành giữa hai thế lực Asian và Trung cộng. Lý ra, đám lãnh đạo VN nên lợi dụng tình thế ấy

để tự chủ và tự cường bằng cách đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết. Nhưng chúng lại làm ngược lại. Chúng coi cái đảng thổ tả của chúng là quan trọng hơn quốc gia dân tộc! Vì sợ mất đảng, chúng đóng vai làm xiếc đi giây; cái kết quả thảm hại của kế sách này là càng ngày chúng càng sa lầy vào màng lưới thiên la địa võng của Tàu!

TPP bị Trump bác bỏ là một đòn đau cho đám cộng sản lợi ích nhóm VN. Mọi cơ hội phát triển kinh tế đều bị cộng sản lợi dụng nhét chặt hầu bao, làm giầu cho bản thân và gia đình chúng. Dân chúng chẳng hưởng được gì ngoài việc bị tước đoạt thêm đất đai ruộng vườn của mình, đất nước thêm mau cạn kiệt tài nguyên. Giờ đây chỉ còn có một hướng: Hoặc anh theo tôi, hoặc anh theo Tàu. Theo Mỹ còn có cơ may tồn tại. Còn theo Tàu thì không chết vì Tàu đô hộ trực tiếp cũng sẽ chết vì dân chúng sẽ đứng lên làm cuộc đổi đời giành lại độc lập tự do cho quôc gia.

Tôi ngồi im lặng cùng anh suy nghĩ về những điều anh vừa nói, sau đó tôi hỏi một câu như có vẻ thừa:

- Như vậy theo anh thì Trump lên, thì đất nước chúng ta sẽ khá lên à?

- Khá lên hay không thực sự tôi không biết. Duy có một điều chắc chắn là sẽ có chuyển biến tích cực. Ý tôi muốn nói là sẽ có chuyển biến chứ không thể để cho Tầu cộng áp dụng chiến lược tầm ăn dâu gặm nhấm dần tiến tới nuốt chửng vùng Đông nam Á như hiện nay. Nói một cách dân dã, chỉ biết là chết khi nhìn thấy mặt Diêm Vương!

Cả hai anh em chúng tôi ngồi im lặng khá lâu, uông trà và ăn bánh. Tôi để cho mình phiêu du trong suy tưởng về một tương lai của đất nước và sự bất lực của cả một dân tộc trước hiểm họa mất nước đang cận kề.

* * *

Bữa ăn trưa ngon miệng nhờ món canh bún của bà xã của

anh nấu, khiến tôi định nói dăm ba câu với anh rồi đánh bài chuồn. Bất ngờ anh lại kéo ra sân sau và đặt một câu hỏi mới:

- Cậu thấy tình hình các hội đoàn bên này và sự lộn xộn trong hàng ngũ lãnh đạo của cộng sản có ý nghĩa gì không?

Tôi thực sự không hiểu ý anh muốn nói điều gì nên hỏi lại:

- Ý anh là các tổ chức chống cộng hải ngoại đang có những sự phân hóa trâm trọng và ở trong nước cuộc đâu đá trong nội bộ đảng ngày càng bộc lộ rõ nét giữa những tên chóp bu cộng sản sẽ mang đến hậu quả gì, phải không?

Anh gật đầu, đúng vậy. Tôi suy nghĩ hồi lâu rồi trả lời anh:

- Thực ra vấn đề mâu thuẫn trong hàng ngũ lãnh đạo cộng sản đã có từ lâu chứ chẳng phải giờ đây mới có, chỉ có điều giờ đây nó bộc lộ công khai cho bàn dân thiên hạ cùng thấy mà thôi. Nói thực tình, tôi không tin vào sự mâu thuẫn này của bọn chúng sẽ đưa đến sự sụp đổ chế độ. Sở dĩ tôi suy nghĩ như vậy là vì mâu thuẫn giữa bọn chúng là mâu thuẫn tranh ăn chứ không phải là mâu thuẫn ý thức mong muốn mang đến tự do dân chủ độc lập cho dân tộc cho đất nước. Cả bọn đều hiểu rằng nếu quyết sống mái thì tất cả cùng hết cơ hội để ăn!

Sự tồn tại của chúng gắn liền với sư tồn vong của chế độ cộng sản. Thành ra như anh thấy đấy, từ Nguyễn phú Trọng có biệt danh là Trọng Lú cho tới một tên công an quận đều phát biểu những câu ngô nghê dốt nát tới mức thảm hại. Nói vắn tắt, bộc lộ sự dốt nát đến bất ngờ. Chính sự dốt nát này đã tạo nên sức mạnh cho chúng khi không nương tay đàn áp đánh đập dân lành. Một người có học và được giáo dục đàng hoàng thì không thể làm nổi những hành vi bạo lực như thế.

Dân tộc ta sau hơn nửa thế kỷ nằm trong sự kìm kẹp của cộng sản đã mất hết khả năng đề kháng. Tầng lớp sĩ phu do đảng cộng sản đào tạo là một đám tôi đòi giả danh trí thức. Quần chúng trong mọi cuộc cách mạng đều cần tới một tầng lớp tinh hoa dẫn đường chỉ lối. Nhưng ở đất nước chúng ta hiện nay, những người có khả năng và nhiệt huyết đó đều bị trấn

áp bắt bớ tù đầy với mọi thủ đoạn hèn hạ bất lương của cộng sản. Nhờ bạo lực và sự dối trá, đám dốt nát này cứ yên vị mà hưởng lạc trên sự rên xiết của dân chúng cả nước. Ngược lại với tình trạng trên, tại hải ngoại chúng ta lại có quá nhiều lãnh tụ và hầu như chẳng ai muốn đóng vai quần chúng. Thành ra chúng ta cũng không thể tạo thành một khối thống nhất được; chưa kể tới những âm mưu độc ác của cộng sản luôn reo rắc nghi ngờ đố kỵ trong cộng đồng người Việt.

Anh chăm chú nghe tôi nói rồi hỏi:

- Như vậy theo ý chú,đất nước chúng ta không còn hy vọng gì sao?

Tôi buồn rầu trả lời anh:

- Có lẽ là như thế. Anh thấy không, dân Bắc Hàn cũng là một giống dân quật cường lắm chứ mà tên nhãi ranh Kim Jong Un muốn giết ai thì giết, muốn đầy ải ai thì đầy cả gần thế kỷ nay rồi đó… Rồi Cu Ba và trước đó là Cam Pu Chia, giết người như ngóe…

* * *

Cả anh và tôi lại rơi vào im lặng. Anh lặng lẽ châm thêm nước sôi vào ấm trà rồi hỏi tôi một câu hơi bất ngờ:

- Chú có bao giờ đọc Kinh Dịch chưa?

- Tôi có đọc chơi cho biết thôi chứ nghiên cứu thì chưa vì cuốn Kinh này huyền bí cũng có, mà quá "giản đơn một cách phức tạp" cũng có. Vả lại ngay từ lúc khởi đầu, nó là một cuốn sách bói toán cao cấp đa phần giành cho các bậc vương giả hỏi về đủ mọi thứ chuyện từ thời tiết cho tới xuất trận ra quân… Cho nên đọc nó trước hết có lẽ nên phải xác định trước là để suy ngẫm nhân sinh quan hoặc vũ trụ quan của người xưa hoặc chỉ nhằm mục đích coi bói. Đó là chưa kể đến vấn đề ngữ nghĩa. Cùng một chữ có thể hiểu dăm ba cách khác nhau, thậm chí chỉ cần ngắt câu khác nhau cũng dẫn đến những ý nghĩa khác nhau. Chục nhà chú giải thì có chục cách lý giải

khác nhau vì thế, nếu không xác định như vậy rất dễ lạc lối. Thú thực với anh tôi cũng đã bỏ nhiều công sức đọc và tìm hiểu nhưng đều thất bại bỏ ngang.

Anh dẫn tôi vào phòng anh rồi chỉ một đống cả chục cuốn sách về Dịch học, của các nhà chú giải, dịch thuật từ Ngô Tất Tố, Phan Bội Châu, Nguyễn hiến Lê, Trí Húc đại sư, Trương Thiện Văn, Vương Bột… tôi cảm thấy rõ công sức anh đã bỏ ra để nghiền ngẫm về bộ sách kỳ bí này. Tôi hỏi:

- Anh có tìm ra một điều gì mới mẻ không? Chứ tôi thì chịu thua, cho dù tôi cũng từng đọc vài cuốn trong số sách anh chỉ nhưng thú thực tôi càng đọc càng rối mù, như kẻ vào rừng rậm mất địa bàn không còn biết đường ra.

Anh cười bảo,

- Cũng như chú thôi, nhưng có lẽ khá hơn một chút là không bị mất địa bàn! Nhưng đường ra thì cũng vẫn đang tìm.

Dắt tôi ra lại chỗ cũ, cầm theo bộ Chu Dịch của cụ Phan Bội Châu, anh chậm rãi kể:

- Thực ra, theo một số sách tôi đọc, Quẻ Dịch từ 64 quẻ mô tả nhiều tình cảnh trong đời sống tương đối đơn giản cổ xưa có thể tóm gọn lại thành 12 quẻ căn bản hình thành trên 12 cung số Hoàng Đạo. Khởi đầu từ Quẻ Phục qua Lâm, Thái, Đại tráng, Quải, Càn, Cấu, Độn, Bĩ, Quán, Bác, Khôn. Tượng trưng cho sự khởi đầu từ quẻ Phục 5 âm đè một dương tiến hóa cho tới quẻ Càn cả 6 hào đều dương rồi suy thoái bắt đầu từ quẻ Cấu 5 hào Dương đè một hào âm cho tới kết cục là quẻ Khôn cả 6 hào đếu âm. Đó là chu kỳ tiến hóa của vạn vật. Nhà Phật thì gọi là Thành trụ hoại diệt, còn dân dã thì gọi là Sinh lão bịnh tử, là hai cách nói gọn. Một thể chế, một sự vật bất kỳ đều bị quy luật này chi phối. Tôi không tin là chủ nghĩa cộng sản tồn tại mãi được. Nó phải bị hủy diệt hoặc tự diệt để một thể chế khác tốt đẹp hơn thay thế.

Tôi hỏi anh:

- Anh nói là Kinh Dịch có thể tóm gọn lại trong 12 bước phát triển đúng không?

- Đúng thế.

- Vậy thì hiện tại chế độ cộng sản VN đang ở bước nào?

Hình như anh đã chuẩn bị sẵn cho câu hỏi này từ trước nên anh trả lời không do dự:

- Ở Quẻ Sơn Địa Bác, bước thứ 11 trước khi tận diệt ở Quẻ Khôn.

Sau đó anh dẫn chứng theo thứ tự trong Quẻ, nào là bắt đầu từ hào đầu "Chân giường bị ăn mòn, gẫy mất, hung hiểm…" Kinh dùng hình ảnh một chiếc giường bị gẫy dần mòn từ chân cho tới mức ăn mòn tới mặt giường… và hào thượng cửu sau cùng: Thạc quả bất thực, quân tử đắc dự, tiểu nhân bác lư"… Chú có biết cụ Phan Bội Châu giải hào cuối của quẻ này ra sao không? Không đợi tôi trả lòi, anh nói tiếp,

- Cụ bảo là bọn tiểu nhân không biết cái nhà nó đang ở, mái nhà che mưa nắng cho nó, nó làm cho đổ luôn! Có nghĩa là thời quân tử chấm dứt, bây giờ là lúc thời tiểu nhân cũng hết luôn!

Anh dừng lại, uống một ly trà sau đó tiếp tục:

- Ý nghĩa của chữ Bác trong quẻ Sơn Địa Bác là sự đẽo gọt, mài mòn, tượng cho thời tiểu nhân trong giai đoạn tồn tại cuối cùng của chúng, vừa nói anh vừa dở những trang sách trong cuốn Chu Dịch chỉ cho tôi xem các dòng chú giải của cụ Phan mà anh đã đánh dấu. Anh say sưa nói, đọc quẻ này rồi mình so sánh những hành động và các sự kiện chính trị của đám lãnh đạo cộng sản Việt Nam trong thời gian từ đầu năm tới nay; càng đọc càng thấy có sự tương tự lạ lùng. Sự tranh chấp, sự bất lực, sự lệ thuộc ngày càng quá đáng vào Tầu cộng của cộng sản VN thật sự đã đi đến điểm đỉnh. Thương cho dân mình hết nhân tai lại thêm thiên tai dồn dập đổ tới, càng nghĩ càng sót sa.

Tôi ngồi yên suy ngẫm và mong những điều anh nói sẽ là sự thật. Từ ngày loại được Nguyễn Tấn Dũng gian hùng và tham lam ra khỏi ghế thủ tướng, Nguyễn Phú Trọng tưởng mình đã đủ uy tín để có thể làm một điều gì khá hơn cứu vãn đảng của chúng. Nhưng sự thật không phải như thế. Qua hội nghị trung ương thứ 12 vừa họp, ta lại thấy một anh Lú yếu thế hiện ra với bộ mặt xanh xao phờ phạc. Chiến dịch "Đả hổ diệt ruồi" học lỏm từ ông thày Tập cận Bình, Trọng không đủ bản lãnh và sức mạnh để làm. Có con muỗi con Trịnh xuân Thanh mà cũng đã đốt cho cả đám chóp bu te tua, nói chi tới những đối thủ tầm cỡ khác như Trần Đại Quang và đám lâu la của Nguyễn tấn Dũng còn sống nhan nhản khắp nơi.

Thấy tôi không lên tiếng, anh nói tiếp:

- Chú cứ tin tôi đi, tình thế sẽ thay đổi trong những năm tới. Chỉ có điều là không biết chúng ta còn có cơ hội để nhìn thấy sự đổi thay ấy và quan trọng hơn hết thảy là đất nước Việt Nam sẽ còn tồn tại trong danh nghĩa một quốc gia độc lập như đã từng có hay lại trở thành một quận huyện của Tàu?

Tôi cười bảo:

- Anh em mình hình như đang nói chuyện ở trên trời phải không anh?

Anh bật cười,

- Đúng là chúng ta đang nói chuyện trên trời, nhưng chú có biết không, ông trời cao xanh kia có mắt đấy. Nếu chúng ta còn tin vào một điều gì đó tồn tại nằm ngoài sự hiểu biết của con người thì chúng ta phải tin là có một ông Trời viết hoa. Những người lính như chúng ta, những ai đã từng xông pha trong lửa đạn, làm bạn với cái chết từng ngày từng giờ, lại càng nên tin rằng trên đầu mình có một đấng thiêng liêng. Bởi vì nếu không thì như chú hay tôi đây trải qua biết bao hiểm nguy làm sao có thể giải thích được sự sống sót của mình trong cuộc chiến tranh khốc liệt vừa qua để còn có hôm nay ngồi đây nói chuyện dưới đất trên trời!

Buổi trưa qua đi nhanh cùng câu chuyện anh nói. Trước khi ra về, anh cầm hai tập Chu Dịch do cụ Phan Bội Châu diễn giải đưa tôi, anh bảo chú hãy cầm hai cuốn sách này về mà nghiền ngẫm rồi cho tôi biết ý kiến của chú. Tôi xin phép anh chị ra về cầm theo hai cuốn sách mà trong lòng bâng khuâng với biết bao nhiêu điều.

Mùa Lễ Tạ Ơn 2016



Tâm trạng của một sĩ quan xuất thân TVBQGVN sau khi tốt nghiệp về

Phục Vụ Quân Chủng Không Quân.



Hồ Tấn Đạt, K21

Phần I

Sau khi chiếc C47 của KQ/ VNCH đáp xuống phi trường Nha Trang vào khoảng giữa tháng 12 năm 1966 mang theo 24 tân thiếu uý của khóa 21 vừa tốt nghiệp về học tại Quân Trường Không Quân, hai chiếc xe GMC đã đưa số sĩ quan này từ trạm tiếp liên về sân cờ của Tiểu Đoàn Sinh Viên Sĩ Quan/ KQ (TĐSVSQ/ KQ), trong đó có tôi Thiếu Uý Hồ Tấn Đạt. Tại đây từ giờ phút này trở đi tôi mới thật sự là một quân nhân KQ, với nhiều những vui buồn khó quên… Nhưng trước khi kể về những gì xảy ra khi phục vụ trong KQ, tôi xin phép đươc trở về nguyên do vì sau tôi gia nhập quân đội.

TUỔI ẤU THƠ:

Tôi sinh ra và lớn lên ở miền Tây, tại Long Xuyên, một tỉnh nhỏ bé có sông xanh nước biếc nằm ép mình bên bờ sông Hậu thơ mộng. Khi mới bắt đầu lớn, tôi đã theo học tại trường trung học công lập Thoại Ngọc Hầu. Sau khi học xong lớp Đệ

Tam tại trường này, tôi đã chuyển đến trường Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá. Sau khi đậu được bằng Tú Tài 2 Ban B, tôi đã có ý định gia nhập Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam. Tuy nhiên, vì chưa đủ 21 tuổi, tôi không thể làm đơn mà không được sự chấp nhận của đấng sinh thành. Như những bậc cha mẹ bình thường, khi thấy đường học vấn của tôi đạt được kết quả tốt theo ý muốn, ông bà chỉ muốn tôi lên đại học, tốt nghiệp và có đời sống kha khá và bình an. Ông bà không chấp nhận lời xin của tôi. Ngược lại với ý muốn của ông bà, với tuổi trẻ nhiều nhiệt huyết, tôi không thể chấp nhận cuộc sống buồn chán như cha mẹ của tôi mong muốn. Không thể làm khác hơn, tôi đã lên Saigon, ghi danh học hai năm MPC tại Đại Học Khoa Học Saigon chờ cho vừa đủ tuổi. Năm 1964, lúc trường Võ Bị đang thu nhận khoá 21, tôi đã tự nộp đơn xin.

Trong thời gian theo học tại Khoa Học Saigon, tôi đã sinh hoạt với Tổng Hội Sinh Viên (THSV) Saigon với nhiệm vụ là trưởng ban liên lạc. Một hôm có 5 người, là ứng viên khóa 21, yêu câu THSV chuyên dùm thỉnh nguyện thư lên Đại Tướng Nguyễn Khánh v/v xin đặc biệt gia nhập trường VB. Tôi đã yêu cầp cấp xe Jeep lên số 2, đường Thống Nhất. Đến nơi, chúng tôi được Thiếu Tướng Huỳnh Van Cao đón tiếp. Ông đã hứa sẽ chuyển thư của chúng tôi lên Đại Tướng Nguyễn Khánh. Sau này tôi mới biết trong thỉnh nguyện thư có nội dung là thỉnh cầu Trường VB thu nhận tất cả những người đã nộp đơn mà không phải thi.

THỜI GIAN TẠI TRƯỜNG VBQGVN

Tôi gia nhập Trường VB lúc đất nước đang trong tình trạng vô cùng bất ổn từ thành thi đến nông thôn. Về chính trị, các đảng phái tranh giành quyền lực. Sinh viên thì nay biểu tình mai bãi khoá, buổi kia thì xuống đường. Có lẽ vì vậy mà số người tình nguyện khoá 21 rất đông nhưng cuối cùng số người nhập khoá thì chỉ có trên 240 thôi. Chúng tôi là những thanh niên còn rất trẻ từ khắp các nẻo đường của miền Nam Việt Nam thân yêu tập họp về Đà Lạt, nơi đó TVBQGVN được

xây dựng vô cùng hùng vĩ trên môt ngọn đồi thơ mộng có tên là đồi 1515.

Dù cho đất nước thế nào đi nữa, kể từ tháng 12 năm 1964, tôi đã là người của quân đội và tuân hành mọi công tác mà quân đội giao phó trong nhiệm vụ bảo vệ thanh bình, tự do cho miền nam VN.

Tại TVB, tôi, cũng như mọi sinh viên sĩ quan khác, đều phải trải qua một chương trình huấn luyện khắc nghiệt như nhau, nghiã là phải chiụ 8 tuần tân khoá sinh (TKS), hay gọi là 8 tuần huấn nhục, hay "lột xác". Qua giai đoạn này, thể xác và tinh thần của người sinh viên dân chính phải được thay thế bằng thể chất và tinh thần mạnh mẽ của một quân nhân.

Trên sân cỏ Liên Đoàn SVSQ, từng nhóm TKS với quân mục mới toanh, nhăn nheo, rộng thùng thình chạy đều bước trong mọi trường hợp: đi đến lớp học, đến bãi tập, kể cả trước khi ăn. Các TKS chỉ được ngồi 1/3 ghế trong phạn xá, lưng thẳng, đầu nhìn thẳng, tay khi ăn phải vuông góc. Có nghiả là, mỗi động tác của tay đều phải di chuyển theo đường vuông góc.

Để hoàn tất giai đoạn TKS, khoá 21 phải chinh phục đỉnh núi **Lâm Viên**, cách xa trường khoảng 15 km về phiá Bắc, luôn ẩn hiện trong sương mù cuả núi rừng cao nguyên. Đây cũng là thử thách sau cùng để chứng tỏ rằng chúng tôi đã đầy đủ về thể chất cũng như tinh thần, sẵn sàng vượt qua những cam go sẻ đến trong thời gian huấn luyện sắp tới, cũng như sẵn sầng đối đầu với hiểm nguy ngoài mặt trận.

Cuối cùng, chúng tôi đã chinh phục được đỉnh núi này, đánh dấu một chặng đường gian khổ đã qua.

Trường đã tổ chức một buổi lể gắn Alpha rất là trang nghiêm và uy nghi, tại Vũ Đình Trường Lê Lợi với sự chủ toạ của chỉ huy trưởng. Tại doanh trại của Liên Đoàn SVSQ, các tân khoá sinh được lệnh tắt đèn ở lầu 3, và để mỗi phòng một cây đèn cầy được thắp sang, TSK mặc tIểu lể muà Đông màu nâu sậm

và sẳn sàng giây thắt lưng truyền thống màu trắng có huy hiệu TVB, cùng một cập găng tay trắng, một cái mũ trắng (casket) trên đó có hàng chữ TỰ THẮNG để CHỈ HUY. Đến giờ làm lể trao găng mũ, những SVSQ cán bộ TKS đợt 2 của từng đại đội đến phòng các TKS, chính tay trao các kỷ vật mà các TKS này phải gìn giữ nó trong suốt thời gian thụ huấn tại trường. Khi nghi lể trao găng mũ hoàn tất, tiểu đoàn TKS với tiểu lể mùa Đông trên đầu mũ trăng, găng tay trăng và thăt lưng trăng cô truyền, và cặp Alpha đỏ bóng láng để túi sau bên quần.

Tiếp theo là lệnh tiểu đoàn TKS tập họp vang lên. Tất cả



Tân Khoá Sinh sau gần hai tháng huấn luyện. Sức khoẻ của họ có những thay đổi đáng kể.

TKS khoá 21 chạy từ lầu 3 xuống tập hop tai sân cỏ Liên Đoàn, hàng ngũ chỉnh tề di chuyển ra VĐT Lê Lợi.

Trong lúc di chuyển, tôi miên man nghĩ đến 8 tuần lễ vừa qua với những hình phạt **kinh hoàng**, tưởng chừng như mình không bao giờ qua nổi. Thế mà chút nữa đây, tôi được gắn Alpha trở thành SVSQ của TVBQG VN.

Dưới sự chứng kiến của các giáo sư thuộc khối Văn Hoá Vụ, sĩ quan huấn luyện viên và cán bộ thuộc khối Quân Sự Vụ, cùng toàn thể quân nhân của TVBQGVN, buổi lễ bắt đầu.

Khởi đầu bằng lệnh, "Quỳ xuống các TKS." Các SVSQ khoá 20 đàn anh đã tiến đến gắn lên vai các tân khóa sinh khoá 21 chiếc cầu vai Alpha mà chúng tôi mong đợi từ lâu. Cuối cùng, chúng tôi đã đúng lên theo khẩu lệnh lệnh "Đứng lên các SVSQ."

Trong đêm tối u tịch gió thổi vi vu lạnh lẽo của muà Đông nơi thành phố mù sương Đà Lạt, màn đêm kéo xuống đem đến VĐT Lê Lợi một màu sắc thiêng liêng và huyền diệu. Nó dường như muốn nhắn nhủ với các họ rằng kể từ đêm nay trường đã chấp nhận các TKS là những SVSQ của TVB, phải lấy câu châm ngôn trên mũ làm kim chỉ nam mà bảo vệ **Danh Dự** của trường, cũng như làm cho trường không hổ danh là một quân trường danh tiếng nhất Đông Nam Á.

ĐỜI SỐNG NĂM THỨ NHẤT

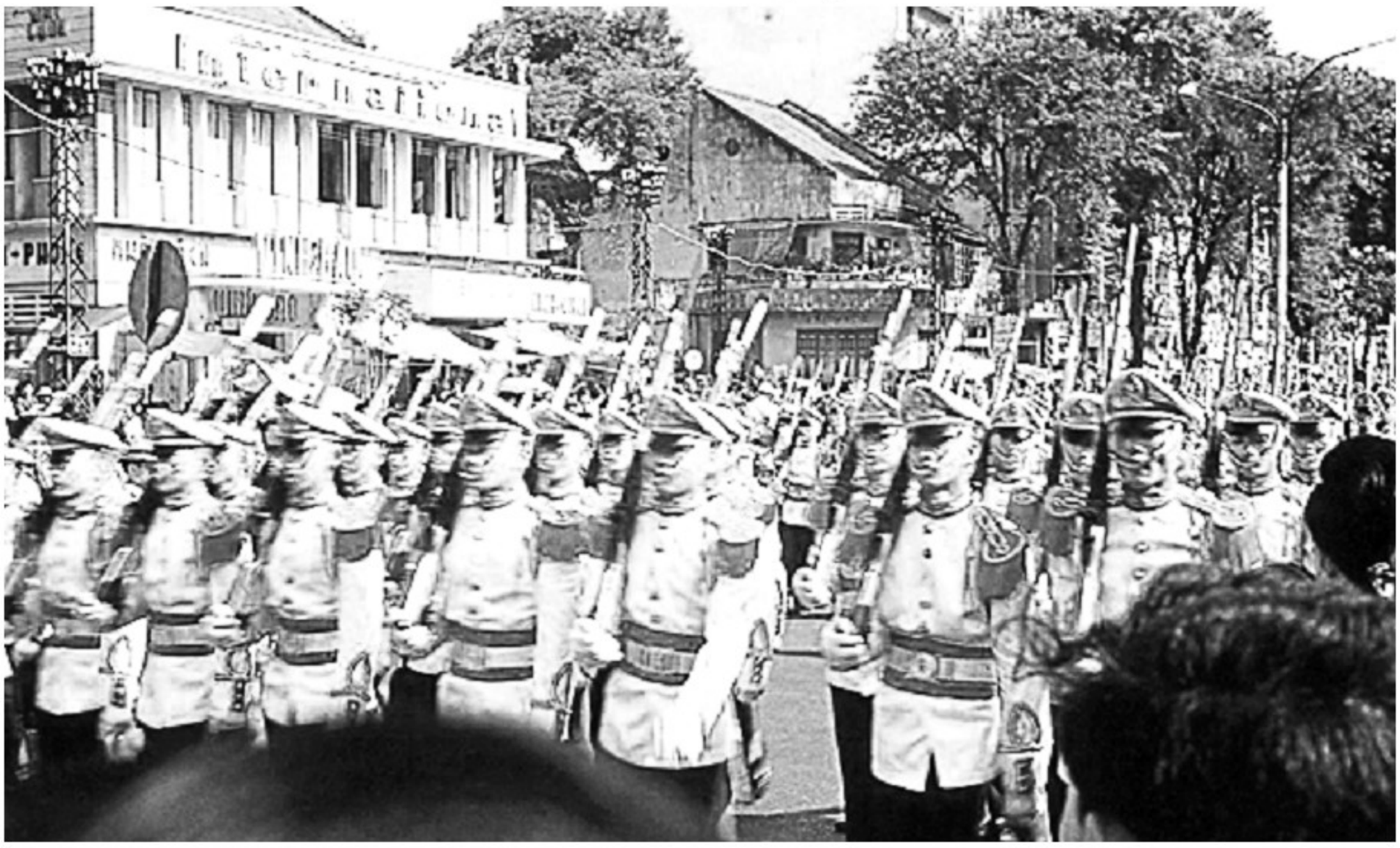
Tưởng lên SVSQ, chúng tôi sẽ được đối xử dễ dàng hơn. Không phải như vậy. Khoá 21 phải sống theo qui chế khóa đàn em, nghiã là vẫn bị phạt, trong thời gian học văn hoá, học quân sự, trau dồi kiến thức "lãnh đạo chỉ huy". Một năm với đầy thử thách và chiụ đựng, vì cùng một lúc chúng tôi được 2 hệ thống cán bộ trông nom và săn sóc rất kỹ:

Hê thống SQ Cán Bộ và Hệ Thống Tự Chỉ Huy của SVSQ.

Nói đến hệ thống thứ hai này, thì khoá đàn em chúng tôi có rất nhiều kỷ niệm mà mãi đến bây giờ, trong lúc trà dư tửu hậu các khóa đều nhắc đến với niềm tự hào và hãnh là "khóa mình bi phạt nhiều nhất". Điều được nhắc đến không phải để bày tỏ thái độ căm thù hay trách móc khóa đàn anh, mà là nói lên sức chịu đựng dẻo dai, thật khó khăn nhưng đã vượt qua, như thầm cám ơn khóa đàn anh đã tạo cho khóa đàn em một thân thể cường tráng, một tinh thần bất khuất, đầy ý chí, không lùi bước trước mọi gian lao, nghịch cảnh đầy thử thách ở phiá trước.

Riêng đối với K21 chúng tôi không biết có bị phạt nhiều

hay không? Nhưng mà mỗi lần tập họp tại sân cỏ Liên Đoàn thì thấy sao mà SVSQ cán bộ nhiều thế? K21 chúng tôi nhập trường chưa tới 250, mà khóa đàn anh K20 có đến trên 400 người. K21 bị mang tiếng là khóa biểu tình làm cho các NT của chúng tôi bị cấm trại liên miên. Có lẽ vì thế mà những buổi học toàn khóa tại nhà H, khi được hỏi, "Có ai thắc mắc gì không?" thì cả khóa trả lời "**Không**" , "Có ý kiến gì không? "**Không**". Cái gì cũng **Không** và **Không**. Đến đôi mà Thiêu Tá, Liên Đoàn trưởng LĐ SVSQ, phải đặt tên cho K21 là



Khóa 21 diễn hành ngày Quốc Khánh 1 tháng 11, 1965.

Khóa **Ù LÌ**. Đây là kết quả đáng nhớ nhất của K21 đối với sự săn sóc tận tình của khóa đàn anh K20.

Điều đáng nhớ kế tiếp:

Chương trình học chia ra làm 3 phần: 40% cho điểm văn hóa , 40% cho điểm quân sự, và 20% cho điểm về l ãnh đạo chỉ huy (code d'amour). Nhưng phần khó khăn nhất là **Phần Tự Đánh Giá**. Mỗi SVSQ phải tự đánh giá về mình (khen thì không tiện, còn làm sao mà tự chê mình được), đồng thời chọn 3 người giỏi nhất và 3 người dở nhất trong đại đội. Chọn 3 người giỏi thì rất dễ, nhưng mà chọn 3 người dở thì cả một vấn đề nan giải, đôi khi đánh động lương tâm mỗi người. Vì

rằng nếu người nào đó bị đánh giá thấp nhứt sẽ bị SQ cán bộ chú ý và sau này nếu phạm thêm một tội gì nữa như là trốn phố đêm, đi trễ phép v/ v… thì cơ hội ra trung sĩ cho năm thứ nhất và thượng sĩ hay chuẩn uý của năm thứ 2 rất gần.

Một năm trôi qua quá nhanh! Khoá 20 đang chuẩn bị làm lễ mãn khoá, khoá 21 sẻ lên chức khoá đàn anh, và cũng chuẩn bị đón tiếp khoá 22.

ĐỜI SỐNG NĂM THỨ HAI

Tôi được Đại Úy ĐĐT/ ĐĐ F cho làm SVSQ cán bộ trung đội trưởng hệ thống TKS đợt 2 của ĐĐ F. Khi tiểu đoàn TKS K22 hoàn tất việc huấn luyện, tôi được chọn làm SVSQ Cán Bộ Trung ội trưởng thuộc Hệ Thống Tự Chỉ Huy đợt 2. Sở dĩ như vậy vì Bộ Chỉ Huy nhà trường muốn thí nghiệm một hệ thống tự chỉ huy mà đa số các SVSQ đều có cơ hội thực tập. Do đó, K21 được chia ra làm 4 đợt. Mỗi đợt có 3 tháng để thực tập chỉ huy qua khoá đàn em.

Mới làm được vài tuần, một hôm tôi và anh bạn Võ duy LIệt, ở ĐĐ H, người cùng quê đi phố sáng chủ nhật. Tôi và Liệt có ý định thay quần áo dân sự khi ra đến khu Hoà Bình. Thay đồ xong tại nhà anh của Liệt, vừa đi xuống nhà thuỷ ta, bờ hồ Xuân Hương thì chúng tôi bị Đại Úy ĐĐT trờ tới nhìn thấy, “Ôi! Thế là chuyện chẳng lành.” Đầu óc của tôi nghĩ ngợi lung tung, nhưng vẩn phải tiếp tục đi. Đến cầu qua chợ Hoà Bình thì lại gặp ngay Trung Úy ĐĐP lái xe jeep đi ngược chiều. “Đúng là hoạ vô đơn chí.” Thế là cuộc đời tàn trong ngỏ hẹp, nhưng vẩn phải tiếp tục cuộc vui, chuyện gì tới sẻ tới mà thôi.

Trải qua một đêm khó ngủ với nhiều suy nghĩ miên man nối tiếp cho đến khi kèn báo thức trổi lên, tôi thức dậy làm vệ sinh cá nhân, thay quân phục, vác kiếm đi theo đại đội ra VĐT Lê Lợi chào cờ như thường lệ vào mỗi sáng thứ hai. Về đến doanh trại của ĐĐ tập họp trước bục gỗ… khóa 22 tan hàng, khóa 21 ở lại và trình diện Đại Úy.

Ông lên bục, hỏi,

- Hôm qua anh nào thuộc khoá 21 đi phố mặc civil?

Vì biết ông đã nhìn thấy mình nên tôi phải giơ tay thú tội. Trước măt Đại Úy ĐĐT đã hỏi tôi lý do. Tôi đã trình bày, mục đích và tại sao tôi có hành động như vậy. Cuối cùng tôi bị phạt là 40 trọng cấm. Hằng đêm với ba lô tác chiến số 6 (đủ mội quân trang, quân dụng trong ba lô), tôi phải chạy xuống phạn điếm trình diện SQ trực Liên Đoàn. Ông còn nhắn nhủ,

- Tôi sẽ phạt đến khi nào có thể cho anh ra trường sớm.

Nghĩa là tôi có thể ra trường với cấp bậc thượng sĩ hay chuẩn úy. Kể từ ngày đó mỗi tuần vào thứ bảy" khám xét phòng ốc", chúng tôi đều bi phạt, mặc dầu 2 chúng tôi lau chùi phòng rất kỹ.Kể từ đó, đời sống SVSQ năm thứ 2 của tôi còn thua đời sống của SVSQ năm thứ nhất: không được đi phố gần 2 tháng, mỗi thứ bảy… khám xét. Người bạn cùng phòng, Huỳnh duy Thiện, rất buồn vì vạ lây. Một hôm, tôi nảy ra một quyết định phải trình diện SQ Cán Bộ. Một hôm tôi ở lại phòng không đi học. Một lúc sau, nhìn qua cửa sổ thấy chiếc citroen màu đen đậu trước văn phòng ĐĐ, tôi liền thay quần áo, đi đến văn phòng, gõ cửa xin vào. Khi Đại Úy ĐĐT thấy tôi, ông hỏi,

-Sao giờ này không đi học?

-Thưa Đại Uý, tôi trình diện là muốn thưa với Đại Úy một việc.

-Chuyện gì?

- Thưa Đại úy, đối với Đại úy tôi là người bê bôi nhất vì vậy mà thứ bảy nào cũng bi phạt làm liên lụy đến người bạn cùng phòng. Do đó, hôm nay đến xin Đại úy cho tôi được ở một mình một phòng, kế bên văn phòng hay trên lầu 3 để nếu bị phạt không ảnh hưởng đến người khác.

Ông trầm ngâm một lúc và ngước lên bảo với tôi rằng,

- Cậu về phòng lấy cập đi học đi…..

Đến tối sau khi ăn cơm xong về phòng chuẩn bị tác chiến số 6 đi trình diện như thường lệ, thì SVSQ trực ĐĐ đến phòng cho biết,

- Đại úy bảo NT không phải đi trình diện SQ trực nữa.

Thế là tôi được ân xá. Một chân trời mới đang mở ra trước mặt, nhưng tôi vẫn sống trong dè dặt, ít đi phố, để cho thời gian qua mau, cũng như tiếp tục học thêm Thái cực Đạo những ngày cuối tuần.

Thời gian êm đềm trôi. Thông thường thì gần đến ngày mãn khóa, các Quân Binh Chủng đến trường thuyết trình, để mời gọi các tân sĩ quan mới ra trường về phục vụ cho quân binh chủng của mình. Nhưng năm nay binh chủng Nhảy Dù không tuyển chọn, ngược lại quân chủng Không Quân lại có một phái đoàn thuyết trình và sẽ tuyển chọn một số SQ K21 về phục vụ KQ. Riêng tôi thì không muốn đi các binh chủng mà chỉ muốn đi các sư đoàn bộ binh (BB) ở miền Tây như SĐ7, SĐ9 ,và SĐ21. Nếu cùng lắm là SĐ5 và SĐ25. Nhưng tôi lại không biết mình sẽ đứng thứ mấy trong toán để được chọn các SĐ mà mình muốn. Nếu rủi đứng chót trong toán khi còn chổ nào phải đi chỗ đó thì hơi phiền. Vì ngày giờ chọn đơn vị BB sau cùng, nên rảnh rang tôi lên nhà H nghe KQ thuyết trình. Thuyết trình viên là một Đại Úy thuộc bộ tư lịnh KQ, phòng tuyển mộ. Ông cho biết về những điều kiện để được nhận:



Vì các SQ được tuyển chọn thuộc tài khoá phi hành vâ sẽ được huấn luyện loại phản lực F5 tại HOA KỲ nên đòi hỏi phải qua được kỳ khám sức khoẻ phi hành tại trung tâm giám

định y khoa Không Quân ở Sài Gòn. Trong khi chờ đợi kiểm tra an ninh có kết quả, các khoá sinh sẻ được gởi ra Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân ở Nha Trang học Anh văn. Khi thi đủ 40 điểm và có tài khoá thì khoá sinh sẽ được cấp sự vụ lệnh về Saigon làm thủ tục du học.

Tôi không biết bạn tôi nghĩ sao sau khi nghe thuyết trình. Riêng đối với tôi, nghe để hiểu biết chứ đâu có một chút hy vọng gì được về SG khám sức khoẻ. Nhưng tôi vẫn theo dõi, thì được biết KQ yêu cầu trường cho 80 SVSQ từ hạng 1 đến hạng 80 về khám. Trường Võ Bị không thoả mãn yêu cầu của họ vì như vậy sẻ tạo mặc cảm đối với những người đi BB. Do đó, nhà trường mới để cho 8 ĐĐ chọn mỗi ĐĐ 10 SVSQ. Đủ 80 SVSQ về Saigon khám KQ. Có lẽ danh sách gởi về BTL/KQ không có tên tôi, nên một hôm Đại Úy ĐĐT/ĐĐF gọi tôi lên văn phòng. Sau khi trình diện, ông cho tôi biết danh sách của ĐĐ mà ông gởi lên KQ trong đó có 2 người quá tuổi ấn định nên KQ yêu cầu thay thế 2 người khác,

- Tôi cho cậu và một người nữa là Lý ngọc Đức về Saigon khám sức khỏe. Cậu chịu không?

- Cám ơn Đ/U, tôi bằng lòng. Tôi trả lời.

Theo học khoá Rừng Núi Sình Lầy

Được tin về khám sức khỏe cũng là lúc K21 chuẩn bị đi học Dục Mỹ khóa Rừng Núi Sình Lầy (RNSL) thuộc Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân, Dục Mỹ Nha Trang (TTHL/BĐQ). Tại đây K21 phải trải qua các bài học như chạy, nhảy, bò hỏa lực, tuột núi, đi dây kinh dị, tuột dây tử thần, v…v., trước khi đi đến căn cứ núi, rồi căn cứ rừng, và cuối cùng là căn cứ sình lầy. Tổng cộng khóa học là 42 ngày. Chúng tôi thường gọi đùa nơi đã học là "**Trung tâm tàn phá sắc đẹp**", vì rằng sau khi khóa học kết thúc, kẻ thì bị sốt rét, người thì mất 5 kg tới 10 kg, hình dáng thì đen thui, đen thủi, không còn giống hình hài cuả SVSQ VB thuở nào. Bù lại, qua bề ngoài mạnh mẽ, chúng tôi lại trông như những người lính lâu năm

dày dạn phong trần, có cái vẻ oai phong của các ông cọp nơi rừng xanh hùng vĩ, đầy kêu hãnh, và tự tin.

Với quy định hết sức chặt chẽ của Trung Tâm Huấn Luyện, các khoá sinh là các quân nhân (từ hạ sĩ quan trở lên) khi theo học không được đeo cấp bậc. Thay vào đó là các mảnh màu may vào cổ áo. Màu đỏ là sĩ quan, trong khi màu vàng là hạ sĩ quan.

Khóa 21 chúng tôi theo học BĐQ /RNSL trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt. Vào buổi lễ khai giảng, Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN cũng có mặt. Ông nói rằng khoá 21 được phép mang Alpha đỏ trong khi đi học, vì rằng:

1- Nói cho dân chúng tại Dục Mỹ này biết đây là những SVSQ của TVBQGVN.

2- Để các anh nhớ rằng mọi người đang nhìn các anh với những cảm tình đặc biệt, cho nên các anh phải châm chỉ luyện tập, gìn giữ tác phong, và nhất là phải thi hành kỷ luật.

3- Để bù đắp lại những gì mà các đàn anh K20 đã làm, khi họ được huấn luyện tại TTHL/ BĐQ.

Sau này tôi có hỏi các NT K20 về những "sự việc" (*Tôi chợt nhớ tới NT Mẹo là SQ cán bộ, khoá 15 thường hay dung từ ngữ này.*) kể trên thì được biết rằng khóa 20 đi Dục Mỹ học, sau khi mãn khoá. Họ mang "lon" thiếu úy trình diện. Khi cán bộ TTHL/ BĐQ bảo gỡ cấp hiệu khỏi cầu vai, các NT K20 không thi hành và nói ""lon" này do Trung Tướng Nguyễn văn Thiệu gắn v...v…

Mãn khóa RNSL/ Dục Mỹ xong về đến Đà Lạt, 80 SVSQ K21 chúng tôi chuẩn bị quân trang về Saigon khám sức khoẻ. Cùng đi có K22 về diễn hành Quốc Khánh. Khi khám sức khoẻ xong trở về Đà Lạt thì chúng tôi đã đến lúc lo chuẩn bị làm lể mãn khoá ,nào là tập dượt vở kịch "Trận Đống Đa", cũng như nghi lễ cho ngày ra trường.

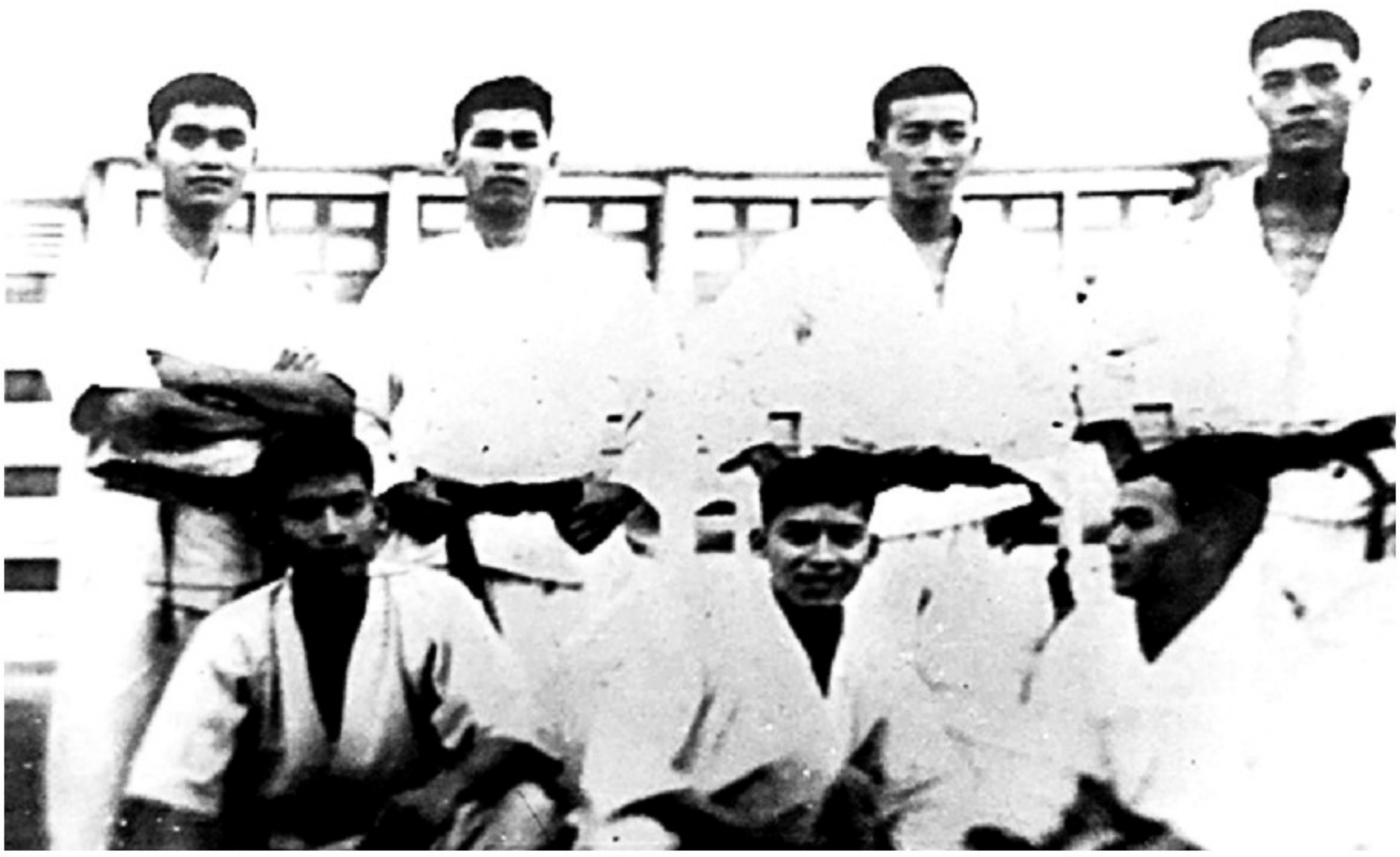
Trong những ngày bận tập lễ mãn khoá thì có tin Không

Quân đã nhận 24 người, trong đó có tên tôi. Như vậy, tôi không cần lo nghĩ đến ngày chọn các sư đoàn bộ binh nữa

Chuyện vui trong ngày mãn khóa của toán biểu diễn Thái Cực Đao.

Trong thời gian bị phạt, tôi đã ghi danh học thêm Thái cực Đạo (TCĐ) vào những ngày cuối tuần, nên được chọn vào toán biểu diễn TCĐ của ngày mãn khóa.

Trong những một buổi tập dợt, một Đại Úy huấn luyện



Toán võ Teakwondo của khoá 21.
(Tác giả đứng thứ hai từ phải.)

viên, là người Đại Hàn, bảo tôi và Phan văn Ngọc, ĐĐ/C, ra đấu với ông ta. Được một lúc không biết Ngọc dùng thứ võ lạ gì đánh trúng, khiến ông ta giận lên, đá cho Ngọc một đá văng vô vách tường. Sẵn trớn ông ta đá vô ngực tôi một cái thiếu điều mất thở. Ngọc để trong bụng. Khi được chỉ định đi mua gạch và ngói cho ngày biểu diễn, Ngọc đã hỏi ông chủ lò gạch chọn hai loại gạch mềm và cứng. Để sau khán đài, anh đã dặn mấy người lính rằng khi nào SVSQ biểu diễn đem gạch mềm ra. Khi nào ông Đại Hàn biểu diễn thì đem gạch cứng ra. Nhưng mọi chuyện không phải lúc nào cũng theo ý muốn. Trước mặt quan khách và vị chủ toạ, sau khi chặt xuống các

viên gạch, chúng đã không vỡ. Ngược lại tay của chúng tôi đã bị rướm máu. Thật xấu hổ khi trình diễn trước Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu và các phái đoàn ngoại giao. Chúng tôi đã chào tay từ giã trong ngượng nghịu. Mấy người lính đã đưa lộn những viên gạch cứng cho chúng tôi.

Ngày 26 tháng 11 năm 1966, cũng tại Vũ Đình Trường Lê Lợi, khoá 21 đã được đặt tên là khoá "**CHIẾN THẮNG NÔNG THÔN**". Một lần nữa, khoá 21 chúng tôi lại quỳ xuống theo khẩu lệnh,"**Quỳ xuống, SVSQ**." và kế tiếp đứng dậy theo khẩu lệnh, "**Đứng dậy, các tân Sĩ Quan.**"

(còn tiếp)



Chúc Mừng Năm Mới!

Mậu Thân 1968, Năm Thân.

Viết về một mùa Xuân đầy nước mắt và khổ đau....

Tina Hong, K19/1

Tuổi thân con khỉ ăn bần,
Nó nhảy quay quần,
Đáng lý phải năm vui,
Nhưng không, ai nấy hỡi ơi,
Vui xuân chưa thâu,
Máu rơi ngập đường,
Nghách, ngõ nào cũng
nhuộm cảnh tang thương,

Cộng nô tàn ác,
gieo tai ương cho dân lành.
Trời xanh ơi hỡi trời xanh,
Sao ông nỡ đành...
tạo cảnh chia ly...!
Tuổi thơ có tội tình chi?
Tuổi xuân chưa hưởng...
chia lìa phu thê..!!!



Vợ chôn chồng,
Con trẻ mất Cha,
Cha Mẹ già khóc con trẻ,
Diễn làm sao tường cho xuể,
bãi tha ma tô xám cả trời xuân,

Đã phá tan, đã giết chết nỗi vui mừng,
Của tuổi thơ khi trông chờ Xuân đến,

Thế là hết, cảnh sum vầy êm ấm,
Bao gia đình tan nát, quá bi thương,
Nỗi đoạn trường trời cao nào có thấu,
Nhìn xác người không ai mà không tưởng,
Tưởng chừng đất trời nộ khí nổi binh đao,
Vây quanh ta và vòng quanh tất cả lớp hàng rào,
Thật lạnh lùng,
Khăn sô phủ đầu xanh không xa xót.

Cùng một lúc, ta chua xót nhận ra,
Kể từ hôm nay,
Chị em ta Được???!!!! Mang thêm tên mới,
Trẻ mồ côi, hay bóng bẩy hơn,
Là CÔ NHI TỬ SĨ,
của một quân nhân,
vừa đền nợ núi sông
Thế là hết, là xong một kiếp người,
Đã buông tay trả hết nợ trần đời,
Nhưng than ôi, tội cho đàn trẻ dại,
và người vợ giờ phải sống chơ vơ,
trong hãi hùng, bi ai đầy ác mộng...

Trước ngọn nến, ngắm di ảnh ông linh động,
Mắt đượm buồn, nhưng không kém vẻ uy nghiêm,
Nhìn chúng ta,
Nhìn một đàn con dại,
đang xúm quanh ôm người Mẹ khổ đau,
Nến lung linh như thương cảm nỗi sầu,
Nỗi mất mát, mối đau thương quằn quại,
Dưới ngọn nến mắt ông như sống lại,
Như trối trăn nhưng không thốt nên lời,
Vừa nuối con, vừa thương xót bạn đời,
Kể từ nay, phải sống đời hắt hiu quạnh quẽ,
Không bút nào có khả năng để kể,

Để truyền hết những nỗi đắng nỗi cay,

buồn làm sao không những chỉ chiều nay,
Mà từ đây và Vĩnh viễn từ đây
Có còn đâu cảnh sum vầy của ngày trước!
Cố bặm môi, ta lê chân từng bước,
Cố bước lần, lần đến chiếc áo quan,
Đang nghiễm nhiên chiếm vị thế của Mẹ,
Rất ngang ngược, rất đáng ghét,
Và ngạo nghễ ôm láy hình hài ông,
mặc lũ con đang thương tiếc khóc ròng,
Đang ngẩn ngơ Cha thành người thiên cổ....
Ta căm phẩn trước chiếc quan tài vô tri ấy.

Ôi!
Mùi gỗ mới đóng cùng mau sơn mới quét,
Cái gì cũng mới sao ta chẳng thấy vui,
Mãi nghĩ suy nên không biết mặn môi,
Ta ngậm ngùi thương Cha ta vắn số,
Trí lang thang theo làn nhang nghi ngút,
Biết bao giờ trút được mối oan khiên,
Ta lịm đi, thấm thêm nỗi muộn phiền,
Ta nghe đau, buốt đau như nghẹt thở...
Dẫu cố bấm môi, mắt vẫn lệ ngập tràn!

11/1/2016
West Hills, Ca.





Dak-Tô và Em

(Tự Truyện- Vương Mộng Long- k20)
(Đã Hiệu Đính)

"Loan em,

Thật là hấp tấp vội vàng viết những dòng này. Anh biết nếu không, sẽ chăng bao giờ còn có can đảm mà viết được nữa. Anh yêu Loan như tình cờ bắt gặp một cái đích, mà từ đã bao lâu, mình tìm kiếm hoài công. Tình yêu đến như bão chớp. Anh sợ là tình đơn phương. Như cách biệt giữa một phương trời, giữa một tâm hồn và một vì sao vừa khám phá, đặt tên.

Đừng cười anh, 'lính gì mà đa cảm!' gặp người có một lần mà đã không thể nào quên được.

Có thể là tầm bậy, Loan ạ. Nhưng dối sao được với chính mình?

Biết khổ thế này, thà đừng đi họp là hơn. Để người khác đi thay lại đỡ rộn lòng.

Có lúc nghĩ lại, đừng cười, phải cám ơn cái ông Tr/U Ninh đã lựa HĐKL/SĐ23 mà ra xét xử.

Nói cho cùng, cũng chỉ là thiên mệnh.

Bây giờ thì anh dừng lại ở em, ở Loan, cảm thấy mình mệt mỏi, không muốn đi tìm nữa.

Có một điều, sợ lời mình chỉ là độc thoại, cô đơn đến thế đó, Loan ơi!

Nhưng dù thế nào cũng viết, cho nó vơi đi! Như nước sông đầy, đổ về biển, lòng biển rộng bao la Loan ạ!

Yêu người, thấy hồn mình chợt đau, đau êm ái, nhưng thật sâu, và thật đậm đà.

Ngày tháng ở đây thật là dài, từ hôm về, từ hôm xa Loan, tất cả thành xa lạ, ngay chính trong phòng của mình. Chỉ còn nhớ, và nhớ cao vọi đỉnh trời. Nhớ kinh hồn!

Hôm em đi học, nằm nhà anh đọc "Ung Thư" trong Văn, thấy anh chàng (quên tên) gọi tên người yêu vang dội cả xóm, anh cười.

Chiều qua, mưa như bão, một mình lái xe ra Biển Hồ, đứng trên đồi cao, bắc loa tay gào thật lớn 'Loan ơi! Loan ơi!' lúc đó mới thấy chàng ta có lý.

'Loan ơi!' tên em bay tung trên mặt hồ, đập vào vách núi, dội lại, và tan trên sóng nước, mưa lớn vô cùng, gọi tên em trong mưa, ướt như ma mà lòng ấm áp dị thường.

Loan ơi! Ừ đó! anh lại gọi tên em bây giờ, khi đang ngồi viết, gọi nhẹ trong hồn mà nó âm vang len vào từng cơ trong thân.

Anh Biện mới lấy xe đi phố, anh trốn Biện vào phòng viết cho Loan, gọi tên em trên giấy. Viết rồi lại xé, đốt tên em, thả gió cho bay tít chín từng trời.

Biện biết chuyện rồi. Tối qua ngồi kể chuyện Loan cho anh nghe. Biện không trách gì anh cả. Hai đêm rồi, ngồi với nhau đến một, hai giờ sáng mới ngủ.

Anh rửa ảnh em thật lớn, có thể ngày mai, ngày kia hoặc chiều nay đem theo hình bóng êm đềm thương yêu nhất vào trận đánh khốc liệt đang đợi chờ.

Chắc khi em đang đọc thư này thì anh đã đi hành quân rồi,

một cuộc hành quân lớn nhất từ đầu năm tới giờ. Đồng thời mẹ anh cũng đang đọc thơ anh, người mẹ thương con hơn cả bản thân mình, anh đã gọi tên Loan bên tai mẹ trong thơ, chắc mẹ sẽ mừng và mẹ sẽ lo, mẹ sợ con bà chưa hội đủ những ước mơ cao vời của Loan, sợ sự cách biệt sang hèn giữa hai nhà. Nhưng anh phải cho mẹ biết, vì anh đã quyết định rồi. Anh chỉ xin mẹ một lần, và nếu không thành, anh sẽ vác ảnh Loan theo bên mình đúng một trăm năm.

Ừ, anh sẽ yêu Loan suốt một trăm năm. Loan ạ!

Sống thiếu bao nhiêu năm, xuống dưới lòng đất, sau cuộc đời này, còn phải trả cho em đủ số, và hơn thế nữa.

Thật là kỳ lạ! Trí óc anh hồi này nó thế nào ấy! Đừng cười anh nghe Loan.

Yêu Loan thật nặng và thật sâu. Nhưng từ biệt không nói được gì, ở gần không nói được gì- Khổ thật! Muốn nói, nhưng nói làm sao? Đứng trơ ra cũng kỳ! Kịp khi lên máy bay còn muôn trở vê, mong chuyên bay hủy bỏ.

Gọi tên Loan cả ngày, Loan có biết đâu? Loan có biết được đâu?

Anh Biện đi suốt buổi trưa, chắc ra quán "Sương" với ông T/u Vy để nghe "Tình Nhớ" rồi, Biện biết anh đang nhớ Loan, Biện để anh yên một mình ở nhà, ở nhà buổi trưa thật im lặng, nhớ em, yêu em đến điên hồn Loan ơi!

Long"

Trên đây là lá thư năm trang rưỡi, viết bằng bút bi mực xanh trên giấy mỏng. Lá tình thư này là một trong những kỷ vật hiếm hoi còn sót lại của gia đình tôi. Những tờ giấy pơ-lua (pelure) rách góc, rạn nứt, ố vàng. Chữ viết trong thư trông như những con giun, rất khó đọc. Có nhiều chữ, bây giờ (2009), tác giả của nó phải nhờ người nhận thư đọc dùm cho, mới biết ngày ấy, bốn mươi năm trước, mình đã viết gì. Kèm với lá thư xưa, còn có, hai tấm

ảnh, mặt sau ghi đầy những giòng chữ xanh mù mịt, một thiệp cưới, năm tờ sách xé từ quyển "Let's Learn English", một trang chúc mừng đám cưới của Tòa Soạn "Nguyệt San Biệt Động Quân" số tháng 10 năm 1970, và một quẻ xâm.

Vào một ngày đầu mùa mưa Pleiku năm 1969, tôi đã viết lá thư này. Tôi đã viết một hơi, không ngừng nghỉ, từ dòng đầu, tới dòng cuối. Tôi cũng không đọc lại, để duyệt lỗi chấm câu, lỗi chính tả. Tôi sợ rằng, nếu đọc lại, tôi sẽ thấy những điều không ổn, tôi sẽ xé nó đi, và không có can đảm viết lại lần nữa.

Cái bì thư đề tên người nhận là cô Đinh Thị Loan 14 A Khu Độc-Lập A Ban-Mê-Thuột, đã dán tem, tôi còn đắn đo với bao nhiêu là câu hỏi nẩy ra trong đầu: Có nên gửi lá thư đi không? Nếu thư tới tay Loan mà cô ấy xé nó đi? Nếu thư tới tay Loan mà cô ấy đã có người yêu? Nếu thư tới tay Loan mà tôi không còn sống sót trở về? Nếu tôi trở về mà chiến trường đã lấy mất một phần thân thể, tôi thành phế nhân? Nếu...

Cuối cùng, tôi đánh liều, trao nó cho ông Bưu Tín Viên KBC 4047 của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân, một ngày trước khi lên trực thăng nhảy vào chiến trường Dak-Tô. Cùng lúc, tôi cũng gửi thư cho mẹ tôi và cho bác Đinh Văn Võ, thân sinh của Loan và Biện.

Truyện tình của tôi bắt đầu từ một chiều Thu 1968. Hôm đó, trên Núi Voi, Đà-Lạt, một chiếc trực thăng tải thương đáp xuống vị trí của Đại Đội 1/TĐ11/ BĐQ để bốc đi những quân nhân đang lên cơn sốt vì bị ong vò vẽ đánh. Chuyến bay này cũng đem tới cho chúng tôi một bao cát sách báo, thư từ. Cả tháng trường lội núi, băng rừng, không thấy thôn làng, phố xá, vừa thấy cái bao cát mang tin tức hậu phương, chúng tôi mừng quá. Tôi cho đơn vị dừng quân.

Sau khi an bài vị trí trú quân đêm, tôi cho phép anh em đốt lửa sưởi và hong giày vớ. Bên bếp than hồng, quan tâm sự với quan, lính tâm sự với lính. Chuyện cửa, chuyện nhà, chuyện gì cũng dốc hết cho nhau nghe. Thiếu Úy Duyên, Chuẩn úy

Biện, và Thượng Sĩ Ngọ có thư. Thư của Biện có cả hình ảnh gia đình. Tựa lưng vào một gốc thông, anh chàng vừa đọc thư vừa tủm tỉm cười. Tôi không có thư, tôi xin đọc ké thư của Biện. Biện không cho. Biện móc trong bì thư, đưa cho tôi xem một tấm ảnh đứa em gái của Biện,

- Tôi có năm đứa em gái.Tôi thương con bé này nhất, nó tên là Loan. Nó hiền lắm, hết giờ học là nó ở nhà phụ giúp me tôi. Me tôi tin cẩn nó lắm, tiền bạc trong nhà giao cho nó quản thủ. Không suy chuyển một xu.

Trong ảnh là một cô nữ sinh, cỡ mười bốn, mười lăm tuổi. Cô bé mặc áo dài trắng, tay phải ôm chồng vở trước ngực. Bàn tay trái đang làm điệu, cong cong, ngoéo về đằng sau. Cô bé cười, cái miệng và cặp mắt thực dễ thương. Chẳng hiểu vì sao, tự nhiên, tôi thấy có cảm tình với người trong ảnh ngay. Cầm tấm ảnh, tôi chợt nhớ gia đình... Tôi đang nhớ mẹ tôi. Mẹ tôi đang ở ngoài Hội-An...

"Ở trong đó, con thương đứa nào, nhớ báo cho mẹ biết. Mẹ sẽ vào hỏi vợ cho con."

Mỗi lần về thăm mẹ, mẹ tôi thường căn dặn tôi câu đó.

Đưa ngón tay trỏ ra móc ngoéo tay Biện, tôi đùa,

- Ông cho tôi "gởi bao gạo" được không?

- Chỉ sợ trung úy không có công chờ. Em nó còn nhỏ quá mà! Nó đang học lớp Đệ Tứ Trung Học Ban-Mê-Thuột.

- Đệ Tứ thì Đệ Tứ! Chờ thì chờ! Có sao đâu? Để có dịp nào ghé qua Ban-Mê-Thuột, tôi sẽ tới nhà ông "coi mắt" người đẹp này.

Tôi trả lại cái ảnh cho Biện, và rồi hai đứa chúng tôi cũng quên mất chuyện này.

Trước Tết năm đó, sau khi chấm dứt hành quân mở đường Đức-Lập, Gia-Nghĩa, đơn vị tôi đã có dịp ghé Ban-Mê-Thuột. Chúng tôi phải trú quân ở phi trường Phụng-Dực hai ngày để chờ phương tiện chuyên chở về Pleiku.

Phụng-Dực chỉ cách Khu Cư Xá Độc-Lập của Sư Đoàn 23 Bộ Binh chừng vài cây số. Gia đình anh Biện cư ngụ tại đây. Ông cụ thân sinh của Biện đang là Thiếu Tá Chỉ Huy Trưởng Tổng Hành Dinh Sư Đoàn.

Ấy vậy, mà tôi quên khuấy lời hứa "gởi bao gạo" cho nhà anh. Tôi cứ nằm khoèo ở sân bay, đọc truyện "chưởng", giao chiếc jeep cho các ông sĩ quan đại đội đi đâu thì đi. Tôi cũng quên cả lời hứa sẽ ghé "coi mắt" cô nữ sinh lớp Đệ Tứ Trung Học Ban-Mê-Thuột.

Rồi một ngày, khăn gói gió đưa, tôi về qua thành phố cao nguyên sương mù bụi đỏ...

Đầu tháng Năm năm 1969, Trung Úy Vương Mộng Long bị chỉ định đích danh, đại diện Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân đi họp Hội Đồng Kỷ Luật tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 23 Bộ Binh để xử phạt Trung Úy Ninh vừa từ quân lao về đáo nhậm liên đoàn. Tôi tới Ban-Mê-Thuột cùng ngày anh Biện (đã lên thiếu úy) từ Dục-Mỹ tạt về thăm gia đình, trước khi nhập khóa Viễn-Thám Dục-Mỹ. Tôi cùng Thiếu Úy Biện đi đón em gái anh, khi cô ta chấm dứt giờ học nhóm ở nhà người bạn gái cùng lớp.

Lúc đó là năm giờ chiều ngày 12 tháng Năm năm 1969.

Vừa thấy mặt em gái anh Biện, tôi nhận ra ngay cô bé này là người trong cái ảnh mà Biện đã cho tôi xem vào buổi chiều Đại Đội 1/11 BĐQ bị ong vò vẽ đánh chạy có cờ trên đỉnh núi Voi, Đà-Lạt.

Khi người con gái ấy bước lên xe, không hiểu vì sao tim tôi hồi hộp lạ. Tôi có cảm tưởng như tôi đã quen người này lâu lắm rồi. Lúc ấy, lòng tôi háo hức như tâm trạng một người đi xa về, vừa gặp lại người thân. Tôi nghe nơi đáy tim mình có một niềm vui rộn ràng, dào dạt, lâng lâng...

Sáng Thứ Hai, Hội Đồng Kỷ Luật do Trung Tá Phùng chủ tọa, chỉ diễn ra chưa tới hai tiếng đồng hồ. Sau khi đóng dấu chứng thực trên sự vụ lệnh, tôi quay lại nhà anh Biện nghỉ

ngơi, chờ máy bay đi Pleiku.

Bác Võ gái bận việc dưới Qui-Nhơn chưa về, nên hai hôm sau, khi anh Biện đi Dục-Mỹ rồi, thì trong nhà chỉ còn tôi, bác Võ trai, Loan, với một đứa em trai, và ba đứa em gái.

Ngoài anh Biện đã đi lính, Loan còn một người chị gái và hai người anh trai hiện sống xa nhà. Do đó mọi việc trong nhà hầu như đều do một tay Loan quán xuyến. Tôi thấy cô ấy quả là một người nội trợ đảm đang. Sáng nào cô ấy cũng dậy thật sớm, pha cà phê cho ông bố, cho tôi, rồi cho bốn đứa em ăn điểm tâm. Sau đó cô bé mới ăn sáng, vừa ăn vừa học bài. Trưa về, cô lại dọn cơm cho cả gia đình, đút cơm cho bé Hồng, xong rồi cô ấy mới ăn cơm. Nhà có u già, nhưng tối tối, tôi thấy cô bé cũng phụ giặt quần áo cho các em. Tôi ngạc nhiên vì sao trong một gia đình khá giả như thế, mà cô ta không hề tỏ ra chút gì kênh kiệu, tự kiêu.

Buổi tối, tôi ngồi ngây, cả giờ, ngắm nhìn Loan ngồi học bài. Cái nét dịu dàng, giản dị, trong sáng, và thơ ngây ấy vừa mong manh, vừa quyến rũ, đã khiến trái tim tôi rung động thực tình. Tôi muốn được ngồi ngắm người ấy suốt đêm. Tôi muốn dang tay ra ôm cái đẹp mơ màng, như sương, như mây ấy vào lòng, nhưng lại sợ rằng một cử chỉ mạnh tay, có thể làm cho nó tan đi mất. Hai chúng tôi không nói chuyện với nhau. Đôi lúc mắt tôi và mắt Loan gặp nhau, cô chớp mắt rồi cúi xuống vở. Mỗi lần như thế, tim tôi lại đập liên hồi. Tôi chẳng biết cô ấy nghĩ gì. Không hiểu cô ấy có thấy cảnh tôi đang bối rối hay không?

Ở Pleiku, khi tiếp xúc với những cô bạn nữ sinh Minh-Đức hay Bồ-Đề, tôi có ấp úng bao giờ đâu? Ở nhà các cô Minh-Đức, tôi đã từng thao thao cho các cô nghe truyện Chúa Jésu hóa phép khiến nước biển cạn tới đáy để dẫn con chiên qua Hồng-Hải. Còn khi ngồi với các cô Bồ-Đề, tôi lại làu làu giảng giải sự tích cây bồ đề của Phật Thích-Ca. Những lần ấy, tôi nói năng suôn sẻ lắm. Truyện Chúa cũng rành, mà truyện Phật

cũng thông! Vậy mà, trong chuyến đi Ban-Mê-Thuột lần này, cái lưỡi của tôi dở tệ! Gần chục ngày ở đây, tôi chẳng nói với cô ta được câu nào cho ra chuyện. Có vài dịp đối diện, tôi định khen cô ấy dễ thương. Tôi muốn nói cho cô ấy biết rằng, nếu tôi được nhìn cô ấy mỗi ngày, tôi sẽ cảm thấy đời hạnh phúc lắm. Nhưng đến lúc cần mở miệng nhất, tôi lại đâm ra bối rối, nói chẳng thành lời.

Những ngày sống trong gia đình này, với tôi, thật là êm đềm và hạnh phúc. Tôi ước gì được ở mãi Ban-Mê-Thuột, không về. Trong một tuần lễ dài, sáng sáng tôi đứng nhìn cô ta lên xe đi học. Rồi đi quanh quẩn trong nhà, đọc sách, nhớ nhung. Tôi chỉ mong sao cho mau tới giờ cô ta tan trường về.



Ở Pleiku, tôi cũng đã quen vài cô học trò trung học, cùng trang lứa với Loan. Nhưng với họ, tôi chỉ tiến tới nửa vời, chưa bao giờ mở miệng với cô nào câu "tôi yêu..." Vậy mà, vừa gặp Loan, tôi đã thấy tim mình rộn ràng, đã cảm thấy cuộc đời mình sẽ bị cột chặt vào đời người con gái đó, gỡ không ra. Tôi tự nhủ thầm rằng, tôi đã tìm thấy người mà mình trông đợi bấy lâu nay rồi. Tôi tự hứa sẽ yêu cô ta trọn đời. Cô ấy hiền lành dễ thương như thế, nếu mai đây tôi lấy được cô ấy, chắc những đứa con tôi cũng sẽ rất dễ thương...

Sự vụ lệnh của tôi cho phép tôi có một ngày họp, và hai ngày đi đường. Đúng lý ra, sau ngày họp, tôi phải trở về Pleiku ngay. Nhưng tôi cảm thấy, tôi không thể rời xa Loan ngay được. Tôi cứ nấn ná ở lại trong nhà cô ta, được ngày nào, hay ngày nấy.

Tôi ở Ban-Mê-Thuột đến ngày thứ năm thì ông tiểu đoàn trưởng, Đại úy Hồ Khắc Đàm (K16 VB), điện thoại gọi tôi về để đi hành quân gấp, ông nói rằng vì tôi bận đi công tác xa, tiểu đoàn thiếu đại đội trưởng, nên ông xin trì hoãn lệnh nhảy vào Dak-Tô.

Qua tin tức từ Đài BBC, Đài Sài-Gòn và Đài Quân-Đội, tôi cũng biết chuyện Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân đang chạm nặng và chờ đợi tăng viện, nhưng tôi cứ phớt lờ.

Tôi ù lì tới mức, ông Trung Tá Tiến, Trưởng Phòng 4/SĐ 23/ Bộ Binh phải đích thân lái xe ra Cư Xá Độc-Lập A, tới tận nhà ông Thiếu Tá Chỉ Huy Trưởng Tổng Hành Dinh Sư-Đoàn để gặp tôi. Ông giao hẹn rằng, đúng ngày Thứ Hai tuần sau tôi phải theo chuyến Beaver đặc biệt để về lại Pleiku. Ông Tiến còn hăm, nếu tôi không chịu về đi hành quân thì ông ta sẽ cho Quân Cảnh áp tải tôi ra máy bay. Đến nước này tôi mới chịu thua.

Sáng ngày 20 tháng Năm năm 1969, dự trù tài xế sẽ chở tôi ra phi trường trước, rồi quay về đón Loan cùng các em đi học. Tới giờ hẹn, tôi nấn ná không chịu đi. Tay cầm cái kiếng mát Ray-Ban, tôi cứ quay quay cái gọng kính, đi đi, lại lại, quanh nhà. Có vài lần, tôi tới bên bàn học của Loan, ngập ngừng định ngỏ lời: *"Loan ơi! Anh yêu Loan!"* nhưng miệng tôi cứ ấp úng, không nói được. Sau cùng do có điện thoại thúc giục của ông Trung Tá Tiến, tôi đành miễn cưỡng leo lên xe ra phi trường L19. Ông Trung Tá Trưởng Phòng 4 Sư Đoàn đang đứng chờ tôi bên chiếc máy bay, ông cằn nhằn,

- Tiểu đoàn đang chờ cậu về hành quân, mà cậu cứ cà rê, cà rề hoài. Nếu cậu không phải là con ông Võ thì tao đưa cậu ra hội đồng kỷ luật rồi đó!

Trung Tá Tiến là bạn của Thiếu Tá Võ. Ông ta tưởng tôi là con trai bác Võ! Bởi vậy ông đã thân mật xưng *"tao"* và gọi tôi là *"cậu."*

Tôi nghĩ bụng: *"Như thế cũng hay! Biết đâu mai mốt mình*

trở thành con rể bác Võ?"

Chiếc Beaver rộng thênh thang, tôi là hành khách độc nhất. Anh trung úy pilot Mỹ cho tôi biết, anh ta sẽ bay thẳng về đáp bên phi trường Holloway, Pleiku. Tôi tâm sự với anh rằng tôi phải về đơn vị để đi hành quân gấp. Tôi không biết ra đi lần này có còn sống sót hay không. Tôi nhờ anh đảo trên nóc trường Trung Học Ban-Mê-Thuột cho tôi vài vòng, hi vọng tôi có thể nhìn thấy người tôi yêu lần cuối cùng.

Nghe tôi tả oán, anh phi công Mỹ động lòng. Chiếc máy bay rà sát ngọn cột cờ trên sân trường Trung Học Ban-Mê-Thuột hai vòng, rồi mới ngóc đầu bay về phương bắc. Trong sân trường đầy học trò. Có nhiều nam nữ sinh ngửa mặt nhìn lên.Tôi chẳng phân biệt được ai với ai.

Về Pleiku, tôi cứ buồn vẩn vơ, nhớ nhung người ở xa. Ngày tháng trở nên dài đằng đẵng. Tiểu đoàn còn nằm ứng chiến chờ lệnh. Ngày nào cũng có những chuyến Chinook tải thương binh từ Kontum về Quân Y Viện Pleiku. Nghe đâu, Tiểu Đoàn 22 Biệt Động Quân bị thiệt hại khá nặng, vừa được rút ra Tân-Cảnh. Tiểu Đoàn 23 Biệt Động Quân còn kẹt lại trong vùng. Tiểu Đoàn 23 Biệt Động Quân đang bị một trung đoàn Cộng-Sản bao vây. Có lúc tôi thấy mình thật là mềm yếu khi nghe tin không vui truyền về từ chiến trường.

Trong tâm trạng rối bời, tôi viết lung tung trên từng trang giấy của quyển Anh Văn "Let's Learn English" những dòng chẳng ăn nhập gì với nhau:

"Anh vẫn biết yêu em là một phiêu lưu nguy hiểm.
Mà sao anh vẫn bắt buộc phải phiêu lưu?
Ô hô! Chí khí lớn không đong đầy một cặp mắt em!"
"Bé Loan, sao mình lại nhớ con bé ấy được nhỉ? Đẹp ở cái mục nào? mà mình lại có vẻ muốn láng quáng? Hiền! ừ hiền! dám nhụt chí anh hùng kỳ này cũng nên! sắp hành quân, đừng nghĩ bậy!"
"Dak-Tô! Dak-Tô! Nghe như một tiếng gọi thật buồn. Ngày

mai anh đi. Bên cái chết, anh sẽ nghĩ gì về em? Loan ơi!"

cuối trang này, tôi đã ghi lại hai chữ "*Loan ơi!"* tới mười tám lần!

Và sau khi nhận lệnh hành quân, tôi viết tiếp:

"Dak-Tô! Dak-Tô! Tôi sẽ gọi tên Loan suốt ngày để tìm một nhiệm màu của tình yêu, hướng dẫn đại đội tôi, trong suốt cuộc hành quân đầy đe dọa này!"

"Đinh thị Loan!.....Dak-Tô!"

Tôi đã tô thật đậm tên Đinh Thị Loan và địa danh Dak-Tô trên trang giấy cuối cùng của quyển sách, rồi yên tâm chuẩn bị lên đường.

Trưa 24 tháng Năm, tôi tập họp đại đội, cho lệnh cấm quân, và trang bị sẵn sàng.

Sáng 25 tháng Năm chúng tôi tới tuyến xuất phát.

Từ Căn Cứ 6 và Căn Cứ Dak-Mot pháo binh Hoa-Kỳ bắn không ngừng.

Ngồi chờ trực thăng nơi cuối phi trường Phượng-Hoàng, tôi thấy xa xa, núi rừng hướng nam, những cột khói bụi bốc cao ngút trời. Trong vùng lửa đạn mù mịt ấy, Trung Đoàn 28/ Mặt Trận B3 Cộng Sản và Tiểu Đoàn 23 Biệt Động Quân đang quần thảo. Vài phút nữa, tôi sẽ bay vào tiếp tay cho quân bạn.

Chúng tôi lên tàu vào lúc buổi trưa. Đại đội tôi lại đi đầu. Bãi đáp sẽ là triền tây bắc của ngọn Ngok Dơrlang, cao 882 mét, nằm cách quận lỵ Dak-Tô chừng 15 cây số về hướng tây nam.

Trực thăng chuyển quân và võ trang bay nườm nượp như ong. Đoàn máy bay chui vào vùng khói bụi. Chưa tới mục tiêu, chúng tôi đã nghe phòng không địch *"Toác!Toác!Toác!"* ròn rã.

Bốn chiếc Cobra đảo lên, chúc xuống. Rocket theo nhau xịt khói *"Oành! Oành!"* Phòng không của Việt Cộng tạm thời

ngưng hoạt động.

Dưới bãi đáp, thương binh nằm la liệt. Trung tá Daniels, cố vấn trưởng của liên đoàn nhảy theo đại đội tôi để tiếp tay quân y Biệt Động Quân. Hai đại đội trưởng của Tiểu Đoàn 23 Biệt Động Quân vừa bị loại khỏi vòng chiến. Họ được chiếc tàu thả tôi xuống, tải thương đi. Một trong hai sĩ quan đó là Đại Úy Nguyễn Thới Tân, bạn cùng Khóa 20 Võ Bị của tôi. Tân bị gãy tay. Tôi chỉ kịp vỗ vai bạn một cái, rồi vội vàng chia tay.

Đạn pháo địch rơi không biết cơ man nào mà kể. Tiếng réo 105 ly của Việt-Cộng cứ *"Xèo! Xèo!"* trên đầu. Đại đội tôi chưa đổ bộ hết, đã có người bị thương vì pháo.

Kiểm quân xong là,

"Xung phong!... Sát!"
"Biệt Động!... Sát!"

Vừa tràn xuống chân đồi, chúng tôi đã gặp B40. Địch thật là chịu chơi! Dám ra mặt nghênh chiến giữa ban ngày.

Lợi dụng hỏa lực hùng hậu của Cobra yểm trợ, Biệt Động Quân tiến lên ào ạt. Từng đợt, từng đợt, chúng tôi mở rộng vòng đai kiểm soát ra xa.

Hết Cobra, quân ta ngừng, chờ F4 C Phantom. Từ lúc đặt chân xuống đất, cho tới khi tiểu đoàn hoàn tất việc chuyển quân, đã có ít nhứt sáu phi xuất F4C và hai phi xuất Skyraiders được xử dụng chỉ riêng cho mặt trận hướng đông nam của tôi.

Đại đội tôi đánh nhanh như vũ bão. Đánh bao vùng từ Nam lên Bắc. Cứ thế, chúng tôi đánh nhau với địch cho tới khi trời tối.

Ra quân ngày đầu, đại đội tôi hạ sát được gần ba chục địch quân, thu gần hai chục vũ khí. Chúng tôi thiệt mất bảy người bị thương, không có người chết. Tôi thầm cám ơn Niên Trưởng Lê Phú Đào (K10VB) vì lời chúc lành, ông đã nói với tôi, khi tiễn tôi lên tàu:

"Chúc chú mi gặp nhiều may mắn. Kỳ này tha hồ mà lượm

súng!"

Đêm ấy, Đại Đội 1/11 có nhiệm vụ phòng thủ tuyến nam của đồi 882. Tôi không thể chợp mắt được một phút nào. Tôi cùng Thiếu Úy Vy và Thượng Sĩ Thống, thường vụ đại đội, luân phiên đi tuần tra các trạm gác giặc. Sau đó, tôi trở lại, ngồi bó gối trong lều. Điếu thuốc trên môi, mắt dõi theo đóm hỏa châu chập chờn, lòng tôi trĩu trong nỗi nhớ.

Nửa khuya, tôi cắm cái écouteur vào chiếc máy thu thanh nhỏ để nghe tin tức. Lúc ấy, trên làn sóng ngắn của Đài Phát Thanh Quân-Đội, đang là chương trình Dạ Lan. Giọng một nữ ca sĩ nỉ non:

"Ngày nao, trên quê hương, vó ngựa hồng gục ngã. Em nhắc đến tên anh, với điệu buồn xa lạ..."

Chiếc AC 47 rời vùng, hỏa châu ngừng soi, pháo binh của ta lại bắt đầu làm việc. Chiến địa sục sôi không ngừng nghỉ phút nào. Đạn đại bác bay vèo vèo. Trong màn đêm, trên các hỏa tập tiên liệu xung quanh Ngok Dorlang, những đóm lửa bừng lên rồi tắt.

Qua một đêm không ngủ, sáng 26 tháng Năm tôi được lệnh mở đợt tấn công mới về hướng chính đông. Đại Đội 4 theo chân đại đội tôi, sẵn sàng tiếp cứu khi đơn vị tôi chạm nặng. Suốt ngày hôm ấy, "Thẩm Quyền 5" đã bay trên đầu, vào tần số nội bộ của tiểu đoàn, theo dõi và cổ vũ cho cánh quân đi tiên phong. "Thẩm Quyền 5" là danh xưng truyền tin của Đại Tá Nguyễn Bá Liên, Tư Lệnh Biệt Khu 24.

Trong năm tiếng đồng hồ, đánh lên, tụt xuống một ngọn đồi không tên tuổi, tôi chiếm được vị trí đóng quân cấp tiểu đoàn của địch.

Trên ngọn đồi cỏ tranh này, các hố cá nhân cũng như cộng đồng của Việt-Cộng, không có bờ đất làm ụ súng. Địch đã san đất cho sát mặt cỏ, rồi ngụy trang miệng hố bằng cành lá khô để tránh sự phát hiện của phi cơ. Vì thế, việc kiểm soát rất khó khăn. Trong khi lục soát mục tiêu, Hạ Sĩ Nghết và Thiếu Úy

Vy, đã chết vì một loạt đạn AK bắn lên từ một hố cá nhân phía sau lưng.

Tài liệu trên xác địch, cho tôi hay, đơn vị địch đang đương cự với Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân bây giờ là Trung Đoàn 66 của Mặt Trận B3. Đó là đơn vị xuất sắc số 1 của Cộng Quân trên chiến trường Tây Nguyên trong thời gian này.

Chiến trường la liệt xác giặc. Hàng trăm vũ khí của địch bị tịch thu chất thành đống nơi đỉnh đồi. Chiến thắng lớn, nhưng lòng tôi buồn vô cùng. Mới vào trận được hai ngày, tôi đã mất một số thuộc cấp thân cận nhứt. Ngoài Thiếu Úy Vy, và Hạ Sĩ Nghết, tôi còn thiệt mất tám người chết và năm bị thương. Hạ Sĩ Trần Đợi, xạ thủ M 60, cùng hai người mang máy truyền tin cho tôi là Binh Nhứt Nguyễn Thiên và Binh Nhứt Nguyễn Cưởng nằm trong số những người chết này.

Với tôi, Vy là một người bạn khá tương đắc, đồng thời là một trợ thủ xuất sắc. Anh là người bà con gần của Đại Tá Liên. Nhiều lần Vy từ chối đề nghị thuyên chuyển về làm việc ở Bộ Tư Lệnh Biệt Khu 24. Bạn tôi nằm đó, nằm yên như đang ngủ. Viên đạn xuyên qua tim một người chiến sĩ ở chiến trường, ngày mai, khi tin về, viên đạn sẽ xuyên qua tim một người vợ trẻ đang chờ chồng ở cư xá Trần Quý Cáp, Pleiku. Vợ của Vy đang mang thai đứa con đầu. Vết thương trong tim người góa phụ không biết tới bao giờ mới thôi nhỏ máu?

Trước ngày hành quân, đại đội tôi có năm sĩ quan. Hai người đang đi thụ huấn là Thiếu Úy Đinh Quang Biện và Chuẩn Úy Đàm Quang Hạ Long, còn lại ba người. Tới tuyến xuất phát, anh sĩ quan đại đội phó của tôi, Thiếu Uy Trần Dân Chủ được điều động sang xử lý Đại Đội 4 thay Đại Úy Nguyễn Lạn (K20 VB) để anh Lạn lên xử lý chức vụ tiểu đoàn phó. Thiếu Úy Vy tử trận, tôi không còn sĩ quan nào dưới tay. Từ giờ phút này, tôi vừa làm đại đội trưởng, vừa kiêm chức Trung Đội Trưởng Trung Đội 2. Trách nhiệm đè nặng trên vai con chim đầu đàn của đơn vị.

Đêm 26 tháng Năm, tin tình báo kỹ thuật cho hay, địch đang tăng cường lực lượng để bao vây và tấn công tiêu hao các đơn vị Biệt Động Quân trong khu vực. Một đơn vị Cộng -Sản đã có mặt trên cái yên ngựa hướng Đông Nam và nhiều cuộc chạm súng rất ác liệt đã xảy ra bên hướng Tiểu Đoàn 23 Biệt Động Quân. Cũng trong đêm đó, một đơn vị Đặc-Công của Việt-Cộng xâm nhập vùng hướng Nam đồi 882 nhưng bị chúng tôi đẩy lui. Gần sáng, một lực lượng đông đảo của Cộng Quân chuyển dịch áp sát chân ngọn đồi do đại đội tôi phòng thủ. Sáng 27 tôi được lệnh xuống núi ngăn chặn mũi dùi này của địch. Thời tiết rất xấu. Mưa to gió lớn. Không yểm giới hạn. Trận đánh cứ giằng co mãi. Chúng tôi đã hạ được hơn hai chục tên giặc, nhưng đại đội tôi cũng hụt thêm gần chục người, vừa chết vừa bị thương.

Sau khi thấy tôi không thể tiến xa hơn lằn ranh kiểm soát ngày hôm trước, Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh cho Đại Úy Lạn dẫn Đại Đội 4/11 lên thay nhiệm vụ của đại đội tôi. Cánh quân này cũng chỉ chịu đựng được nửa giờ, rồi đành phải dội ngược trở lại. Tới chiều, Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng đành rút chúng tôi về vị trí cũ, phòng thủ chung tuyến với tiểu đoàn.

Khi quân ta co cụm lại thì địch tung quân chốt chặn tất cả các điểm nước. Tình hình trở nên trầm trọng. Coi như hai tiểu đoàn Biệt Động Quân đã bị bao vây bởi một sư-đoàn Cộng-Sản gồm Trung Đoàn 40 Pháo và hai Trung Đoàn Bộ binh 28 và 66 của Mặt Trận B3.

Suốt ba ngày ròng rã, từ khi đơn vị tôi nhảy xuống đất, pháo địch không ngừng tàn phá những ngọn đồi chúng tôi trấn giữ. Địch pháo đủ loại, liên tục từ khi mặt trời ló dạng, cho tới khi chạng vạng, nghĩa là khi tiền sát viên Cộng- Sản không còn nhìn thấy mục tiêu để mà điều chỉnh pháo được nữa.

Pháo binh Hoa-Kỳ từ Căn Cứ Hỏa Lực Dak-Mot và Căn Cứ Hỏa Lực số 6 (Ngok Ring Rua) chỉ có thể phủ vùng xung

quanh chúng tôi chừng năm cây số. Pháo 105 ly của địch nằm về hướng biên giới Bắc Cambode, ngoài tầm phản pháo của quân bạn, vì vậy địch tha hồ tưới đạn lên đầu quân ta mà không sợ bị phản pháo.

Mặt khác, lưới phòng không 12,7 ly càng lúc càng chằng chịt thêm, không chừa một khe hở nào cho trực thăng có thể xuống. Quanh bãi đáp, hàng chục thương binh của hai Tiểu Đoàn 11, và 23 Biệt Động Quân đang nằm chờ phương tiện. Giữa bãi là năm sáu cái xác Biệt Động Quân cuộn trong poncho, có cái bị đạn trái phá đánh tung xuống triền đồi. Mùi thối của tử thi bốc lên nồng nặc. Chưa có tải thương thì chúng tôi chưa được phép bỏ ngọn đồi này.

Đêm nay không có dấu hiệu gì của Đặc-Công, nhưng trận đánh này quá căng thẳng, nên anh em không ai ngủ yên được. Tôi ngồi dựa lưng vào một gốc cây khô. Dưới kia là thung lũng sâu, mờ mờ. Trăng thượng tuần bị mây mù che khuất. Trời trở gió. Tôi chui vào lều, bật cái đèn nhỏ cắm từ cục pin PRC 25, tìm tấm bản đồ. Mặt sau cái bao bản đồ hành quân là hai cái ảnh của Loan. Hôm chúng tôi đi chơi thăm Lâm-Tuyền Cốc, Ban-Mê-Thuột, Loan đã chụp một cái ảnh đứng một mình, và một cái khác ngồi trên tảng đá, bên cạnh anh Biện. Về Pleiku, tôi phóng hai tấm ảnh lớn ra, cắt bỏ hình anh Biện, giữ hình Loan lại. Ngày lên đường vào Dak-Tô, tôi để hai ảnh Loan đàng sau tấm bản đồ. Lần đầu trong đời, tôi nặng lòng thương nhớ một người con gái. Vào chiến trường, với hai tấm ảnh của nàng, tôi cảm như nàng đang ở bên tôi. Tôi thấy đôi mắt to đen đang nhìn tôi, và miệng nàng đang cười chúm chím. Không biết hôm nay Loan đã nhận được thư của tôi chưa? Không biết sáng mai em đi học, trời mưa hay nắng? Không biết em có nhớ gì tôi không?

Tôi mở ba lô, lấy quyển sổ tay, ghi lại tâm sự của mình,

Đêm trên đồi 882
(Gởi người tình nhỏ ở Ban-Mê-Thuột)

Từ ba ngày nay
Trực thăng không dám xuống bãi này.
Những viên trái phá đã rơi và sẽ còn rơi...
Tiếng "départ" từ vùng Ba Biên Giới,
Chẳng còn gì để sợ, nhưng nghe thật buồn.
Và nắp hầm trú mỗi ngày mỗi dầy thêm
Như những nấm mồ
Rồi cũng thành những nấm mồ!
Cho những người vĩnh viễn nằm xuống,
Trong trận đánh tuần qua, ngày qua...
Nếu tuần sau, ngày sau,
Bãi đáp này không còn ai dám hạ.
Tôi mồi điếu Lucky cuối cùng
Để thấy thấm dần, đầu lưỡi đắng cay...
Bây giờ em đang làm gì ở Ban Mê Thuột?
Cầu trời
Đừng ai kể cho em nghe
Tôi đang nghĩ về nôi chết
Nghĩ về ngày em đi lấy chồng...
và nỗi buồn vô cùng
Buổi tối
Trên đồi 882
Những viên trái phá đã thôi rơi
hay những viên trái phá chỉ ngưng rơi?
Màu trắng dưới thung lũng này
Màu áo của em
Hay chỉ là màu trắng của sương?
Trời tháng Năm
Hướng đông thật tối
và hướng tây cũng thật tối
Tôi gọi thầm
Giờ này, em đang làm gì ở Ban Mê Thuột?
Em ơi!
Rồi hình như tôi đã thở dài
Hay tôi vừa nghe người lính gác thở dài!...

Nửa đêm, B52 đánh ầm ầm vùng Tam Biên Sau đó Spooky bao vùng, liên tục bắn phá những vị trí phòng không trên các chỏm núi.

Mờ sáng ngày 28 tháng Năm, hai chiếc HU1 D bất thình lình rà sát đọt cây, ào xuống đem hết thương binh đi. Tôi được lệnh mở đường xuống núi. Bên trái trục tiến của đại đội tôi có cánh quân của Đại Úy Nông Đức Chiêu, Tiểu Đoàn Phó TĐ 23/BĐQ. Bên phải trục tiến của đại đội tôi có cánh quân của Đại Úy Nguyễn Thông (K17VB), Tiểu Đoàn Trưởng TĐ 23/BĐQ. Đại đội tôi giữ vai trò tiên phong trong đội hình tam giác mũi trước.

Hai tiểu đoàn Biệt Động Quân dựa lưng vào nhau, tìm mọi cách để đục thủng vòng vây của hai trung đoàn địch. Chúng tôi vượt qua một cái yên ngựa rồi leo lên ngọn 843.

Hôm sau, 29 tháng Năm, chúng tôi đổ dốc về hướng Tây Bắc. Chúng tôi di chuyển trong một địa thế tối nguy hiểm, hai bên là núi cao vách đứng, rừng rậm, tầm quan sát thật là hạn chế. Trưa hôm đó, đoàn quân chui vào một khu rừng rậm rạp nằm về hướng tây bắc cao điểm 785.

Tới chiều thì chúng tôi bị địch phát giác, chúng âm thầm chuyển quân bôn tập. Nơi ngã ba một con đường mòn chúng tôi bị địch chận đánh dữ dội. Phi pháo hoàn toàn bất lực vì mây mù, rừng rậm, cây cao.

Tôi nỗ lực đánh bật một gọng kìm của địch bên cánh phải. Đại Đội 1/11 thoát ra ngoài vòng vây. Sau khi chiếm được một ngọn đồi nhỏ, tôi cho quân bố trí chờ quân bạn. Phía sau lưng tôi thật là hỗn loạn, súng nổ như pháo ran. Chúng tôi mất liên lạc với bộ chỉ huy tiểu đoàn trong thời gian hơn một tiếng đồng hồ. Tới khi tái liên lạc được, ông tiểu đoàn trưởng bắt tôi dẫn quân đánh ngược trở lại, cứu tiểu đoàn. Sau nửa giờ liều mạng, đánh vùi, tôi mới phá vỡ được vòng vây, bắt tay được cánh quân của Đại Úy Đàm.

Trong cuộc hỗn chiến vừa qua, Trung Úy Khuê Khúc

Khanh, Đại Đội Trưởng Đại Đội 2/11 và Thiếu Úy Trần Dân Chủ, Xử Lý Thường Vụ Đại Đội Trưởng Đại Đội 4/11 đã bị thương nặng. Đại đội tôi thiệt hại khoảng mười người chết, và gần chục người khác bị thương.

Đêm 29 tháng Năm, khi tình hình tạm yên, tôi cho lệnh chôn cất những anh em vừa tử trận ngay trên ngọn đồi chúng tôi đang chiếm ngự. Bố quân xong, tôi lại đem hai cái ảnh ra, viết sau bức hình thứ nhứt:

"Dak-Tô, Tân-Cảnh 29/5. Mặt trận thật khốc liệt. Đại đội tôi chết và bị thương hết một nửa rồi. 9 giờ đêm, địch pháo kích dài dài. Đơn vị tôi đã bị bao vây, mười phần chỉ còn hy vọng có 1 phần thoát được.Tôi đem ảnh Loan ra ngắm. Lạy trời! ngày mai sáng sủa hơn. Tôi yêu Loan vô cùng. Loan hiền lành và đôn hậu. Tôi phải vượt được trận này để về gặp vợ tôi. Vợ tôi, Loan yêu quý của tôi."



Thật là lạ lùng! Tôi chưa nói với cô ấy một lời nào, mà sao tôi có cảm tưởng như cô ấy đã là một phần của cuộc đời mình, như cô ấy đã là vợ mình, từ lâu lắm rồi. Cô ấy như một cái đích khiến tôi phải phấn đấu, để sống còn, để trở về. Mỗi khi nghĩ tới cô ấy, tôi lại thấy lên tinh thần. Trong tình thế này, tôi như con thuyền trong bão tố, Loan như ngọn hải đăng. Loan trở thành ánh lửa hi vọng, dẫn lối đưa đường cho tôi vượt qua hiểm nghèo. Hôm sau tôi viết tiếp:

"Dak-Tô, Tân-Cảnh 30/5. Sáng ra thấy một ngày thê thảm nữa. Anh em bị thương quá nhiều. Anh mang ảnh Loan ra ngắm, để tìm những hi vọng mong manh. Anh vẫn còn tin

tưởng, có thể mở đường máu mà ra. Anh phải ra được để về với Loan, Loan yêu của anh. Những giờ phút đau khổ và tuyệt vọng nhất là những lúc anh yêu Loan nhất. Loan ơi! Loan!"

Khi sương mù chưa tan, tôi đã phải đi quanh vị trí, kiểm điểm quân số, an ủi những người bị thương, tác động tinh thần thuộc cấp, chuẩn bị lên đường. Vì số người bị thương khá nhiều, nên tôi cố tránh né giao tranh. Khi qua một con suối, vì hai bên là núi cao, nên cánh quân bên phải của Tiểu Đoàn 23 Biệt Động Quân do Đại Úy Nguyễn Thông chỉ huy đã nhập vào cánh quân của đại đội tôi.

Trưa 30 tháng Năm, chúng tôi chạm địch trở lại. Dưới chân ngọn đồi không tên, có cao độ 700 mét, trận ác chiến đã kéo dài tới năm giờ chiều. Địch dàn hàng đông như kiến. Chúng cố dồn chúng tôi vào một thung lũng hẹp để dễ bề tiêu diệt. Vì sợ bị sa lầy trong vòng vây, chúng tôi phải xin pháo binh bắn liên tục tiếp cận, tạo một hàng rào chắn, rồi rút sang khu rừng bên hướng đông, ém quân chờ đêm xuống.

Trong tình cảnh nguy ngập này, hai tiểu đoàn Biệt Động Quân phải tách ra, rút theo hai hướng khác nhau. Đại Úy Thông dẫn quân rẽ sang trái, tìm cách bắt tay với Đại Úy Chiêu, nhưng toán cố vấn Hoa-Kỳ của anh đã không theo kịp đơn vị, nên họ nhập chung vào toán cố vấn của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân, vì thế, cánh quân của Tiểu Đoàn 11 Biệt Động Quân có tới sáu cố vấn Mỹ.

Tối 30 tháng Năm, lợi dụng ánh trăng, tôi cho quân tiếp tục di chuyển chậm.

Đường đi thật là chật vật, gian nan. Chúng tôi đi qua hai vị trí đóng quân cấp tiểu đoàn của địch, những vị trí này có cần anten cao, dây điện thoại, và nhà bếp với những cái chảo nấu ăn rất lớn.

Lúc chúng tôi vượt qua một con suối sâu thì cánh quân của ại Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng bị lính gác của Cộng-Sản phát giác. Ông tiểu đoàn trưởng bị một tên giặc nắm tay hỏi

mật khẩu, ông ta bèn dùng giọng Bắc-Kỳ trả lời,

- *Bạn đây mà! Buông tôi ra!*

Nhờ có bóng đêm che chở và giọng nói miền Bắc, ông tiểu đoàn trưởng thoát hiểm.

Đến khi toán quân đoạn hậu và đoàn tải thương tới bờ suối thì địch nổ súng. Đại đội tôi được lệnh dừng lại yểm trợ cho bộ chỉ huy tiểu đoàn và các đại đội bạn vượt lên phía trước. Địch không truy kích, nhưng trong tình thế nguy kịch này, ông tiểu đoàn trưởng không dám cho đơn vị quay lại cứu những quân nhân bị thương còn kẹt lại bên kia bờ. Kể từ giờ phút đó, một số thương binh, trong đó có hai ông Đại Đội Trưởng Đại Đội 2/11 và 4/11 coi như bị mất tích.

Rạng sáng ngày 31 tháng Năm, tôi rơi vào vị trí trú quân cấp đại đội của địch. Địch còn ngủ. Tôi ngửi được mùi khói do bùi nhùi chống muỗi của địch bốc lên từ các hầm hố cá nhân. Vì trời đã sáng, thế chẳng đặng đừng, chúng tôi bắt buộc phải xung phong. Lựu đạn nổ âm âm. Tất cả các hầm hố địch đều bung lên. Chỉ có vài tên địch sống sót, bỏ súng, chạy thoát thân.

Chúng tôi nhanh chóng thiết lập công sự phòng thủ, vì các đơn vị địch quanh vùng đang bắn báo động và bắt đầu chuyển dịch chặn đường tiến của chúng tôi.

"Xè!... Xè!... Oành!"

Những viên cối địch đã bắt đầu rơi trên tuyến dàn quân của tiểu đoàn.

Khi tôi đang đi quanh vòng đai đê đôc thúc anh em đào hầm hố thì một mảnh 82 ly cắm phập vào vai trái, xô tôi về phía trước. Tôi thấy tay chân rũ liệt, mắt hoa, đầu óc tối xầm. Toàn thân tôi chợt nặng như chì. Tôi gục xuống như con chim bị ná. Y tá Đào lăn xả tới bên. Anh nhanh tay cởi cái áo *"Sô"* của tôi ra. Anh cắt bỏ phần trên chiếc áo trận tôi đang mặc để dễ bề băng bó vết thương cho tôi. Hạ Sĩ Nguyễn Phượng Hoàng

và Hạ Sĩ Phạm Công Cường đặt tôi ngồi trong một hố cá nhân.

Pháo địch tăng nhịp tới tấp. Mỗi lúc đạn bay *"xè! xè!"* tới gần, hai người đàn em này lại nằm đè lên miệng hố, dùng thân mình che chắn đạn, bảo vệ cấp chỉ huy của họ. Cái tình thày trò, huynh đệ chi binh ấy thật là cao quý, biết lấy gì so sánh nổi?

Sau đó chừng nửa giờ, địch phát động đợt xung phong mở đầu cho một ngày kịch chiến. Hướng Đại Đội 4/11 và bộ chỉ huy tiểu đoàn bị đánh rất dữ dội. Mỗi khi địch tạm ngưng tấn công thì pháo cối của địch lại tái hoạt động. Cứ thế tình trạng tái diễn liên tục từ sáng cho tới xế chiều. Cũng may, hôm ấy trời quang mây tạnh, không quân Mỹ đã yểm trợ tiếp cận rất chính xác và hiệu quả, chặn đứng mọi đợt biển người của Cộng Quân.

Tôi bị lên cơn sốt cao. Chú Đào chích cho tôi 1 triệu đơn vị Pénicillin để phòng ngừa uốn ván. Sau đó chú Đào dùng băng cá nhân cột chặt tay trái tôi vào với thân mình, để cho tôi bớt cảm giác đau đớn. Chú Cường nấu vội cho tôi một ly cà phê.

Tôi để cái bản đồ trước mặt. Vừa uống cà phê, tôi vừa ngắm nhìn cái ảnh của Loan. Lúc này, trong trí óc tôi hiện ra hình ảnh hai người đàn bà, mẹ tôi và Loan. Tay tôi cầm bút, và lòng tôi chùng hẳn xuống:

"31/5 Tôi bị thương nặng rồi, thế là hết hy vọng em ơi! Loan ơi!"

Rồi những dòng chữ nhảy múa trước mắt tôi. Có lẽ vì đói bụng và vì mất quá nhiều máu, tôi ngất đi. Tôi ngất đi, rồi tỉnh lại, vài ba lần. Tới khi gunships yểm trợ cận phòng, y tá Đào mới dám bò sang để chích thêm một mũi Vitamin C cho tôi. Vết thương bắt đầu hành. Tôi run lập cập vì lên cơn sốt.

Tới năm giờ chiều, Đại Úy Tiểu Đoàn Trưởng gọi tôi lên máy. Anh nói rằng sẽ cho y tá xuống khiêng tôi, và đại đội tôi sẽ mở đường máu rút trước, để bộ chỉ huy tiểu đoàn theo sau. Tôi từ chối đề nghị này. Tôi nói với anh Đàm rằng tôi tình

nguyện đánh cản cho các đại đội bạn và bộ chỉ huy thoát chạy. Còn đơn vị tôi, tôi sẽ có kế sách sau.

Khoảng mười phút sau, Đại Úy Đàm và Đại Úy Lạn bò sang vị trí Đại Đội 1/11. Hai người dơ tay chào tôi, mắt hai anh đỏ ngầu, lệ lăn trên má,

- Vĩnh biệt Long nhé!

Tôi ra lệnh cho đơn vị mình đông loạt tác xạ yểm trợ cho các đại đội bạn tháo chạy. Khi quân bạn không còn trên vị trí, tôi mới chuẩn bị cho đại đội mở đường máu.

Sức tôi đã yếu lắm rồi. Tôi không thể tự di chuyển được. Trong tình trạng này, nếu thuộc cấp mang cáng tôi theo, tôi sẽ là gánh nặng cho họ. Hiện thời tôi còn một tay phải có thể xử dụng. Với ba khẩu M16 xếp trên miệng hố cùng gần hai chục băng đạn tôi có thể bắn cầm chừng trong mười phút để đồng đội rút đi.

Tôi ra lệnh cho chú Cường bò về phía trung đội súng nặng mời Thượng Sĩ Thống, thường vụ đại đội lên gặp tôi ngay.

Đạn địch nổ như bắp rang, vậy mà người hạ sĩ quan già vẫn, bước xổng lưng, không chịu bò,

- Trung úy có bớt đau không? Hai cây đại liên hết đạn. Thằng Ngẫu (trưởng khẩu cối) cũng bị thương rồi. Hướng trung đội chỉ huy địch bắn rát quá, chắc tụi nó sắp xung phong. Tôi không bỏ tuyến lâu được đâu. Không có người chỉ huy, sợ vỡ tuyến mất.Trung úy có lệnh gì cho tôi vậy?

- Ông Đàm và ông Lạn chạy rồi. Bây giờ tôi ra lệnh cho ông hướng dân Trung Đội 2 và ban chỉ huy đại đội mở đường máu. Thượng sĩ Ngọ Trung Đội 1 và Thượng sĩ Lược Trung Đội 3 sẽ tiếp theo sau khẩu cối. Tôi bị thương nặng, không đi nổi. Tôi không muốn anh em chết lây vì tôi. Tôi sẽ ở lại, bắn yểm trợ cho ông và anh em rút đi. Làm ngay! Mau đi!

Thượng Sĩ Thống chụp lấy cánh tay tôi, ông la lớn,

- Ủa! Trung úy điên hả? Trung úy ra lệnh cho tôi bỏ cấp

chỉ huy mà chạy hả? Trung úy khinh tôi vừa thôi chứ! Trung úy nhớ lại đi! Ngày trung úy xuất viện trở về Đại Đội 1, tôi đang giữ chức thường vụ tiểu đoàn cho Đại úy Đàm. Tôi đã xin về làm thường vụ đại đội cho trung úy. Chỉ vì tôi quý mến trung úy. Mình đã sống cùng sống, chết cùng chết, bao lâu rồi! Vậy mà gặp lúc hiểm nghèo, trung úy ra lệnh cho tôi rút lui, để trung úy ở lại... Trung úy coi rẻ tôi! Trung úy nỡ lòng nào đối xử với tôi như thế? Đau khổ quá đi! Trung úy ơi!... hu...hu.. hu...

Ông thường vụ già khóc rống lên. Tôi cảm động, dơ tay bịt mồm ông ta lại,

- Rồi! Tôi hiểu rồi! Được rồi! Ông ở lại với tôi! Chúng mình bắn cản đường cho anh em chạy.

Thượng Sĩ Thống nắm chặt tay tôi rồi la lớn,

- Tao với trung úy sẽ bắn cản cho tụi mày, đứa nào muốn chạy thì chạy về hướng triền đồi bên trái! Nhanh lên! Nhanh lên!

Tôi thấy từ tuyến phòng thủ bên trái, Thượng Sĩ Ngọ và vài người nữa ôm súng đâm bổ xuống đồi. Một anh cố vấn Mỹ phóng theo những người này, miệng anh ta lảm nhảm như đang cơn mê sảng,

- My Lieutenant! My Lieutenant!

Hình như anh ta đã phát điên? Có lẽ người chỉ huy của anh ta đã chết hay thất lạc đâu rồi. Dưới chân đồi, hướng toán quân vừa rút chạy, từng tràng RPD nổ ròn. Tôi không rõ số phận anh lính Mỹ và Thượng sĩ Ngọ ra sao.

Mặc dù Thượng Sĩ Thống đã hai, ba lần lớn tiếng ra lệnh cho đại đội rút chạy, nhưng tôi thấy không còn ai muốn rời vị trí nữa. Tôi kêu những quân nhân còn lại của Trung Đội 1 di chuyển sang lấp chỗ trống của những người chết nơi trung đội chỉ huy.

Súng lớn, súng nhỏ lại rền vang. Những quả lựu đạn chày tới

tấp rơi trên vị trí của Đại Đội 1/11 cùng tiếng quân reo. Hình như bọn địch đang tiến lên thuộc sắc dân thiểu số Tày, Nùng, Thượng Du Bắc Việt,

"Xung phóng xưởng! Xung phóng xưởng! Giết! Giết! Giết!..." Nhiều tiếng thét đồng loạt, rợn người.

"Xung phóng xưởng! Xung phóng xưởng! Giết! Giết! Giết!..." Tiếng thét nghe thật lạ tai, thật man rợ.

Nhưng những quân nhân Biệt Động Quân còn trụ lại trên ngọn đồi này vẫn kiên trì, không nao núng.

Chú Hoàng và chú Cường núp sau cái thân cây nằm ngã ngang ngay trước miệng hố cá nhân của tôi. Hai tay súng dày dạn này cứ từ tốn, đốn từng tên địch xuất hiện trong tầm ngắm.

Năm sáu quả lựu đạn chày bay tới, chạm thân cây gỗ, tưng lên, rơi ngược trở lại. Chừng một phút sau là những ánh lửa chớp nhóa, cùng với tiếng *"Oành! Oành!..."* rào rào, mưa đất đá, khói đen bốc cao.

Tôi cảnh cáo hai đứa đàn em,

- Coi chừng tụi nó nhào tới đó nghe Hoàng, Cường!

Thình lình một cái nón cối nhô lên, đối diện ngay mặt tôi, bên kia thân súc gỗ. Thấy tôi ngồi dưới hố nhìn lên, có lẽ tên lính Bắc-Việt giật mình, quay đầu tránh họng M16 đang chĩa ngay mặt nó.

Tôi bóp cò. Một thân người cao lớn bật lên. Tên Bắc quân ngã ngửa, vắt người trên thân cây gỗ, đầu chổng ngược xuống đất, cái nón cối treo tòn ten ngay cổ. Hố cá nhân của tôi nằm sau cây gỗ, nên mặt tôi bất ngờ đối diện với một cái mặt nát bét, máu me, với đôi mắt lòi tròng nhìn tôi trân trân. Máu từ cái đầu vỡ phun xuống cái nón cối, rồi từ đó đổ xuống ngực tôi. Máu nóng tưới ướt hết phần trên ngực áo tôi. Cái băng cột tay trái tôi với người tôi trở thành mầu đỏ. Chú Hoàng vội nhoài người đẩy cái thây ma đó về hướng bên kia thân cây gỗ súc.

Hai đợt biển người của địch bị đẩy lui. Đợt thứ ba mở đầu với hàng loạt pháo 82 ly tập trung. Cối địch nhiều không biết cơ man nào mà kể, từ tứ phương, tám hướng, nã đạn xuống đầu chúng tôi. Cối vừa dứt, tiếng xung phong đã ở sát chân đồi. Trên tuyến phòng thủ bên phải tôi, khói M 26 và khói thủ pháo đen kịt, mù mịt. Nhiều bóng người chạy qua, chạy lại, lên, xuống.

Hướng bên trái, là nơi Trung Đội 1 của Thượng Sĩ Ngọ đã bỏ trống, súng cũng nổ loạn xạ. Rồi xảy ra các cuộc vật lộn, tiếng *"Huỳnh huỵch!...Huỳnh huỵch!"* lẫn với tiếng la hét. Thì ra hai cánh quân của địch, từ hai hướng khác nhau, cùng xung phong lên một mục tiêu, đang đánh lầm nhau! Như vậy là, chúng đã tràn ngập vị trí đại đội tôi rồi!

Tôi để cái máy PRC 25 trên đùi, vào tần số không lục. Có tiếng điều không tiền tuyến Hoa-Kỳ từ L19 đang gọi các toán cố vấn của Tiểu Đoàn 11/BĐQ và Tiểu Đoàn 23/BĐQ. Không có tiếng trả lời.

Tôi đánh liều, kêu cứu bằng bạch văn,

- Mayday! Mayday!
- Who are you?
- A Ranger Commander!
- Any American is there?

Giờ phút này, tôi không thể cho người đi xác nhận xem có còn cố vấn Mỹ nào trên ngọn đồi này không. Tôi đáp liều,

- No one! We've been overrun! Bomb on the target! Please!
- Verify your name! Okay?
- Long! Lieutenant Long!

Một phút sau,

- Okay! Give me a target!
- Red smoke, Okay?
- Okay!
- Thank you!

Trái khói đỏ kẹp giữa hai đùi, tôi móc ngón tay trỏ vào khóa an toàn, rút chốt...

Tôi đặt quả khói hướng về phía địch đang tiến lên.

"Boóc!"

Khói phụt ra cuồn cuộn. Khói cuồn cuộn, đỏ tươi như máu...

Tôi chợt thấy lòng mình nhẹ tênh, nhẹ tênh, như buổi nào một mình dạo chơi thư thái bên bờ Biên Hồ năng hanh, hiu hiu gió. Mắt tôi mờ đi,

- Mẹ ơi! Mẹ ơi! Con là đứa con bất hiếu! Mẹ ơi!

Gió đưa khói bay lên, tới ngọn cây, chênh chếch về hướng tây...

- Em Loan ơi! Thôi nhé! Từ nay, chúng mình sẽ chẳng còn nhìn thấy nhau nữa! Cầu trời phù hộ cho em hạnh phúc một đời! Vĩnh biệt! Em ơi!...

Trái rocket từ L19 đã đánh trúng tàn cây trên đầu tôi. Khói trắng phủ một góc ngọn đồi. Có tiếng Phantom F4C trên cao. Rồi một ánh chớp chói lòa ào tới, mắt tôi bỗng tối om. Tôi lơ mơ như lạc trong cõi đầy sương mù. Tôi thấy Loan mặc áo dài trắng, tay ôm tập vở, từ sân trường bước ra, tiến về phía xe tôi đang chờ. Tôi thấy miệng người mình yêu dấu đang cười. Nụ cười của nàng thật là đôn hậu...

Tôi không biết rằng mình đã hôn mê trong bao lâu. Tôi tỉnh dậy, cựa mình, khi nghe tiếng chú Hoàng sụt sịt,

- Ông thày ơi! Ông thày bỏ tụi em sao? Ông thày ơi!.. .hu... hu... hu...

Thấy tôi nhúc nhích, chú Hoàng la bài hải như bé con thấy mẹ về chợ,

- Ông thày còn sống! Thái Sơn còn sống! Anh em ơi!

Chú Cường đỡ tôi ngồi lên miệng hố.Tôi mở mắt ra. Trời đã tối. Dưới ánh sáng mờ mờ, vài khuôn mặt đang chăm chú quan sát tôi. Tôi không nhìn rõ mặt từng người, nhưng tôi cảm

thấy rằng, những đôi mắt nhìn tôi đang ướt lệ. Hỏa châu lập lòe soi trên chiến địa hoang tàn. Ngọn đồi giờ này trông thực ghê rợn, thê lương. Trên đồi, quân ta và quân địch chết xen kẽ nhau, không phân biệt được đâu là xác bạn, đâu là xác địch.

Những tử thi đè lên nhau, có xác còn găm vào lưỡi lê gắn trên đầu súng AK hoặc M16. Một vài xác Biệt Động Quân cụt đầu, không rõ vì bị chém bằng dao đi rừng hay bằng mã tấu? Nhiều đợt sáp lá cà đã diễn ra, ngay sau khi Đại Úy Đàm và ba đại đội bạn rút chạy. Cây gỗ chặn ngang trước hố cá nhân của tôi đã bị bom đánh văng đi đâu mất tiêu. Chú Hoàng và chú Cường bị sức bom đẩy lăn xuống cái hố bom cũ sau lưng tôi. Chú Cường trở thành người điếc, không nghe được nữa. Vạt rừng hướng Tây trước mặt tôi bị bom cày nát bươm. Thì ra, lúc khói trắng của trái rocket bốc lên, gió đổi chiều đông tây. Bom đã đánh nhích về hướng chân đồi vài chục mét. Nhiều đợt bom đã ồ ạt dội trên đội hình của Cộng Quân. Trận mưa bom này khiến quân địch tán loạn.

Có những tiếng rên nho nhỏ của người bị thương nằm rải rác đâu đây. Tôi cho lệnh chú Hoàng và Thượng Sĩ Thống đi tìm những quân nhân còn sống, hoặc bị thương. Tôi không có thời giờ kiểm kê xem có bao nhiêu quân nhân Biệt Động Quân đã chết. Mười phút sau chúng tôi tập họp được hai mươi sáu người của Đại Đội 1/11. Bên bộ chỉ huy tiểu đoàn còn vài ba quân nhân, trong đó có Trung Úy Hồ Bé, sĩ quan Ban 3, anh này bị sốt rét, đang lên cơn, nằm mê man dưới hố cá nhân. Anh Bé không biết rằng bộ chỉ huy tiểu đoàn và ba Đại Đội 2, 3, 4/11 đã mở đường máu rút đi rồi. Trên sườn đồi hướng đông, chúng tôi tìm được ba cố vấn Mỹ sống sót, hai bị thương nặng. Các đại đội khác còn khoảng trên dưới mười người, đa phần bị thương vì thủ pháo và súng bắn tay.

Những Biệt Động Quân thoát chết, mặt mũi người nào cũng nám đen vì khói bụi. Tôi cho lệnh số người còn lại này bố trí thành một vòng cung nơi triền Tây Bắc của ngọn đồi. Ban Quân Y của tiểu đoàn còn hai nhân viên. Họ bị thương không

nặng lắm, nên có thể tiếp tay với y tá của Đại Đội 1/11 băng bó tạm thời cho thương binh.

Sau trận chiến, không còn cái máy truyền tin nào nguyên vẹn có thể xử dụng được. Thượng Sĩ Thống và Binh Nhì Mãng lãnh nhiệm vụ đi thu lượm những máy PRC còn vương vãi trên chiến trường. Sau đó chúng tôi săn nhặt các bộ phận còn xử dụng được của các máy truyền tin, lắp ráp được ba cái, đủ để liên lạc khi di chuyển. Tôi liên lạc được với Trung Tá Trịnh Văn Bé, Liên Đoàn Phó Liên Đoàn 2 Biệt Động Quân. Trung Tá Bé nằm trên Căn Cứ Hỏa Lực số 6. Căn Cứ 6 nằm trên cao độ 1001 mét nên liên lạc truyền tin với chúng tôi rất dễ dàng. Trung Tá Bé cho tôi tần số của một tiểu đoàn thuộc Trung Đoàn 42 Bộ Binh nằm cách chúng tôi chừng năm cây số.



Thì giờ cấp bách lắm rồi! Nếu không di chuyển khỏi nơi này gấp, địch sẽ quay lại, và cái chết coi như cầm chắc trong tay. Lúc kiểm kê số người bị thương hiện diện, tôi phát hiện ra hai cán binh Bắc-Việt bị thương nặng, nằm lẫn trong đám thương binh Việt-Nam Cộng-Hòa. Tôi không nỡ ra tay giết hai thương binh Cộng-Sản, nhưng chúng tôi không thể khiêng cáng họ theo được. Tôi cho lệnh băng bó, chích thuốc Penicillin cho họ, rồi để họ nằm lại trên chiến trường, không rõ ngày mai họ sẽ ra sao.

Lúc tôi ra lệnh di chuyển thì xảy ra chuyện rắc rối. Anh

Trung Sĩ Cố Vấn Terry Walker bò tới mượn tôi cái máy truyền tin để anh ta liên lạc với cấp chỉ huy của anh. Sau khi liên lạc được với Trung Tá John Daniels, cố vấn trưởng, Trung Sĩ Walker đề nghị tôi đóng quân tại chỗ, chờ ngày hôm sau sẽ có trực thăng tải thương, vì Trung Sĩ Attaya bị đạn vỡ xương hông, và viên sĩ quan pháo binh Hoa-Kỳ (tôi không biết tên) cũng bị mảnh B40 ghim đầy mình, không thể đi theo chúng tôi được. Tôi trả lời anh ta rằng, mọi người phải đi khỏi nơi này, càng nhanh càng tốt. Vì nếu chúng ta nấn ná không đi, địch sẽ quay lại, rất nguy hiểm.

Sau khi trao đổi với cấp chỉ huy của anh ta vài lời, Trung Sĩ Walker rút súng Colt ra, chĩa nòng ngay ngực tôi, cảnh cáo,

- Nếu ông di chuyển, buộc lòng tôi phải giết ông!

Tôi cười,

- Anh không phải là người mới tới làm việc với chúng tôi. Anh đã biết tôi là người thế nào rồi. Tôi sẽ cho người luân phiên dìu những người bị thương nặng, kể cả hai người Mỹ.

Rồi tôi đổi giọng, dõng dạc,

- Hiện giờ tôi là cấp chỉ huy ở đây! Tôi ra lệnh cho tất cả di chuyển! Ai không tuân lệnh, tôi sẽ bỏ lại trận địa. Hãy cất súng đi và thi hành lệnh! Nếu không, anh sẽ không còn dịp để hối hận!

Nghe tôi trả lời dứt khoát như vậy, anh trung sĩ Mỹ ngẩn mặt ra. Anh ta cũng đã nhìn thấy, dù trong ánh hỏa châu lập loè, có năm sáu họng súng M16 đang chĩa vào đầu anh ta. Anh thất vọng cúi đầu,

- Tôi xin lỗi ông!

Tôi cắt hai người phụ với Walker dìu hai viên cố vấn Mỹ bị thương. Rồi người lành dìu người què, chúng tôi lên đường. Tôi nằm trên võng, tấm bản đồ trên ngực, cái địa bàn trên tay. Tôi điều chỉnh hướng đi. Thượng Sĩ Nguyễn Hữu Thống và Hạ Sĩ Voòng A Mãng mở đường. Bốn người (Hạ

Sĩ Cường, Hạ Sĩ Hoàng, Hạ Sĩ Xét và Binh Nhì Vở) luân phiên khiêng võng cho tôi. Đoàn thương binh tiến rất chậm, nhưng đội hình tác chiến vẫn sẵn sàng. Trên đường, chúng tôi phải nổ súng hai lần để vượt qua hai trạm báo động của địch quân. Gần sáng, chúng tôi gặp địch vài lần nữa, nhưng vừa tao ngộ, chúng đã tháo chạy vào rừng. Hình như những toán Việt-Cộng đi lẻ trong khu vực cũng đang thất lạc đơn vị?

Sáng Mồng Một tháng Sáu, đoàn quân của tôi bắt tay được một cánh quân của Trung Đoàn 42 Bộ Binh, do Đại Úy Nguyễn Thanh Danh (K19 VB) chỉ huy. Một giờ sau, đoàn tàu tải thương Hoa-Kỳ được điều động tới để di tản thương binh đi. Chiếc tàu thứ nhứt do Trung Tá Daniels chỉ huy dành riêng cho tôi và hai thương binh Hoa-Kỳ.

Khi chúng tôi bốc lên cao khỏi ngọn cây thì phòng không Việt-Cộng bắt đầu tấn công bãi đáp. Việc tản thương bị gián đoạn khá lâu.

Chiếc trực thăng vừa đáp trên phi đạo Phượng Hoàng, Trung Tá Daniels liền nhảy xuống trước; ông nhoài người vào lòng tàu để kéo tôi ra ngoài. Ông bế tôi trên tay rồi lúp xúp chạy về hướng khu nhà vòm của trạm y tế nơi đầu phi đạo. Được nửa đường, ông Daniels chuyền tôi sang tay một sĩ quan Mỹ vừa từ khu nhà tôn chạy ra tiếp sức. Người này cao lớn hơn ông Daniels, nhưng không nặng nề như ông Daniels. Ông ta bế tôi gọn lỏn. Nằm áp mặt sát cái bảng tên, tôi đọc được tên người đang bế mình là "Clark". Trên ve áo của ông thêu con ó màu đen. Trên ngực ông thêu ba bông mai trắng với đế vàng. Ông đại tá cố vấn đặt tôi lên bàn để nhân viên y tế Mỹ cấp cứu, rồi quay ra ngay.

Sau khi băng bó lại vết thương cho tôi xong, y tá đặt tôi lên cáng rồi khiêng tôi ra sân trực thăng chờ Chinook.

Lúc này, có lẽ đoàn trực thăng tản thương đã bốc được thêm người, và đang quay trở lại. Năm, sáu chiếc HU1D nối đuôi, đáp hàng dài theo phi đạo. Cánh quạt máy bay cuốn bụi

lốc, cuồn cuộn, mịt mù.

Cùng lúc đó, vang vọng lại những tiếng "Ùm! ùm! ùm!..." từ thung lũng hướng Tây Nam: Địch bắt đầu một trận pháo kích bằng hỏa tiễn 122 ly và 107 ly!

"Xèo! Xèo! Xèo!..." "Oành! Oành! Oành!..." Ước lượng có khoảng gần hai chục trái hỏa tiễn địch đang xé gió bay tới.

Thương binh nhảy vội ra khỏi tàu, năm rạp xuống đất. Vài chiếc trực thăng cố gắng bốc nhanh lên cao tránh đạn.

Tôi thấy trong màn khói, Đại Tá Clark đang xốc nách Hạ Sĩ Ngẫu, xạ thủ cối 60 ly của tôi, dìu anh đi về hướng trạm xá.

Một trái rocket nổ sát bên, ông đại tá ngã xuống, anh hạ sĩ ngã xuống theo: họ trúng thương rồi!

Hai người nằm đè lên nhau. Máu của họ hòa vào nhau, tràn trên mặt cỏ, thấm vào lòng đất.

Có tiếng gọi nhau ơi ới từ khu nhà tôn. Rồi một toán bốn y tá chạy vội ra; họ xôc nách, dìu ông đại tá Mỹ và anh hạ sĩ Việt-Nam về trạm cấp cứu.

Khi đi ngang chỗ tôi, thấy tôi dơ tay chào, ông đại tá mỉm cười đáp lại. Lúc ấy máu từ đầu ông đang tràn qua mặt, xuống cằm, rồi rơi trên ngực, nhuộm đỏ cả ba bông mai trắng với cái đế kim tuyến màu vàng.

Nhiều năm qua đi, nhưng trong trí óc tôi vẫn chưa quên được khúc phim bi hùng đã xảy ra trên phi đạo Phượng Hoàng ngày hôm ấy.

Xế trưa, Chinook đưa tôi và bôn chục thương binh khác về tới Quân Y Viện Pleiku.

Tới chiều, hậu cứ tiểu đoàn ở Biển Hồ cũng nhận được tin cánh quân của Đại úy Đàm đã tới được vị trí quân bạn.

Cũng như lần bị thương trước, tôi từ chối nằm trong phòng dành cho sĩ quan của Quân Y Viện Pleiku. Tôi muốn được nằm nơi phòng chính, cùng với những thương binh hạ sĩ quan và

binh sĩ. Phòng chính thì đông vui hơn phòng sĩ quan nhiều. Tôi để hai cái ảnh của Loan dựa vào cái gối trên đầu giường bịnh của mình.

Hai ngày sau, một toán ba người đại diện Sư Đoàn 4 Hoa-Kỳ vào thăm Trại Ngoại-Thương 2/ Quân Y Viện Pleiku. Họ đi thẳng tới giường tôi. Ông Tướng một sao Hoa-Kỳ, cao ngỏng, cao nghều, siết chặt tay tôi khen ngợi,

- Trung úy rất xuất sắc! Tôi thay mặt quân đội Mỹ và thân nhân của hai thương binh Mỹ xin gửi tới trung úy lời cám ơn đã cứu mạng hai thương binh Mỹ trong trận đánh vừa qua ở Dak-Tô. Đại diện Đại Tướng ... tôi xin trao tặng trung úy một huy chương Hoa-Kỳ. Trung úy có thể ngồi dậy cho tôi choàng huy chương lên cổ trung úy được không?

Thấy hai tấm ảnh của Loan trên đầu giường, ông hỏi,

- Ai đấy? Có phải em gái trung úy đó không?

- Thưa Chuẩn tướng. Cô ấy là người tôi yêu. Cô ấy là động cơ giúp tôi vượt qua trận này. Ông hãy choàng huy chương cho cô ấy đi!

Ông Tướng cười lớn,

- Trung úy nói phải đó. Đôi khi những người thân ở hậu phương có ảnh hưởng rất quan trọng tới vận mệnh của chiến trường.

Sau khi một sĩ quan Mỹ tuyên đọc cái công lệnh ân thưởng huy chương cho tôi, ông Tướng Mỹ đặt cái hộp màu xanh đựng tấm huy chương đồng với chữ "V" xuống đầu giường, rồi nghiêm chỉnh choàng sợi dây đeo huy chương đó lên hình cô nữ sinh Đệ Tứ Trung Học Ban-Mê-Thuột. Ông cũng trao tặng tôi vài số báo Anh Ngữ có bài tường thuật chi tiết trận chiến đẫm máu vừa xảy ra ở Dak-Tô. Xong việc, ông lui lại một bước, đứng nghiêm, dơ tay chào tôi. Tôi lễ phép dơ tay chào lại. Tôi cám ơn ông đã tới thăm tôi và nhờ ông chuyển lời cám ơn của tôi tới quân đội Hoa-Kỳ vì họ đã tích cực yểm

trợ chúng tôi qua trận đánh này.

Hôm sau nữa, phái đoàn ủy lạo của Quân Dân Chính Pleiku và Quân Khu 2 do Trung Tướng Lữ Lan, Tư Lệnh Quân đoàn II dẫn đầu, cũng tới thăm viếng thương binh. Ông Tướng Vùng đã có lần giáp mặt tôi khi ông đi thị sát chiến trường sau một trận đánh trong khu rừng già vùng hướng nam phi trường Cam-Ly, vào mùa mưa năm 1968.

Ông Tướng choàng lên cổ tôi một sợi dây tòn ten tấm huy chương có gắn nhành dương liễu, rồi vỗ vai tôi, thân mật,

- Chú mi khá lắm!

- Vâng! Thưa Niên Trưởng, tôi còn sống đây!

Ông Tướng là Võ-Bị khóa đàn anh, còn tôi là Võ-Bị khóa đàn em khá xa. Anh em chúng tôi trao đổi với nhau bằng ngôn từ Võ-Bị. Người ngoài nhìn vào, khó thông cảm nổi.

Trong đoàn nữ sinh đi ủy lạo thương binh hôm ấy có vài ba cô học trò đã từng thăm Ngoại-Thương 2 trong dịp Tết Mậu-Thân. Vừa bước vào phòng, các cô đã nhận ra người quen,

- Tội nghiệp! Anh trung úy này lại bị thương nữa rồi!

Các cô bu quanh hai cái ảnh tôi để trên đầu giường, xầm xì với nhau,

- Em gái anh ấy trông dễ thương quá!

Tôi lại được một cô hát cho nghe:

"Kiếp nào có yêu nhau, thì xin hẹn tới mai sau.
Hoa xanh khi chưa nở, tình xanh khi chưa lo sợ..."

Sau đó, các cô em gái hậu phương ân cần trao cho tôi gói quà ủy lạo.

Thời gian này, bạn bè khóa 20 Võ Bị của tôi đều đã lên cấp đại úy, kể cả những bạn từ khi ra trường, chỉ ngồi trong các văn phòng ở Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn II.

Riêng tôi (bị phạt vì vụ Phật Giáo Miền Trung 1966), sau

bao lần vào sinh, ra tử, vẫn còn lận đận, mang cái lon trung úy nhiệm chức. Còn năm tháng nữa tôi mới hết hạn phạt treo lon trung úy thực thụ. Do đó, những tấm huy chương, những lời ngợi khen của thượng cấp, những bài ca của người hậu phương, là niềm an ủi lớn lao cho tôi, sau mỗi lần bị thương nặng phải nằm quân y viện.

Tôi đã từ chối ký tên vào Bản Y Bạ do Hội Đồng Y Khoa đề nghị ra Loại 2 không tác chiến. Tình huynh đệ chi binh đã giữ chân tôi ở lại với binh chủng Biệt Động Quân. Tình quân dân, hậu phương, tiền tuyến, của người Pleiku đã giữ chân tôi ở lại với Vùng 2 gió bụi mưa bùn.

Cuối năm 1969 tôi hết án phạt treo lon, được tính hồi tố cấp trung úy thực thụ kể từ ngày 1 tháng 11 năm 1967.

Giữa năm 1970 tôi được lên đại úy nhiệm chức. Dịp này, Trung Tá Bùi Văn Sâm, Liên Đoàn Trưởng LĐ2/BĐQ, đã hứa với tôi trong bữa tiệc khao lon ở vũ trường Mimosa, Pleiku, do ông khoản đãi,

- Một ngày sau khi ông có nghị định lên đại úy thực thụ, tôi sẽ giao tiểu đoàn cho ông.

Đầu năm 1971, Trung Tá Sâm đã giữ lời, cho tôi chỉ huy tiểu đoàn, không qua chức tiểu đoàn phó.

Năm 1981, trước khi trút hơi thở sau cùng trong trại tù "cải tạo" Z30C, ông đã nài nỉ cán bộ Công- An Cộng-Sản chỉ huy trại giam cho phép ông được thấy mặt tôi lần cuối cùng. Tôi bị giam ở bên "Nhà Đỏ" cách khu "Nhà Trắng" của ông một cái sân rộng và bốn lớp rào kẽm gai. Cán bộ Việt-Cộng cương quyết từ chối, không cho tôi sang thăm ông. Ông đã ra đi vào một ngày cuối đông.Trung tá Bùi Văn Sâm là một trong vài cấp chỉ huy nặng nghĩa, nặng tình, mà tôi không thể quên.

Sau trận Dak-Tô, những ngày còn nghỉ dưỡng thương, những ngày nghỉ hành quân, tôi lại tìm cách ghé Ban-Mê-Thuột thăm Loan. Tôi miệt mài vun đắp tấm tình yêu tôi dành cho nàng.

Tôi và anh Biện sau đó không còn ở chung đơn vị. Nhưng dù ở cách xa nhau, bạn tôi đã thấy tôi giữ lời: *"Chờ thì chờ, có sao đâu..."* nên bạn tôi hết lòng ra sức giúp đỡ cho mối tình của tôi và em gái anh sớm đơm bông.

Và từ đó, mỗi lần tôi về Hội-An thăm mẹ, mẹ tôi không còn nhắc câu:

"Ở trong đó, con thương đứa nào, nhớ báo cho mẹ biết."

Vì con bà đã báo cho bà biết nó thương ai rồi.

Mẹ tôi đã không quản công khó đường xa, thường xuyên, đi, về, thăm gia đình bác Võ.

Mỗi khi gặp xóm giềng, mẹ tôi thường hãnh diện khoe:

"Con bé ấy con nhà giầu mà thật là đẹp người, đẹp nết. Một mình nó quán xuyến công việc trong nhà đâu vào đấy. Nó đã nhu mì hiền hậu, mà còn học giỏi nữa chứ! Thằng Long nhà tôi thật là có phúc..."

Gần hai năm sau, khi vừa thi xong kỳ thi đệ nhứt lục cá nguyệt lớp Đệ Nhị, mười bảy tuổi rưỡi, Loan lên xe hoa về làm dâu Võ-Bị.

Sau trận Đak-Tô, lâu lâu tôi lại gửi đăng trên Nguyệt-San Biệt Động Quân vài bài thơ viết từ chiến địa. Ngày nhận tờ giấy cho phép kết hôn từ Bộ Tổng Tham Mưu, tôi hí hửng thông báo cho ông đại úy chủ bút Hàng Vĩnh Xuân biết tin này; anh Xuân bèn phong cho tôi chức "Thi Nhân" trong lời chúc mừng tôi cưới vợ in trên Nguyệt San Biệt Động Quân số 10 năm 1970.

Mối tình của chúng tôi đã trưởng thành, nở hoa, kết trái trong khói lửa chiến tranh.

Chiến tranh càng leo thang, chiến tranh càng khốc liệt, chúng tôi càng cảm thấy yêu nhau hơn.

Mãi sau này, vợ tôi kể lại,

"Nhận được thư anh, ba cứ cằn nhằn me mãi. Ba hỏi me

rằng me có hứa hẹn gì với anh không mà anh dám gửi thư cho ba, cho em? Ngày đó em đã biết yêu là gì đâu? Đọc thư anh xong, em đã để lá thư trên bàn, mấy đứa em của em cũng len lén thay nhau đọc. Em còn đem lá thư đó hỏi ý kiến con Chên, bạn em, để tìm phương cách đối phó. Bởi thế, thư trả lời anh, em tô đậm câu, 'em mong được làm em của anh thôi. Em chưa nghĩ tới việc lấy chồng.'

Sau đó, mẹ anh từ Hội-An vào thăm nhà. Mẹ anh nói vì anh sớm mồ côi cha, mẹ mong có cháu nối giõi. Mẹ anh cứ đi đi, về về, năn nỉ ba me. Me em thì thấy anh hiền lành, lại thương anh côi cút, ý me cũng muốn nhận anh làm con rể.

Thời gian này, em cũng chợt nhận ra, có điều gì là lạ đang thay đổi trong em. Em nghe quen tiếng anh nói, giọng anh cười, ánh mắt anh nhìn. Em thầm trách anh đã làm đời em xáo trộn. Em chỉ mong sống lại thời còn bé tí, vô tư. Em đã viết đầy trên bìa vở, những câu, 'ước gì ta nhỏ lại năm bẩy tuổi...tuổi ấu thơ là tuổi thần tiên...tại ai mà mình cứ thương cứ nhớ, không học hành gì được cả...' Nhưng những lúc vắng anh, em lại thấy buồn, thấy nhớ. Những ngày anh đi hành quân, em thấy lo. Từ khi biết yêu anh rồi, em tự nhủ thầm rằng, suốt đời em sẽ yêu mình anh thôi.

Ngày mẹ anh được ba em nhận lời cho em sẽ làm dâu của mẹ, em và mấy đứa bạn lên chùa Dược-Sư xin xâm. Được quẻ xâm, em dấu biến. Quẻ xâm thật là dễ sợ! Em không dám cho ai coi, kể cả anh. Mãi tới khi anh được tha về sau 13 năm tù cải tạo, tai ương qua rồi, em mới để anh xem Phật đã dạy gì trên lá xâm đó.

Trong suốt bao nhiêu năm, nuôi con, chờ chồng, em đã làm theo lời khuyên trên quẻ, 'Nhẫn tâm theo dõi con đường trượng phu.'

Và Trời Phật đã thương tình, ngó lại, phù hộ cho gia đình mình được xum họp, vẹn toàn, vạn sự bình an."

Ba đứa con gái đầu của chúng tôi đều sinh ra vào những

ngày tôi lặn lội nơi chiến trường.

Tội nghiệp nhứt là thằng con trai út, chào đời ba tháng sau ngày Sài-Gòn thất thủ. Tới năm nó tròn mười hai tuổi, tôi mới bằng lòng cho thằng bé lên trại tù Z30 D thăm bố lần đầu; năm sau tôi được thả ra khỏi trại.

Chúng tôi đã cống hiến trọn vẹn tuổi trẻ của mình cho đất nước quê hương. Nay quê hương đất nước không còn, phải sống cuộc đời lưu vong, người lính Biệt Động Quân và cô nữ sinh Ban-Mê-Thuột năm nào đã thành ông bà, nội, ngoại.

Không biết thời gian còn được bao lâu nữa? Cho tôi có thể trả nợ cho người tôi yêu, như tôi đã hứa trong bức thư tỏ tình bốn mươi năm về trước?

"Ừ, anh sẽ yêu Loan suốt một trăm năm. Loan ạ!
Sống thiếu bao nhiêu năm,
xuống dưới lòng đất, sau cuộc đời này,
còn phải trả cho em đủ số,
và hơn thê nữa."

Seattle, tháng 5 năm 2009





Đóa Hồng Tặng Mẹ

Cao Xuân Thanh Ngọc , K14/1

Hằng năm, cứ đến mùa Lễ Vu Lan, bao giờ tôi cũng không khỏi bồi hồi xúc động và rất nhiều hãnh diện khi tôi chọn một cánh hoa hồng đỏ xinh nhất, tươi thắm nhất để nhờ các chị trong gia đình Phật Tử cài lên ngực, nơi trái tim tôi xao xuyến với biết bao nhiêu tình thương yêu dành cho Mẹ! Tôi hãnh diện vì còn có Mẹ bên cạnh là phải, vì từ lúc nhỏ cho đến ngày khôn lớn, mỗi ngày tôi đều có thể kể với Mẹ đủ điều, từ việc lớn đến việc nhỏ, để nhận được những lời khuyên bảo thích đáng, những an ủi khích lệ, và những cái vuốt ve trìu mến. Tôi luôn yên tâm với "Hậu Phương" đó-chỗ dựa tinh thần luôn ấm áp của tôi!

Dù ở tuổi nào, lúc còn bé hay đến nay đã trưởng thành, tôi luôn thấy mình bé bỏng, luôn là con "Mèo con" của Mẹ. Bài hát "Bông Hồng cài áo" vang vang đâu đây, tôi đã thuộc lòng lời của thiền sư Thích Nhất Hạnh với lời ca dịu dàng, ngọt ngào về mẹ làm lòng tôi lâng lâng khó tả:

"*Mẹ, mẹ là dòng suối dịu hiền, mẹ, mẹ là bài hát thần tiên, là bóng mát trên cao, là mắt sáng trăng sao, là ánh đuốc trong đêm khi lạc lối...*"

Trong sân chùa của ngày lễ Vu Lan, khi những cô thiếu nữ, những em bé, những chàng thanh niên cài trước ngực đóa hoa màu trắng, tự nhiên lòng tôi lại dấy lên những ngậm ngùi đầy trắc ẩn, tôi thấy trong mắt họ có những phảng phất buồn đau.

"Mất Mẹ là mất cả bầu trời". Có người bảo thế, và tôi thấy câu đó thật là đúng! Đêm về tôi chỉ tâm nguyện, và cầu xin cho Mẹ tôi được bình an, sức khỏe tốt để sống đời với con!

Trước kia Mẹ là cô nữ sinh Đồng Khánh khả ái, với mái tóc dài đen nhánh, yểu điệu trong tà áo dài màu tím hoa sim, đã từng làm ngẩn ngơ những chàng trai phố cổ Hội An. Thế rồi trong một lần đại đội thám báo của Ba hành quân ngang qua nhà ngoại, người đại đội trưởng, với vóc dáng của chàng trai Võ Bị oai hùng với một chút phong sương của bụi đất miền xa còn vương trên áo trận, đã làm "ai đó" động lòng. Mỗi khi đoàn xe nhà binh nào qua ngang nhà, "người thiếu nữ ấy" lại đưa mắt dõi trông theo với lời chúc cầu an lành cho người đang xông pha ngoài trận chiến. Chỉ ít lâu sau, Ba đã trở thành một trong những thành viên của dòng họ "Trần Xuân" của gia đình Mẹ!

Rất nhiều lần Mẹ đã kể cho chúng tôi biết lý do tại sao gia đình chúng tôi lại "trôi dạt" về vùng quê hẻo lánh Long Khánh với rừng cao su ngút ngàn, với những rẫy cà phê và vườn cây ăn trái. Mẹ còn giải thích cho chúng tôi biết một câu mà chúng tôi nghe rất khó nhớ: "*Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu*." Đại khái là sống trong gia đình phải theo cha, nghe lời cha mẹ, lập gia đình phải phụ thuộc theo chồng. Bà ngoại nói:

- "*Có chồng thì phải theo chồng. Chồng đi hang rắn, hang rồng cũng phải theo!*"

Thế là Mẹ phải theo Ba về "hang rắn" Long Khánh vì lúc bấy giờ Ba đang đóng quân tại đó!

Trong hoàn cảnh chiến tranh chạy loạn, mặt trận Xuân Lộc đang dầu sôi, lửa bỏng. Ba tôi đã theo sát đơn vị, vốn là Sư Đoàn 18, kh ông thể về nhà. Mẹ đành lặng yên ngồi ôm các con cho đến lúc ngoài đường thấp thoáng những người mang dép râu, nón cối. Mẹ cũng như bao người dân miền Nam khác đau đớn, tuyệt vọng khi nghĩ về một tương lai đen tối đang chờ phía trước. "Khóc nhục, rên hèn, van yếu đuối!" Mẹ đã

nhớ lại bài học giảng văn bằng tiếng Pháp năm Đệ Nhất, nên thầm nhắc lại câu ngạn ngữ đó nhiều lần. Thương các con tha thiết, Mẹ thấy mình không thể ngã gục trước nghịch cảnh éo le. Vừa cúi xuống lau nước mắt, thu gom chút ít tiền bạc còn rơi rót lại sau ngày chạy loạn, Mẹ quyết tâm về lại Long Khánh với bầy con dại...

Trên con đường đất đỏ lầy lội, gập ghềnh ổ gà vì bom đạn cày xới, các con vẫn li bì ngủ trong vòng tay Mẹ đang ở t ên xe. Nhìn những khuôn mặt ngây thơ đáng yêu, Mẹ bỗng chảy nước mắt. Những gì đang đón đợi, những ngày tháng sắp tới sẽ như thế nào đây? Con gà mái mẹ thương yêu đàn con đang xoè cánh ra ôm ấp trong lòng để che chở cho các con được ấm áp, no đủ. Liệu một mình Mẹ có chu toàn nổi hay không khi Ba vắng nhà? Sóng gió cuộc đời liệu có đưa đẩy Mẹ và các con đến vùng trời bình yên, hay bão táp đang chực chờ phía trước?

Rồi chiếc xe đò cũng về đến bến, và dừng lại, mọi người lục đục kéo xuống. Một vài người gồng gánh xuống trước, đã tốt bụng giúp Mẹ bồng tôi, để Mẹ còn dắt các chị và anh trai tôi xuống. Mấy túi xách lát đựng vài bộ áo quần, và chút ít gạo, mắm muối cũng chỉ một mình Mẹ xách. Cho các con nghỉ mệt bên mấy cái giỏ đệm, Mẹ cảm thấy rất ngao ngán, lòng thật rối bời. Không biết tối nay mấy Mẹ con sẽ đi về đâu?

Lúc vừa xuống xe, một người đã kề tai Mẹ nói nhỏ:

- "Nhà của ông bà Trung Tá bị chiếm mất rồi. Tụi bộ đội đang ở mấy ngày nay. Bà về cũng đừng mong xin lại được đồ dùng trong nhà!"

Mẹ nghe như sét đánh ngang tai. Sự thật phủ phàng quá! Mới chưa đầy 2 tháng trước đây, khi Xuân Lộc bắt đầu bị pháo kích, mọi ng ười lục đục di tản thì Ba từ đơn vị về. Ba xin được 2 ngày phép để thu xếp đưa Mẹ và chúng tôi lánh nạn về Sài Gòn.

Mẹ kể lại, Ba đã cố gắng thu xếp hành lý bỏ lên xe, và

còn tự lái xe Jeep đưa đi. Mẹ thì trên tay bồng tôi còn đỏ hỏn mới sanh. Các chú lính cũng hết lòng giúp đỡ cho gia đình chúng tôi về Sài Gòn an toàn. Mẹ nghĩ ngày gia đình rời Xuân Lộc, đầy đủ gia đình. Hôm nay trở về, sao lại thiếu vắng Ba? Sao Mẹ con tôi lại thê thảm thế này? Những tia nắng rớt còn vương trên những ngọn cây cao su bên kia đường trước chợ, cũng nhạt nhoà theo nước mắt của Mẹ tôi...

Tiếng nổ máy của một chiếc xe lam vừa vào bến, kéo Mẹ tôi về thực tế. Xe đỗ ngay chỗ mấy Mẹ con đang ngồi. Một thanh niên từ chỗ ngồi lái, nhảy khỏi xe, tiến đến cạnh Mẹ và la lớn:

- "Cô, em là Bút, học trò năm lớp 4 của cô đây! Cô mới về hả? Cô đi đâu? Để em đưa cô và các em về!"

Mẹ chợt đứng lên cầm tay anh Bút và nghẹn ngào trong nước mắt:

- "Cô cũng không biết về đâu nữa!"

Anh Bút chợt nhớ ra, bóp tay Mẹ rồi mạnh dạn nói:

- "Cô yên tâm, về nhà em, đừng lo gì nữa!"

Mẹ mừng quýnh, cảm giác khi đang vấp bênh trên sóng nước và có người vứt cho tấm ván! Mẹ nhìn anh Bút, đang vừa xách "hành lý" của Mẹ, vừa dắt phụ các anh chị tôi lên xe. Mẹ bảo lúc đó, nhìn anh Bút mà tưởng như gặp được vị Bồ Tát đang cứu khổ, cứu nạn chúng sinh.

Mẹ đâu có ngờ cuộc đời của Mẹ thay đổi quá nhiều khi Mẹ quyết định đi theo Ba, lao theo những thăng trầm của đất nước, nhiêu lúc tưởng như quá sức chịu đựng của một người đàn bà yếu đuối. Tháng 6 năm 1975, Ba đi tù Việt Cộng từ Long Giao, Suối Máu, Yên Bái, Vĩnh Phú, Hà Nam Ninh, Hoàng Liên Sơn cho đến Gia Rai. Mẹ ở nhà với đàn con dại, lớn nhất là chị Hai tôi mới 7 tuổi cùng 4 đứa emnhỏ nhất là tôi, được 4 tháng tuổi. Tôi cũng không thể nào nhớ được đã bao nhiêu lần mẹ con phải bị "di tản" trong suốt thời gian 10

năm Ba bị tù đày. Tôi chỉ biết Mẹ rất khổ cực, bương chải với cuộc sống đầy thiếu thốn, vừa lo cho chồng trong tù. Hình ảnh của Mẹ chẳng khác gì người đàn bà trong những câu thơ của Trần Tế Xương:

"Quanh năm buôn bán ở ven sông
Nuôi đủ năm con với một chồng
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo xèo mặt nước buổi đò đông"

Mẹ cũng có rất nhiều câu chuyện dở khóc dở cười với đàn con thơ dại. Khi nhà bắt đầu bị cháy không lâu sau năm 1975, mọi người đổ dồn tới để chữa cháy. Chị Hai sợ họ sẽ lấy đồ đạc trong nhà, nên đã không quên "cẩn thận" khoá cửa lại, trước khi dắt đàn em chạy trốn ra ngoài. Vì thế căn nhà cuối cùng đã bị cháy rụi vì không ai mở được cửa, khiến mấy mẹ con bị rơi vào cảnh "màn trời chiếu đất". Một lần khác, khi tôi lên 6, hoặc 7 tuổi thì Ba tôi trở về. Tôi không biết là Ba muốn giúp Mẹ hay muốn tập cho mình có một cái nghề sau này, ông đã kéo ba đứa em nhỏ ra, quyết định cắt tóc cho tụi tôi! Khi Mẹ tôi khi đi dạy học về, sau một ngày mệt nhọc, thì ba tụi tôi chạy ùa ra đón Mẹ để khoe tóc mới. Mẹ kể rằng tóc của tụi tôi lởm chởm, chỗ cao chỗ thấp, không biết làm thế nào để hớt lại. Khi Mẹ cúi xuống định hôn tụi tôi, thì than ôi mùi nước mắm vẫn còn nồng nặc trên tóc của ba đứa nhỏ. Ba đã "chơi xịn" dùng nước mắm, thay vì nước để xịt tóc cho tụi tôi! Thế là Mẹ phải xắn tay áo lên, đem tụi tôi ra tắm gội, trong khi chưa kịp ngồi xuống để nghỉ ngơi, và lo cơm nước cho cả nhà.



Sự cố gắng tập sự đầu tiên của anh Ba thế là bị thất bại hoàn toàn, chỉ làm cho Mẹ thêm khổ!

Mẹ cũng hay kể lại cho cả nhà nghe không biết bao nhiêu lần, tụi tôi đã dùng nước rửa chén để mà tắm hay là gội đầu. Cũng xin kể lại là vào thời đó, đời sống rất thiếu thốn, mấy chị của tôi phải đi gánh nước, quay lên từ cái giếng bên nhà hàng xóm để dung. Cho nên nước vo gạo được giữ lại trong một cái thau, dùng rửa chén. Không cần phải nói, cái thao này trộn đủ "gia vị", nào là nước mắm, mỡ, hành, tỏi... Thôi thì đủ thứ hết! Mẹ có lẽ cũng đã quen, và lúc nào cũng chuân bị tinh thần đê sẵn sàng "đối phó". Sau này, mấy chị hay "trách yêu" Mẹ, "Lý do mấy chị bị "lùn" chỉ vì bị gánh nước quá nhiều!"

Tôi nhớ như in là trước sân nhà, Mẹ có trồng vài cây rau ngót (hay còn gọi là bồ ngót), vì rất dễ trồng. Mà thiệt, chẳng bao lâu, nhà tôi có một bụi cây rau ngót trước nhà! Lá rau ngót có vị rất ngọt và mát! Mẹ bảo ông ngoại nói theo Đông y, lá và rễ của loại rau này đều có tác dụng mát huyết, lợi tiểu và có khả năng giải độc. Thường ngày, cả nhà rất thích ăn canh lá ngót. Trong thời kỳ "thịnh vượng" thì Mẹ mua ít con tôm tươi, hay ít thịt nạc, băm ra đê nâu canh. Hương vị thơm ngát của chén canh lúc đó sao mà ngon đáo để! Nhưng tôi cũng không ngờ, bụi rau ngót này là vị "cứu tinh" của gia đình tôi trong khoảng một thời gian dài!

Có một dạo, gia đình quá túng thiếu, trong nhà không còn một thứ gì để có thể ăn được, kể cả gạo. Mẹ phải chạy đi mượn mỗi nhà hàng xóm một ít gạo để cầm cự cho tụi tôi khỏi bị đói. Lúc đó tôm tươi hay thịt heo nạc chỉ là trong giấc mơ của tụi tôi! May mắn lắm thì Mẹ mới vét được năm ba đồng để chị Hai tôi chạy ra đầu ngõ, mua một bịch mỡ, và một bịch tôm khô. Nói là tôm khô, nhưng thật ra chỉ có vỏn vẹn 3-4 con trong bịch thôi. Phần còn lại chỉ là những bột tôm vụn, còn cái bịch thì chỉ to hơn ngón tay cái của tôi bây giờ một chút!

Ngày này qua ngày khác, "thực đơn" của gia đình tôi, canh rau ngót với tôm khô, rồi canh rau ngót với tôm khô, rồi lại canh rau ngót với tôm khô, sao y bản chánh. Vậy mà tụi tôi vẫn húp và gật đầu khen ngon. Lúc đó, tôi chỉ thấy Mẹ ngồi

im lặng nhìn đàn con, mà khoé mắt đỏ hoe. Hình như Mẹ có tính chịu đựng rất phi thường, vì tôi rất ít thấy Mẹ khóc trước mắt tụi tôi. Có lẽ cuộc sống cơ hàn đã rèn luyện Mẹ biết khóc thầm. Chắc có lẽ Mẹ khóc rất nhiều trong lúc đàn con của Mẹ yên giấc ngủ vào đêm?

Nghĩ lại thật là tội nghiệp cho bụi rau ngót và xót xa cho Mẹ! Chẳng bao lâu, bụi rau ngót trước nhà trụi lơ, chỉ còn những cành trống trơn, và xơ xác, không kịp ra lá để đáp ứng nhu cầu của gia đình! Thế là gia đình tôi phải đổi thực đơn bất đắc dĩ, nào là canh lá me, canh rau muống, nói chung những lá gì ăn được, Mẹ đều cho tụi tôi thưởng thức, không sót một thứ gì, rồi cũng có thời gian, món canh của gia đình là "canh toàn quốc" có nghĩa là "canh toàn nước"...

Thế rồi một hôm chúng tôi chợt "có tin vui trong giờ tuyệt vọng", cuối cùng Ba cũng được ra tù, đoàn tụ với vợ con và sau đó gia đình chúng tôi được đi Mỹ theo diện H.O. Thế là gia đình tôi cùng Mẹ bắt đầu một trang sử mới, với niềm tin mới, tràn đầy hy vọng cho một tương lai sáng lạng hơn!

Giờ đây nhìn lại chặng đường đã qua, chúng tôi tưởng chừng tất cả như là một giấc mơ! Trong những buổi lễ ra trường của chị em chúng tôi trên đất Mỹ, từ trung học, đến đại học, bao giờ Mẹ cũng cười vui, hạnh phúc tràn trề. Riêng ngày tôi ra trường Dược, có lẽ Mẹ đã cười vui rạng rỡ nhất, vì tôi là đứa con gái út đã sinh ra và lớn lên trong thời loạn, bao nhiêu đắng cay Mẹ con chúng tôi đã cùng gánh chịu và vượt qua, để rồi nay có thể nở nụ cười với đời. Nhìn Mẹ cười trong hạnh phúc sao lòng tôi lại rưng rưng muốn khóc! Mẹ đã hy sinh cả cuộc đời của Mẹ cho gia đình, và cho riêng tôi. Những kết quả mà tôi đã đạt được ngày hôm nay sẽ không bao giờ có được nếu không có bàn tay nuôi nấng với tấm lòng mẫu tử vô bờ bến của Mẹ!



Tôi Viết Tên Anh

Captovan, K19.

Những ngày tháng cuối năm thường có nhiều niềm vui, người người chuẩn bị tặng nhau những gói quà và lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Đêm Giáng Sinh, chiều tất niên, sáng tân niên, đồng môn, đồng khóa, bạn bè ngồi bên nhau nâng ly chúc mừng:

- "Merry Christmas And Happy New Year."

Chiều tất niên 2016, gia đình nhà họ Võ quây quần bên nhau chúc mừng sức khỏe và mong mọi người vui vẻ với nhau, nhớ đến nhau, gọi tên nhau ở những tât niên kê tiếp, tât niên 2017-2027...

Mong ước tương lai là thế, nhưng chúng ta vẫn nhớ lại những ngày tháng khó quên của đời lính chiến, thương tiếc quá những người anh em đã ra đi! Thiên đàng, địa ngục hai nơi, các anh ở nơi nào tôi không biết, nhưng tôi biết tôi nhớ tên các anh. Tôi không biết "viết tên anh trên đá trên hoa, viết tên anh trong trái tim tôi", nên tôi viết tên các anh trên trang giấy này, những kỷ niệm khó quên như mới xẩy ra hôm qua.

"Hôm qua": Sáng 31/12/1964, tôi dẫn anh em ra bãi tập của TĐ5/TQLC ở bên cạnh suối Lồ Ồ, Dĩ An, dưới chân núi Châu Thới, Biên Hòa. Bãi tập chiến thuật là cánh rừng thưa có nhiều mai vàng đang hé nhụy, báo hiệu mùa Xuân sắp về. Khi thực tập bài học tấn công, anh em binh sĩ lại ngụy trang bằng những cành hoa mai, việc này tuy sai với nguyên tắc, nhưng tôi chỉ mỉm cười, vì nếu có ai tinh ý sẽ thấy trên ngực áo rằn của tôi

cũng ngụy trang một cành mai với hai bông.

Mới tốt nghiệp thiếu úy, ra trường vừa đầy tháng mà ngực áo đã cài hai bông mai ắt là có điềm hên xui, vinh thăng hay truy thăng? Thăng nào cũng là thăng cả, hai cái thăng dính liền với đời lính chiến, một thăng cười, một thăng làm người yêu khóc!

Kèn báo động, tôi nhận lệnh đem đại đội trở về doanh trại gấp. Cả tiểu đoàn đã súng đạn sẵn sàng ở sân cờ để tiếp viện cho đơn vị bạn đang đụng nặng. Mấy trung đội trưởng chúng tôi lo âu ngơ ngác nhìn nhau. Nhìn vào phòng "văn khang" chúng tôi đã thấy, hoa rượu đã sẵn sàng trên bàn tiệc, ngoài cửa, cờ quạt cùng dòng chữ "Cung Chúc Tân Xuân", thay vì phất phới bay thì đang rung lên bần bật theo tin dữ báo về: "TĐ4 đang đụng nặng".

Trung Úy Dương Bửu Long*, ĐĐT/ĐĐ4, sau khi kiểm soát súng đạn xong, kéo tôi ra chỗ vắng nói nhỏ:

- TĐ4/TQLC đụng ở Bình Giả, thiệt hại nặng lắm. Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Đoàn Phó, Bác Sĩ tử trận cả rồi! Các đại đội trưởng là Tr/Úy Huệ (K17) tử trận, Tr/Úy Toàn (K16) mất tích, chỉ còn Tr/Úy Tùng* và Tr/Úy Tống* (K16). Hai bạn cùng Khóa 19 của mày là Th/Úy Kháng và Hùng cũng tử trận rồi!

(*Các anh Long*, Tùng*, Tống* nay cũng không còn nữa rồi!).

Nghe tin các bạn đồng khóa TQLC Võ Thành Kháng, Nguyễn Văn Hùng và BĐQ Nguyễn Thái Quan đã tử trận khiến tôi sững sờ, toàn thân tê đi. Tình nguyện về các đơn vị chiến đấu là chọn hiểm nguy, nhưng không ngờ các bạn tôi lại ra đi nhanh như thế.

Chúng tôi vừa tốt nghiệp thiếu úy ngày 28/11/1964, mới hưởng xong 15 ngày phép mãn khóa, cặp lon thiếu úy TQLC kim tuyến trắng tinh, chưa dính bụi trần, vẫn còn hương thơm và dấu tay của người yêu thì đã nhuộm máu. Các bạn tôi đã hy

sinh, đã trả xong nợ nước, trả xong "cả vốn lẫn lời"!

Ngày trình diện đơn vị, các anh nắm tay người yêu, thì thầm: "*Anh sẽ về dìu em đi ngắm chợ hoa Nguyễn Huệ.*" Nhưng Xuân này anh không về mà em đến thăm anh với bó hoa và nước mắt, các anh đã được truy thăng trung úy! Bất chợt tôi nhìn xuống ngực áo, hai cánh hoa mai tôi "ngụy trang" đã rớt



Đà Nẵng vào tháng 3 năm 1075.

hồi nào.

Chẳng ai còn thiết: "Ngày Xuân nâng chén ta chúc...", mà "chúc người binh sĩ lên đường" trực chỉ Pleiku, Kontum, Đức Cơ, Tân Cảnh, Dakto, nơi nào có súng nổ là có chúng tôi. Lần hồi bạn cũ thưa dần vì đi phép dài hạn thì có thêm bạn mới bổ sung.

"Hôm qua", 12/1965, khí hậu Kontum lạnh buốt mùa Đông, đại đội tôi dừng quân bên ven rừng. Đêm tối âm u, gió lùa từ dưới võng lên lưng, sương khuya đọng trên poncho nhỏ giọt xuống làm chúng tôi không sao có thể ngủ được, mong cho mau sáng để đốt lửa sưởi ấm và "nhớ nhà châm điếu thuốc".

- Ê Cấp, làm ngụm cafe không?

Trời tảng sáng, nghe tiếng Đà Lạt gọi, tôi vội vùng đậy...

- Đàn anh hỏi khó thằng em. Café xong phải thêm điếu con mèo nữa nghe.

Đà Lạt Nguyễn Kim Đễ (K16VB) làm đại đội trưởng của tôi thay thế anh Dương Bửu Long (K9TĐ đi học). Vì cùng tần số nên mỗi khi đóng quân đêm anh thường ở với trung đội tôi để kể chuyện đồi 1515 và "chia xẻ" cho tôi ly cafe, ly ca-cao, điếu con mèo. Những hàng "cao cấp" này do chị nhà trang bị cho anh mỗi chuyến hành quân. Đà Lạt và tôi dìu nhau từ TĐ5 sang TĐ2/ TQLC, rồi cùng bị thương và về Phòng Ba Sư Đoàn nên anh em tôi có rất nhiều kỷ niệm buồn vui, nay thì Đà Lạt không còn nữa! Ngày nghe tin anh vĩnh biệt gia đình, tôi bồi hồi nhớ Đà Lạt, tôi viết tên anh:

"Trâu Già, Mãnh Hổ, Đà Lạt Nguyễn Kim Đễ.
Khóa 16 Trường Võ Bị Quốc Gia,
Tiểu Đoàn 2, Tiểu Đoàn 9, Trưởng Phòng Ba SĐ/TQLC.
Một Cọp Biển can trường,
Một cấp chỉ huy lý tưởng,
Một con chiên ngoan đạo,
Đã sớm được hưởng Nhan Thánh Chúa.
Nhưng đồng đội, đồng môn, đồng khóa thương tiếc Anh."

* * *

Sau khi chia nhau ca cafe, điếu thuốc tôi khều nhẹ ông anh:

- Đà Lạt, hôm nay chờ tiếp tế, anh cho tụi em "zoọc" ra phố rửa mắt tí.

- Với điều kiện không say và về đúng giờ.

Tôi rủ thêm mấy người bạn cuốc bộ ra phố Kontum, không xa nơi đóng quân, điểm đến đầu tiên là quán bên bờ sông Dapla của cô Trâm ví bự chân dài. Sau khi nốc vài ly men kiểu "ngưu ẩm", cảm thấy chẳng có gì vui nên bọn tôi vòng ra phố chính Trần Hưng Đạo. Đi ngang tiệm chụp hình, thấy lá Quốc Kỳ treo trước cửa, Chuẩn Úy Trần Tử Phương gỡ xuống rồi quàng vào người. Quang Gù (K19VB), Lộc Lùn, Thảo Thầy

Giáo (K17TĐ) và tôi đè Phương nằm xuống. Bốn thằng cầm bốn góc lá cờ phủ lên người Phương, miệng đồng ca: "ò, í, e, ò ò í í e...e", tiếng kèn truy điệu bằng mồm vừa dứt thì Phương vùng dậy, miệng cười toe:

- Tao chưa chết, Tử Phương chưa tử.

Đi hành quân mà chơi trò... cười này thì đúng là "chưa thấy quan tài chưa đổ lệ, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng". Chẳng phải điềm gỡ, chẳng phải số, chẳng phải không quý mạng sống nhưng đứng trước mũi tên hòn đạn ắt nguy hiểm hơn đứng trước bảng đen trong quận đường nên sau đó Trần Tử Phương và Thảo đã tử trận tại Mộ Đức.

Nếu như ngày "hôm qua", 31/12/1964, nhiều đồng đội, đồng khóa, đồng môn của tôi tử trận tại Bình Giả thì ngày "hôm qua", 31/12/1967, đối với tôi còn quái ác hơn, tôi mất đi những người anh em "yêu" nhau còn hơn ruột thịt.

Những ngày cuối năm 1967, tin cho biết 2 tiểu đoàn địa phương VC 261 & 262 sẽ đánh chiêm 2 quận Giáo Đức và Cai Lậy để chặn nguồn tiếp tế lương thực Tết từ Vùng IV về Saigon nên Chiến Đoàn B/ TQLC gồm TĐ1 và TĐ2 được lệnh hành quân lùng và diệt địch trong vùng Định Tường.

Sáng 31/12/1967, Đại Đội 1/TĐ2 của tôi nhảy trực thăng đợt đầu xuống mục tiêu kinh Cái Thia, quận Cai Lậy, và đụng địch ngay. Đủ mọi thứ súng từ trong bờ kinh bắn ra, quân ta từ đồng ruộng trống không chỗ ẩn núp nên cách duy nhất để tìm cái sống trong cái chết là nhào vô. Với kinh nghiệm, Đại Đội Phó Nguyễn Quốc Chính, K20VB đã chỉ huy điều động quân thay cho Trung Đội Trưởng Huỳnh Vinh Quang, K22VB mà phất tay ra lệnh "xung phong" thẳng vào mục tiêu. Giặc chạy tán loạn, quân ta giảm thiểu được thương vong, nhưng than ôi, tiếng Quang hét qua máy:

- Anh Cấp! Anh Chính chết rồi!

Đã mang họ Võ vào thân thì việc tình nguyện ra chiến trường là đương nhiên. Nhưng nếu có ai nghĩ rằng "mọi người

vì mình" mà tìm chữ "THỌ" thì cũng có thành phần vì tình "Huynh Đệ Chi Binh" mà hy sinh. Tôi gọi họ là ANH HÙNG, trong số đó có Trung Úy Nguyễn Quốc Chính K20VB.

Thông thường đại đội phó đi với cánh quân đầu, nhưng nhiệm vụ của Chính trong trận trực thăng vận này không phải là nhẩy đầu với Quang mà vì lý do riêng nên tôi chỉ định Chính chỉ huy trung đội súng nặng (nhảy sau cùng), nhưng Chính "lờ lệnh thằng anh" mà "đi kèm thằng em" mới ra trường còn thiếu kinh nghiệm. Nhờ vậy mà TĐ14 Quang thoát hiểm, còn Chính thì hy sinh!

Mấy ai đã làm được như Nguyễn Quốc Chính?

Nếu không nhìn tận mắt, nghe rõ tận tai thì có ai đó cho là chuyện "thường tình" (!). Nhưng với tôi, đã gần 50 năm rồi (12/1967-12/2016), hành động của Chính, tiếng kêu của Quang ám ảnh tôi như mới xẩy ra hôm qua. Tôi nhớ đồng đội, đồng môn thân yêu của tôi, những người hùng: Phúc, Hợp, Chính.

Khi anh Nguyễn Xuân Phúc làm ĐĐT/ ĐĐ4/ TĐ2/ TQLC thì Trần Văn Hợp làm đại đội phó, còn Chính và tôi là trung đội trưởng. Trong giờ làm việc hoặc lúc hành quân thì "Vỏ Bí" (VB) cũng như "Vỏ Khoai" (VK) cứ thẳng mực tàu, gỗ có đau lòng cũng mặc, "thương em anh để trong lòng, việc quan anh cứ phép công anh làm". Nhưng ngoài giờ làm việc và trong thâm tâm thì sự đùm bọc và thương yêu nhau vượt lên trên tất cả.

Một gia đình có 4 anh em, tên nào cũng ngang như cua, nên mỗi khi ngồi bên nhau thì cứ cãi nhau như "mô bò", vui như Tết. Nhưng buồn quá, chú em út ra đi quá sớm, lúc 9 giờ sáng ngày 31/12/1967 bên bờ kinh Cái Thia! Gần 8 năm sau, lúc 9 giờ sáng ngày 29/3/1975, ông anh cả cũng biến mất trong khói lửa mịt mù bên bờ biển Non Nước!

Lúc 5 giờ sáng ngày 29/3/1975, mọi liên lạc với các đơn vị bạn từ Trung Tâm Hành Quân (TTHQ) Sư Đoàn TQLC ở căn

cứ Non Nước, Đà Nẵng bị rối loạn! Khuya đêm qua, Trung Tướng Tư Lệnh Quân Đoàn I đã đến đây và lúc này thì ông vẫn quân phục chỉnh tề, ủi thẳng nếp với 3 ngôi sao nhỏ màu đen trên ve áo. Ông ngồi trên ghế bố trong góc TTHQ, hai khuỷu tay tì lên hai đầu gối chân, hai bàn tay ôm má chống cằm như để chống lại bao sức nặng đang đè lên đầu và cái nón sắt nằm dưới đất, sát với chân giầy. Hình như ông "ngồi thiền"



Một đơn vị TQLC tại Đà Nẵng vào tháng 3 năm 1975.

như thế đã mấy tiếng đồng hồ rồi. Thấy không khí ngột ngạt quá, tôi thoát ra ngoài tìm tí gió mát thì thấy 3 xe jeeps với máy móc, cần câu, mấy âm thoại viên đang khản cổ hét to vào ống liên hợp: "nghe không trả lời". Còn Trung Tá Lữ Đoàn Trưởng, Lữ Đoàn Phó LĐ369/ TQLC và Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/ TQLC thì đang đốt thuốc, nhìn trời "tìm sao". Hừng đông, sao trên trời đang lặn và ở nơi nào đó, nếu có sao trên cổ áo cũng lặn theo thì ở đây, sau lưng chúng tôi, trong TTHQ/ TQLC, 3 ngôi sao, tuy màu đen, nhưng vẫn lấp lánh ánh sáng.

Tôi đưa tay chào ba "quan lớn", nhưng không ai thèm trả lời. Anh Phúc im lặng đưa tôi cái ca nhôm cafe, tôi cầm, không nói, không hỏi mà đưa tay móc bao thuốc trên ngực áo của Hợp. Còn anh Tùng thì đang "alô, alô" với Tân An Đoàn Văn Tịnh (K22VB), trưởng Ban Ba TĐ 9/TQLC của Lâm Tài

Thạnh, đang từ xa rút về Non Nước.

Khoảng 6 giờ 30 sáng ngày 29/3, hai tàu LSM của HQ tiến vào bãi biển Non Nước để đón TQLC nên Đại Tá TLP/ SĐ/ TQLC cho lệnh TTHQ tiêu hủy tài liệu và chuẩn bị ra tàu LSM, tôi đứng nghiêm chào các anh, những "cây tùng trước bão".

Đại Tá TLP/ TQLC hướng dẫn Trung Tướng TL/ QĐI ra bờ biển, chúng tôi theo sau. Hai ông đã được đưa lên tàu đậu gần bờ, còn con tàu LSM đón chúng tôi thì đậu xa bờ, sóng to gió lớn. Lượng sức người, khó mà bơi tới nơi, tôi đang tính quay trở lại đứng chung cùng các anh Phúc, Tùng, Hợp như tìm về "mái nhà xưa", ĐĐ4/TĐ2 thì gặp anh Phạm Văn Sắt đi tới, có anh có em tôi cảm thấy an tâm.

Nhớ lại bài học vượt sông năm xưa ở hổ Than Thở, anh em tôi cuốn poncho làm phao. Dập dìu theo sóng bạc đầu, ngụp lặn chiến đấu với hà bá, cuối cùng cũng được kéo lên tầu vào lúc sắp xuôi tay, miệng đọc: "xin cứu chúng con cho khỏi sự dữ, nhân danh cha và con". Từ trên boong tầu nhìn xuống mặt nước biển, tôi thấy những người cột phao quanh cổ ngửa mặt tím ngắt lên trời, nằm bất động. Họ đã chết thật rồi. Vớt người sống chưa xong thì ai mà nghĩ chuyện vớt xác, coi như thủy táng, "lính thủy đánh bộ" mà, đằng nào cũng chết vì nước.

Trong lúc bao nhiều người đang cố gắng tìm cái sống trong cái chết để bơi ra tàu thì VC pháo kích, khói bụi mịt mờ trên bờ nơi anh Phúc, Tùng và Hợp còn trên đó. Người người tán loạn. Đạn rơi tõm-tõm quanh tầu. LSM vội lui ra khơi, những người bơi chưa tới không bao giờ tới được tàu HQ nên đành về Thủy Cung hay Thiên Quốc.

Số phận hai anh Phúc và Tùng đứng bên bờ biển, trên bãi cát cũng thế. Hai anh "mất tích" ngay sau những loạt hỏa tiễn 130 ly, không ai biết các anh đi về đâu! Nếu như bình thường thì các anh cũng đã đứng trên boong tàu như chúng tôi, nhưng các anh là những cấp chỉ huy lý tưởng, sống chết cùng đơn

vị, cùng thuộc cấp. Tuy sách vở dạy là thế, nhưng thực tế, trước sống chết, hành động được như các anh không phải là nhiều, các anh là những tấm gương sáng cho thế hệ sau noi theo, chúng tôi hãnh diện có những đàn anh như thế, tôi viết tên Anh...

Trần Văn Hợp thì khá hơn, chúng tôi đã gặp nhau khi về đến Vũng Tàu. Nhưng còn một K19/ TQLC khác cũng mất tích như hai anh Phúc-Tùng, đó là Hồ Ngọc Hoàng. Hoàng là TĐP/ TĐ 6 của Tr/Tá Lê Bá Bình. Bình lên tàu được, nhưng cánh B của Hoàng thì kẹt lại vả đã nhập chung với TĐ 9 của Th/Tá Lâm Tài Thạnh. Họ chiến đấu suốt ngày đêm 29/3 ở chủng viện Sơn Trà và Hoàng "mất tích". Tất cả diễn tiến này đã được Đ/Úy Ban 3 TĐ 9 là Đoàn Văn Tịnh K22 viết trong "***Xưa Nay Chinh Chiến Mấy Ai Về".***

"Hôm qua", 24/12/1975, trong trại tù Suối Máu, Biên Hòa, Trần Văn Hợp kiếm đâu ra được ít vỏ bí và một miếng bí đỏ cỡ 3 ngón tay, kèm theo cái loon guigoz có ít nước vo gạo và chừng ¼ chén cơm nguội, hắn bảo tôi:

- Giao cho mày cái này để nấu chè, đêm nay mình ăn "reveillon".

- Đường đâu mà... chè!

- Cho tí muối thay đường, hạt muối chia hai, chia ba còn ngọt hơn đường. Đừng cho họ biết, chờ đúng lúc có chuông nhà thờ, mình gọi họ dậy cùng thưởng thức.

"Họ" là gồm các anh Đoàn Trọng Cảo K13, Đinh Xuân Lãm* và Trần Kim Hoàng* K17. K19 có Trần Xuân Bàng*, Trần Văn Hợp*, Huỳnh Văn Phú, Tô Văn Cấp. K21 có Trần Quang Duật, Doãn Thiện Niệm, Lê Xuân Sơn. Chúng tôi ở cùng trại hoặc nằm sát bên nhau trong nhà tù Suối Máu, thương nhau, an ủi nhau nhưng không có gì cho nhau ngoài hai tiếng "niên trưởng"

Giáng Sinh 25/12/1975.

Nệm là miếng chiếu rách trải trên nền xi măng.

Chăn là mảnh "poncho line", bông gòn không còn, chỉ có cái vỏ mỏng tanh.

Những giọt sương khuya tí tách, lộp độp trên mái tôn, gió rít qua khe vách.

Lạnh quá, ngủ không được, tôi nằm nghiêng, co chân, ôm đầu gối vào lòng kiếm tí ấm thì đụng Trần Văn Hợp, hắn giật mình hỏi:

- Mày làm gì thế mà thúc đầu gối vào lưng tao?

- Lạnh quá, tao co đầu gối kiếm tí ấm.

Hắn im lặng, bản tính là thế. Không co bên phải nữa, tôi xoay qua bên trái, lại nghe anh Hoàng càu nhàu:

- Sao mày cứ nhúc nhích hoài vậy, tao đang ngủ ngon. Mày làm tao thức, cái đói nó hành hạ dạ dầy thì làm sao tao ngủ tiếp?

Nghe anh Trần Kim Hoàng cằn nhằn, tôi đành nằm ngửa, đưa bụng đói lên trời, dán da lưng xuống đất, chịu trận cho cái lạnh nó hành. Bụng đói cật rét là vậy.

Tôi không ngủ được vì lý do loon guigoz chè mà Hợp giao cho tôi nấu đã bị đổ hết rồi! Tôi treo loon chè lên đầu cần câu đưa vào lò nấu cơm của nhà bếp công cộng, lửa nóng quá, cháy đầu cần câu bằng thanh gỗ, lon guigoz rớt xuống đống than hồng, tôi như rơi xuống địa ngục!

"Bính boong, bính boong". Từng hồi chuông kéo dài, rồi "Đêm Thánh Vô Cùng", "Đêm Đông", "Cao Cung Lên"... từ xứ đạo Kim Bịch, ở cấy số 6, Hố Nai, vút lên trời cao, vọng vào trại Suối Máu, len vào từng thớ thịt, mạch máu của những tên tù bất đắc dĩ.

Xứ đạo Kim Bịch ở cây số 6, rất gần với trại Suối Máu, ban ngày tôi trông rõ cái tháp chuông. Kim Bịch là nơi tôi đã đi tu mấy năm trời, cha bố của tôi là Linh Mục Thọ, ngài có cái đầu hói, thông minh nhưng kỷ luật vô cùng. Ngài giao cho tôi phụ trách tập hát cho ca đoàn, trong ca đoàn có cô nhỏ xinh, tên

Lựu, cô hay liếc và cười duyên với thầy dậy hát. Sau lễ nửa đêm Noel năm ấy, cô bé hẹn tôi đến tháp chuông... Thế là cha bố bắt gặp và tôi bị xuất tu. Chúa gọi thì nhiều mà chọn thì ít chứ không phải vì tôi chọn Lựu làm người yêu.

Đêm nay là Giáng Sinh 25/12/ 1975. Giáng Sinh đầu tiên tôi bị nhốt trong tù. Tôi nhớ gia đình, và thầm hỏi không biết cô học trò tên Lựu còn ở xứ kim Bịch không? Tuy gần mà xa.

Tôi ngồi dậy làm dấu Thánh Gía, mở miệng không ra nhưng nghe trong đầu có tiếng ca: "Silent Night, HoLy Nigh".

Trong bóng đêm lờ mờ, nhiều tiếng động, tôi biết có nhiều anh em cũng đã ngồi dậy cầu kinh và hát theo những bản thánh ca.

Hợp cũng ngồi dậy từ hồi nào, chờ tôi lẩm bẩm xong bài Silent Night, hắn hỏi:

- Hát xong chưa, mang chè ra, tao gọi "họ" dậy.

- Tao làm đổ hết trong lò rồi, cái lon guigoz cũng cháy theo.

Hợp không nói gì, chỉ thở dài rồi nằm xuống. Tôi vốn là con chiên không ngoan đạo, nhưng trong hoàn cảnh khó khăn tôi tin là có Chúa. Gặp lúc hiểm nguy, người ta cầu xin cả Chúa lẫn Phật. Tôi cầu xin Chúa và bạn bè tha lỗi cho cái tội "đoảng" của tôi, nấu có lon guigoz nước gạo cũng không xong.

Giáng Sinh 25/12/1976.

Trại tù Hoàng Liên Sơn nằm trên sườn núi miền Thượng Du Bắc Việt, vách phên, sạp nằm là những cây tre đan lại. Gió hú từ trên núi đá ập xuống, sương lạnh từ mặt hồ Thác Bà thổi thốc lên. Lạnh quá ngủ không được, tôi lấy miếng nylon quấn vào mình để giữ hơi ấm. Mồ hôi toát ra không lối thoát, nước thấm lại vào người làm tôi run lên bần bật. Tôi bò xuống đất, ôm đống lửa đốt ở giữa lán để sưởi nhưng vẫn lạnh từ sau lưng. Tôi nhìn quanh đám tro, nhìn lên mái, nhìn qua vách xem có con gì động đậy... Ước chi có khoai nướng vùi bếp tro.

Tôi nghe tiếng xẻng cạo vào thành chảo cơm ở dưới bếp, chừng 3 giờ sang. Chắc là Mũ Đỏ Nguyễn Văn Nhỏ*, người bạn cùng khóa, trưởng bếp, đang cạo những tảng cháy, bỗng dưng tôi nuốt cái "ực".

Sáng Chủ Nhật 25/12, hôm nay là ngày nghỉ, tù được lệnh tập trung xuống hội trường, vài người rỉ tai, hẹn sau buổi tập họp sẽ gặp nhau...

Tất cả tù vừa ngồi bệt xuống đất xong thì tên tù trưởng hỏi:

- Các anh có biết hôm nay là ngày gì không?

Nhiều tiếng nhanh nhẩu đoảng trả lời:

- Hôm nay là lễ Giáng Sinh, là Noel, là Sinh Nhật...

Satan nhếch mép cười:

- Sai, hôm nay là ngày 25/12, ngày "Lao Động Xã Hội Chủ Nghĩa", các anh được đi làm "thông tầm", nhà bếp tăng cường thêm khẩu phần...

Cai tù thường bắt tù đi làm thêm ½ ngày Chúa Nhật, nhưng lần này làm "thông tầm" là lao động cả ngày, khẩu phần được tăng cường là thêm một mẩu sắn luộc. Chúng bắt tù ra rừng, lên núi chặt cây đốn gỗ cả ngày mưa giá rét cắt da để không có dịp ca hát:

"Đêm Đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời"

Chúng ta thật thà, CS quỷ quái!

Giáng Sinh 25/12/2016:

Đại gia đình họ Võ nơi, nơi nâng ly chúc nhau sức khỏe, nhớ về đơn vị cũ, chiến trường và ngục tù xưa, cùng nhau nhớ đến những đồng môn* đã ra đi, họ là những đàn anh đáng kính, đồng khóa đáng mến, đàn em đáng phục.

- Ta đoàn sinh viên Võ Bị Việt Nam, đồng hát khúc ca quân hành.

Tôi là Ai?

41 năm nhìn lại

Tuyết Hồng, TTNDH

Tôi là một mảnh đất hình hài như chữ S.
Tôi là đường viền nối bởi Trung Hoa, Miên, Lào, và biển Đông
Tôi là cô gái nhỏ bị cấu xé bởi ngoại bang và người cùng máu thịt
Tôi là dòng suối nước mắt từ mẹ có người con trai vừa tử trận
Tôi là những năm tháng làm bạc trắng mái tóc mẹ
Tôi là cây gậy tre mà người mẹ già nua đang cầm chống chỏi mòn mỏi đợi con về

Tôi là chiếc áo cưới chưa bao giờ mặc vì người lính không bao giờ trở lại
Tôi là một miếng khăn tang quấn trên đầu người vợ thơ ngây
Tôi là đứa bé đang bú sữa từ thân xác của người mẹ vừa trúng đạn
Tôi là xác chết khắp trên quê hương trong trận chiến
Tôi là mồ chôn hàng vạn người sống bởi tay người cộng sản
Tôi là viên đạn vô tình giết người không ngần ngại
Tôi là người thương binh không tay, không chân

Tôi là chiếc áo cưới nhuộm đầy máu đỏ
Tôi là mái nhà tranh bị tàn phá bởi những quả bom vô tình
Tôi là cây dừa không còn ngọn vì hỏa tiễn
Tôi là những cánh đồng lúa bị tàn phá vì chiến tranh
Tôi là cái chén không cơm trên bàn ăn tối
Tôi là một nụ cười cay đắng khi đất nước tôi rơi vào tay Cộng Sản

Tôi là người chiến sĩ tuẫn tiết vì lòng trung thành với tổ quốc

Tôi là ngọn cờ Vàng không còn bay phất phới trên quê hương VN
Tôi là người chiến binh bại trận trong những nhà tù "cải tạo"
Tôi là nhà tù giam những ai muốn tìm tự do
Tôi là những ngọn gió hung bạo ngăn cản những ai muốn bỏ nước ra đi
Tôi là biển cả chôn sống hàng trăm ngàn người khát khao xa lìa loài quỉ đỏ
Tôi là những vĩ tuyến chia lìa mái ấm gia đình
Tôi là người cha chưa bao giờ biết mặt con vì khi đi con còn trong bụng mẹ
Tôi là một trái tim ngừng đập vì thương nhớ quê hương
Tôi là một người hành trình cô độc trên con đường đấu tranh cho nhân quyền

Nhưng tôi là con đường hy vọng đem an bình và tự do đến cho dân tôi
Vì tôi là một dân tộc bất khuất trước ngoại bang và chủ nghĩa độc tài.



Khúc Bi Ai Trên Sông

Ngọc Anh, K26

Ký ức về một người bạn tưởng như đi vào quên lãng thì Hồng, người em họ của S. đến nhà tôi, rủ đi tìm hài cốt S. theo chỉ dẫn của một nhà ngoại cảm. Tất cả đã gợi dậy trong tôi một nỗi nhớ.

S. và tôi cùng học một khóa 4 năm tại một quân trường Dalat. Chúng tôi là đôi bạn cùng khóa duy nhất sống ở Pleiku. Theo qui định, khi đang học không được kết hôn. Nhưng S. trước khi nhập học, đã cưới một cô nữ sinh trường nữ trung học Pleime về làm vợ, trên danh nghĩa, với mục đích nhờ cô ấy chăm sóc cho cha của S. vì mẹ của S. mất sớm. Khi S. đang theo học thì gia đình chỉ còn lại hai người. Họ hẹn nhau sau bốn năm khi S. ra trường, sẽ chính thức thành vợ chồng.

Nhưng lời hứa như gió bay, cô nữ sinh Pleime ấy đã phải lòng một anh chàng pi lốt "à terre." (*Chúng tôi thường dùng những danh từ này để nói mấy anh chàng Không Quân làm việc ở dưới đất hay bận bộ đồ bay để đi "cua" các em nữ sinh ở Pleiku.*) Sự việc xảy ra đã để lại trong S. một nỗi buồn da diết. Cha của S. phải qua sống với người em trai.

Ngày ra trường, S. chọn phục vụ một sư đoàn bộ binh ở Kontum. Còn tôi lênh đênh ngoài biên cả.

"...Anh sẽ ra đi về miền cát nóng
Nơi có quê hương mịt mù thuốc súng
Anh sẽ ra đi về miền mênh mông
Cơn gió cao nguyên từng đêm lạnh đầy..." P.D.

Kẻ ở núi, người nơi biển cả nên chúng tôi dần dần mất liên lạc với nhau. Cho đến hơn một năm sau, tôi tình cờ đọc mục cáo phó trên báo, thì được biết S. đã hy sinh. Đêm ấy, tôi đi phiên hải hành, sóng to gió lớn làm con tàu lắc lư, nhưng trong đầu tôi chông chênh nghiêng ngã hơn. Tôi khóc cho người bạn ra đi khi tuổi đời còn quá trẻ.

* * *

Chúng tôi tìm đến vùng đất bên bờ sông Đak Bla. Ngày ấy vùng ốc đảo khép kín hiểm trở này chưa có cây cầu bắc qua nên ít người biết đến. Nhưng những trận đánh khốc liệt thường hay xảy ra. Bây giờ dân cư đang sống ở nơi đây rất đông đúc.

Theo hướng dẫn, chúng tôi tìm được một ngôi mộ dưới gốc cây bằng lăng ở bên sông, gần một nhà sàn xiêu vẹo. Qua chuyện kể của một số người dân tộc sống lâu năm ở đây và khi vào ngôi nhà, chúng tôi nhận ra bộ trây-di và một tấm thẻ bài, xác định đó là của S.

Ông già trong làng tên B'lo giọng trầm trầm kể cho chúng tôi nghe về S…

Mùa hè chiến tranh gia tăng khốc liệt năm ấy, đơn vị S. được tung xuống đây. Trong một lần đụng độ S. bị thương và đi lạc. Phải mất cả tuần, S. mới thoát ra khỏi cánh rừng. Trước mặt anh, một buôn làng nằm dọc ven sông. Anh tìm đến ngôi nhà sàn nhỏ khuất sau những tàng cây. Anh tới gần một khúc gỗ làm cầu thang bắt lên nhà sàn thì kiệt sức, vì đói khát và một cánh tay bị thương, đã sưng tấy vì nhiễm trùng nên anh không thể leo lên. Anh yếu ớt gọi chủ nhà. Một cô gái chạy ra cửa. Cô suýt kêu lên nhưng kịp bụm miệng khi thấy một người đàn ông bận quân phục dính đầy bùn đất pha lẫn chút máu sẫm khô, bộ dạng tiều tụy. S. nhìn cô với ánh mắt khẩn cầu. Anh nói thều thào "Hãy cứu tôi."

Niê, tên cô gái, đắn đo đôi phút, rồi cuối cùng cô dìu anh lên nhà, chăm sóc. Vết thương của S. sau khi được săn sóc và cho thuốc đã từ từ lành. Nhưng vì sức khỏe S. quá yếu nên một

cơn sốt rét ập đến. Niê lăng xăng tìm cây thuốc chữa cho anh. Cô bớt phần ăn của mình, dành những món ăn ngon để bồi bổ cho anh. Tuy vậy, phải mất hơn tháng trời anh mới hoàn toàn bình phục

Khi vết thương tương đối lành và sức khoẻ hơi khá hơn, S. luôn có ý nghĩ làm thế nào để trở về đơn vị cũ. Được sự đùm bọc, che chở của dân làng, cũng như vóc dáng giống dân địa phương, S. coi như tạm yên sống nơi đây. không bị CS lâu lâu qua làng khám phá ra S. đang trốn chạy. Nhưng việc trở lại đơn vị là không thể vì chung quanh làng là mật khu lớn của VC. Nếu vượt qua chắc chắn S. sẽ bị bắt. Ngày qua ngày, S. càng trở nên tuyệt vọng vì không có lối thoát. Ngược lại được sự săn sóc tận tuỵ của Niê, tình cảm của anh dành cho cô cáng thêm sâu đậm.

Ở lại đây với Niê? Có được hay không? Một cô gái người Bahnar mồ côi cha mẹ. Trước đây, cô từng sống và phụ lễ trong nhà thờ bên kia sông. Vì không ai chăm sóc ngôi nhà và vườn tược của cha mẹ để lại nên cô phải về đây, chấp nhận cuộc sống cô độc, hẩm hiu.



Chăm sóc cho S. trong những ngày đau ốm, cô không quản ngại vất vả gian nan. Trước chàng trai người Kinh này, tâm hồn cô bỗng xao xuyến. Cô yêu S. và trong lòng S. cũng trỗi dậy một thứ tình cảm đôi lứa mà từ lâu ngỡ đã tan biến trong anh.

Cuối cùng, S. quyết định tạm ở lại. Anh bày tỏ muốn lập gia đình với Niê. Cô gái chấp nhận và thuyết phục mọi người trong làng đồng ý.

Từ bỏ mọi phồn hoa, sung sướng nơi thị thành, anh cùng Niê ngày ngày làm nương rẫy, vui sống bên nhau.rong, chờ đợi có cơ hội trốn chạy cùng Niê,

Hạnh phúc nhân lên gấp bội khi Niê báo tin đã mang trong mình một giọt máu của anh. Anh càng nâng niu, chìu chuộng Niê và đợi chờ ngày thiên thần bé nhỏ của anh chào đời.

Oan nghiệt thay cho số phận của Niê và S. Một đêm, trời se lạnh, Niê trăn trở không chợp mắt được, trong khi S. ngũ ngon lành sau một ngày làm việc vất vả. Bếp lửa chỉ còn lại những đốm than hồng nhỏ. Niê sợ S. lạnh nên cô nhẹ nhàng đi xuống nhà sàn, rút những cây củi để châm thêm vào bếp, sưởi ấm căn phòng. Trong khi lấy củi, một con rắn đã phóng nhanh ra, cắn vào tay của Niê. Cô thét lên làm S. thức giấc. Anh vội vàng chạy xuống đưa cô vào nhà.

Anh dùng đủ mọi cách để không cho nọc rắn lan nhanh vào cơ thể Niê: buộc dây vải chặn chỗ vết thương, hút máu độc ra… Đây là loại rắn độc nên Niê ngày càng nóng sốt, người cô thâm tím dần.

Thương vợ, S. tìm cách vượt sông trong đêm tối mịt mù, để tìm thuốc chữa. Con sông mùa này nước cạn, có chỗ đáy phơi những vũng cát, có chỗ nước sâu chỉ đến ngực nên S. lần mò cũng ra được giữa sông. Định mệnh trớ trêu dành cho anh. Một cơn lũ bất chợt tràn về cuốn phăng anh đi…

* * *

Ông già B'lo ngưng nói. Ông gõ nhẹ chiếc tẩu cho tàn thuốc rớt ra, rồi nhồi một cục thuốc khác. Ông châm lửa hút, rồi ngước mắt nhìn làn khói lững lờ bay cao. Một chập ông tiếp tục kể…

Tưởng rằng trong đêm ấy một gia đình sẽ bị xóa sổ trên thế gian này. Nhưng có một điều kỳ diệu xảy ra. Niê bỗng thấy đau bụng ghê gớm. Cái bào thai đã hút phần lớn chất độc để dành sự sống cho mẹ. Niê thoát khỏi bàn tay tử thần nhưng nằm mê man. Sáng hôm sau dân làng phát giác và đưa cô đi cấp cứu.

Vài ngày sau, người ta tìm thấy anh, đem về chôn cạnh bờ sông gần nhà cùng với đứa con của anh. Khi Niê hồi phục, biết tin S. mất, cô khóc lóc, gào thét đau thương. Cô bỏ ăn, bỏ uống trong nhiều ngày. Cuối cùng, cô ngồi im lặng, mặc thời gian trôi qua, trong căn phòng tranh tối tranh sáng của mình.

Chiến tranh kết thúc. Một chiếc cầu được bắc qua sông. Có một phụ nữ, mỗi lần hoàng hôn xuống, ra giữa cầu nhìn dòng nước lững lờ trôi, cất tiếng hát, hát mãi cho đến trời sụp tối mới về. Giọng cô nghe bi ai, có một bài hát trước kia âm điệu tươi vui, nay nghe sao buồn bã. (Đó là bài hát Niê đã chỉ cho S. hát trong mỗi lần lên rẫy hay gặp gỡ dân làng.) Bài hát này có ý nghĩa như sau:

Sáng sớm mai anh lên rẫy
Em đi sau nhớ mang hủ rượu
Để anh ngồi ngắm trời
Em ơi, chiều ý anh để anh vui

Vừa hát vừa khóc. Nước mắt cô chảy đầm đìa trên mặt. Xong cô lặng lẻ trở về, dấu mình trong căn nhà hiu quạnh.

Một thời gian sau không thấy cô ra giữa cầu nữa. Nghe nói có một phái đoàn từ thiện đưa cô đi chữa căn bệnh ở nước ngoài… Nhiều năm không thấy cô trở về chốn cũ, giờ đây cô đã lưu lạc ở nơi đâu?

Buổi chiều, xong việc bốc hài cốt của S., chúng tôi cùng ngồi uống rượu cần với già B'lo và vài người dân làng bên bờ sông. Lòng trĩu nặng nỗi buồn, tôi uống khá nhiều rượu nên chếnh choáng men say. Tôi nghe mơ hồ trong tiếng gió từ đại ngàn thổi về trên sông có tiếng cười nói, hát ca của một đôi vợ chồng trẻ, tiếng bi bô của một đứa bé... Tất cả chỉ là ảo giác nhưng đó là hình ảnh đẹp của một hạnh phúc mà ai cũng ước mơ. Phải không S.và Niê?

10-2016

Đọc
"Chặng Đường Nối Tiếp"

Như Hoa - Ấu Tím / Phạm Thực – TQLC – Tiểu Đoàn 6 Thần Ưng, K26/1

***Lời tòa soạn**: Nhận được "CHẶNG ĐƯỜNG NỐI TIẾP" của TQLC Giang Văn Nhân, Cựu SVSQ/K22/TVBQGVN gởi tặng, chúng tôi định sẽ có đôi lời giới thiệu sách trên trang báo ĐH 108. Không ngờ, nữ sĩ Như Hoa-Ấu tím đã nhanh tay "dành phần", nên tôi, một đàn em của Niên trưởng Nhân, chỉ muốn gởi "ké" vào đây một đôi dòng thay lời CẢM ƠN và xin được giới thiệu tác phẩm qua cảm nghĩ của chị Như Hoa-Ấu tím sau khi đọc xong cuốn sách.*

Trân trọng giới thiệu "CHẶNG ĐƯỜNG NỐI TIẾP" cùng độc giả của Đa Hiệu.

Muốn liên lạc với tác giả để "order" sách, xin gởi về địa chỉ email: bixitrum@yahoo.com

Hoặc gọi số phone: 832 495-7724

Nguyễn Phán, K24
Cựu Chủ Bút Đa Hiệu

Quãng hay Chặng nhỉ? Cả hai chữ đều có nghĩa từ điểm A đến điểm B nói theo các ông nhà binh là "chấm tọa độ!" Các ông đã được huấn luyện để thành cấp chỉ huy đều được học tìm phương hướng tìm đến đúng mục tiêu qua cách này, không ít khi tôi nghe các ông

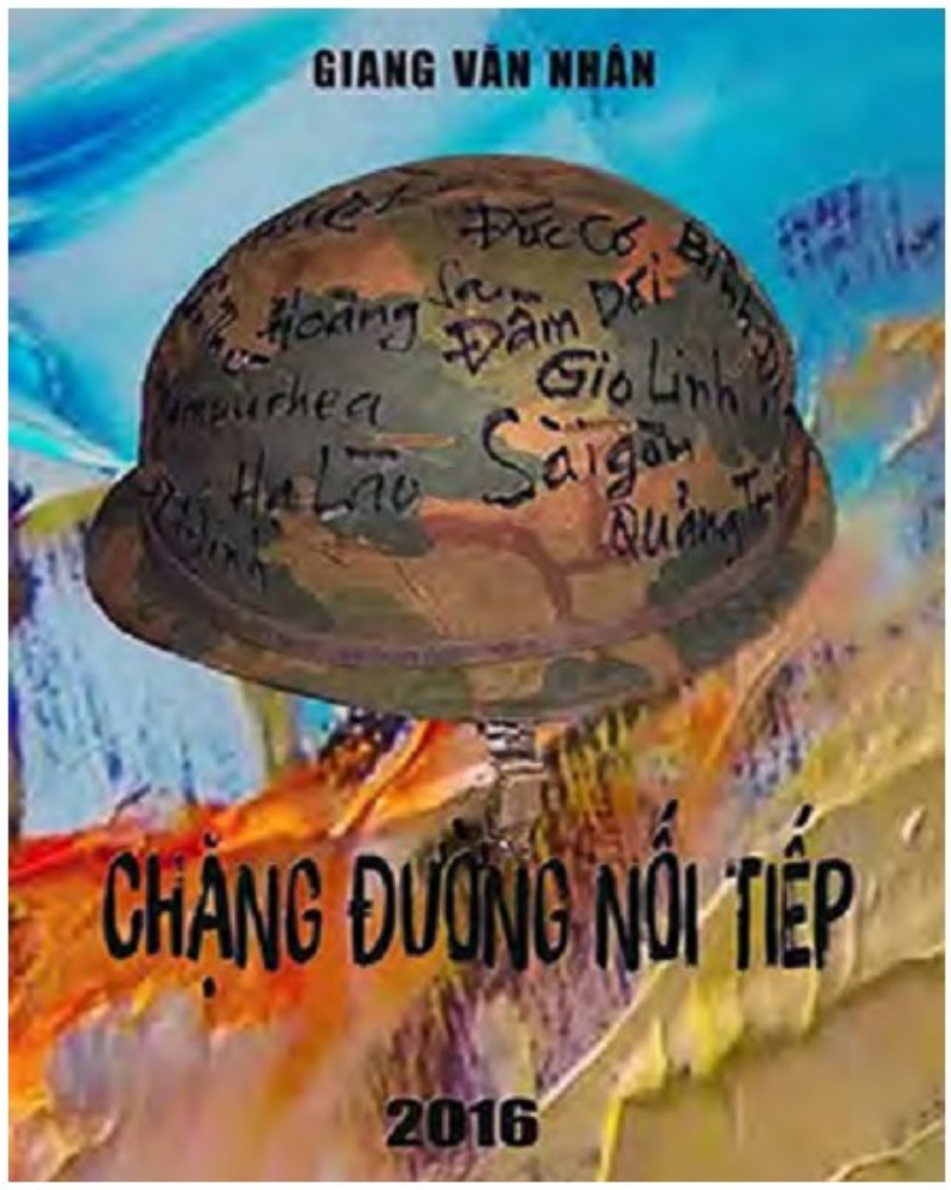
đùa: "Chấm nhầm mục tiêu nên gặp sư tử thay vì nai!"

Nhận được quyển sách của một người lính Thủy Quân Lục Chiến, đọc tựa xong đầu óc tôi làm việc ngay, tiếng Việt yêu dấu của tôi có những chữ biết nói biết bồi hồi: Quãng - Đoạn - Chặng, đọc đến những chữ này lòng tôi cũng bồi hồi theo.

Quãng của người phụ nữ tôi đây là Một Quãng Xuân Thì, **Đoạn** của người lính bộ binh Thế Uyên là Đoạn Đường Chiến Binh, **Chặng** của người lính Thủy Quân Lục Chiến Giang Văn Nhân là Chặng Đường Nối Tiếp.

Quãng của phụ nữ quá đơn giản để hình dung:

Tôi là con gái buồn như lá cây của Nhã Ca đến: *Ba năm sau em trở thành thiếu phụ* - Đinh Trầm Ca – kết thúc có thể là hạnh phúc có thể là không!



Đoạn Đường Chiến Binh thì được tác giả giới thiệu rõ ràng:

Đoạn đường chiến binh là tên gọi một khoảng đường dài từ bốn trăm đến một ngàn thước trong các quân trường. Người tân binh phải chạy từ đầu đến chót con đường này, lúc chui dưới kẽm gai, lúc bò dưới địa đạo, lúc leo lên cầu cao, khi chạy qua cầu khỉ, lộn nhào qua cửa sổ. Một người khỏe hết sức ngoài đời, khi đến chặng chót của đoạn đường chiến binh, cũng mồ hôi chảy thấm tới giầy và thở hắt.

Người viết trong nhiều năm gần đây ôm ấp tham vọng sẽ viết một cuốn tiểu thuyết thật dày, phác hoạ bối cảnh sẽ là tất cả những chặng khổ đau của dân tộc Việt Nam trong mấy chục năm nay. Nhưng dĩ nhiên là chưa viết được chương nào cả vì chính người viết cũng còn đang từng chặng, từng bước

mà vượt qua đoạn đường chiến binh của chính mình. Bởi thế, người viết cũng rất buồn khi, đáng lẽ phải đưa ra một trường giang tác phẩm, lại chỉ gửi tới những người đọc những ghi chú riêng tư trong cuộc đời mình. Nếu có một hy vọng an ủi nào, đó là kỳ vọng người đọc sẽ tìm thấy qua đoạn đường chiến binh chẳng ra gì của người viết vài nét chính phác lược của đoạn đường chiến binh dân tộc Việt Nam đang băng qua – không biết đã tới chặng nào.

Thế Uyên.

Đến Chặng đường Nối Tiếp, tôi vừa nhận được từ Đại Úy Thủy Quân Lục Chiến Giang Văn Nhân chặng nối tiếp chặng ngay trên bìa sách, chiếc nón sắt được ghi tràn ngập địa danh, thành phố đã đi qua nét viết không đều, Huế - Đức Cơ – Bình Điền – Cần Thơ – Hoàng Sa – Đầm Dơi – Kapuchea – Gio Linh – U Minh – Hạ Lào – Sài Gòn – Quảng Trị. Ngắm hình chiếc nón, tôi thật tò mò muốn xem mặt nón phía bên kia còn những địa danh nào nữa. Tôi thắc mắc, dùng bút gì để ghi được lên nón nét chữ đậm rõ kiểu như loại bút Shaprie tôi dùng bây giờ, người lính đi hành quân có mang theo bút để viết thư như cố ca nhạc sĩ Nhật Trường diễn tả trong Tình Thư Của Lính thật sao?

Dĩ nhiên, người không đi lính, không là lính như tôi thắc mắc là phải, nhưng ông "quan" của tôi biết ngay, sĩ quan luôn có hai cây viết chì mỡ một xanh một đỏ để vẽ chấm trên bản đồ. Lại thêm một điều hay cho tôi biết thêm về đời lính, nếu có đọc những điều ba hoa nhăng cuội tả - viết về lính Việt Nam Cộng Hòa trên các diễn đàn tôi có thể nhận xét thật hay giả, vì tôi biết không ít các ông chẳng biết gì về "chỉ huy" tha hồ kể chuyện các trận đánh "tưởng tượng" mình là chỉ huy, khi sự thật chàng chỉ mang "cánh gà" trên vai áo vào thời gian ấy!

Sách không nặng về hình thức, chữ rõ dễ đọc là điều khiến tôi có thể thong thả theo tác giả chặng nối tiếp chặng.

Lời tựa của tác giả khiến người đọc cảm động, chữ không

nhiều nhưng nặng tình nặng nghĩa, để gìn giữ miền Nam *"kinh tế miền Nam phát triển, dân chúng sống trong cảnh thanh bình, nhà nhà ấm no, hạnh phúc"* sau hiệp định Genève 1954, tác giả đã bỏ bút nghiên theo tiếng gọi của tổ quốc từ năm 1965 cùng "*hàng hàng lớp lớp thanh niên khác đủ mọi thành phần trong xã hội*" vì cộng sản cố tình phá quấy: *"pháo kích trường học, chợ búa, thành phố, đặt chất nổ chôn mìn trên đường lộ, cảnh thanh bình an vui trở thành máu lửa đô nát."*

Những người trai xa lạ từ Bến Hải đến Cà Mau cùng lý tưởng cùng nhiệm vụ đã khắng khít tình thân như thủ túc, không ít người đã hy sinh trong lớp tuổi đẹp nhất đời người, tác giả đã chứng kiến rất nhiều cái chết tưởng như đùa của bạn bè cùng khóa, của các sĩ quan cùng trận địa, của các thuộc cấp cùng đơn vị, nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, điều tốt đẹp nhất của một quân nhân Việt-Nam Cộng-Hòa là: "*Đem tình thương để cải hóa hận thù."* Sách của ông viết đầy nhân bản, chỉ thấy cấp chỉ huy lo lắng cho các chiến sĩ dưới quyền, nêu có điều không hay chỉ kê ra mà không trách cứ. Dĩ nhiên dưới ánh mặt trời tất cả các huy chương đều có mặt trái của nó.

Chặng Tìm Tự Do, trốn cộng sản– tìm cách vượt biển – được đặt chân lên mảnh đất tự do ngày 31 tháng 3 năm 1986. Tôi đã khóc khi Trung Tá Thủy Quân Lục Chiến John Smith bắt tay chúc mừng anh Giang đến mảnh đất tự do, sự thật rất dễ xác định trong cuộc phỏng vấn cho dù giấy tờ chứng minh không còn vì đã bị hủy trên đường vượt biển. Mươi lăm phút trả lời các câu hỏi của ông Smith, cả một cuộn phim về chặng đời của người sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến, được đào tạo từ quân trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt khóa 22, chầm chậm trình chiếu lại trên các trang sách tiếp nối, đưa người đọc vào hành trình gian khó đầy xúc cảm của ông, nếu không kể hết ra hẳn sẽ dằn vặt mãi trong tâm trong trí.

Bắt đầu từ anh chàng thanh niên 55 kg đến anh chàng 63 kg sau 8 tuần tân khóa sinh bị các "hung thần" đàn anh còn

gọi là "niên trưởng" dạy dỗ, người đọc bị lôi cuốn theo cách viết nhẹ nhàng không hoa mỹ, kiểu kể chuyện từ tốn nhưng rõ ràng cẩn thận, khi nhắc đến kỷ niệm có tên những nhân vật còn sống hay đã mất trong ấy. Hình ảnh được ghi chú càng lôi cuốn người đọc theo những chặng đời ông đã trải qua. Nghẹn ngào khi biết có người sau khóa huấn luyện rừng núi sình lầy tại Dục Mỹ, khi trở về trường đã bỏ đời ra đi vì vi trùng sốt rét.

Qua chặng đầu này, tôi biết rõ hơn về cách phân chia đơn vị tác chiến sau khi các anh sinh viên trường Võ Bị Quốc Gia Việt-Nam Đà-Lạt ra trường, tiếp đến là trình diện sư đoàn, sau đó là trận chiến gian lao phải đối phó với lũ Việt-Cộng thậm thà thậm thụt trong hầm trong hố, ngay cả trên chiến trường Kampuchea chúng cũng dùng cùng một phương cách du kích, nếu cấp chỉ huy không có các anh lính khinh binh lanh lợi, có kinh nghiệm quan sát tình hình chung quanh trước khi dẫn quân đến thì phần thương vong không ít. Những đoạn tả về người lính khinh binh, ông thật sự ghi ơn họ cho dù họ không được đào tạo trong trường lớp, nhưng kinh nghiệm trường đời nhiều khi có giá trị hơn cả mảnh bằng có chữ ký và con dấu đóng trên ấy.

Là phụ nữ, là vợ lính Thủy Quân Lục Chiến, những chuyện nghe kể bên bàn nhậu của các ông khi có dịp được họp mặt rất nhiều, nhiều đến nỗi khi đọc Chặng Đường Nối Tiếp, tôi thốt lên với nhà tôi: *Ô! Em biết chuyện này nè*. Thêm vào đó là những bài viết của nhà văn mũ đỏ Đoàn Phương Hải trong hai tập truyện Góc Biển Chân Trời và Nhớ Về Người Lính Năm Xưa mà tôi được tác giả thân tặng. Thủy Quân Lục Chiến – Nhảy Dù– Biệt Động Quân là ba binh chủng buổi họp mặt nào cũng có nhau, những chuyện kể những địa danh lập đi lập lại, những chiến tích tôi nghe không ít và nỗi buồn mất bạn dĩ nhiên phải nhiều hơn niềm vui chiến thắng. Ai cũng biết:

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm tì bà mã thượng thôi
Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiếu

Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi!

Nhưng khi người viết thản nhiên kể về chị quả phụ Hai, các cháu Đạt cháu Uyên, những câu chữ dường như thổn thức, mất chồng mất cha mảnh đời còn lại hẳn gập ghềnh trắc trở, còn đâu mùi nồng trên bộ quân phục ngày anh trở về từ trận địa, còn đâu chiếc cổ mạnh mẽ để hai cháu choàng tay ôm ghì khi anh bước vào nhà. Tưởng tượng hình ảnh mẹ con dắt díu nhau về ngoại, khăn tang trắng bay trong chiều bụi phủ, nỗi hụt hẫng chơ vơ, chiến tranh và hệ lụy của nó thật thảm khốc.

Thoang thoáng vài tên con gái được nhắc khiến quyển sách bớt khô khan, dòng tóc nào thóang gặp trên đường hành quân, vài áng thơ lưu luyến nhớ nhung khiến người đọc nghĩ đến sự dồn nén chịu đựng tình riêng để hiến dâng mình cho tổ quốc của các chàng trai đôi mươi sinh lực tràn trề, cùng thời ấy nếu quốc gia hòa bình các anh hẳn đã khác, âm nhạc hội họa điêu khắc văn thơ, bao nhiêu năng khiếu bị chiến tranh vùi dập trong khói lửa đạn bom.

Câu trả lời của người tình Gia Long tên Kim Uyên sau khi kể về một đám cưới của bạn với người Hạ Sĩ Quan Đồng Đế đã bị mất hai chân: *"Nếu là em, em sẽ không làm như thế đâu, em chỉ chấp nhận khi đã thành vợ chồng."* Có lẽ là bản án "không yêu ai hết" người trai trẻ ngùn ngụt sức sống tự ký cho mình, vì đang phải đối diện với sống chết. Tình yêu trai gái là điều xa xỉ ngoài tầm tay với:

Đơn xin cưới, một tờ đơn xin cưới. Anh thảo rồi, anh lại xé em ơi. Bởi không muốn thấy người yêu nhỏ bé. Một sớm nào, thành góa phụ ngây thơ...(Trần Thiện Thanh)

Sĩ quan thời loạn, binh sĩ thời loạn cấp bực không là vấn đề, cốt lõi chính là nương nhau như hình bóng để sống còn, tình gia đình cũng không có thì giờ để nhớ đến, nào mẹ nào cha, anh chị em ruột thịt chỉ còn là những lá thư từ nhà gởi ra tiền tuyến, quy định của bộ tổng tham mưu một năm quân nhân có 7 ngày phép hầu như không hề thực hiện được, vì Việt Cộng

liên tiếp gây hấn tấn công, ngay cả trong những ngày ngưng chiến.

Tác giả nhắc đến Y Sĩ – Y Tá chẳng cần biết ta hay địch, chỉ cần cứu người bị thương, dành hơi thở của họ từ tay thần chết trong hoàn cảnh hạn hẹp, có khi bác sĩ dùng một cây viết bic bỏ lõi, biến nó thành dụng cụ cứu thương binh trong tình trạng nguy kịch.

Đến chặng bị bắt vào tù, ông kể chuyện người dân quê xưa nhận ra mặt, gọi đến tên, từ một người kéo theo bao nhiêu người cùng thôn xưa ấy, trong ấy có Sương người con gái tình nguyện hiến dâng mình cho Chúa phụng vụ tha nhân, bàng bạc chút tình vấn vương nhưng Em dâng mình cho Chúa – Anh dâng mình cho tổ quốc, nét đẹp của lý tưởng trong chiến tranh thể hiện qua chặng nhỏ này. Bao người lính Thủy Quân Lục Chiến một thời hiên ngang khói lửa chiến tranh không chết lại chết trong tức tưởi vì bị cộng sản cầm tù, bao người dùng mọi cách để giữ tư cách trong hòan cảnh bụng đói, bị hoa mắt vì miếng ăn trước mặt.

Câu trách móc nhẹ nhàng: "*Sao để mất Huế của em*?" từ cô gái bán vải quen biết, biến thành một tác phẩm điêu khắc trên khúc gỗ quý nhặt được bên bờ suối. Không biết tác phẩm ấy còn hay không, trong hình được in lại rất mờ nhưng vẫn có thể thấy sự đối chọi: Âm – dương,hạnh phúc – khổ đau, buồn – vui, hiện tại – tương lai, từ mười ngón tay tài hoa của tác giả đã dùng vật nhọn tự chế thành dao, ắt hẳn khi khoét cái nét sâu trên thớ gỗ, cũng là lúc ông khóet nỗi khắc khoải đau đớn của chính mình, trong hoàn cảnh bị giam tù không biết ngày ra.

Ai bảo lính áo rằn là dữ dằn hung tợn, lời của Thượng Sĩ Nhất nói cho chỉ huy biết tính nết từng người lính nhớ nhà mượn rượu giải sầu, những câu thơ trong bài "Tường Trình Cho Em" của Thủy Quân Lục Chiến Phạm Văn Bình đã chứng minh rõ rệt thêm điều ấy. Thuở tôi còn là nữ sinh, không hiểu vì lẽ gì tôi lại thích hát bài "Mười Hai Tháng Anh Đi" trong

tập nhạc của Phạm Duy phát hành năm 1972, có lẽ vì lời thơ Tường Trình Cho Em biết nức nở theo nốt nhạc, khi trầm buồn khi dồn dập theo bước quân đi, có khăn tang trắng cho Huế, có mùa Hè hoa phượng nở, có mưa ngâu mùa Thu có tờ thư ước hẹn gió mây:

Bây giờ trời mây vào hạ
Mẹ em bận đi lễ chùa
Em cầu nguyện cho chiến sĩ
Trên đường nắng sớm, chiều mưa
Về Cà Mâu, một phong thư
Gửi cho em, lời gió thương mây, lời chim nhớ rừng,
Lời gió thương mây, lời chim nhớ rừng
Lời gió thương mây, lời chim nhớ rừng, lời ta chờ nhau

.....

Cuối năm mùa Đông đan áo
Cuối năm trời đã lạnh rồi
Thiên hạ đua may áo cưới, ta thì hẹn tới hôm nao.

.....

Hoa mai nở đầy, em đang chờ đợi
Mười hai tháng rồi, dài ước mơ say
Nhớ má cho hồng, nhớ môi em ngọt
Anh về cùng em, vui đón giao thừa.

Chỉ một bài nhạc thế thôi, có lẽ là duyên là định mệnh mà tình tôi yêu người Thủy Quân Lục Chiến còn mãi đến bây giờ.

Động đến lý lẽ trái tim có lẽ trái tim của Thiếu Tá Phạm Văn Sắt đã bị động nhiều nhất, và được tác giả ghi xuống thay cho bao nhiêu anh Thủy Quân Lục Chiến, đã được niềm vui bất ngờ năm ngày phép về thăm gia đình khi ấy.

Chặng nào tiếp nối sau khi được thả khỏi trại tù, tìm cách sống còn trong chế độ ngu dốt vô nhân, vượt biển sang Mã Lai, được đậu thanh lọc đến tị nạn tại Mỹ? Chặng này hẳn còn phải ghi xuống thêm vài trăm trang sách nữa.

Nhờ quyển sách này, tôi sẽ không hỏi ông Thủy Quân Lục

Chiến, Tiểu Đoàn 6 Thần Ưng nhà tôi, những câu hỏi ngớ ngẩn về những mái tóc, những tà áo, những món quà thăm nuôi "ngoài nớ" nữa. Những tên gọi Ái Khanh – Uyên – Hiệp – Sương trong quá khứ không thể nào là nỗi lo lắng cho người được nâng khăn sửa túi người hùng một thuở, người ấy nay chẳng còn ngồi trên yên chiến mã, tay đã run chẳng thể giúp vợ kẻ được cặp chân mày.

Cám ơn Niên Trưởng Giang Văn Nhân đã gởi tặng "Chặng Đường Nối Tiếp" Cho Như Hoa - Ấu Tím / Phạm Thực – TQLC – Tiểu Đoàn 6 Thần Ưng.

CÁO LỖI:

Đáng lẽ ra, bài điểm sách "CHẶNG ĐƯỜNG NỐI TIẾP" đã được đăng trong ĐH 108, nhưng vì một sai sót đáng tiếc mà phải để lại ĐH 109.

Một lần nữa, thành thật xin lỗi chị Như Hoa, tác giả bài viết và NT Giang Văn Nhân K22, tác giả của "CHẶNG ĐƯỜNG NỐI TIẾP".

Nguyễn Phán, K24

Giới Thiệu Sách

TÀN CƠN BINH LỬA

Uất Hận Ngút Ngàn, Hùng Khí Chất Ngất!

Bắc Đẩu Võ Ý, K17

Riêng tôi, tôi không thể cầm được ngấn lệ khi viết đến dòng nầy. Tôi hãnh diện về quyết định sinh tử của Đại Tá Phan Văn Huấn trước cơn nguy biến, khi có trực thăng đến đón ông di tản: "Tôi có vợ và 8 con. Tôi có thể bỏ lại gia đình nhưng không thể bỏ lại 2.000 chiến sĩ của tôi để ra đi trong hoàn cảnh như thế nầy được!" (trang 236)

Niên trưởng của chúng tôi, Cựu SVSQ Phan Văn Huấn, K10, đã ghi một Nét Son Hào Hùng vào trang sử của Trường Mẹ, trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam! (Võ Ý, K17)

I-Dẫn Nhập

Bút ký chiến tranh "Tàn Cơn Binh Lửa" của cựu Đại úy Biệt Cách Dù Lê Đắc Lực ra mắt độc giả vào tháng 5 năm 2014 tại Houston. Sách dày 308 trang kể cả bìa, in trên giấy trắng, do tác giả tự xuất bản, gồm ba phần:

1- *Phần Bút Ký* từ trang 29 đến 224, gồm 17 bài mô tả 17 trận đánh khốc liệt diễn ra trên 4 vùng chiến thuật mà tác giả từng tham dự, không kể bài *Tâm tình của vị thầy cũ*, *Tuổi ấu thơ, Ngày ra đơn vị* và bài cuối *Tàn cơn binh lửa*.

2- *Phần Thơ* từ trang 257 đến 279, gồm 14 bài thơ trong đó có 07 bài theo thể tự do, 06 bài thơ tám chữ, và 01 bài lục bát.

Mười bốn bài thơ cô đọng nghĩa tình của một BCD với đất nước quê hương, đồng đội đồng bào và với Mẹ vô cùng tận.

3- *Phần Phụ Lục* từ trang 283 đến 304, gồm các bài nhận xét rất giá trị của mọi thành phần độc giả về tác phẩm.

Sau khi xếp lại Tàn Cơn Binh Lửa, tâm tưởng của tôi *không tàn* mà như còn *âm ỉ* tro than của các trận Mậu Thân, An Lộc , Tha La Xóm Đạo, Ashau, Đồng Xoài, Tam Biên, Kontum, Quảng Trị… Như thể *tro than* đó có lúc *bừng sáng* trong tâm tưởng của tôi *hùng khí* của một đơn vị quân đội lẫy lừng: Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù.

II- Binh Pháp Sáng Tạo.

Sau khi đọc xong tác phẩm đầu tay của Lê Đắc Lực, tôi mới rõ phần nào nhiệm vụ chính yếu của đơn vị đặc biệt nầy. (Dù tôi là một Sĩ quan Không Quân hiện dịch!) Điều thú vị nữa là, cũng qua Tàn Cơn Binh Lửa, tôi mới biết được những "sáng tạo" về chiến thuật rất táo bạo và khoa học do cấp chỉ huy của Liên Đoàn nghĩ ra mà khi đem áp dụng vào trận đánh đã đạt hiệu quả không lường. Sau đây là một vài ghi nhận:

- Đó là "*thả **toán** vào mật khu, căn cứ của địch để thám sát, thu lượm tin tức, bắt cóc tù binh, và trong vài hoàn cảnh khẩn cấp, Liên Đoàn được tung vào để dứt điểm*" (trang 228).

- Áp dụng chiến thuật "bất ngờ", "gậy ông đập lưng ông*"* nghĩa là dùng chiến thuật *du kích* của VC để đánh chúng qua các cuộc *hành quân đêm*, *phục kích, nghi binh lừa địch,* dụ cho địch xuất hiện để quân ta *nhổ chốt* (trang 176).

- "Đục tường", hành quân trong thành phố, xử dụng *dao găm, lựu đạn, và võ thuật* để diệt chốt địch (trang 113, 164, 176).

- Mìn tự chế để chống chiến xa. *"Dùng đạn không nổ 105 ly, hay 155 ly, đút vào đầu viên đạn một thỏi thuốc nổ TNT, gắn ngòi nổ mìn Claymore vào đấy, xong đặt trái mìn này trên các con đường, trước tuyến phòng thủ, chờ xe tăng địch tới*

đúng vị trí, bấm vào "con cóc". Sức công phá của loại mìn chống chiến xa tự chế nầy đạt hiệu quả tối đa" (trang 111).

- Áp dụng *chiến thuật pháo 7+3* để đánh lừa và nhân thể lúc địch *núp để tránh pháo* thì phe ta áp sát diệt chốt địch**.** **7** quả đầu dùng đạn nổ, **3** quả tiếp dùng đạn lép, chỉ có bắn đi mà không có đạn nổ. *Vì đã biết trước, bắt đầu quả pháo thứ 8 là phe ta nhanh chân tiến lên gần các chốt, tung lựu đạn vào công sự của địch trong khi địch còn cúi đầu (núp) để nghe tiếng đạn đi* (trang 177).

Mỗi trận đánh đều được kể lại trung thực chân thành. Cách đánh giặc của Biệt Cách Dù mang tính mưu lược, độc đáo và gan dạ. Lời văn lại giản dị trong sáng. Bao nhiêu điều đó đã làm hấp dẫn người đọc từ trang đầu đến trang cuối!

III- Tâm Huyết Của LĐ81BCD.

Những chiến sĩ của LĐ81BCD đều được huấn luyện chuyên môn kỹ càng trước khi *nhảy toán* thám sát mục tiêu. Mỗi toán chỉ 6 người, nhất cử nhất động đều ăn ý với nhau, âm thầm len lỏi vào mật khu doanh trại của địch, xa hẳn tầm pháo yểm trợ của quân bạn. Họ cùng thi hành "mission impossible" trong điều kiện như vậy nên *sinh tử* không rời như một định mệnh!

Trong chiến đấu, chỉ nhắm vào quân thù, *tuyệt đối bảo vệ dân*. QLVNCH nói chung, đã thể hiện tính nhân bản nầy, trong đó có LĐ81BCD. Tại trận An Lộc, khi Đại Đội 2 BCD phát hiện một căn hầm, nghe vài ba tiếng sột soạt phát ra, họ không vội ném lựu đạn mà kêu gọi đầu hàng, đồng thời báo về thượng cấp. Trung tá Phan Văn Huấn (bấy giờ), CHT Liên Đoàn, ra lệnh quan sát kỹ càng, có thể là địch mà cũng có thể là dân, *nhưng với hơn hai tháng chiến trận xảy ra nơi đây, không lương thực không nước uống, thì đâu còn sức chống cụ, phải tìm cách đưa họ lên. Và thật không thể tưởng tưởng được, vài ba phút sau, hai em bé gái chừng 6, 7 tuổi bò ra…"* (trang 114).

LĐ81BCD đã bảo bọc hai cháu từ đó. Vào năm 1974, hai

cháu được một người Mỹ nhận làm con nuôi, hiện định cư tại Hoa kỳ. (trang 115).

Xin phép không đề cập đến những *lý tưởng* thiêng liêng của một chiến sĩ như Tổ Quốc Danh Dự Trách Nhiệm, mà chỉ nói đến những gì gần gũi hằng ngày của một Biệt Cách Dù, là *Toán,* là *Biệt Đội,* là *Liên Đoàn*. Nôm na là *Đơn vị và Đồng đội*.

Đơn vị là *Gia Đình,* Đồng đội là *Anh Em*, sẵn sang chia ngọt xẻ bùi!

Ngày 06 tháng 04 năm 1972, Việt Cộng tung đại quân gồm bộ binh, đặc công, pháo binh, xe tăng, cố chiếm An Lộc để ra mắt cái gọi là Chính Phủ Lâm Thời Miền Nam Việt Nam. Thượng cấp bèn điều động LĐ81/ BCD vào chiến trường trong khi tác giả (Đại Úy Lê Đắc Lực) đang thụ huấn khóa Đại Đôi Trưởng tại Thủ Đức: *"Vừa suy tư về tin tức nóng bỏng này, vừa lo âu cho đơn vị mình tham gia trận đánh đang xảy ra ác liệt, tôi nôn nóng, băn khoăn vô cùng..." "Toàn bộ các Đại đội BCD đã vào chiến trường mà không có tôi cùng chiến đấu, yên lòng sao được!"* (trang 106).

Tình *đơn vị* là như vậy. Tình *đồng đội* là như vậy. Đơn giản như hơi thở, như máu thịt. *"Khi chưa kết hôn, 7 ngày phép với tôi là quá dài. Tới ngày thứ tư đã thấy bồn chồn. Ngày thứ năm, tôi nhớ Đồng Đội, nhớ Đơn Vị...Rồi không thể nghỉ phép hết ngày thứ sáu. Tôi về Đơn Vị"* (trang 121).

Hơi thở và máu thịt đó được thể hiện qua quy định bất di bất dịch của LĐ81BCD: Nếu chẳng may có một toán viên bị thương hoặc tử thương, thì phải tản thương họ, phải mang xác họ về hoặc phải chôn cất họ. Ban ngày không thi hành được thì đợi ban đêm mà thi hành. Điều quy định nầy giá trị như một *quân lệnh*. (trang 117, 118, 119).

IV- Tàn Cơn Binh Lửa...

Suốt 20 năm chinh chiến (1955-1975), QLVNCH nói chung và LĐ81 BCD nói riêng, đã chiến đấu với mục tiêu rõ ràng là

Bảo Quốc An Dân. Chiến đấu để tự vệ. Trong khi đó, mục đích của Việt Cộng là *xích hóa* toàn Việt Nam theo lệnh của quan thầy Nga Tàu. Nhất là Tàu. Cuối cùng kẻ ác đã thắng, đưa cả dân tộc vào bờ vực của Hán hóa.

QLVNCH dù bại trận, các đơn vị đã rả ngủ, nhưng *khí phách* của các vị tuẩn tướng vẫn sống ngàn đời với hồn thiêng sông núi.

Riêng LĐ8BCD, vào giờ thứ 25, vẫn là một đơn vị thiện chiến và kỷ luật. *"Tất cả vẫn giữ nguyên đội ngũ, từ Bộ Chỉ Huy Liên Đoàn đến các Biệt Đội, bốn hàng dọc ngay hang thẳng lối chậm rãi bước đi."* (trang 238)....

"Đoàn quân 81 Biệt Cách Dù vẫn hiên ngang tiếp bước trên Xa lộ Đại Hàn. Đến gần trưa, khi qua khỏi Lăng Chú Hỏa chừng 100 mét, trong khi đang dừng lại nghỉ ngơi gần Thủ Đức và xa lộ Đại Hàn, thì một đơn vị Việt Cộng đến gặp Đại Tá Phan Văn Huấn để nhận giao nạp vũ khí. Đại Tá Huấn đã nói với họ: "Chúng tôi đã ra đến nơi đây là chấp nhận đầu hàng. Chúng tôi sẽ bàn giao vũ khí, nhưng mong các Ông không bắt buộc chúng tôi phải cởi bỏ quân phục..."

Việt cộng chấp nhận yêu cầu nầy! (trang 238)

"Trước một Đơn vị Quân Đội hơn một ngàn người, giữ kỷ luật, trật tự cho đến giây phút chót trong đời quân ngủ, quân cộng sản không thể không tỏ lòng kính trọng và nể phục" (trang 239).

Riêng tôi, tôi không thể cầm được ngấn lệ khi viết đến dòng nầy. Tôi hãnh diện về quyết định sinh tử của Đại Tá Phan Văn Huấn trước cơn nguy biến, khi có trực thăng đến đón ông di tản: *"Tôi có vợ và 8 con. Tôi có thể bỏ lại gia đình nhưng không thể bỏ lại 2000 chiến sĩ của tôi để ra đi trong hoàn cảnh như thế nầy được!"* (trang 236)

Niên trưởng của chúng tôi, Cựu SVSQ Phan Văn Huấn, K10, đã ghi một Nét Son Hào Hùng vào trang sử của Trường Mẹ, trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam!

Tôi hãnh diện về *khí phách* của Đại Tá Huấn và tôi cũng cảm thấy xấu hổ trước tinh thần kỷ luật và dũng khí của các chiến sĩ Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, vì sau ngày 30 tháng 4, tôi đang thụ huấn Khóa Chỉ huy Tham mưu Liên quân, nên âm thầm chịu đựng, không hề có một biểu hiệu nào. Xin cho phép tôi cúi đầu tri ân tất cả chiến sĩ LĐ81BCD, dù đã hy sinh hay còn tại thế.

V- Tâm Tình Riêng.

Thân gởi Biệt Cách Dù Lê Đắc Lực,

Trước sau, chiến hữu vẫn là một Biệt Cách Dù xuất sắc và gương mẫu, đã đóng góp *thanh xuân* của mình cho quốc gia dân tộc trên chiến trường ngày xưa và *tâm huyết* của mình trên mặt trận Chiến Tranh Chính Trị ngày nay, qua bút ký Tàn Cơn Binh Lửa.

Một Quân Đội tinh nhuệ như vậy, khí phách như vậy, nhân bản như vậy, chính nghĩa như vậy, mà đành thua trận mất nước, hỏi sao không uất hận ngút ngàn?

Dù *Binh Lửa Tàn Cơn,* nhưng xét cho cùng, chiến hữu quả vô cùng may mắn và hạnh phúc vì đã phục vụ trong một đơn vị lẫy lừng, LĐ81BCD và được chỉ huy bởi một cấp Chỉ huy tài ba, can trường và đức độ, cựu Đại tá Phan Văn Huấn!

Xin chúc mừng và xin tỏ lòng ngưỡng mộ!

Thu 2016,
Westminster, CA

BÁO CÁO TÀI CHÁNH
CAY MUA XUAN 2017
CSVSQ & THÂN HỮU YỂM TRỢ

Số TT		Họ & Tên	Khóa/ Thân Hữu	Số tiền
1	Mr.	Bùi Trầm	5	50
2	Mr.	Hoàng A Sam	9	200
3	Mr.	Nguyễn Kim Biên	10	50
4	Mr.	Cao X Lê & Christina	14	100
5	Mr.	Nguyễn Văn Ức	16	50
6	Mr.	Nguyễn Văn Dục	17	100
7	Mr.	Võ Phi Hổ	17	50
8	Mr.	Nguyễn Văn Lân	17	50
9	Mr.	Lê Sĩ Thắng	17	50
10		**KHÓA 17**	**17**	**200**
11	Mr.	Phùng Xuân Lộc	17/ 2	50
12	Mr.	Nguyễn H Diễm Anh	17/ 2	50
13	Mr.	Phạm Văn Cẩm	18	50
14	Mr.	Lai Đình Đán	18	50
15	Mr.	Đỗ Văn Hạnh	18	50
16	Mr.	Trần Ngọc Huế	18	100
17	Mr.	Nguyễn Ngọc Khoan	18	50
18	Mr.	Bùi Văn Miều	18	50
19	Mr.	Cao Quốc Quới	18	50
20	Mr.	Trịnh Bá Tứ	18	50
21		**KHÓA 18**	**18**	**300**
22	Mr.	Huỳnh Ngọc Ẩn	19	50
23	Mr.	Võ Quang Giang	19	50
24	Mr.	Nguyễn Văn Hóa	19	50
25	Mr.	Truương Khương	19	50
26	Mr.	Nguyễn Hồng Miên	19	50

27	Mr.	Nguyễn Nho	19	50
28	Mr.	Trương T. Sương	19	50
29	Mr.	Hồng Khắc Trân	19	50
30	Mr.	Trần Vệ	19	50
31	Ms.	Huỳnh Ngọc Dung	19/ 2	50
32	Ms.	Huỳnh Thuỷ Tammy	19/ 2	50
33	Ms.	Huỳnh Ngọc Thanh	19/ 2	50
34		**KHÓA 19**	**19**	**300**
35	Mr.	Nguyên Tài Anh	20	50
36	Mr.	Đỗ Đức Chiến	20	50
37	Mr.	Nguyễn Hữu Mạnh	20	50
38		**KHÓA 20**	**20**	**200**
39	Mr.	Đỗ Ng Nhật Khai	20/ 2	100
40	Mr.	Lê Hồng Điểu	21	50
41	Mr.	Nguyễn Đào Đoán	21	50
42	Mr.	Phạm Quang Hậu	21	100
43	Mr.	Đồng Duy Hùng	21	50
44	Mr.	Cao Văn Lợi	21	50
45	Mr.	Lý Văn Lực	21	50
46	Mr.	Lê Quý Trân	21	50
47	Mr.	Nguyễn Ngọc Tùng	21	50
48	Mr.	Lạc Minh Châu	22	50
49	Mr.	Lê Viết Đắc	22	50
50	Mr.	Quách Vĩnh Hòa	22	50
51	Mr.	Nguyễn Đình Ninh	22	50
52	Mr.	Trần Văn Tiến	22	50
53	Mr.	Phan Văn Trà	22	50
54		**KHÓA 22**	**22**	**200**
55	Mr.	Bùi Văn Hồng	23	50
56		**KHÓA 23**	**23**	**200**
57	Mr.	Nguyên Em	25	50
58	Mr.	Nguyễn Hàm	25	100
59	Mr.	Nguyễn Văn Hòa	25	100
60	Mr.	Nguyễn Huệ	25	100
61	Mr.	Lê Khắc Phước	25	50
62	Mr.	Trần Gia Tăng	25	50
63	Mr.	Phạm Tấn Út	25	100
64	Mr.	Trần Trí Bình	26	100

65	Mr.	Trần Quang Diệu	26	50
66	Mr.	Nguyễn P. Ái Đỉnh	26	50
67	Mr.	Đào Qúy Hùng	26	50
68	Mr.	Phạm Văn Hùng	26	100
69	Mr.	Tăng Xuân Tài	26	50
70	Mr.	Vũ Văn Thuận	26	50
71	Mr.	Phan Anh Tuấn	26	50
72	Mr.	Phạm Bốn	27	50
73	Mr.	Nguyên Duy Niên	27	50
74	Mr.	Trần Tri Quốc	27	50
75	Mr.	Diệp Quốc Vinh	27	50
76	Mr.	Trần Tường	28	50
77	Mr.	Tsu A Cầu	29	100
78	Mr.	Phòng Tít Chắng	29	100
79	Mr.	Huỳnh Hữu Chí	29	50
80	Mr.	Doãn Minh Chính	29	50
81	Mr.	Đỗ Trọng Đạt	29	50
82	Mr.	Trần Văn Hiền	29	73.17
83	Mr.	Nguyễn Văn Hiệp	29	50
84	Mr.	Đào Công Hương	29	50
85	Mr.	Vũ Tiến Hỷ	29	50
86	Mr.	Nguyễn Cát Khánh	29	50
87	Mr.	Đỗ Trọng Kiên	29	50
88	Mr.	Đặng Văn Luân	29	50
89	Mr.	Vương Tín Nghỉa	29	50
90	Mr.	Đỗ Thành Nghiêm	29	50
91	Mr.	Phạm Kim Ngọc	29	71.07
92	Mr.	Trần Phú Quý	29	145.48
93	Mr.	Sỳ A Tầu	29	50
94	Mr.	Lê Thi	29	50
95	Mr.	Phan Văn Tho	29	50
96	Mr.	Lê Đình Trí	29	50
97	Mr.	Trần Văn Trọng	29	50
98	Mr.	Phan Văn Ý	29	50
99		**KHÓA 29**	**29**	**200**
100	Mr.	Phan Văn Lộc	30	100
101	Ms. `	Trần Mai Hương	TH	50
102		**TH/ Cựu SVSQ/ TVBQGVN**		**200**

103	**Hội VB/HTĐ/PC**	**300**
104	**Hội VB Kansas**	**100**
105	**Hội VB Sacramento**	**500**
106	**LHVB Âu Châu**	**200**
107	**Khối Đông Bắc AuC (Đức,Bỉ, Hòa lan, Navy)**	**100**
108	**Khối Tây Nam Au/C (Pháp, Anh,Ý,Thuỵ Sỹ)**	**100**
109	**Tổng Đoàn TTNĐH**	**200**
	TỔNG CỘNG	**$8,989.72**

Phần báo cáo dành cho "Cây Mùa Xuân 2017" tạm thời được tổng kết tới ngày 23 tháng 12 năm 2016. Phần này có thể thay đổi vào hạn chót, chấm dứt vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Số tiền đã được quyên góp sẽ được gửi về một số gia đình của CSVSQ VBQGVN còn gặp khó khăn, hoặc gia đình của các CSVSQ đã khuất qua đại diện các khoá, vào dịp Tết Nguyên Đán 2017, như bày tỏ tình thân ái đến họ và gia đình.

Nguyễn Văn Lộc, K30
Thủ Quỹ.

Hoàng Như Cầu, K28
Uỷ Viên Xã Hội

CSVSQ & THÂN HỮU YỂM TRỢ ĐA HIỆU 109

Số TT	Họ & Tên	Khóa/ Thân Hữu	Số tiền
1	Mr. Võ Dinh	K03	30.00
2	Mr. Huỳnh Thao Lược	K03	100.00
3	Mr. Nguyễn Thiên Nghị	K04	50.00
4	Mr. Trần Đình Thọ	K06	50.00
5	Mrs. Nguyễn Hữu Thư	K06/1	30.00
6	Mr. Nguyễn Du An	K08	30.00
7	Mr. Lò Cẩm Bảo	K08	30.00
8	Mr. Lương Văn Hợi	K08	30.00

9	Mr.	Lợi Nguyên Tấn	K08	30.00
10	Mr.	Đan Đình Cận	K09	30.00
11	Mr.	Dương Đình Bộ	K10	30.00
12	Mr.	Lê Bá Đô	K10	30.00
13	Mr.	Nguyễn Lộc	K10	50.00
14	Mr.	Vòng A Sĩ	K10	20.00
15	Mr.	Phạm Trung Nghĩa	K11	30.00
16	Mr.	Vũ Minh Bôi	K12	50.00
17	Mr.	Lưu Văn Cứ	K12	50.00
18	Mr.	Lê Trọng Hiệp	K12	30.00
19	Mr.	Trần Thượng Khải	K12	30.00
20	Mr.	Nguyễn Đức Vỵ	K12	20.00
21	Mr.	Nguyễn Văn Bông	K13	50.00
22	Mrs.	Nguyễn Tấn Định	K13	30.00
23	Mr.	Tăng Minh Dũng	K13	50.00
24	Mr.	Hồ Huệ Phú	K13	20.00
25	Mr.	Phan Bá Long	K14	20.00
26	Mr.	Trần Quang Minh	K14	20.00
27	Mr.	Phạm Văn Phước	K14	25.00
28	Mr.	Nguyễn Trọng Mạc	K15	100.00
29	Mr.	Nguyễn Văn Hậu	K16	50.00
30	Mr.	Phạm Văn Nghiã	K16	50.00
31	Mr.	Nguyễn Như Phú	K16	20.00
32	Mr.	Huỳnh Bá Vạn	K16	50.00
33	Mrs.	Tôn Thất Chung	K16/1	20.00
34	Mrs.	Nguyễn Hữu Thông	K16/1	50.00
35	Mr.	Nguyễn Hoài Cát	K17	30.00
36	Mr.	Lê Văn Cưu	K17	50.00
37	Mr.	Võ Văn Sung	K17	50.00
38	Mr.	Nguyễn Thức Tâm	K17	50.00
39	Mr.	Trần Văn Thuân	K17	30.00
40	Mr.	Vũ Vĩnh Thuỵ	K17	30.00
41	Mrs.	Võ Vàng	K17/1	50.00
42	Mr.	Phan Văn Bàng	K18	50.00
43	Mr.	Phạm Dự Bảo	K18	50.00
44	Mr.	Đỗ Văn Hạnh	K18	50.00
45	Mr.	Hoàng Xuân Thời	K18	30.00
46	Mr.	Nguyễn Xuân Toàn	K18	30.00

47	Mr.	Trương Văn Cao	K18	20.00
48	Mr.	Tô Văn Cấp	K19	40.00
49	Mr.	Nguyễn N. Nam Cường	K19	50.00
50	Mr.	Vũ Cao Đà	K19	30.00
51	Mr.	Đỗ Đăng	K19	30.00
52	Mr.	Hồ Văn Hạc	K19	30.00
53	Mr.	Chu Văn Hải	K19	30.00
54	Mr.	Hoàng Gia Hiếu	K19	25.00
55	Mr.	Nguyên Đình Hoan	K19	30.00
56	Mr.	Phạm Kim Khôi	K19	20.00
57	Mr.	Trương Khương	K19	30.00
58	Mr.	Hồ Lệ	K19	30.00
59	Mr.	Nguyễn Bá Luân	K19	35.00
60	Mr.	Đỗ Văn Mười	K19	100.00
61	Mr.	Bùi Văn Nam	K19	30.00
62	Mr.	Trương Trọng Nhật	K19	30.00
63	Mr.	Kâng Tum Sơn	K19	30.00
64	Mr.	Trần Bá Tòng	K19	30.00
65	Mr.	Hoàng Trai	K19	30.00
66	Mr.	Tăng Bửu Tuyên	K19	30.00
67	Mrs.	Trần Thiện Đấu	K19/1	30.00
68	Mrs.	Hoàng Gia Thái	K19/1	25.00
69	Mrs.	Nguyễn Thị Thọ	K19/1	50.00
70	Mr.	Đỗ Đức Chiến	K20	50.00
71	Mr.	Huỳnh Văn Chờ	K20	40.00
72	Mr.	Huỳnh Văn Dân	K20	50.00
73	Mr.	Trần Đồng Hưng	K20	50.00
74	Mr.	Đào Kim Minh	K20	30.00
75	Mr.	Nguyễn Đình Ngô	K20	30.00
76	Mr.	Lê Thanh Phong	K20	30.00
77	Mr.	Trần Thanh Quang	K20	50.00
78	Mr.	Nguyễn Hữu Quang	K20	30.00
79	Mr.	Nguyễn Thiện Sanh	K20	50.00
80	Mr.	Đặng Văn Sơn	K20	30.00
81	Mr.	Đặng Quốc Trụ	K20	30.00
82	Mr.	Nguyễn Khắc Tung	K20	20.00
83	Mr.	Nguyễn Văn Vọng	K20	20.00
84	Mr.	Nguyễn Châu Bàng	K21	30.00

85	Mr.	Lê Hồng Điểu	K21	30.00
86	Mr.	Liên Khi Gia	K21	30.00
87	Mr.	Phạm Quang Hậu	K21	50.00
88	Mr.	Đồng Duy Hùng	K21	30.00
89	Mr.	Hồ Thiêm	K21	30.00
90	Mr.	Nguyễn Văn Trung	K21	30.00
91	Mr.	Hoàng Kim Truy	K21	40.00
92	Mr.	Nguyễn Ngọc Tùng	K21	30.00
93	Mr.	Trần Kim Đảnh	K22	40.00
94	Mr.	Nguyễn Văn Niệm	K22	50.00
95	Mr.	Trương Văn Phổ	K22	30.00
96	Mr.	Mai Vĩnh Phu	K22	30.00
97	Mr.	Từ Khánh Sinh	K22	50.00
98	Mr.	Phạm Quang Thành	K22	30.00
99	Mr.	Đặng Trọng Thịnh	K22	50.00
100	Mr.	Trần Văn Tiến	K22	50.00
101	Mr.	Đặng Văn Anh	K23	150.00
102	Mr.	Nguyễn Hữu Chí	K23	30.00
103	Mr.	Lê Văn Chuối	K23	40.00
104	Mr.	Trần Văn Tâm	K23	30.00
105	Mr.	Trần Văn Tỷ	K23	40.00
106	Mr.	Dương Tuấn Việt	K23	50.00
107	Mr.	Nguyễn Văn Đạc	K24	30.00
108	Mr.	Nguyễn Hùng Đởm	K24	30.00
109	Mr.	Bùi Đình Giao	K24	20.00
110	Mr.	Ngô Văn Chậm	K25	30.00
111	Mr.	Hoàng Trọng Chiểu	K25	40.00
112	Mr.	Ông Thoại Đình	K25	20.00
113	Mr.	Ngô Hồng Sương	K25	30.00
114	Mr.	Võ Văn Xuyên	K25	50.00
115	Mr.	Trần Quang Diệu	K26	50.00
116	Mr.	Đào Quý Hùng	K26	100.00
117	Mr.	Đặng Văn Kế	K26	20.00
118	Mr.	Nguyễn Thiện Nhơn	K26	30.00
119	Mr.	Vũ Thế Thủ	K26	30.00
120	Mr.	Nguyễn Văn Gương	K27	50.00
121	Mr.	Trương Văn Hơn	K27	30.00
122	Mr.	Phan Văn Muôn	K27	30.00

123	Mr.	Trần Trí Quốc	K27	100.00
124	Mr.	Lê Văn A	K29	25.00
125	Mr.	Tsu A Càu	K29	150.00
126	Mr.	Phòng Tít Cháng	K29	30.00
127	Mr.	Phan Văn Lộc	K30	30.00
128	Mr.	Lương Dung Sinh	K30	30.00
129	Mr.	Lê Hoàng Sơn	K30	30.00
130	Mr.	Phạm Xuân Sơn	K30	30.00
131	Mr.	Trần Viết Trung	K30	50.00
132	Mr.	Ngô Văn Hoan	K31	30.00
133	Mr.	Nguyễn Quốc Khảo	K31	50.00
134	Mr.	Hoàng Cung Minh	K31	30.00
135	Mr.	Hà Đức Bản	TH	40.00
136	Mr.	Đỗ Kim Bảng	TH	15.00
137	Mr.	Trần Ngọc Bích	TH	20.54
138	Mr	Trần Trọng Bình	TH	40.00
139	Mr	Peter S. Bùi	TH	20.00
140	Mrs.	Lê Châu	TH	20.00
141	Rev.	Nguyễn Hùng Đức	TH	15.00
142	Mrs.	Lê Đức Hiên	TH	20.00
143	Mr	Huỳnh Phi Hổ	TH	20.00
144	Mrs.	Trần Thị Hoa	TH	20.00
145	Mr.	Lê Đăng Khoa	TH	25.00
146	Mrs.	Nguyễn Bích Liên	TH	1000.00
147	Mrs.	Phạm H. Oanh Thu	TH	50.00
148	Mr.	Trần Công Phấn	TH	30.00
149	Mr.	Huỳnh K. Thạch	TH	50.00
150	Mr.	Nguyễn Ngọc Thạch	TH	30.00
151	Mr.	Trương Văn Thinh	TH	30.00
152	Mr.	Nguyễn Thomas	TH	50.00
153	Mr.	Trần Thức	TH	20.00
154	Mr.	Phạm Đức Thuỵ	TH	40.00
155	Ms.	Trần Tina	TH	10.00
156	Mr.	Nguyễn Hào Kiệt	VHV	50.00
			CỘNG	**6,860.54**

Bản tổng kết được tính tới ngày 23 tháng 12 năm 2016

1. Chi phí cho Đa Hiệu 108:

(được bàn giao từ Ban Biên Tập Nhiệm Kỳ 2014-2016)

- Ẩm Thực Ban Layout, Labels	130.00
- Chi Phí Văn Phòng, Tòa Soạn	309.04
- Ấn Loát	6,300.00
- Chuyên chở và các chi phí khác	900.00
- Bưu phí:	
Trong Hoa Kỳ	2,496.58
Ngoài Hoa Kỳ	1,557.28
Gửi báo cho TTNDH	63.55
- Bank giữ lại $80.00 (Bad checks)	80.00
Tổng Chi	**11,836.45**

2. Thu:

- Quỹ còn lại sau ĐH107	28,949.43	
- Tổng số thu tính đến	6,860.54	
Cộng		**35,809.97**

Tồn quỹ:

35,809.97 - 11,836.45 = 23.973.52

Thưa các NT, các anh chị, và các độc giả,

Số tiền được báo cáo là $**23,973.52** đã được tổng kết tính tới ngày 24 tháng 12 năm 2016. **Số tiền này được dùng để chi phí cho Đa Hiệu 109 mà quý vị đang cầm trên tay.** Chúng tôi cám ơn sự ủng hộ của các NT và các độc giả. Rất mong các độc giả tiếp tục ủng hộ để tờ báo có thể phát hành đều đặn, đúng hạn kỳ. Đa Hiệu 109 đã phát hành 2700 cuốn. Cám ơn tất cả quý vị.

Trưởng Ban Trị Sự kiêm Thủ Quỹ Đa Hiệu.
Trần Trí Quốc, K 27

TRẢ LỜI THƯ TÍN

Đỗ Mạnh Trường, K23

1. Trả lời chung:

a. Ban Biên Tập đã nhận được các sáng tác của các NT, các anh chị thuộc đại gia đình Võ Bị. Tuy nhiên vì khuôn khổ tờ báo có giới hạn, nên có một số bài không thể đăng trong số này. Nếu trường hợp này xảy ra, rất mong quý vị thông cảm và lượng thứ. Chúng tôi sẽ xem xét lại khi chuẩn bị phát hành số tới.

b. Nhân đây, chúng tôi muốn dùng diễn đàn này để trình bày về lịch trình phát hành trong 2 năm sắp tới, cũng như quan niệm viết bài cho Đa Hiệu.

Trong năm 2017, Đa Hiệu sẽ tiếp tục được phát hành lần lượt vào cuối các tháng 5, và 9. Nhưng qua năm 2018, định kỳ phát hành có thể sớm hơn, nếu Ban Tổ Chức Đại Hội 21 cần phổ biến tin tức để mọi người chuẩn bị kịp thời về tham dự đại hội, dự trù được tổ chức vào giữa tháng 6/ 2017. Khi báo vừa hoàn tất và đưa đến nhà in, chúng tôi sẽ thông báo chính xác hạn kỳ cuối để nộp bài cho số kế tiếp ngay.

c. Kế tục từ các ban biên tập trước đây, quan niệm làm việc của chúng tôi cũng không có gì thay đổi. Chúng tôi rất mong sẽ nhận được các bài vở liên quan đến cuộc chiến tranh Quốc Cộng trước 1975, đến đời sống ấm no của dân chúng sống dưới chế độ VNCH, đến những nghịch cảnh đau thương phải gánh chịu vào 30 tháng 4 năm 1975 và sau này. Chúng tôi luôn

cần những bài bút ký về chiến trường, về sự hy sinh cao cả của những người lính của Quân Lực VNCH, trong đó có những đàn anh, đàn em, và những người bạn của chúng ta. Những bài viết này không nhất thiết chỉ tập trung ở ngoài mặt trận, ở những đơn vị tác chiến thuần túy, mà còn ở Hải, Lục, Không Quân, ở cả Địa Phương Quân, Nghĩa Quân,…. Nói cho cùng, chúng ta đều đã tận tuỵ phục vụ quê hương, dù mỗi người ở những vị trí khác nhau.

d. **Đối với các Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu**: Việc đóng góp thêm bài của các anh chị không thể thiếu vì nó sẽ làm Đa Hiệu thêm phong phú, cũng như thể hiện được **lập trường tích cực phục vụ quê hương VN yêu dấu của lớp trẻ VN đang sinh sống trên toàn thế giới.** Các bài này có thể viết **bằng Anh ngữ, hoặc các ngôn ngữ khác mà các anh chị đang quen dùng**. Nếu cần thiết, ban biên tập sẽ dịch các bài này ra tiếng Việt để mọi người tiện đọc.

e. Đa Hiệu là tờ báo của đại gia đình VB, được thành lập từ lâu, là cơ quan ngôn luận của những người cùng chung chiến tuyến. Dù vận nước có thăng trầm, tờ báo vẫn tiếp tục tồn tại. Sự hiện diện của tờ báo là sợi dây vô hình và duy nhất gắn chặt tập thể chúng ta trên khắp thế giới với nhau, nối liền chúng ta với thế giới bên ngoài, nối với tập thể quân binh chủng bạn, với dân chúng, với những người cùng chung lý tưởng. Rất mong, trong tương lai tờ báo vẫn được đại đa số thành viên của tập thể VB, các độc giả đón nhận, yêu thích, và yểm trợ tích cực.

f. Những tin tức liên quan đến thay đổi địa chỉ, chia buồn, ủng hộ tài chánh (cho Da Hieu Magazine), đóng góp các sáng tác, góp ý, tìm tin tức,… các NT và các anh chị có thể gửi trực tiếp đến account gmail.com của Ban Biên Tập tại:

dahieu2016@gmail.com

hoặc cho anh Trần Trí Quốc tại yahoo.com:

tran27147@yahoo.com

hoặc gửi thẳng đến địa chỉ hộp thư dưới đây:

Da Hieu Magazine
P.O. Box 8628
Fountain Valley, CA 92728

Những tin tức này có thể tìm thấy ở đầu quyển sách.

2. NT Lê Trọng Hiệp, K12

Cám ơn NT và chị, cùng ông Trần Công Phân đã có nhã ý yểm trợ cho Đa Hiệu. Sự ủng hộ của NT luôn là động lực giúp chúng tôi hoàn thành công việc của mình.

3. NT Phan Văn Bàng, K18

NT viết,"*Xin gửi lời thăm tất cả các bạn. Cám ơn các bạn trong Ban Biên Tập của báo Đa Hiệu đã hy sinh công sức để tờ báo của chúng ta càng ngày càng có giá trị về nội dung cũng như hình thức*."

Cám ơn về lời khích lệ của NT. BBT sẽ luôn cố gắng để không phụ kỳ vọng của NT.

4. NT Nguyễn Văn Bồng, K13

Cám ơn NT đã gửi cho những bài nhạc do NT sáng tác, cùng khuyến khích, và những lời khuyên chí tình đầy kinh nghiệm dành cho tôi. Chúc NT luôn vui và khoẻ mạnh để tiếp tục cho ra những sáng tác mới.

5. Chị Nguyễn Thị Huyền Nga, độc giả từ Pháp:

Chị viết,"*Cầu chúc BBT Toà Soạn Đa Hiệu và đại gia đình VB luôn nhiều sức khoẻ, ý chí kiên cường, giữ vững tinh thần dân thân đấu tranh chống bạo quyên cộng sản và bọn Tàu cộng xâm lăng*."

Lời chúc của chị khiến chúng tôi rất cảm động. Là các CSVSQ xuất thân từ trường VBQGVN, chúng tôi vẫn luôn theo đuổi lý tưởng của mình, dù thời gian có phôi pha. Chúng tôi luôn tin vào lẽ tất thắng của dân tộc VN, trong đó chế độ độc tài CS không thể tồn tại, tự do và quyền làm người phải

trở về với dân chúng VN. Cám ơn chị.

6. Anh Trần Thức, TĐ3/40/22BB.

Anh viết,

"Tôi đã đọc nhiều sách báo viết về QLVNCH, đặc biệt qua hai Tập San ĐH số 107&108 của TH/ SVSQ/ ĐL. Tôi cảm thấy hãnh diện vì Trường VBĐL đã đào tạo nhiều sĩ quan ưu tú cho QLVNCH. Họ đã xuất sắc trong việc lãnh đạo chỉ huy tại một số đơn vị trong cuộc chiến chống cộng qua hai thập niên (1954-1975), cũng như họ đã anh dũng hy sinh như Tr/ Tá Trần Nghĩa Châu (K19 VBĐL) và Th/Tá Nguyễn Văn Cội (K20 VBĐL. Cả hai một thời là TĐT và TĐP của tôi trong nhiều năm chiến đấu từ lúc tôi mới ra trường. Sự ra đi của hai anh đã để lại cho các SQ, HSQ, và binh sĩ cùng đơn vị nỗi tiếc thương, ngậm ngùi, trong đó có tôi. Dù đã hơn 41 năm trôi qua, tôi vẫn có cùng cảm xúc như ngày nào,

Từ chiến trường được tin anh tử trận
Trên ngọn đồi Đông Băc Quận Bình Khê
Bao nhiêu năm mình chiến đấu cận kề
Từ duyên hải đến vùng cao nguyên trấn...

TƯỞNG NIỆM ANH

- Tr/Tá Trần Nghĩa Châu (K19VBĐL), Trung Đoàn Phó TrĐ47/ SĐ22BB

- Th/Tá Nguyễn Văn Cội (K20VBĐL), Trung Đoàn Phó TrĐ42/ SĐ22BB

Tốt nghiệp khóa 2/68 SQTB/ TĐ, tôi trình diện ĐĐ3/ 4/ 40/ 22BB tại Căn Cứ Đệ Đức bản doanh TrĐ40 BB cách Bồng Sơn hơn 2Km về hướng Bắc. Người TĐT đầu tiên là Th/Tá Trần Thanh Mai (K13 VBĐL)

Đến tháng 5/1969, Đ/U Trịnh Bá Tứ (K18 VBĐL) từ TrĐ51 Biệt Lập về thay Th/T Mai làm TĐT và Tr/U Trần Nghĩa Châu (K19 VBĐL) làm TĐP/ TĐ4/ 40/ 22 BB. Tôi đã sống và chiến đấu cùng hai vị nói trên suốt hơn 7 năm trên khắp chiến

trường, từ duyên hải đến cao nguyên, cho đến ngày 30 tháng TƯ ĐEN 1975.

Thưa quý vị! Ngày ấy TĐ4/ 40BB của chúng tôi như một "Võ Bị Nhỏ", vì từ Tr ĐT dến TĐT đều là các SQ xuất thân từ VB. Họ đánh giặc như chẻ tre khiến bọn VC luôn chém vè mỗi khi đụng trận.

Đ/U Trịnh Bá Tứ, người Bắc, nhỏ con nhưng nóng tính, yêu thương đồng đội, và rất hiếu kính với Mẹ.

Anh Trần Nghĩa Châu (K19VBĐL), người cao ráo, người miền Nam hiền hòa, vui tính, và rất yêu thương lính. Trong hơn 7 năm từ Tr/U, anh đã được thăng cấp Tr/Tá vào đầu năm 1975. Nhưng đến 18/3/75 anh đã anh dũng hy sinh trên chiến trường Bình Khê (Tỉnh Bình Định), để lại vợ và 3 con (hiện đang sống cơ cực tại VN).

Vài năm trước đây, Tr/Tá Trịnh Bá Tứ, cựu TĐT, có kêu gọi SQ, HSQ, và binh sĩ cùng đơn vị giúp đỡ cho vợ con Tr/Tá Châu. Một nghĩa cử tốt đẹp của Tr/Tá TỨ đã nghĩ đến đồng môn Võ Bị và gia đình chiến hữu năm xưa đã hy sinh vì lý tưởng tự do. Lời kêu gọi của anh đã được sự hưởng ứng nồng nhiệt của những người cùng đơn vị. Việc ra đi của Tr/Tá Trần Nghĩa Châu, cũng như tất cả SQ/QLVNCH hy sinh trong cuộc chiến vừa qua, là một mất mát to lớn cho Quân Lực VNCH nói chung và gia đình của họ nói riêng.

Sư Đoàn 22BB của chúng tôi có 4 Trung đoàn. Cả 4 vị TrĐ Trưởng đều xuất thân từ Trường VBQG/ ĐL

- TrĐ 40 (K19VBĐL) Tr/T Nguyễn Thanh Danh
- TrĐ 41 (K16VBĐL) Đ/T Nguyễn Thiều
- TrĐ 42 (K16VBĐL) Đ/T Nguyễn Thông
- TrĐ 47 (K18VBĐL) Đ/T Lê Cầu.

Riêng Đ/T Thông, Tr ĐT 42 đã tự sát tại bờ biển Qui Nhơn ngày 31/3/75.

Hôm nay, nhân cơ hội này, tôi muốn dành một phút để tưởng

niệm các vi TĐT, TĐP của đơn vị thuộc TrĐ 40/ SĐ22BB.

St.Louis, vào Thu 2016,
Trần Thức
(Hội Cựu SVSQ/ TB/ Thủ Đức)"

Cám ơn anh Thức về ký ức đẹp của anh dành cho VB. Nghĩ đến những hy sinh của những NT của chúng tôi, cũng như là cấp chỉ huy, những đồng dội của anh, luôn làm tôi bồi hồi, xúc động. Những người lính đã trải qua những thử thách cam go, từ các mặt trận khốc liệt vừa qua có cùng chung cảm xúc như anh. Rất mong anh vẫn tiếp tục là độc giả của Đa Hiệu. Nếu anh chưa chính thức nhận báo ĐH thì gửi cho tôi địa chỉ để update danh sách. Cám ơn anh.

Hẹn Gặp Lại!



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động nhận được tin buồn:

CSVSQ K2/TVBQGVN:
Niên Trưởng Micae **NGUYỄN VĂN VIÊN**
Tạ thế ngày 04 tháng 11 năm 2016
(Nhằm ngày 31 tháng 1 năm Bính Thân),
Tại Fountain valley, Nam California.
Hưởng thọ 92 tuổi

CSVSQ K5/ TVBQGVN
Niên trưởng Gioan Phaolo II **THÂN THÀNH SANG**
Được Chúa gọi về ngày 28/10/2016,
Tại San Jose, California, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 88 tuổi.

CSVSQ K6/ TVBQGVN: **ĐÈO VĂN TU**
Tạ thế ngày 17 tháng 10 năm 2016,
Tại Des Moines, Iowa, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 88 tuổi

CSVSQ K7/ TVBQGVN: Đại Tá **LẠI VĂN KHUY**
Vừa mãn phần ngày 19 tháng 12 năm 2016
(Nhằm ngày 21 tháng 11 năm BÍNH THÂN),
Tại Garden Grove, California, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ: 87 tuổi

CSVSQ **NGUYỄN THÀNH LONG** K8/ TVBQGVN
Tạ thế ngày 04 tháng 11 năm 2016
(Nhằm ngày 05 tháng 10 năm Bính Thân),
Tại Pháp.
Hưởng thọ 84 tuổi

CSVSQ **TRẦN HƯỚNG TRUNG** K8/ TVBQGVN,

Vừa qua đời vào ngày Chủ Nhật, 27 tháng 11, năm 2016,
Tại tiểu bang California, Hoa Kỳ

CSVSQ **NGUYỄN KHẮC TÍN** K9 /TVBQGVN
Từ trần ngày 16-10-2016,
Tại San Jose, California, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 87 tuổi.

CSVSQ **ĐÀO ĐÌNH CÚC** K12/TVBQGVN
Tên Thánh: Stephano
Được Chúa gọi về ngày 30 tháng 12 năm 2016
(Nhằm ngày 2 tháng 12 năm Bính Thân)
Tại Walnut Creek, California, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 81 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN HỮU CHÁNH** K13/TVBQGVN
Pháp danh: Tâm Trực.
Từ trần ngày 04-10-2016,
Tại Thành Phố Sydney, Úc Châu.
Hưởng thọ 85 tuổi.

Nhạc Mẫu CSVSQ NGUYỄN QUỐC ĐỐNG K13/TVBQGVN
Cụ Bà **TRƯƠNG THỊ ĐẪU**
Vừa mãn phần ngày 29 tháng 12 năm 2016
(Nhằm ngày 01 tháng 12 năm BÍNH THÂN)
Tại MINNESOTA, HOA KỲ
Hưởng thọ 93 tuổi.

CSVSQ **TRƯƠNG THÀNH TÂM**, K16 /TVBQGVN
Cựu Trung Tá KQ/QLVNCH
Vừa qua đời vào ngày 6/9/2016,
Tại Nam California, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 77 tuổi

CSVSQ Giuse **LÊ QUANG HOAN**, K16/TVBQGVN
Từ trần ngày 8 tháng 11 năm 2016,
Tại Oklahoma City, Oklahoma, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 84 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN VĂN QUANG**, K19/TVBQGVN

Tên Thánh: Giuse
Tạ thế ngày 20 tháng 9 năm 2016,
Tại Orange County, California, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 76 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN CHÍ** (Huế), K19/TVBQGVN
Pháp Danh: Huệ Nhân
Tạ thế ngày 26 tháng 11 năm 2016,
Tại Seattle, Washington, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 76 tuổi.

CSVSQ **NGUYỄN HỮU KIỀU**, K19/TVBQGVN
Pháp Danh: Quảng Thuận
Tạ thế ngày 15 tháng 12 năm 2016,
Tại Thành phố Nantes, Pháp Quốc.
Hưởng thọ 78 tuổi.

CSVSQ **PHẠM PHÚ HỮU**, K19/TVBQGVN
Tạ thế ngày 18 tháng 12 năm 2016,
Tại Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.
Hưởng thọ 76 tuổi.

CSVSQ **DƯƠNG ĐÔNG HẢI**, K20/TVBQGVN
Từ trần ngày 20 tháng 9 năm 2016,
Tại Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 75 tuổi.

CSVSQ **HÀ VĂN LỘC**, K20 /TVBQGVN
Đã từ trần ngày 26 tháng 10 năm 2016,
Tại Nam California, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 74 tuổi.

Nhạc mẫu CSVSQ PHẠM VĂN MAI, K20/TVBQGVN
Cụ bà **Phạm Thị Chuổi**
Từ trần ngày 27 tháng 10 năm 2016,
Tại Sàigòn, Việt Nam.
Hưởng thượng thọ 86 tuổi.

Nhạc Mẫu CSVSQ TRƯƠNG VĂN VÂN, K20/TVBQGVN
Cụ Bà Quả phụ **PHẠM QUANG LINH**

Nhũ danh **NGUYỄN THỊ GIẬU**
Vừa mãn phần ngày 5 tháng 12 năm 2016 ,
Tại Seattle, Washington, Hoa Kỳ.
Hưởng đại thọ 98 tuổi

Trưởng Nam CSVSQ HOÀNG VĂN NGỌC, K20/TVBQGVN
Cháu **HOÀNG ĐỨC DŨNG**
Được Chúa Gọi Về Ngày 30 tháng 11 năm 2016,
Tại SAN JOSE, CALIFORNIA, HOA KỲ.
Hưởng Dương 46 tuổi.

Thân phụ của CSVSQ NGUYỄN M. TÔNG K20/TVBQGVN
Cụ ông **NGUYỄN VẠN THẮNG**
Pháp danh MINH TUẤN
Vừa thất lộc ngày 18 tháng 12 năm 2016,
tại Philadelphia..
Hưởng thọ 95 tuổi.

CSVSQ **HỒ HẢO HIỆP,** K22/ TVBQGVN
Từ trần ngày 18-10-2016,
Tại San Diego, California, Hoa Kỳ.
Hưởng thọ 73 tuổi

CSVSQ **BÙI VĂN LỘC**, K23/ TVBQGVN
Từ trần vào ngày 27 tháng 12 năm 2016
Tại Sài Gòn, Việt Nam
Hưởng thọ 70 tuổi

Nhạc Mẫu CSVSQ BÙI VĂN CHIẾN, K25/ TVBQGVN
Cụ bà **BÙI THỊ THUẬN**
Vừa từ trần ngày 17 tháng 12 năm 2016
(Nhằm ngày 19 tháng 11 năm BINH THÂN)
Tại WESTMINSTER, CALIFORNIA, HOA KỲ.
Hưởng thọ 87 tuổi

CSVSQ **ĐỖ VIẾT TOÁN,** K25/ TVBQGVN
Vừa mãn phần ngày 21 tháng 12 năm 2016
(Nhằm ngày 23 tháng 11 năm BÍNH THÂN),
Tại SÀI GÒN, VIỆT NAM.

Hưởng thọ: 67 tuổi

CSVSQ **LÊ HUỲNH HÀ**, K26 / TVBQGVN

Đã từ trần ngày 21/9/2016,

Tại Florida, Hòa Kỳ

Hưởng thọ 67 tuổi

Bào đệ CSVSQ NGUYỄN VĂN TẠO, KHÓA 26/TVBQGVN

Ông **NGUYỄN GIA TÂN**

Tứ trần ngày 26 thàng 12 năm 2016

(Nhằm ngày 28 tháng 11 năm Bính Thân)

Tại Houston, Texas, Hoa Kỳ

Hưởng thọ 63 tuổi

Nhạc Mẫu CSVSQ HUỲNH TIẾN, K28 / TVBQGVN

Cụ Bà **HÀ THỊ HẢI**

Từ trần ngày 10 tháng 10 năm 2016

(Nhằm ngày 10 tháng 9 Bính Thân),

Tại CANADA.

Hưởng Thượng Thọ 101 tuổi

Thân mẫu CSVSQ LÊ XUÂN DIỄN, K28/ TVBQGVN

Cụ bà **MAI THỊ TRÒN**

Vừa thất lộc ngày 30 tháng 10 năm 2016

(Nhằm ngày 30 thàng 9 năm Bính Thân),

Tại Huế, Việt Nam.

Hưởng đại thọ 93 tuổi Thân phụ

Cựu SVSQ PHẠM CÔNG THÀNH, K28 là:

Cụ Ông **PHẠM CÔNG CHÍNH**

Vừa từ trần ngày 3-01-2017

(Nhằm ngày 6 tháng 12 năm BINH THÂN)

Tại SYDNEY, AUSTRALIA

Hưởng thọ: 91 Tuổi

Cựu SVSQ **TRẦN VĂN SÙNG**, K29/ TVBQGVN

Vừa từ trần ngày 8 tháng 10 năm 2016

(Nhằm ngày 8 tháng 9 Năm Bính Thân),

Tại Huế, Việt Nam.

Hưởng thọ 65 tuổi

Thân Phụ CSVSQ NGUYỄN VĂN DŨNG, K30/ TVBQGVN

Cụ ông **NGUYỄN VĂN CHO**

Pháp danh LIỄU NGỘ

Từ trần ngày 28 tháng 10 năm 2016

(Nhằm ngày 28 tháng 9 năm Bính Thân),

Tại Sàigòn, Việt Nam.

Thượng thọ 97 tuổi

Thân Mẫu CSVSQ TRƯƠNG VĂN BÊ, K30/ TVBQGVN

Cụ bà **NGUYỄN THỊ HAI**

Pháp danh DIỆU HẠNH

Từ trần ngày 28 tháng 11 năm 2016

(Nhằm ngày 29 tháng 10 năm Bính Thân)

Tại Củ Chi, Việt Nam.

Hưởng thọ 89 tuổi.

Thân mẫu CSVSQ CAO HỮU HIỂN, K30/ TVBQGVN

Cu bà **TÔN NỮ THI TRÚC**

Pháp danh ĐỒNG NGUYỆN

Vừa tạ thế ngày 19 tháng 11 năm 2016

(Nhằm ngày 20 tháng 10 năm Bính Thân),

Tại San Jose, California, Hoa Kỳ.

Hưởng thọ 84 tuổi

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi xin chia buồn cùng tang quyến của các NT, các anh chị, và các thân nhân đã khuất trong đại gia đình Võ Bị, đã được đăng trong số báo này.

Nguyện cầu linh hồn những người đã mất sớm được về cõi vĩnh hằng.

Ban Chấp Hành Tổng Hội
Ban Tư Vấn và Giám Sát
Đại diện 31 khoá CSVSQ TVBQGVN
Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu

THANH THIẾU NIÊN



ĐA HIỆU